N° 148 Octobre 1929

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

ĐÔNG-PHƯƠNG VÀ TÂY-PHƯƠNG (1)

Văn-minh Tây-phương đã thành ra tai-hại cho những kẻ không bởi nó và vì nó mà sinh-trưởng.

(Lời nhà triết-học Đức KEYSERLING).

Thời-đại ta này là một buổi nguy-cơ trong lịch-sử thế-giới. Lời nói đó không phải là một lời khuếnh-khoáng không thiết-thực. Chính là một sự kinh-nghiệm rõ-ràng, phàm ai đã để trí suy-nghĩ đến cái cuộc xung-đột Đông-phương với Tây-phương ảnh-hưởng sâu-xa to-tát là dường nào, cũng phải công-nhận như thế.

Hai phần nhân-loại đó trong bao nhiêu lâu vẫn cách-biệt nhau, không hề biết đến nhau, mỗi bên phụng-sự một cái lý-tưởng riêng. Lý-tưởng của Đông-phương là cái lý-tưởng đạo-đức, lợi cho một cuộc đời yên-ổn thanh-nhàn. Lý-tưởng Tây-phương là cái lý-tưởng cường-quyền. Muốn thắng-đoạt các sức mạnh thiên-nhiên để lợi-dụng cho loài người, bèn phát-minh ra khoa-học. Khoa-học càng ngày càng thêm các phương-tiện, tăng sự cần-dùng, giục lòng tham-dục, đem cái chí cương-cường đến cực-điểm, làm cho người Tây-phương tràn ra ngoài cái hoàn-cảnh thiên-nhiên của mình mà tiến lên chinh-phục thế-giới.

Cái thế quân-bình bị phá-hoại từ đó. Tây-phương đem hết sức xâm-lược, sức máy-móc mà tràn sang Đông-phương, sự tiếp-xúc mạnh cho đến nỗi các nước Đông-phương bị kinh-hoàng hoảng-hốt trong bao lâu chửa lại hồn.

Sự gặp-gỡ đó, giá được êm-ái hơn, do kẻ trí-thức đem những nghĩa-lý mà điều-hòa đắp-đổi cho nhau, thời có lẽ lợi-ích cho loài người biết bao nhiêu!

Nhưng cứ theo lời ông danh-sĩ VALÉRY nói trong một bài lời-lẽ thâm-trầm, tiếc không thể dịch cả ra đây được, thời: « Chẳng may cho loài người, lệ thường xưa nay, các dân-tộc giao-tiếp với nhau, bao giờ cũng bắt đầu ở những kẻ thật là không có tư-cách biết tìm nơi nguồn gốc chung, biết gợi ra mối đồng-cảm.

« Các dân-tộc tiếp-xúc với nhau trước hết là ở những hạng người hung-bạo tham-lam, hay là những hạng người quyết-chí đem đạo-lý của mình mà ép truyền cho người, hạng trên thì có thu mà không có phát, hạng dưới chỉ có phát mà không có thu, hai đàng khác nhau ở đó. Nhưng hai đàng đều không lấy sự giao-dịch bình-đẳng làm mục-đích và chức-vụ của họ quyết không phải là phải

(1) Bài này nguyên bằng Pháp-văn của bản-chí chủ-bút đăng trong báo *France-Indochine*, xem phần phụ-trương ở dưới.

tôn-trọng sự yên-ổn, quyền tự-do, lòng tín-ngưỡng, hay mối lợi-quyền của kẻ khác. Bao nhiêu tài-lực tâm-trí của họ là chỉ chuyên-chủ để tạo ra và để lợi-dụng cái thế bất-bình-đẳng. Họ chịu khó chịu nhọc và lắm lúc hi-sinh mình đi để làm cho kẻ khác cái mà tự họ không muốn kẻ khác làm cho mình. Nay dụng-tâm áp-chế hay là dụ-hoặc người ta như thế, thế - tất phải khinh người, có khi tự mình không biết, hoặc bụng vẫn thương người cũng có. Thành ra ngay tự ban đầu đã đem lòng khinh nhau rồi. Không có sự trao-đổi nào dễ-dàng và mau-chóng bằng sự đó. »

Các dân-tộc Đông-phương với Tây-phương, mới bắt đầu giao-tiếp với nhau đã thế rồi, thời kết-quả tất-nhiên là trong khoảng giao-tiếp ấy gây ra một cái không-khí bất-bình, bấy lâu muốn tiêu-trừ mà vẫn chưa được.

Đối với cường-quyền của Tây-phương, đạo-đức Đông-phương tất phải thoái-bộ. Trước còn thu-hình độn-tích, núm-náu một mình, băn-khoăn tự hỏi không biết xoay ra phương - hướng nào. Có khi phân-vân do-dự, tự mình lại ngờ cả mình. Sau mới quả-quyết ra châm - chước với cái cường-quyền lộng-lẫy kia, cố khám-phá cho được cái bí-quyết của nó. Thấy cái bí-quyết ấy là ở khoa-học. Bấy giờ mới ra công cố sức để thu - hoạch cho được cái khoa-học đó. Nhưng chẳng bao lâu nghiệm ra rằng tuy học-vấn đời xưa là liền với đạo-đức, mà khoa-học đời nay thật là trái hẳn đạo-đức, đem máy-móc mà tôn làm chúa-tể thiên-hạ, diệt cả tư-tưởng cùng đạo-lý, và người ta mỗi bước tấn-tới trên đường khoa-học là một bước suy-lùi trên đường tinh-thần vậy.

Cái lý-tưởng cường-quyền với cái lý-tưởng đạo-đức phản-trái nhau như thế, « sự học-vấn không có lương-tâm », theo như chính lời Tây-nho đã nói, tai-hại như thế, không bao giờ trình bày ra rõ-ràng cho con mắt người Đông-phương bằng trong khi Tây-phương xẩy ra cuộc chiến-tranh ghê-gớm vừa rồi.

Nếu cả cường-quyền của Tây-phương, cả cái khoa-học sát hại của Tây-phương, kết-cục chỉ đến gây ra một cái đại-thảm-kịch điên-cuồng như thế, thời người Đông-phương thế nào cầm lòng thương-tiếc cái đạo-đức cũ của mình cho được? Thế nào không hối-hận mà giấn thân ra theo đòi cái văn-minh của Tây-phương kia, hướng-lai chỉ mới trông thấy một cái phương-diện vật-chất, phương-diện máy-móc mà thôi?

Mà không theo đòi không được, vì cái văn-minh kia nó mỗi ngày một đàn-áp bức-bách mình riết quá.

Nay làm thế nào cho thoát được khỏi cái bước nguy-nan đó?

Có một cách tuyệt-diệu, là điều-hòa dung-hóa cả Đông-phương với Tây-phương, cả đạo-đức của Đông-Á với khoa-học của Tây-Âu, nếu làm được như thế thì còn gì bằng!

Hiện nay chính ở Tây-phương, đã có những bậc đại-trí xét nghiệm về luật tiến-hóa trong thiên-hạ, đứng lên tố-cáo những sự nguy-hiểm cùng những điều khuyết-hãm của cái văn-minh vật-chất kia nó đương muốn thống-đoạt cả thế-giới. Các nhà ấy chứng rõ rằng phàm quan-niệm về nhân-sinh, về thiên-diễn, mà thuần theo hẳn về phương-diện «duy-lượng» (*quantitatif*), là thiên-lệch sai-lầm; chính cái phương-diện « duy-phẩm » (*qualitatif*) mới thật là có giá-trị cao-quí vậy. Có nhà đã công-nhiên khuynh-hướng về Đông-phương, dụng-tâm khảo-sát các nghĩa-lý cũ của Đông-phương, để tìm lấy bài học đạo-đức cho mình.

Nói tóm lại, hiện ở Âu-Mỹ ngày nay, đương nhóm lên một cái tư-trào mới, nếu cứ tuần-tự phát-siển ra, thời sẽ

khiến cho Tây-phương dần dần hiểu biết mà đem lòng qui-chuộng những phần-tử tinh-thần của văn-minh, làm cho văn-minh được có giá-trị hoàn-toàn, giá-trị ấy chính là ở vật-chất cùng tinh-thần khéo điều-hòa hỗn-hợp với nhau vậy.

Nhưng đồng-thời với cái tư-trào đó, mới gọi là bắt đầu nhóm lên ở mấy nơi trí-thức bên Tây-phương mà thôi, thời ở Đông-phương lại nổi lên một cái phong-trào mạnh hơn, mau hơn, càng ngày càng cần-cấp hơn : là cái phong-trào các nước Á-châu xô nhau theo về khoa-học Tây-phương, theo về cái văn-minh vật-chất máy-móc kia, nó đã bành-trướng ra mạnh quá, không thể nào thoát-li được nữa, mà cũng chỉ mới biết được cái bề ngoài thiển-cận mà thôi. Khi ấy thì cái đạo-đức cũ của Đông-phương càng ngày càng mờ-tối đi, càng suy-lùi mòn-mỏi đi, rồi sẽ chỉ còn lại cái vang cái bóng xa-xôi mà thôi.

Thành ra sau này, đến khi Tây-phương đã sẵn-sàng để kết-hợp tinh-thần với Đông-phương, khiến cho khoa-học Tây-Âu với đạo-đức Đông-Á có thể điều-hòa dung-hóa với nhau được như trên kia đã nói, thời bấy giờ đạo-đức Đông-phương đã biến mất đi rồi, và Tây-phương chỉ còn đối với một cái Đông-phương đã nửa phần tây-hóa vậy.

Cuộc Á-Âu dung-hóa sẽ không thành, vì trong hai phần thiếu mất một phần vậy.

Đã hay rằng Tây-phương vốn vẫn đã có cái hoạt-lực sáng-tạo, rồi cũng có ngày tạo-thành ra được một nền đạo-đức thích-hợp với cái lý-tưởng của mình hơn.

Nhưng đợi cho đến ngày đó, thời hiện nay thế nao?

Hiện nay thời Tây-phương vừa qua cuộc chiến-tranh kinh-thiên động-địa mới rồi, đương gặp nhiều nỗi khó-khăn, hết buổi nguy-kịch nọ đến hồi khủng-hoảng kia, nào về chính-trị, nào về kinh-tế, nào về xã-hội, nào về quốc-tế, hết thảy chỉ là bởi lạm-dụng cái văn-minh « duy-lượng » kia đến quá-độ mà thành ra vậy.

Còn Đông-phương thời đương bị lăn lộn trong phong-trào, cái tình-trạng hiện nay, nhà triết-học Đức KEYSERLING đã tả rõ như sau này : « Sự biến-cải này, nếu làm thế nào cho bao giờ cái chất mới đã chín rồi, cái vỏ cũ mới vỡ ra, thì cố-nhiên là có tiến-bộ. Nhưng nào có được như thế đâu, là bởi nhiều lẽ. Muốn cho cái mới nẩy-nở ra được, thời trong khi cái mới hãy còn phôi-thai, cái cũ đã mất đi rồi ; cho nên phàm tiến-bộ bề ngoài, bao giờ cũng thoái-bộ bề trong, và cái vỏ ngoài càng phát-đạt mau hơn cái chất trong bao nhiêu, thời sự thoái-bộ ấy càng rõ-rệt bấy nhiêu vậy. »

Ấy tình-trạng đó chính là tình-trạng chúng ta bây giờ đây ; vẫn biết là cái tình-trạng giao-thời, cũng mong rằng có ngày sẽ thay-đổi, nhưng hiện nay thật là có cái vẻ bi-quan hỗn-độn vậy.

Cứ suy đó chẳng đủ khám-phá được nhiều điều dư? Nhất là có thể lý-hội được sự tiến-hóa của nhiều dân-tộc Á-châu ngày nay, mà đặc-biệt là nước Nam ta này, tưởng cái tiền-đồ về tinh-thần sau này, ta cũng không thể điềm-nhiên mà không chú-ý đến được.

Hoặc-giả cho đó là những câu chuyện lo xa, những lời bàn vu-khoát cả.

Thiết-tưởng chỉ có những người không quen xét các vấn-đề ra một phương-diện cao cho thấu-triệt được các nhân-quả xa-xôi, mới cho là câu chuyện viển-vông không thiết-thực vậy.

THƯỢNG-CHI

HÀ-TIÊN MẠC-THỊ SỬ
河僊鄚氏史

— Quên cây chim thể người quen chúa,
Dễ đổi nghìn cân một tấm son.

— 海上斜頭長竭笑。
遺民天外一漁翁.
Hải thượng tà đầu thời độc tiếu
Di-dân thiên ngoại nhất ngư-ông.

(Hai lời thơ ông Mạc Thiên-Tích)

Bài tựa

Ăn trái không dám quên kẻ trồng cây, thì ở đất dám đâu không nhớ đến người khai-thác.

Non cao ai đắp mà cao,
Sông sâu ai bới ai đào mà sâu!

Hồi-tưởng đến tấm lòng bàng-hoàng vì non nước, khắc-khoải với cồ-nhân, sao khỏi bồi-hồi lai-láng. Huống : « Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh, thủy bất tại thâm, hữu long tắc linh », *thì cồ-nhân há chẳng là có quan-hệ với non-nước lắm dư? Non nước ấy sở-dĩ được cái đặc-sắc hơn non nước khác, ta ra chơi non nước có sinh nhiều hứng-thú cảm-hoài hơn non nước khác, là bởi non-nước ấy ngày xưa đã từng làm tài-liệu cho cồ-nhân ngâm-vịnh, đã từng làm lợi-khí cho cồ-nhân chinh-chiến. Nay ta lên Thạch-động hứng gió, đến Bình-sơn bẻ bông, qua Nam-phố ngó biển, xuống Đông-hồ chơi trăng ; hoặc đi ngắm xem những bờ đồn cũ, những bức thành xưa đã đổ nát, tuy đường đá cỏ phong, tường vôi rêu phủ nhưng mắt ta cũng uyển-nhiên trông thấy cái hồn của cồ-nhân bàng-bạc phiêu-dương ở đầu non mặt nước, trên ngọn cỏ lá cây, thì ta sao lại không muốn tìm hỏi cho biết cái lịch-sử của người đã từng đem bút-mực mà tô-điểm cho non nước ấy được sinh-sắc, đem huyết-hãn mà bồi đắp cho non nước ấy được vững-bền, đó là cái mục-đích riêng của người chép sử là người sinh-trưởng trong non nước ấy.*

Còn cái mục-đích chung của người xem sử thì đã có câu : « Lịch-sử là tấm gương phản-chiếu cuộc dĩ-vãng, là mặt trời soi tỏ cuộc tương-lai » thì người ta ai cũng nên có cái thú « dữ cồ-nhân cư, dữ cồ-nhân kỳ » *vậy.*

Hoặc-giả nói : Ông Mạc Cửu là người Tàu, ta hà-tất phải biết lịch-sử nhà họ ông ấy. Phải, ông Mạc Cửu là người Tàu đã đành, nhưng cái lịch-sử của họ Mạc có quan-hệ can-thiệp đến lịch-sử nước Nam ; sự-nghiệp họ Mạc gây dựng ở nước Nam, công-trình họ Mạc bồi đắp cho nước Nam, họ Mạc đã thành một họ lớn trong nước Nam, thì cái lịch-sử của họ Mạc không phải là không đáng truyền, cái

sự-nghiệp của họ Mạc không phải là không đáng biết, cái công-trình của họ Mạc không phải là không đáng ghi vậy. Ông Triệu Đà, ông Sĩ-Nhiếp, ông Nhâm-Diên, ông Tích-Quang chẳng là người Tàu mà lịch-sử các ông ấy vẫn thấy lưu-truyền ở nước Nam đấy ư ?

Nguyễn-triều chiếm-cứ cõi Nam, họ Mạc há chẳng có dự một phần công khai-cương thác-địa ; giao-thiệp Cao-miên họ Mạc há chẳng phải là một tay môi-giới ; chúa Nguyễn khi phong-trần bôn-bá, họ Mạc há không phải chịu hoạn-nạn mà cùng chia đau xẻ khổ đấy ư ? Ngoại-giả còn các sự-nghiệp gây nên một nước « văn-hiến », một các « Chiêu-anh », đều chính là những cái sự-nghiệp nên biết nên nhớ cả.

Đó là chưa nói theo cái lẽ học-thuật bây giờ là phải học cho bác-lãm cả chuyện thế-giới, thiệp-liệp cả chuyện đời xưa đời nay, dẫu là chuyện không có quan-hệ gì đến mình mà cũng phải nên biết. — Chuyện không quan-hệ mà còn phải nên biết, nữa là chuyện có quan-hệ đó vay !

Bởi hai cái mục-đích kia và những lẽ đó mà soạn ra quyển tiểu-sử này.

Năm trước (Nam-Phong tạp-chí *số 107, tháng 7 năm 1926), tôi đã có biên-dịch sách này một lần rồi, nay xét lại hãy còn khiếm-khuyết sai-suyễn rất nhiều, không thể để làm cho người đời sau được. Sự ấy là bởi sở-học của tôi còn kém là một lẽ tất nhiên rồi, còn nói làm gì nữa, nhưng cũng bởi khi ấy không tìm được cái bản chánh sách Gia-phả họ Mạc.*

Những sách Mạc-gia-phả thì tôi đã có được đọc qua ba bản : một bản tản-văn chữ nôm của ông Trần Đình-Quang 陳廷光 *tên tự là Dưỡng-hối* 養晦 *soạn độ ngoài hai-mươi năm nay là bản tôi đã do theo mà biên dịch năm trước ; một bản nữa cũng chữ nôm thể thơ lục-bát không được biết tên tác-giả, bản này thì kém lắm, đại-khái cũng do bản tản-văn nôm trên kia mà diễn ra lời ca, không thể lấy đó mà khảo được ; còn một bản cũ hơn hết mà tôi mới được đọc và do theo biên-tập sách này đây thì bằng Hán-văn, nhan là* Mạc-thị gia-phả 鄚氏家譜 *của ông Vũ Thế-Dinh* 武世馨 *tên tự là Thận-huy* 愼徽 *soạn từ năm Gia-long thứ 17 (1818). Sau nầy sẽ phụ-dịch bài bạt của tác-giả chép ở cuối quyển. Bản này « Đông-dương học-hội, Société des études Indo-chinoises » có dịch ra Pháp-văn và xuất-bản năm 1901 ở Sài-gòn.*

Theo như các bản sách kể trên thì phần nhiều còn sai-khuyết lắm. Bản chữ Tây thì dịch tất-nhiên có chỗ không đúng ; còn ba bản vừa chữ nôm vừa chữ Hán kia thì tự-sự rất là phức-tạp, văn-thể rất là đơn-sơ, các năm tháng khi thì ghi theo niên-hiệu vua Tàu, khi theo vua Lê, khi theo hoàng-hiệu truy-tôn của chúa Nguyễn, khi lại ghi theo can-chi ; hoặc là trước sau phản-trái, chuyện tích mơ-hồ, khiến cho người không thông sử-học lấy làm khó lĩnh-hội được.

Nay sách biên-dịch này tuy nói là theo bản chữ Hán chứ không phải là dịch y nguyên-văn mà chỉ lấy cái chuyện trong sách cũ mà viết theo lối văn mới để cầu cho được khúc-chiết, chia ra cho có chương-tiết để cầu cho được phân-minh, lại phải tham-khảo nhiều ở các sách Nam-sử, ngoại-truyện khác, để tăng-bổ những chỗ thiếu sót, cải-chính những chỗ sai lầm để cầu cho đúng sự thực. Còn về bản của tôi viết năm xưa thì nay lại phải thêm vào những chỗ khuyết-điểm gián-đoạn, bỏ bớt những chỗ phụ-hội vô-lý để cầu cho được hoàn-toàn, đó cũng là học theo cái lối « tam dịch kỳ cảo » của cổ-nhân vậy.

***

Phàm-lệ sách này thì chia làm ba chương : Chương đầu nói về ông Mạc Cửu, chương thứ nói về ông Mạc Thiên-Tích, chương sau nói về các con cháu và lăng miếu họ Mạc, phụ-dịch bài bạt của ông Vũ Thế-Dinh và bài thơ cảm-vịnh họ Mạc của tôi sau khi biên-dịch xong sách này. Trong một chương có mấy chuyện thì chia ra làm mấy tiết, có nhiều chuyện vụn-vặt mà có liên-lạc nhau, không thể độc-lập được thì đôi ba chuyện cho chung vào một tiết. — Những chuyện có phần đúng với sự thực hơn, dẫu trong bản cũ Mạc-gia-phả không có thì cũng cứ do ở các sách khác đã tra-khảo được mà tham-bổ vào, và đều để lên trên truyện-văn cả ; còn những chuyện xét chưa được chân-lý đích-thực thì dẫu trong bản cũ có cũng cứ đánh số mà ghi xuống chú-văn để chất-chính lại. Duy có một vài chuyện quái-đản hoang-đường mà vẫn để trên truyện-văn đó là thuộc về chuyện thần-dị của dân-gian khẩu-truyền, dẫu không nói mà ai cũng đã biết rồi, nên không lọ là phải chất-chính nữa. Về năm tháng : thì năm nào có ghi niên-hiệu vua, hoặc ghi can-chi đó là theo bản chữ Hán chữ nôm cũ sẽ có biên phụ thêm năm tây trong ngoặc đơn một bên cho chắc, còn năm nào chỉ biên theo tây-lịch thì đó là không tìm được năm trong sách chữ Hán chữ nôm mà chỉ thấy ở sách Tây, sách quốc-ngữ mà thôi, không ghi can-chi vào là chưa dám chắc năm theo Tây-lịch ấy thực có đúng không.

Xem thế thì trong khi biên-dịch quyển tiểu-sử này tác-giả rất mong cầu cho được hoàn-toàn mà chưa được thực là hoàn-toàn vậy.

Nhưng cũng đã trải qua nhiều năm công-phu rồi mà quyển sách con này mới viết xong thì đó là một chút lễ thành-tâm của tác-giả.

— Trước xin kính-tặng : ai là người đã từng hưởng-thụ một phần ân-huệ trong cõi đất của họ Mạc khai-thác ngày xưa, đó tức là một cõi đất hương-hỏa chung để lưu-truyền thế-đại ;

— Sau xin kính-tặng : ông giáo Huỳnh Thụy-Bằng 黃瑞鵬, vì nhờ ông khuyên bảo cho làm và chỉ dạy cho những bản sách cũ đã giúp nhiều về việc biên-dịch sách « Hà-tiên Mạc-thị sử » này.

Tác-giả cẩn-chí

CHƯƠNG ĐẦU

1. — Ông Mạc Cửu không thần-phục Mãn-Thanh sang ở đất Cao miên. — Về cuối đời nhà Minh, nước Tàu có nội-loạn giặc Sấm. Lý Tự-Thành đánh lấy Bắc-kinh ; Minh-đế là vua Sùng-trinh tuẫn-tiết theo xã-tắc. Minh-tướng có một kẻ nông-nổi là Ngô Tam-Quế chạy qua mượn binh Mãn-châu về dẹp giặc Sấm. Than ôi ! « Rước voi dầy mồ », giặc Sấm có dẹp được thực mà nước Tàu từ đấy lại thuộc về người Mãn làm chủ. Vua Mãn là Thuận-trị đổi nhà Minh làm nhà Thanh, các lễ-giáo phong-tục trong nước cũng cải-cách theo người Mãn cả. Duy có một việc làm cho kẻ bình-dân Tàu đại-phản-đối lấy làm một sự biến đổi lạ thường, là sự gọt tóc để chỏm mà thắt « đuôi xam ».

Bấy giờ thì các nơi miền nam nước Tàu như Phúc-vương ở Nam-kinh, Lỗ-vương ở Triết-giang, Vĩnh-lịch-đế ở Quảng-tây, vân-vân, đâu đấy nổi lên phản-kháng dữ-dội ; kẻ mạnh thì tụ-tập quân-đội để mưu việc đánh lại, còn kẻ yếu thì bỏ nước xuất-ngoại, kể cũng đến một số nhiều vậy. Ông Mạc Cửu 莫 玖 tức là một người trong những đám người ra đi ấy. Ông người huyện Lôi-châu, tỉnh Quảng-đông, sinh ngày mồng tám tháng năm, năm ất-mùi (1655) niên-hiệu Vĩnh-lịch thứ 9.

Năm tân-hợi (1671) Vĩnh-lịch thứ 25 ông khiết-quyến cùng các người di-dân xuống thuyền xuất-ngoại qua ở nước Cao-miên (1), năm ấy ông 17 tuổi.

Ông Mạc Cửu vốn là dòng thi-thư thế-phiệt, tuy ngoài đối với kẻ bình-dân thì cũng bảo là vì không chịu theo cái lệ gọt tóc để chỏm, chứ thực ông là vì « tấm lòng cố-quốc bời-bời, dẫu rằng vượt biển ra khơi quản gì », và nghĩ rằng : làm người dân trong nước gặp cơn biến-cố, giận mình không có cái thủ-đoạn đổi loạn làm trị, chuyển nguy làm an, nên mới phải đành bỏ nước ra đi. Như thế là có ý muốn thà là mặt khuất hơn là lòng đau, và cũng có ý định lặng mà coi họa thấy lúc nào chăng ? Một lá thuyền lênh-đênh trong khoảng trời cao biển rộng, ngảnh nhìn giang-sơn tổ-quốc, ông Mạc Cửu lúc bấy giờ biết đâu chẳng có khi căm tức muốn được chắp cánh con hồng con hộc mà bay múa cho thỏa chí tiêu-dao, lại biết đâu chẳng có khi thương-tâm mà giọt lệ cố-hương cùng với nước thủy-triều lên xuống

Không được biết ông Mạc Cửu trước kia đã biết nước Cao-miên chưa và ông có định sang Cao-miên không. Sách chỉ chép là ông đem gia-quyến về thần-phục với vua Cao-miên chứ không nói ông đến nước Cao-miên vào khoảng năm nào và cái cách ông làm thế nào mà yết-kiến được vua Cao-miên. Nhưng lúc bấy giờ đã có người Tàu sang doanh-thương ở đất Cao-miên (lục-tỉnh Nam-kỳ bấy giờ còn thuộc đất Cao-miên, gọi là Thủy-Chân-lạp), thì ông tất cũng cùng theo trong các người ấy, rồi dần dần cầu-thân với các quan Cao-miên và nhờ đem vào yết-kiến vua.

Ông Mạc Cửu là người thông-minh linh-hoạt, nên khi vào yết-kiến thì được vua Cao-miên bấy giờ là vua Nặc-ông-Non, yêu dùng ngay. Trong khi ông ở Cao-miên thì ông hết sức phục-tòng giúp-đập các việc cho nhà vua để cầu lấy đắc-sủng. Ông bày cho vua chiêu-thương để tụ-tập cho dân đông, và khẩn-hoang để mở-mang cho đất rộng ; mỗi việc nhà vua hỏi đến là ông giải-quyết được xong cả, nên mãi về sau vua rất là tin dùng, cho ông tham dự đến cả việc triều-chính. Ông Mạc Cửu nếu là người chỉ biết mưu cái kế an-thân thôi, thì ông nương-tựa mãi với vua Cao-miên cũng đủ sẵn cho ông mọi điều phú-quí rồi, nhưng sơ-tâm ông khi xuất-ngoại là định lấy cái kế vẫy-vùng, nếu có may mà hợp-tập được nhiều kẻ đồng-chí thì sẽ mưu-đồ sự khôi-phục cho nước cũ mà chẳng may đại-sự không thành nữa thì trong cái buổi thiên-hạ phân-loạn cũng tìm được một nơi mà cô-quả mà bá-vương với ai cho bõ cái chí bình-

(1) Khi bấy giờ còn gọi là nước Chân-lạp ; nhưng đây chỉ gọi là Cao-miên cho dễ hiểu.

sinh. Chỉ ông vẫn định thế, lại ông cũng nghĩ : người Cao-miên tâm-tính bất-trắc, nếu chẳng liệu trước mà lánh xa, biết đâu sau này chẳng phải tai vạ, vì đắc-sủng ở nhà vua thì sao khỏi có kẻ cường-thần ghen-ghét. Bởi thế cho nên chẳng bao lâu, ông đưa hậu-lễ cho các cơ-thiếp và các thiện-thần nhà vua nhờ nói cho ông ra khai-khẩn đất Mang-khảm. Mang-khảm là một cõi đất hoang-vu ở về miền duyên-hải phía tây đất Thủy-Chân-lạp. Trước kia ông Mạc Cửu đã dò biết đất ấy là đất có đủ thế non-nước làm chỗ căn-cứ được, nên ông lấy lẽ xin ra khai-khẩn để cầu mở-mang thổ-địa và thâu giữ thuế-vụ cho nhà vua. Khi ông ngỏ lời xin, thì vua Cao-miên ưng cho, lại phong ông làm chức «ốc-nha» (như chức tri-phủ).

2. — Ông Mạc Cửu khai-thác đất Mang-khảm — Binh Xiêm-la sang đánh nước Cao-miên. — Ông Mạc Cửu phải bị bắt về Xiêm. — Từ khi ông Mạc Cửu ra ở đất Mang-khảm thì ông hết sức lo mở-mang cõi đất mới cho một nơi hoang-vu vắng-vẻ mà nên được một nơi chợ-búa đông-đảo. Một mặt thì ông lo khai-khẩn đồng-điền cho dân cày cấy và mở hải-cảng để đón các tầu buôn ở các biển ; một mặt thì lo xây đắp đồn-lũy, tập-luyện quân-lính để bảo-hộ cuộc trị-an và mưu-đồ cuộc độc-lập. Ông thường lấy lòng nhân-nghĩa mà xử-đãi, nên người các nơi bấy giờ theo về với ông rất nhiều. Mang-khảm chẳng bao lâu mà thành một nơi hải cảng rất sầm-uất.

Năm giáp-dần (1674) nước Cao-miên có kẻ bầy-tôi là Ô-Đài (có sách chép là Nặc-Ông-Đài) làm phản trốn sang cầu viện-binh Xiêm-la về đánh vua Nặc-Ông-Non. Quân Xiêm trước vào đánh đất Mang-khảm. Ông Mạc Cửu chống cự không nổi, đưa thơ cầu-cứu với vua Cao-miên ; chưa được binh tiếp thì đất Mang-khảm đã thất, cả gia-quyến ông Mạc Cửu đều phải quân Xiêm bắt giữ lại. Khi binh Xiêm đánh lấy nước Cao-miên thì Nặc-Ông-Non chạy sang cầu-viện với chúa Hiền ta (Nguyễn Phúc Tần). Chúa Hiền mới sai quan Cai-cơ đạo Nha-trang (có chỗ chép là quan Thống-binh) là ông Nguyễn Dương-Lâm 琉楊林 cùng với quan tham-mưu là ông Nguyễn Đình-Phái chia binh làm hai đạo sang đánh phá được thành Sài-côn 柴棍 (bây giờ là Sài-gòn), rồi tiến lên vây thành Nam-vinh (bây giờ là Nam-vang). Khi ấy quân Xiêm liệu thế không chống được đã rút cả về Xiêm. Người Ô-Đài chạy chết ở trong rừng. Bấy giờ dòng chính-phái họ vua Cao-miên có Nặc-Ông-Thu (có chỗ chép là Nặc-Ông-Sô) ra xin hàng, nên chúa Hiền lại đặc-phong cho làm Chính-vương ở thành Long-áo (Vũng-luông, bến lên Ô-đông), còn Nặc-Ông-Non thì làm Phó-vương ở thành Sài-côn và bắt hàng năm phải triều-cống(1).

---

(1) — Các sách gia-phả họ Mạc bản nào đoạn này đều chép rất sơ-lược rằng : « Khi ông Mạc Cửu khai-thác sửa-sang đất Mang-khảm được ít năm (không nói là năm nào) thì có binh Xiêm qua xâm-phạm nước Cao-miên. Thoạt-tiên vào đánh Mang-khảm, ông Mạc Cửu có đưa thơ cầu-cứu với vua Cao-miên thì vua thấy binh-thế Xiêm mạnh lớn đã bỏ thành chạy (không nói là chạy đi đâu và sau có trở về không). Đất Mang-khảm vì chưa kịp chỉnh-đốn

Quân Xiêm về nước thì đem gia-quyến ông Mạc Cửu và những đồ-vật cướp giật được dâng cho vua. Khi vua Xiêm nghe cái lịch-sử và trông cái dung-mạo ông Mạc Cửu biết là người giỏi nên muốn giữ lại để giúp việc cho nhà vua, mới dùng lời ủy-dụ và trọng-đãi ông. Không thể sao được, ông Mạc Cửu đành phải ở lao-lung lại nước Xiêm.

3. — Ông Mạc Cửu trốn về Trủng-kè. — Sinh ông Mạc-Tứ. — Ông Mạc Cửu vì thế yếu mà phải ở lại Xiêm, chứ bao giờ ông cũng lo toan sự trốn chạy. Mãi về sau, ông tìm được chước đút-lót với các thiện-thần Xiêm, xin vua cho ra ở đất Vạn-tuế 萬歲 để doanh-thương. Đảo Vạn-tuế là đất hải-đảo đã xa cách kinh-đô nước Xiêm. Ở đó được vài ba năm (1) thì kế gặp nước Xiêm có nội-loạn, anh em hoàng-tử tranh nhau đế-vị. Thừa dịp này, không ai lưu-tâm đến, ông Mạc Cửu bèn đem gia-quyến và kẻ tùng-dân, ùng ông bị bắt khi thất Mang-khảm trước, chạy về Trủng-kè (Réam). Trủng-kè là một cái vịnh sâu ở về tây-bắc đất Mang-khảm. Thuyền về đến đây (2) thì bà phu-nhân sinh hạ được một trai, mặt mũi trông rất dĩnh-ngộ, ông đặt tên là Mạc Tông 莫琮, sau đổi là Mạc Tứ 莫鴻, nhằm năm bính-tuất (1706) hay là năm canh-dần (1710) (3).

đồn-lũy quân-ngũ nên phải binh Xiêm đánh phá. Giặc Xiêm cướp bóc nhân-dân rồi về nước, đem cả gia-quyến ông Mạc Cửu theo. » Nay tra-cứu các Nam-sử thì sau năm 1671 là năm ông Mạc-Cửu ở Tàu sang chỉ có năm giáp-dần này (1674) là có người Ô-Đài đưa quân Xiêm về đánh Cao-miên mà thôi. Mang khảm là đất địa-đầu, chịu binh nghịch công-kích trước, khi Mang-khảm thất-bại rồi, vua Cao-miên mới chạy sang cầu-cứu với chúa Nguyễn. Tuy quân Xiêm có bị quân ta đánh thua chứ gia-quyến ông Mạc Cửu đã bị bắt rồi vậy. Nhưng có một điều còn ngờ là từ năm ông Mạc Cửu bị bắt về Xiêm (1674) đến năm ông về được Trủng-kè (1706) sinh ông Mạc Tứ thì ông Mạc Cửu phải ở Xiêm mất 32 năm đã lâu quá ; lại từ năm 1671 đến năm 1674, chỉ trong một khoảng 3 năm mà ông Mạc Cửu vừa ở Tàu sang, vừa ở giúp vua Cao-miên, vừa khai-thác đất Mảng-khảm nên thành-thị đồn-lũy thì chóng quá, không thể nào kịp. Duy nói khi binh Xiêm đến đánh thì đất Mang-khảm chưa kịp chỉnh-đốn đồn-lũy quân-ngũ thì cũng có lẽ. Dầu là thế chứ trên truyện-văn nói binh Xiêm đó là của Ô-Đài đem về cũng còn chưa chắc là đúng vậy. Xin chất chính cùng các nhà sử-học.

(1-2) — Sách chỉ chép khi ông ở Vạn-tuế được vài ba năm thì trốn về Trủng-kè, không chép ông ở Xiêm bao lâu và làm công việc gì. Nếu ông không ở Xiêm lâu thì về Trủng kè lâu rồi mới sinh ông Mạc Tứ chứ không phải thuyền vừa về đến đó thì sinh.

(3). — Sách « Mạc-thị Gia-phả » chép ông Mạc Tứ sinh năm canh-tuất, nay tra đối với Tây-lịch : canh-tuất, một lần nhằm năm 1670 thì trước năm Xiêm sang đánh Cao-miên ; một lần nhằm năm 1730 thì sau năm ông Mạc Cửu qui-phục Nam-triều, đều sai cả. Vậy trong hai chữ canh-tuất ấy có lộn một chữ : hoặc bính-tuất (1706), hoặc canh-dần (1710) là hai năm gần với năm 1714 là năm ông Mạc Cửu thần-phục chúa Nguyễn. Lại sau này năm 1780 là năm ông Mạc Tứ mất, chép rằng thọ hơn bảy-mươi tuổi, thì nếu lấy năm 1706 sinh ông thì ông 75 tuổi ; còn lấy năm 1710 sinh ông thì ông 71 tuổi, cũng vừa đúng. Duy có sách chép khi ông Mạc Cửu mất (1735) thì ông Mạc Tứ mới 13, hay có chỗ 18 tuổi thì sai cả.

Truyền rằng khi gần sinh ông Mạc Tử thì nước dưới đầm Trủng-kè bỗng đổi màu trong tốt, giữa đầm có nổi lên một pho tượng phật vàng cao bảy thước, và hào-quang thụy-khí nhiều khắp trên mặt nước. Kè tăng-nhân Cao-miên ở đấy trông thấy lấy làm cái triệu cát-tường, kéo nhau đến vì ông Mạc Cửu chúc mừng. Giữa lúc ấy thì bà phu-nhân lâm-bồn. Lâm-bồn rồi thì hào-quang thụy-khí cũng dần tan, còn pho tượng phật thì vẫn ngồi y. Ông Mạc Cửu đem người đến lấy lên mà không sao lay chuyển được, nên ông phải cho cất một ngôi chùa ngay chỗ vị phật để cho kè tăng-nhân ở đấy phụng thờ. Sách truyền là thế, âu cũng là cái bệnh thông-thường của các nhà chép sử ngày xưa. Dầu nay biết là hoang-đường quái-đản nhưng vẫn cứ chép là để ghi lại làm một truyện cổ-tích truyền ở dân-gian. Cái tâm-lý của người bày ra những chuyện như thế, nào có lạ gì đâu, không chỉ là ở đây mà phần nhiều các sách sử đều thấy có chuyện tương-tự như thế cả, chẳng qua là vì muốn tô-điểm cho người nào mình muốn khen, không biết nói gì cho xứng, bày đặt ra những chuyện dị-thường để tỏ rằng người mà có cái lịch-sử phi-thường ấy là người sẽ có cái sự-nghiệp phi-thường.

4. Ông Mạc Cửu đem đất Mang-khảm qui-phụ Nam-triều. — Đất Trủng-kè hẹp, nhân-dân theo đông, không thể ở lâu được (1), nên ít lâu thì ông Mạc Cửu bèn đem nhau về Mang-khảm để lo toan sự khôi-phục.

Về Mang-khảm rồi có kè mưu-sĩ là Tô-quân 蘇君 bàn nói với ông rằng: « Người Cao-miên tâm-tính hèn-nhát nhu-nhược, lại đất Mang-khảm là đất hải-tần, tất có ngày đối-lũy với Xiêm, ngộ có khuynh-nguy, họ không thể bảo-trợ được, chi bằng thần-phục về với Nam-triều để cho có chỗ ỷ-lại vững-vàng là hay hơn ». Ông Mạc Cửu nghe lời, mùa thu tháng 8 năm giáp-ngọ (1714) đời vua Hiển-tôn Hiếu-minh hoàng-đế năm thứ 24 (tức đương-thời là Tộ-quốc-công, Nguyễn Phúc-Chu), ông thân đến Phú-xuân dâng biểu xin đem đất 7 xã của mình khai-phá qui-phụ vào Nam-triều. Chúa Nguyễn ưng cho và đổi tên đất Mang-khảm lại là Hà tiên-trấn 河仙鎮, phong cho ông Mạc Cửu chức Tổng-binh về giữ trấn Hà-tiên, lại ban ấn-triện mãng-mạo mà cho người đưa về trọng-hậu.

Hà-tiên, hai chữ tên trấn của chúa Nguyễn cải đặt đất Mang-khảm ấy, không biết nguyên-thủy thủ-nghĩa như thế nào. Chứ như có người truyền là nhân một đêm thanh vắng, thấy trên sông ở đấy, tức là Đông-hồ và cửa thông ra biển Kim-dữ bây giờ, có các vị tiên-lữ hiện xuống chơi, bày ra cuộc du-hồ, cả một vùng ấy ai cũng nghe có tiếng tiêu-địch sinh-ca. Vì thế mà mới đặt là Hà-tiên, lấy nghĩa là chốn có tiên-lữ đến chơi trên sông. Lịch-sử người đã là cái lịch-sử thần-tiên, lịch-sử xứ lại cũng là cái lịch-sử thần-tiên nữa; người có cái lịch-sử thần-tiên âu là người anh-hùng, xứ có cái lịch-sử thần-thiên, âu là xứ danh-

---

(1) — Câu này tỏ rằng: Ông Mạc Cửu về ở Trủng-kè trước đã lâu, chứ không phải thuyền vừa về đến đó mà sinh ông Mạc Tử. Vì nếu ông chỉ ghé qua mà sao đã có nhân-dân theo ở đông? Nhưng còn ngờ là nếu ông trốn về được đã lâu mà sao không thẳng về Mang-khảm là đất cũ, còn ở lại Trủng-kè làm gì?

thắng. Người xem sử chỉ nên biết thế mà thôi, cũng không lọ là phải biện-bạch nữa.

Từ khi ông Mạc Cửu lãnh chức Tổng-binh của chúa Nguyễn, liền về lo xây đắp thành-quách, và đặt quan cai-trị các quận huyện, mở thêm thổ-địa, nhân-dân ngày một trù-mật, trấn Hà-tiên dần dần khôi-phục, thanh-thế lại có phần chấn-động hơn trước nhiều.

Bà thân-sinh ra ông Mạc Cửu là Thái-Bà-Bà, người mộ đạo từ-bi, ông Mạc Cửu có cất một ngôi chùa để cho bà tĩnh-tâm tu-niệm. Tên chùa là Tiêu-tự, tục gọi là chùa Tam-bảo. Truyền rằng một hôm bà vào lễ Phật, qui trước phật-đài mà hóa, giải-thoát trần-duyên.

Ông Mạc Cửu bèn sai đúc kim-thân bà thờ tại chùa. Di-chỉ chùa hiện nay hãy còn ở làng Mỹ-đức 美德.

— Ngày 27 tháng 5 năm ất-mão (1735) đời vua Túc-tôn Hiếu-ninh hoàng-đế năm thứ 11 (Nguyễn Phúc-Trú), ông Mạc Cửu từ-trần thọ được 81 tuổi (1), nhân-dân đau-đớn thương tiếc như cha mẹ.

CHƯƠNG THỨ HAI

1. — Ông Mạc Tứ chịu hậu-phong của chúa Nguyễn. — Ông Mạc Tứ là con ông Mạc Cửu vốn là người thông-minh lỗi-lạc, kế-thuật chí-nghiệp cho cha. Khi việc an-táng cha xong rồi thì ông Mạc Tứ bèn tiến triều dâng biểu tâu lên chúa Nguyễn. Nhà chúa mới truy-phong ông Mạc Cửu tước là : Khai-trấn - thượng - trụ - quốc - đại - tướng-quân Cửu - lộc hầu 開鎮上柱國大將軍玖祿侯, và phong ông Mạc Tứ làm chức Tổng-binh đại-đô-đốc cho về giữ trấn Hà-tiên thay ông Mạc Cửu.

Nhà chúa lại lũy - phong cho họ Mạc (không biết là năm nào) « thất diệp phiên hàn 七葉藩翰 », là lấy bảy chữ « thiên, tử, công, hầu, bá, tử, nam 天子公侯伯子男 » làm chữ lót tên, và lấy năm chữ thuộc loại ngũ-hành tương-sinh là : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ 金木水火土 mà đặt tên. Tên ông Mạc Tứ đệm thêm chữ *thiên* 天 ở giữa, còn chữ *Tứ* 賜 thì bỏ chữ *bối* 貝 bên mà thay chữ *kim* 金 vào thành chữ *tích* 錫 ; họ *Mạc* 莫, nhà chúa không muốn cho trùng với họ Mạc Đăng-Dung cho là họ tiếm nghịch mới thêm cho chữ *ấp* 阝 bên, nên từ đây tên họ ông Mạc Tứ đổi lại là Mạc Thiên-Tích 鄚天錫. Con cháu cũng cứ tuần-tự theo đó mà lấy tên. Tên con ông phải lót chữ *tử* 子, và phải lấy chữ có *thủy* bằng, như Tử-Hoàng 子潢 ; tên cháu ông phải lót chữ *công* 公 và phải lấy chữ có *mộc* bên như Công-Bá 公栢, vân vân...

2 — Việc đánh giữ bình Cao-miên và khai-thác thêm thổ-địa. — Bấy giờ những quận huyện giáp giới đất Cao-miên thường bị người Cao-

---

(1) — Sách có chỗ chép ông thọ 80 tuổi là lầm ; vì tính từ năm sinh ông 1655 đến năm 1735 thì được 80 năm. Tính theo ta và theo Tàu thì số tuổi phải hơn số năm một đơn-vị, vì khi mới sinh ra đã kể là một tuổi rồi. Cũng như niên-hiệu vua, như nói vua Hiếu-ninh năm thứ 11, nghĩa là làm vua mới được 10 năm thôi, vì khi vua mới tức-vị đã kể là năm thứ nhất. Vậy vua Hiếu-ninh nguyên-niên là năm 1725, muốn tìm năm Hiếu-ninh thứ 11 thì cộng 1725 với 10 là thành năm 1735. Chứ cộng với 11 là sai. Phần nhiều các sách sử số năm khác nhau là ở chỗ đó.

miền đánh phá luôn, vì oán giận họ Mạc đã cướp lấy đất-cát họ.

Năm 1739 (1) có giặc Cao-miên là Nặc-Bồn do đường Sài-mạt đến xâm phạm miền phía bắc trấn Hà-tiên. Ông Thiên-Tích phải đem binh ra chống-cự luôn mấy đêm ngày, binh-lính không rảnh tay được một lúc nào lâu. Mạc phu-nhân là Nguyễn-thị phải cùng với các vợ của kẻ quân-lính coi-sóc việc đun nấu cơm nước để cung-cấp cho các quân-lính rất là chu-tất. Phu-nhân theo trong loạn-quân ảo-chiến, trước đầu gậy mũi đao thường tỏ ra cái thái-trạng bạo-dạn, ai nấy đều lấy làm kính-phục. Ông Thiên-Tích đánh đổ được binh Nặc-Bồn thua chạy qua đất Sài-mạt về nước, từ đấy không dám dòm ngó đến trấn Hà-tiên nữa. Chúa Nguyễn nghe tin báo-tiệp, bèn ban lời khen-lao ông Thiên-Tích và gia-phong cho bà Nguyễn-thị tước phu-nhân.

Ông Thiên-Tích mặt bắc thì lo chống cự với người Cao-miên, còn mặt nam thì ông chiếm cứ khai-thác về miền duyên-hải đất Thủy-chân-lạp (ngày nay là Nam-kỳ). Trấn Hà-tiên bây giờ đã thêm được bốn huyện nữa : 1.) Long-xuyên (Cà-mau bây giờ), 2.) Kiên giang (Rạch-giá), 3.) Trấn-giang miền Cần thơ), 4.) Trấn-di (miền Bạc liêu, Bãi-xàu).

3. — Việc sửa-sang Phương-thành. — Từ đây thanh-thế trấn Hà-tiên và uy-danh ông Thiên-Tích nhất-thời chấn-động. Ông bấy giờ mới lo đến sự giáo-hóa nhân-dân, đặt tường-tự, chiêu-tập những người tài-tuấn, người Nam có, người Tàu có, đem lễ-nghi văn-hóa mà bảo ban truyền dạy cho dân-gian.

Lỵ-sở trấn Hà-tiên ông đặt là Phương-thành 芳城 (2), lại nhất-danh là Trúc-bằng-thành 竹棚城 (3), có lập tại thành một cái tao-đàn gọi là Chiêu-anh-các 招英閣 thờ đức thánh Khổng-phu tử và đón hoặc là kẻ thi-bá văn-hào, hoặc là khách anh-hùng chí-sĩ, tuyển chọn được 18 người, gọi là thập-bát-anh 十八英 để cùng nhau xướng-họa trong việc văn-chương và luận-đàm trong việc thao-lược. Chiêu-anh-các bấy giờ là một nhà Văn-miếu, là một chốn thi-đàn, mà cũng là một nơi hồ-trướng. Cái nền văn-hiến dựng lên ở đất Phương-thành là từ ông xây móng, và cái giống văn-chương sản ra ở đất Phương-thành cũng là từ ông gieo hạt vậy.

Những thơ sau này đề-vịnh đất Phương-thành có những câu :

— *Hà-tiên tự cổ xưng thi-bá...*
河仙自古稱詩伯。

— *Từ-phú tăng hoa văn-hiến-quốc;*
Văn-chương cao ngật Trúc-bằng-thành...
詞賦增華文獻國。
文章高屹竹棚城。

---

(1) Theo sách « *Nam-kỳ địa-dư-chí* » chép là năm Lê Vĩnh-hựu thứ năm. Tác-giả sách *Nam-kỳ địa-dư-chí* là Duy-minh-thị 惟明氏, có người bảo là ông Nguyễn Đình-Chiểu.

(2-3). — Phương-thành thủ nghĩa rằng : đất Hà-tiên thuở nọ là một nơi văn-chương văn-vật có cái khí-vị nhẹ-nhàng thơm-tho như một cái thành đầy những kỳ-hoa dị-thảo phân phương. Có người hiểu lầm là « thành vuông 方城 », nên dịch ra tiếng Pháp là *Ville carrée* — Còn Trúc-bằng-thành là vì lỵ-sở Hà-tiên ở trong hai giải thành tre dài, thường gọi là Bờ-đồn lớn 13 cây-lô-mét) và Bờ-đồn nhỏ (độ hơn 3 ngàn thước).

Tài hoa lâm lập trứ Phương-thành;
Nam bắc hàm vân thập bát anh...

才華林立著芳城。
南北咸云十八英。

Hồ chức long thoa thành nhã tụng;
Chiêu anh các thượng hữu tinh công.

虎幟龍梭成雅頌。
招英閣上有精工。

Ngần ấy câu cũng đủ tả được cái cảnh-tượng đô-thành và cái tư-cách nhân-vật Hà-tiên lúc bấy giờ vậy.

Ông Thiên-Tích cùng với thập-bát-anh thường đối với cái cảnh lưu-thủy cao sơn, thanh-phong minh-nguyệt mà có cái thú thi thiên trục, tửu nhất thuyền. Một vùng non-nước đất Phương-thanh hồ hết đời trải qua cái dấu lãm-thắng tầm-u của các cụ. Trăng gió Đông-hồ 東湖印月, biển trời Nam-phố 南浦澄波; hoa cỏ Bình-san 屏山疊翠, đá cây Thạch-đỗng 石洞吞雲; nước mây Kim-dữ 嶼 深濤, chim cò Châu-nham 珠岩落鷺; chuông sớm chùa Tiêu 蕭寺晨鐘, trống khuya Giang-thủ 江城夜鼓; bến Lư nhân-hạ buông cần 蘆溪閒釣, rừng Lộc tiêu-dao chuốc rượu 鹿峙村尊; thực đủ mọi chiều thanh-nhã, kiêm mọi vẻ phong-lưu vậy. Nước-non quang-cảnh kia nhờ nét mực ngòi lông của các cụ điểm-tô mà thêm được nhiều sinh sắc.

Người ta nên biết rằng: giữa lúc hòa-bình mà nhân-hạ giong-chơi phong-cảnh thì cũng hào mà cũng chưa hào; giữa lúc loạn-lạc mà vẫn tự-nhiên dong chơi phong-cảnh thì mới thực là hào. Nay thấy cái lịch-sử của ông Tổng-binh trấn Hà-tiên và thập-bát-anh ở Chiêu-anh-các trong cuộc hứng-thưởng danh-thắng này, thực cũng là cái lịch-sử lạ-lùng ít có vậy. Lúc bấy giờ, nào có phải là lúc thanh-nhàn hưu-hạ gì đâu, mà chính là lúc trống tràng-thành thì lung-lay bóng nguyệt, khói cam-toàn thì mờ mịt thứ mây. Một mặt thì phải lo chiếm-cứ khai-thác đất Cao-miên, một mặt thì phải lo chống-chọi ngăn giữ binh Xiêm-la; lại trên áng vân-hà xa-xa kia thường gửi tấm lòng cố-quốc bồi-hồi, dưới bóng lãnh-nguyệt tà-tà nọ, thường phát lên tiếng đỗ-quyên khắc-khoải: « *quen cây chim thể người quen chửa, dễ đổi nghìn cân một tấm son* »; Bắc-phương vỡ-lở, Nam-hải kinh hoàng, thế là trong giang-hồ vẫn góp có thân lang-miếu, ở nơi quân-thứ mà điểm có vẻ bút nghiên thì chẳng cũng kỳ-vĩ hào-hùng đó thay!

Các quan của triều Nguyễn sai ra trấn giữ chiếm-cứ miền nam đất biên-thùy lúc bấy giờ, phần nhiều vì nghe cái thanh-danh văn-vật đất Phương-thành mà đều có đến dự những cuộc xướng họa ở Chiêu-anh-các cả. Duy có ông Nguyễn Cư-Trinh tác-giả truyện *Sãi-vãi* là tương-đắc với ông Thiên-Tích lắm. Ông Nguyễn thường sang ở chơi lâu nơi Phương-thành cùng ông Thiên-Tích làm văn thơ tặng đáp nhau. Ông có họa mười bài « *Hà-tiên thập-vịnh* » của ông Thiên-Tích nay còn truyền được ít bài.

Cái khí-vị đất Phương-thành lúc nọ thực là cái khí-vị nhẹ nhàng trong-sạch, cái cảnh-tượng đất Phương-thành lúc nọ thực là cái cảnh-tượng đầm-ấm tươi-cười, cái tư-cách đất Phương-thành lúc nọ thực là cái tư-cách tao-nhân mặc-khách, cái phong-vị đất Phương-thành lúc nọ thực là cái phong-vị Hán-sĩ Đường-nho vậy.

Những thi-văn đề-vịnh xướng-họa lúc bấy giờ vì sau trải qua một phen binh lửa mà tổn-thất đi hồ hết, nên nay không còn truyền được bao nhiêu. Sách chép rằng: ngoài tập *Chiêu-anh-các thi-văn tập* thì riêng ông Thiên-Tích có làm hai tập *Hà-tiên thập-vịnh* 河仙十詠 một tập bằng

Hán-văn, một tập bằng quốc-văn. Tập quốc văn thì còn truyền đủ nhưng cũng đã thiếu sót đi nhiều ; tập Hán-văn thì còn được vài ba bài. Ông lại có làm một tập ba mươi bài *Lư-khê hàn-điếu phú* thì nay chỉ còn có một bài thôi. Vì sao ông làm thi-văn về cảnh Lư-khê nhiều hơn các nơi thì sách có chỗ chép rằng : trong mười cảnh Hà-tiên, duy có cảnh Lư-khê là ông thích nhất, có cất ngay nơi ấy một cái biệt-thự làm chỗ lưu-liên tĩnh-dưỡng.

Còn về đường binh-nhung quân-ngũ ở trấn Hà-tiên lúc nọ, thì nay hãy đọc một đoạn thơ ông Thiên-Tích vịnh « Giang-thành dạ-cổ » :

... Ghê thay một thú tân-cao,
Quang-âm nghiêm-nghị thu-hào dễ qua.
Yên nước nhà phải gài then chốt,
Dự phòng khi nhảy nhót binh-đao.
Đêm hằng canh trống truyền-lao,
Miễn an đất chúa, quản nào thân tôi...,

thì biết ông Thiên-Tích lúc bấy giờ tuy có lo về hàn-mặc mà không những việc binh-nhung. Bởi thế nên việc trị-an trong trấn có cái cảnh-tượng như câu : « *dục vạc sôi, bốn phương thanh phước* », và câu : « *đầm rồng bặc chầy, tăm kình vắng sôi* ». Còn việc biên-phòng thì đã có cái tình-hình như câu : « *cáng khuya cáng nhặt máy binh; giáo nghe rởn gáy, chuột rình nép hơi* ».

Nhân-dân trong trấn đã được an-cư lạc-nghiệp, mĩ-tục thuần-phong như những câu đã tả trong bài « *Lộ-trì thôn-cư* » :

... Người thanh-nhàn, vật thì long-thạnh,
Dân bang-kỳ ỷ sánh Kỳ-tây.
Nhà nhà cửa cửa thuận thay,
Nơi ngâm thơ Lý, nơi vầy rượu Tô.
Đã say no lại tình nhân-nhượng,
Vì ở nơi cư-thượng hữu-khoan ;
Thảnh-thơi đất thẳng bữa an,
Có dân làm lụng, có làng ăn chơi.

Xem thế thì biết dân Hà-tiên lúc bấy giờ thực từng chịu nhờ công ơn giáo-hóa bảo-hộ của ông Thiên-Tích đã nhiều vậy.

Ngày nay tìm lại thi-văn thì thất-khuyết, chỉ còn đoạn-giản tàn-biên ; nhận ra thành-quách thì nghiêng xiêu, chỉ có góc tường tẳng đá ; lối xưa xe ngựa trên lần thu-thảo rầu-rầu, ngõ cũ lâu-đài dưới bóng tịch-dương bẳng-lẳng ; đến cái di-chỉ Chiêu-anh-các bây giờ thực không còn biết đích là ở đâu mà nhận được nữa. Những khách muốn phóng-lãm cổ-tích qua chơi Phương-thành, luyến cảnh nhớ người mà tỏ mối thương-tâm thán-tích như bài :

Thi hữu tinh-anh tứ hữu thần,
詩有精英思有神。
San hà y cựu vật-hoa tân ;
由河依舊物華新。
Bách niên thế-sự hồn như mộng,
百年世事渾如夢。
Thùy thị Chiêu-anh-các thượng nhân.
誰是招英閣上人。

và câu :

Thùy năng thức đắc Chiêu-anh-các?
Minh-nguyệt thanh-phong nhận đắc chân!
誰能識得招英閣。
明月清風認得眞。

thì đã thê-nhiên trù-trướng là dường nào !

4. — Tư-cách họ Mạc đối với chúa Nguyễn. — Năm giáp-tí (1744) chúa Nguyễn là ông Nguyễn Phúc-Khoát xưng vương-hiệu là Võ-vương. Vương mới đổi phủ làm điện, đặt lại chế-độ, định ra triều-nghi, y-quan lễ-nhạc đều theo chế-độ nhà vua, đã dựng ra một nước độc-lập, không chịu tước-phong của vua Lê nữa, duy chưa có quốc-hiệu mà thôi. Vương chia

nước làm 12 dinh. Về phần đất cũ của các chúa Nguyễn khai-thác và chiếm lấy của Chiêm-thành từ Chính-dinh 正營 (Phú-xuân) đến Bình-thuận 9 dinh ; còn phần đất mới chiếm lấy của Cao-miên thì Trấn-biên (Biên-hòa), Phiên-trấn (Gia-định) và Long-hồ 3 dinh. Mỗi dinh có đặt một quan Trấn-thủ, quan Cai-bạ, quan Ký-lục để coi việc cai-trị. Dinh nào có phủ thì lại đặt ra chức Tuần-phủ và chức khám-lý. Duy có Hà-tiên thì vẫn để là Trấn, do ông Thiên-Tích giữ chức Đô-đốc cai-trị như trước.

Ông Thiên-Tích khi ấy mới sửa sang các lễ-vật châu-báu thượng-kinh cống hiến vì Nguyễn-vương chúc mừng và xin giữ 3 năm một lần triều-cống.

Xem đến đoạn này cũng khiến cho ta lấy làm lạ là đất Hà-tiên đã là thuộc về quốc-thổ của Nam-triều và họ Mạc đã chịu tước-phong của chúa Nguyễn mà sao lại còn có cái lễ ba năm lai-cống theo như cái lễ phiên-thần chư-hầu là gì ? Nhưng ta có thể xét được là khi ấy các nơi đều đặt là dinh, duy chỉ Hà-tiên là không sửa-đổi mà vẫn để là trấn thì đối với trấn Hà-tiên và họ Mạc, vua Nguyễn đã có cách biệt-đãi vậy. Tuy tiếng là đất thuộc triều Nam, chịu tước vua Nguyễn, chứ bấy giờ họ Mạc vẫn giữ cái phương-diện độc-lập chủ-quyền trong trấn ; tuy không có cái danh-nghĩa cô-quả, chứ thực đã có cái tư-cách bá-vương vậy. Xem như khi ông Mạc Cửu xin vua Cao-miên ra khai-khẩn cõi đất Mang-khảm thì biết ông đã có cái mục-đích như thế rồi. Như xét ra trong một bài thơ của ông Thiên-Tích vịnh « *Lư-khê nhàn điếu* » có hai câu thúc-kết rằng :

Hải-thượng tà đầu thời độc tiếu,
Di dân thiên ngoại nhất ngư-ông.

海上斜頭長獨笑。
遺民天外一漁翁。

thì có lẽ ông thuật-hoài cái chí-khí cái tâm-sự của ông mà thác ra lời thơ nọ. Lại như hiện nay ở Hà-tiên, trên núi Bình-san còn có nền tế Sơn-xuyên, nền tế xã-tắc, thì biết họ Mạc khi ấy đã có dùng cái nghi-vệ vua chư-hầu vậy. Nhưng sở-dĩ họ Mạc phải qui-phục với họ Nguyễn là muốn nương tựa cho có thế-lực mà chống nhau với Xiêm-la và Cao-miên mà thôi.

Lúc này Mạc-phu-nhân Nguyễn-thị đã sinh-hạ được con trai là : Tử-Hoàng 子潢, Tử-Thượng 子滿 Tử-Dung 子溶 ; con gái là Thị-Long 氏隆, Thị-Hai 氏記 và Thị-Giác 氏覺, — Sau các bà thiếp sinh : Tử-Sanh 子泩, Tử-Tuấn 子浚, và Tử-Thiêm 子添.

Bà chính-thất của Tử-Hoàng là Hứa-thị sau sinh-hạ : Công-Bá 公栢, Công-Trụ 公柱 và Công-Bình 公柄.— Bà thứ-thiếp sinh : Công-Du 公榆 và Công-Tài 公材.

Con Tử-Thượng là Công-Thế 公栖.

5. — Việc môi-giới cho nước Cao-miên giao-thiệp với Nguyễn-Vương. — Thời bấy giờ nước Cao-miên có biến-loạn luôn, các đảng nhà vua trong nước, đảng thì nhờ Xiêm-la cứu giúp, đảng thì nhờ Nguyễn-triều cứu giúp, vẫn tranh đánh nhau lung-tung, mà chúa Nguyễn thường phải sai quan-quân đến can-thiệp luôn. Quân Cao-miên lại cùng thường sang quấy-nhiễu ở địa-hạt Biên-hòa Gia-định, chúa Nguyễn đã có đặt một sở điều-khiển 調遣 để nhiếp-thống việc binh ở miền ấy.

Năm canh-ngọ (1750) vua Cao-miên là Nặc-Ông-Tha phải người Nặc-Nguyên đem quân Xiêm-la về đánh đuổi, chạy chết ở Gia-định. Vua Võ-vương ta có sai quan đem thơ sang trách nước Xiêm sao có dung-túng kẻ nghịch-thần và cho mượn binh về làm quấy-nhiễu nước Cao-miên.

Nặc-Ngnyên khi ấy tranh được ngôi, về làm vua Cao-miên rồi lại thường đem binh xâm-lấn hà-hiếp rợ Côn-man (rợ Côn-man là những người Chiêm-thành phải binh ta xâm-lấn, chạy sang tụ-hợp ở xứ Cao-miên), còn đàng Bắc thì thông-sứ với Trịnh-vương, bấy giờ là Trịnh Doanh, để đánh với Nguyễn-vương.

Đến năm quí-dậu (1753) Nguyễn-vương mới phái sai quan Thiện chính 善政 (Khuyết tên họ) làm Thống-suất và quan Ký-lục dinh Bố chính là ông Nguyễn Cư-Trinh làm tham-mưu đốc tướng-sĩ ngũ-dinh đi đánh Nặc-nguyên.

Năm ất-hợi (1755) Nặc-nguyên thua bỏ thành Nam vang chạy sang Hà-tiên mà nương theo ông Thiên-Tích. Năm sau, ông Thiên Tích dâng sớ về Nguyễn-vương tâu rằng: « Nặc-Nguyên xin hiến Tầm-bôn Lội-lạp (?) hai phủ để chuộc tội và xin cho về nước. Lại ông Nguyễn Cư-Trinh cũng dâng sớ tâu rằng: « Việc khai-cương thác-địa, nên dùng cái chính-sách tằm-thực, nghĩa là nên chiếm lấy dần dần như con tằm ăn mòn cái lá dâu thì mới chắc-chắn được. » Nguyên-vương mới nghe theo hai lời tâu ấy mà nhận lấy đất hai phủ cho Nặc-Nguyên về nước.

Năm đinh-sửu (1757) Nặc-Nguyên mất, chú họ là Nặc-Nhuận làm giám-quốc, và lại xin hiến đất Trà-vang và Ba-thắc để cầu được Nguyễn-vương phong cho làm vua; liền đó Nặc-Nhuận lại phải con rể là Nặc-Hinh giết đi mà cướp lấy ngôi làm vua. Bấy giờ con Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn chạy sang Hà-tiên cầu-cứu với ông Thiên-Tích. Ông Thiên-Tích lại mới phải dâng sớ về Nguyễn-vương tâu các việc và xin phong cho Nặc-Tôn làm vua Cao-miên. Nguyễn-vương thuận cho mới sai tướng-sĩ ngũ-dinh Gia-định hợp với Thiên-Tích mà lo việc ấy. Ông Thiên-Tích đem binh lên giẹo an đất Cao-miên, Nặc-Hinh thua chạy bị kẻ thuộc-hạ giết chết. Ông Thiên-Tích và tướng-sĩ ngũ-dinh đưa Nặc-Tôn về nước mà lập lên làm vua Cao-miên, được Nguyễn-vương sắc phong cho chức là Phiên-vương 藩王; Nặc-Tôn mới hiến đất Tầm-phong-long (?) để tạ ơn. Lại đặc-biệt cắt đất: 1 — Hương-Ấo (vũng Thơm); 2 — Cần-bột (Kampot) 3; — Chưng-rùn; 4 — Sài-mạt; 5 — Linh-quỳnh, năm phủ tạ ơn ông Thiên-Tích. Ông Thiên-Tích đều đem dâng cho thuộc về quốc-thổ Nam-triều cả (1).

Nguyễn-vương nghe lời tâu xin của ông Trương Phúc-Du 張福獻 và ông Nguyễn Cư-Trinh đem dời dinh Long-hồ về xứ Tầm-bào (tức chỗ tỉnh-lỵ Vĩnh-long bây giờ) và đặt ra năm đạo: ở Sa-đéc thì đặt làm Đông-khẩu-đạo, ở Tiền-giang thì đặt làm Tân-châu-đạo, ở Hậu-giang thì đặt làm Châu-đốc đạo, đem năm phủ của Nặc-Tôn nạp hiến cho ông Thiên-Tích trước kia lệ thuộc trấn Hà-tiên thì đặt làm Kiên-giang và Long-xuyên hai đạo. Đất lục-tỉnh Nam-kỳ từ đó mới toàn-thuộc về Nguyễn-triều ta kinh-lý vậy.

6. — Binh Hà-tiên đánh Xiêm hai lần không lợi. — Nước Xiêm-la thời bấy giờ thường phải binh nước Diến-điện sang xâm-lấn luôn. Tháng mạnh-đông năm giáp-thân (1764) binh Diến-điện có sang đánh một lần không được lợi lắm. Đến tháng qui thu năm đinh-hợi (1767) lại sang đánh một lần nữa, bắt được vua nước Xiêm là Phong-Vương và con là Chiêu-Đốc-Đa cùng hơn một

(1) Năm phủ này sau đến đời vua Thiệu-trị (1847) giao trả lại cho Cao-miên.

vạn người dân, thu góp trân-bảo ngọc-bạch đem về nước. Con Phong-vương thoát lại được hai người là Chiêu-Tụy và Chiêu-Xí-Xang với hơn một trăm người bộ-thuộc nữa, chạy sang Hà-tiên cầu-cứu với ông Thiên-Tích xin giúp binh để phục-quốc. Ông Thiên-Tích tiếp-đãi hai hoàng-tử Xiêm theo lễ quốc-vương và hứa sẽ vì hai hoàng-tử dâng biểu lên Nguyễn-vương xin binh đánh giúp (1). Chiêu Xí-Xang sau lại chạy lên nhờ vua Cao-miên.

Bấy giờ nước Xiêm-la không vua, các nhà có thế-lực đều giữ binh-quyền mình, dây-dựt đánh giết nhau mà tự xưng hùng-bá.

Khi ấy có người Trịnh Yển 鄭偃 người Triều-châu tỉnh Quảng-đông, trước là nhà đại-thương, làm trưởng đất Mang-tát, thừa lúc biến-loạn chiêu-tập đồng-đảng được hơn vạn người muốn mưu sự cướp lấy nước Xiêm làm vua, kế bệnh thác. Con là Trịnh Tân 鄭新 (có chỗ chép là Trịnh-Quốc-Anh 鄭國英) nối nghiệp kế chí cha xưng là Phi-nhã đất Mang-tát (Phi-nhã là một chức quan Xiêm). Sau đánh giẹp được xong các nơi rồi mới lập mình lên làm vua Xiêm-la.

Trịnh Tân lên làm vua rồi có kẻ thuộc-tướng là Trần Liên 陳聯 bàn nói rằng: « Hai hoàng-tử Xiêm là Chiêu-Tụy và Chiêu-Xí-Xang còn ở Hà-tiên và Cao-miên, nếu không dùng cái phương nhổ cỏ phải nhổ cho hết rễ mà sớm-sủa trừ đi thì sợ sau này mượn được binh An-nam hay binh Cao-miên về thì đó là cái mối tai-vạ lớn vậy. » Trịnh Tân lấy làm phải, bèn một mặt sai sứ đưa thơ cho vua Cao-miên là Nặc-Tôn phải sang cống; một mặt thì đưa thơ đòi ông Thiên-Tích phải gửi trả hoàng-tử Xiêm về, là cố-ý muốn sinh sự để đánh tỏa-chiết cho vua Cao-miên và ông Thiên-Tích sợ một là đưa trả hai hoàng-tử về, một là sẽ không dám đưa binh đánh giúp. Được thơ Trịnh-Tân, ông Thiên-Tích thì nói là không trả được, lấy lẽ rằng đã hứa với hoàng-tử Xiêm rồi, không thể ăn lời được; còn vua Cao-miên thì không chịu lai-cống, lấy lẽ rằng Trịnh Tân không phải là người dòng Xiêm-la. Trịnh Tân bèn sai tướng là Bôn-Ma lại có đem người Cao-miên là Nặc-Non về đánh Nặc-Tôn và ông Thiên-Tích.

Nước Cao-miên và trấn Hà-tiên hợp binh nhau chống giữ, quân Xiêm không làm gì được, ít lâu rồi rút về.

Về rồi đưa thư cho ông Thiên-Tích và bạc vàng gấm vóc rất hậu xin cho đánh đổi hoàng-tử Xiêm. Nếu ông Thiên-Tích chịu trả Chiêu-Tụy về nước thì lại sẽ cắt đất đền ơn và thường năm lai-cống.

---

(1) Đến đây trong *Mạc-thị gia-phả* lại còn một đoạn nữa rằng: Khi hai hoàng-tử Xiêm cầu-cứu thì ông Thiên-Tích dâng biểu lên vua Định-vương (Nguyễn Phúc-Thuần), vua nghe lời, dạy quan Điều-khiển ngũ-dinh đem binh Gia-định hợp cùng ông Thiên-Tích được lo giúp việc phục-quốc cho Chiêu-Tụy. Quân-ngũ chỉnh-bị xong, kế nghe có giặc Cao-miên nổi lên, muốn xâm-phạm nước, ta nên phải dình việc giúp Xiêm lại mà lo chống với Cao-miên. Thế nên hai hoàng-tử phải ở lưu-ngụ lại Hà-tiên.

Nay xét ra các Nam-sử thì trong mấy năm đầu vua Định-vương không thấy chỗ nào có nói giặc Cao-miên. Lại nước Cao-miên lúc ấy hãy còn vua Nặc-Tôn đã nhờ vua ta phong lập cho khi trước thì lẽ nào lại có chuyện xâm-lấn nước ta được. Nên ghi dưới chú-văn để chất-chính lại.

Ông Thiên-Tích ban đầu còn không chịu, sau vì nóng lòng về việc giúp cho Chiêu-Tụy, muốn dò-la xem binh-tình, mà thừa-cơ đánh úp lấy thành, nên giả ý bằng lòng chịu lời Trịnh Tân, mới sai con rể là Từ-hầu 徐侯 đem hơn trăm chiếc chiến-thuyền đến cửa Bắc-Nam xin mời Trịnh Tân ra hội-hảo. Không ngờ Trịnh Tân trước đã có sai người tâm-phúc là A-Mị lên ở làm người nhà em gái ông Thiên-Tích rồi, nên việc ông Thiên-Tích tính với Từ-hầu thì A-Mị đã lên đưa mật-thư về cho Trịnh Tân hay rồi. Bởi thế nên Trịnh Tân biết là Từ-hầu làm kế, không chịu ra tiếp-kiến, cứ một mặt đóng giữ các cửa thành-quách là khiến cho binh Hà-tiên ở lâu mệt mỏi, lương-phạn kiệt-quệ, dẫu không đánh mà quân cũng tự vỡ vậy. Từ-hầu đóng quân ở ngoài cửa Bắc-nam, hơn nửa tháng, sự không thành; kế có cơn bão to làm hư đắm cả gần nửa số chiến-thuyền, bèn phải bỏ chạy qua núi Nơm 覆釜山 rồi phải bệnh mà thác.

Năm sau, ông Thiên-Tích lại sai con của em gái ông là Trần-Hầu 陳侯, (nguyên là cháu Trần-Tương 陳將 làm tướng đời Minh) làm chức Thắng-thủy đề-đốc vừa binh thủy vừa binh lục năm vạn (1) sang đóng ở đất Chinh-bung (*Chantaboun*), thế trận dài hơn 10 dặm, chiếm-cứ đồn-bảo để thừa-cơ đánh lấy thành Vọng-các. Trịnh Tân mới sai tướng là Trần-Lai 陳來 đem binh sang cứu-viện đất Chinh-bung, bị Trần-Hầu đánh một trận đại-bại chạy về Vọng-các. Từ ấy, Trịnh Tân không ra binh nữa, truyền bế các ngõ hiểm-yếu để làm cho mệt-mỏi nhễ-nhại quân binh Trần-Hầu.

Trần-Hầu nghĩ được chước bảo hoàng-tử Xiêm là Chiêu-Tụy mật đưa thơ vào thành cho dân nước ấy làm nội-ứng, nhưng thế-lực uy-quyền Trịnh Tân lúc bấy giờ còn đương mạnh lớn lắm, chúng dân Xiêm lấy làm khiếp sợ nên cũng không làm được việc gì.

Trần-Hầu đóng binh ở Chinh-bung hơn hai tháng, quân-lính bất-phục thủy-thổ, sơn-lam chướng-khí, lệ-dịch nổi lên; số quân chết hao nhiều, Trần-Hầu lại cũng bệnh nặng; chư-tướng mới phải gửi thơ về ông Thiên-Tích hay. Được tin, ông Thiên-Tích liền truyền cho thoái-binh, về Hà-tiên thì hao đã quá nửa.

Cũng trong lúc Trần-Hầu đi đánh Xiêm ấy thì có người Trần-Nghiệt 陳孽 tụ-tập đồng-đảng ở Bạch-mã-sơn (*Kép*) sang cướp phá Hà-tiên, nhưng phải quân binh ông Thiên-Tích đánh tan và bắt được kẻ giặc rất nhiều, còn Trần-Nghiệt thì chạy thoát được về ở Chinh-bung.

Mặt bắc thì có giặc Cao-miên là Nặc-Phôn, lại có các đảng kẻ cướp tụ-tập ở Long-áo (Vũng-thơm), ở Cần-bột, sang cướp phá, đều phải quân binh ông Thiên-Tích bắt giết được kẻ đầu đảng.

Khi ấy, ông Thiên-Tích dâng biểu về vua Định-vương tạ-tội việc đánh Xiêm thất-bại và tâu các việc giặc Cao-miên quấy-nhiễu; các miền ấy tuy vua Nặc-Tôn đã cắt nhượng cho Nam-triều rồi, nhưng cũng có người dân họ không chịu ở yên, vẫn muốn khởi lên đánh phá luôn. Vua Định-vương bèn dạy quan Điều-khiển ngũ-dinh ở Gia-định là Khôi-đức-hầu nếu từ đây ở Hà-tiên có báo-cáo sự nguy-cấp thì phải kíp đem binh đến cứu-viện, còn trấn Hà-tiên phải hư-trương thanh-thế luôn để trấn-áp người Cao-miên. Quan Điều-khiển Khôi-đức-hầu bấy giờ lại sinh bụng tham-nhũng, thường đòi cung-đốn lễ-mễ ở ông Thiên-Tích

(1) Sở binh trấn Hà-tiên khi ấy mà nói là năm vạn thì nhiều quá, có lẽ không thực.

luôn, ông không xử cho được vừa lòng thì quan Khôi-đức-hầu lại đem bụng oán giận, đó mà gây nên cái tai-vạ cho trấn Hà-tiên.

7. — Binh Xiêm-la đánh lấy trấn Hà-tiên. — Tháng mạnh-đông năm tân-mão (1771) Trịnh Tân binh-thế đã mạnh, lại vừa chinh-phục được đất Lục-khôn 六 崐 (?) về, binh-nhuệ dũng-thịnh, mới cử đại-binh sang đánh Hà-tiên. Có Trần-Nghiệt là người phải ông Thiên-Tích đánh đuổi ở Bạch-mã khi trước, sung vào đội quân tiên-phong cảm-tử, trước hằng đánh lấy đất Lộc-sơn, binh-thế mau nhẹ như nước tràn.

Nghe tin giặc đến, ông Thiên-Tích kịp có tờ báo cho quan Khôi-đức-hầu hay và xin binh đến cứu-viện. Quan Khôi-đức-hầu vì oán giận ông Thiên-Tích trước, nên không chịu phát-binh. Quân trấn Hà-tiên lại vừa mới phải bệnh hao chết ở Chinh-bung năm trước, binh thế đã suy yếu đi mất nhiều, nên không thể sao đương chống được binh Xiêm. Ông Thiên-Tích sai con là Tử-Thượng quản suất chiếc thuyền đóng ở quanh Đông-hồ và ngoài cửa Kim-dữ giữ đường thủy; còn Tử-Dung đô-đốc lục-binh đóng ở miền Lư-khê sắp xuống và miền Lộc-trĩ sắp ra, hai đạo giữ đường bộ, cùng các binh tướng ngăn đón các yếu-lộ, đánh nhau với binh Xiêm được hơn nửa tháng. Trong thành đã nguy, ngoài không binh cứu, thế giặc càng ngày càng dũng-mãnh bội phần, vừa binh thủy vừa binh lục chia làm ba vòng vây phủ, đóng dài từ miền Nam-phố cho đến đất Lộc-sơn. Thừa đêm tối, binh Xiêm trèo lên được núi Tô-châu rồi từ trên ấy phát đại-pháo bắn xuống thành, kho thuốc đạn trong thành nổ cháy, quân binh Hà-tiên đại-loạn. Ông Thiên-Tích cố đánh liều với giặc, thế cùng xã-tắc cùng mất mà không chịu bỏ thành. Chư-tướng liệu không chống cự được mãi, sợ có nguy đến tính-mạng, mới nghĩ chước nói dối ông Thiên-Tích xuống thuyền để đánh đường thủy. Khi ông xuống thuyền rồi, chư-tướng mới đốc binh noi đường sông chạy lên đồn Giang-thành rồi noi đường bộ chạy ra Châu-đốc (1).

Binh Xiêm lấy được trấn Hà-tiên, thu vét của-cải, cướp bóc nhân-dân, vô-sở bất-chí. Còn con gái và các cơ-thiếp của ông Thiên-Tích phần nhiều đều bị binh Xiêm bắt giết hại.

Duy có Tử-Thượng và Tử Dung cố chết đánh tháo lấy ngõ chạy, thoát được vòng vây ra đường biển về Gia-định. Chừng ấy quan Điều-khiển Khôi-đức-hầu mới hay trấn Hà-tiên đã thất-thủ, bèn cho binh xuống Châu-đốc đón ông Thiên-Tích. Lúc ấy, binh Trịnh Tân đã lấy được Châu-đốc nữa mà đuổi theo ông Thiên-Tích đến Cù-lao-Giêng. Quan trấn-thủ Đông-khẩu-đạo (Sa-đéc) biết tin đem binh xuống đón đánh thua được đạo quân tiên-phong của Xiêm. Trịnh Tân bèn rút đạo hậu-quân về, để tưởng là Trần-Liên ở lại giữ Hà-tiên rồi tiến quân lên đánh Cao-miên. Quốc-vương là Nặc-Tôn phải bỏ chạy. Trịnh Tân bèn lập Nặc-Tôn (cùng ở Xiêm theo về với Trịnh Tân) lên làm vua. Rồi đóng quân ở thành Nam-vang có ý muốn dòm ngó Gia-định.

Ông Thiên-Tích về Gia-định rồi mới dâng biểu tạ tội. Vua Định-vương và triều-thần xét việc thất-bại ấy là bởi tại quan Khôi-đức-hầu không đưa binh cứu-viện. Nên đến tháng 6 năm nhâm-thìn (1772) mới sai quan Đốc-chiến là Đàm-luân-hầu (Nguyễn Cửu-Đàm 阮 久 覃) và quan tham-tán là Hiếu-hạnh-hầu đem binh Bình-hòa (có lẽ là Khánh-hòa mà chép lầm chăng)

(1) Khi ấy kinh Vĩnh-tế chưa đào; kinh này khởi đào năm 1819 (?) đời vua Gia-long.

Bình-thuận, thủy-sư trăm chiếc vào Gia-định làm tội quan Khôi-đức-hầu biếm xuống cho làm chức cai-đội. Quan Đàm-luân-hầu lại giữ chức Điều-khiển Gia-định đem hai đạo binh Bình-hòa Bình-thuận hợp với binh ngũ-dinh cùng ông Thiên-Tích lên đánh Trịnh Tân ở Nam-vang. Trịnh Tân thua chạy về Hà-tiên, còn Nặc-Non cũng chạy về Cầu-bột. Nặc-Nôn lại làm vua xứ Cao-miên.

Trịnh Tân về đến Hà-tiên rồi sai người đưa thơ xin hòa, ông Thiên-Tích không chịu. Trịnh Tân bèn để Trần Liên ở lại giữ Hà-tiên, rồi bắt hầu thiếp và con gái ông Thiên-Tích cùng Chiêu-Tụy đem về nước. Chiêu-Tụy về Xiêm thì liền phải Trịnh Tân giết chết. Ông Thiên-Tích về đóng ở Trấn-giang, vua Định-vương dạy quan Điều-khiển ngũ-dinh cấp cho ông 3000 quân và 300 khẩu súng để lo việc khôi-phục Hà-tiên (1).

Năm qui-tị (1773) vua Định-vương lại dạy ông Thiên-Tích cho người qua Xiêm giao-hảo. Ông Thiên-Tích bèn cho kẻ xá-nhân là Trịnh-Tú 鄭秀 sang Xiêm thương-thuyết các việc. Trịnh-Tân bằng lòng mới trả những người bắt ở Hà-tiên khi trước, trong đó có bà thiếp thứ tư ông Thiên-Tích và người con gái 4 tuổi; lại truyền cho Trần Liên rút binh về Xiêm mà giao trả trấn Hà-tiên lại cho ông Thiên-Tích. Ông Thiên-Tích sai Tử-Hoàng lãnh thành, ít lâu rồi ông cũng về Hà tiên; vua có chiếu dạy ông súc-dưỡng binh-quân và sửa-sang lại việc trong trấn.

Trấn Hà-tiên thì đã bị tàn phá hư hại rất nhiều, ông Thiên-Tích bấy giờ tuổi đã già, thấy cơ-nghiệp một phút nghiêng đổ thường ngày tỏ ra sắc buồn rầu.

8. — Họ Mạc giúp vua Nguyễn chống với Tây-sơn. — Năm giáp-ngọ (1774) nhân có quyền-thần là Trương Phúc-Loan chuyên-quyền, vua Định-vương tuổi nhỏ thế yếu nên ở Qui-nhơn có binh Tây-sơn ba anh em ông Nguyễn Nhạc, Huệ và Lữ dấy lên, đàng Bắc thì Trịnh-vương bấy giờ là Trịnh Sâm sai đại-tướng Hoàng Ngũ Phúc vào đánh lấy Phú-xuân, vua Định-vương và các quan thua chạy vào Quảng-nam. Vào Quảng-nam rồi, vua Định-vương lập cháu là ông Nguyễn Phúc-Dương 阮福暘 lên làm Đông-cung. Được ít lâu thì binh Tây-sơn kéo lên đánh Quảng-nam, vua Định-vương chống không nổi bèn để Đông-cung ở lại chống giữ Quảng-nam rồi cùng người cháu là ông Nguyễn Phúc-Ánh xuống thuyền chạy vào Gia-định. (Ông Phúc-Ánh gọi vua Định-vương bằng chú. Phúc-Ánh là con Hiếu Khương-vương phải Trương Phúc-Loan phế khi Võ-vương truyền ngôi. Hiếu Khương-vương là con thứ hai vua Võ-vương, còn vua Định-vương là con thứ 16).

Nghe vua vào Gia-định, ông Thiên-Tích đem các con đến yết-kiến; vua Định-vương phong tước cho ông là Quốc-lão quận-công, lại phong cho Tử-Hoàng làm chức Chưởng-dinh; Tử-Thượng làm chức Thắng-thủy khâm-sai cai-cơ; còn Tử-Dung làm chức Khâm-sai Tham-tướng cai-cơ.

---

(1). — Chép đoạn này rất lấy làm lạ là khi đã đuổi được binh Trịnh Tân chạy rồi, sao không thừa-thắng đánh lấy lại Hà-tiên luôn. Nếu nói là trấn Hà-tiên hiểm-địa mà Trần Liên cứ cố-thủ, nên không đánh được, thì nghe cũng không có lý; vì trước kia ông Thiên-Tích chẳng cũng cố-thủ mà Trịnh Tân vẫn đánh phá được. Hoặc lúc ấy trong nước có việc mà các quan-quân phải rút về thì không biết chừng.

Ông Thiên-Tích bèn sai Tử-Dung đem quân theo quan lưu-thủ Long-hồ là ông Tống Phúc-Hợp 福福合 đem quân đánh với Tây-sơn, lấy lại được ba phủ Bình-thuận, Diên-khánh và Bình-khánh. Ông Tử-Dung ở chốn quân-thứ trận-mạc thường tỏ ra người dũng-cảm khẳng-khái, ai nấy đều khen phục. Lúc ấy lại có quân họ Trịnh ở bắc đánh xuống. Tây-sơn liệu không chống được, một mặt thì lo lót xin hàng Trịnh-vương, chịu tước phong của Trịnh-vương, vì là vì họ Trịnh đánh lại họ Nguyễn ; còn một mặt lại rước Đông-cung (khi Định-vương chạy về Gia-định thì Đông-cung Dương còn ở lại Quảng-nam về gả con gái cho để giả tiếng về hàng vua Nguyễn. Vì thế mà ông Tống Phúc-Hợp không phòng-bị nên phải binh Tây-sơn đánh thua to.

Năm Bính-thân (1776) Tây-sơn Nguyễn Lữ vượt biển vào đánh Gia-định, lấy thành Sài-côn, vua Định-vương phải chạy về Trấn-biên (Biên-hòa). Bấy giờ có ông Đỗ Thanh-Nhân 杜清仁 chiêu tập binh Đông-sơn đánh lấy lại được thành Sài-côn. Nguyễn Lữ cướp lấy thóc gạo rồi về Qui-nhơn.

Trong lúc ấy Đông-cung Dương cũng trốn được về Gia-định, có Lý Tài là người Tàu, trước là tướng của Tây-sơn, nay lại trốn theo Đông-cung, rước về thành Sài-côn lập lên làm Tân-Chính vương 新政王, tôn vua Định-vương lên làm Thái-thượng-vương.

Năm đinh-dậu (1777) hai anh em Tây-sơn ông Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem binh thủy-bộ hai đạo vào đánh úp Gia-định. Lý Tài chống không nổi, bỏ chạy. Tân-chính-vương chạy về bến Trà (thuộc Định tường), rồi chạy về Ba-vác (thuộc Vĩnh-long), còn Thái-thượng-vương và cung-quyến thì chạy sang Trấn-giang. Ông Thiên-Tích đến đón vua tại Trấn-giang, sai quan ngũ-nhung cai-cơ hộ-giá vua và cung-quyến noi đường sông xuống Long-xuyên (Cà-mau (1). Còn ông thì ra giữ Kiên-giang (Rạch-giá) để đón binh Tây-sơn (2).

Chẳng bao lâu Tây-sơn Nguyễn Huệ đuổi kịp bắt được Thái-thượng-vương ở Long-xuyên, Tân-chính-vương (3) ở Ba-vác, cả hai chú cháu đều điệu về Gia-định mà giết đi. Còn ông Nguyễn Phúc-Ánh xuống được thuyền chạy trốn dọc theo Khoa-giang (sông Ông Đốc)

---

(1). — Cà-mau trước là Long-xuyên mà Long-xuyên bây giờ thì trước gọi là Đông-xuyên 東川.

(2). — Sách *Mạc-thị gia-phả* đoạn này có chép thêm rằng : Lúc này Tây-sơn biết cha con ông Thiên-Tích giúp vua Nguyễn đắc-lực, nên đưa thơ khuyên ông về hàng, thì ông Thiên-Tích đại-phát-nộ nói rằng : « Nhà ta hai đời thần-phục Nguyễn-triều, há có thể bỏ chủ cũ mà theo giặc được vay ! » Rồi truyền chém kẻ sứ-giả. Bèn có kẻ trưởng-hạ là quan Phương-đức-hầu 芳德侯 ngăn nói rằng : « Không hàng thì chỉ nên từ khước đi mà thôi, chẳng nên chém kẻ sứ-giả, nay ta vì giận một lúc mà giết một người của họ, sau này nếu Tây-sơn mà thắng được, muốn hả giận thì sẽ giết hại một số nhiều người dân ta, thì đó là một cái tai vạ cho mai hậu vậy ». Ông Thiên-Tích nghe lời mà cho kẻ sứ-giả của Tây-sơn về.

Nay xét lại không dám tin là chắc lắm, vì lúc bấy giờ Tây-sơn đương mạnh, họ Mạc không có lẽ làm cho ba anh em họ Nguyễn đủ sợ mà phải có thư dụ hàng này được. Ngờ là người sau phụ-hội chăng.

(3). — *Mạc-thị gai-phả* chép rằng : Hoàng-tử Đồng là sai. Đồng 鋼 là em ông Phúc-Ánh, con Hiếu-khương-vương.

nhờ có cá sấu mà khỏi bị binh Tây-sơn bắt được, rồi trên chạy ra hòn Thổ-châu (*Poulo Panjang*).

Lúc bấy giờ ông Thiên-Tích ở Kiên-giang liệu không chống được binh nghịch và cũng chưa hay tin Thái-thượng-vương ra làm sao. Tháng 9 năm ấy bèn cùng với hoàng-tử Xuân (con thứ 17 vua Võ-vương) chạy ra đảo Phú-quốc. Chúng-dân hay tin ông đi, dắt nhau đi theo đông lắm, ông sa nước mắt khóc mà không nỡ bỏ, bèn phải cho sửa thêm thuyền bè để chở. Đến Phú-quốc thì có cai-đội Xoài theo báo rằng : Thái-thượng-vương và Tân-chính-vương đã bị hại. Ông Thiên-Tích được tin, thống-khốc đến bỏ cả ăn ngủ, có các tướng khuyên nói mãi ông mới nguôi bớt.

Ông bàn với hoàng-tử Xuân nên chạy tránh xa đường giặc để dưỡng binh rồi sẽ liệu cơ mà đánh lại, bèn đem nhau qua ở đất La-xan (khỏi Chinh bung). Có kẻ tùng-quan khuyên ông nên qua nước Đông-Thổ-Châu (*Malacca* ?) là chỗ ông quen biết, từng giao-thiệp với vua chúa miền ấy, để nương tựa và mượn binh mưu-toan sự khôi-phục. Ông chưa nhất-định thì Trịnh Tân hay được tin ông đến, bèn sai tướng là A-Mị và Đôn-Kiều (con vua Cao-miên ở Xiêm) sang rước ông. Ông ban đầu còn từ chối, sau vì sợ Trịnh Tân lấy làm điều mà nghi-nan, lại các tướng bàn nói, hoặc là thừa dịp này may mà có nhờ binh Xiêm giúp được chăng, nên tháng chạp năm ấy thì ông đem kẻ tùng-dân đến Vọng các ra mắt Trịnh Tân. Trịnh Tân xuống ngai cầm tay ông khuyên bỏ chuyện cũ và tiếp đãi ông rất trọng-hậu.

9.— Họ Mạc tuẫn-tiết ở Xiêm-la. — Trong lúc Thái-thượng-vương, Tân-chính-vương bị Tây-sơn giết hại, ông Thiên-Tích và hoàng-tử Xuân chạy trốn ở Xiêm-la, thì ông Nguyễn Phúc-Ánh thoát được, lo chiêu-tập quân-binh. Cuối năm đinh-dậu (1777) ông nghe Tây-sơn kéo quân về Qui-nhơn rồi, mới cùng với bọn ông Đỗ Thanh-Nhân các tướng khởi binh từ đất Long-xuyên tiến lên lấy được Long-hồ và về đánh thua được tướng Tây-sơn cho trấn-thủ Gia-định là Tổng-đốc Chu ; tháng 11 thì lấy lại được thành Sài-côn. Các tướng tôn ông Nguyễn Phúc-Ánh lên làm Đại-nguyên-soái nhiếp quốc-chính 大元帥攝國政.

Khôi-phục được đất Gia-định rồi, ông Nguyễn Phúc-Ánh sai Lưu Phúc-Trung sang thông-sứ với nước Xiêm-la và cho bọn ông Thiên-Tích và hoàng tử bay mà về nước. Trịnh-Tân không muốn cho về, lấy cớ nghi là thơ giả nói rằng : « Lúc hoạn-nạn kẻ bầy tôi không cùng theo nhà vua, mà lúc khôi-phục, được bình-an rồi, nhà vua sao lại có nghĩ đến kẻ bầy tôi bao giờ ; ở đời được ai là người hảo-tâm như thế, vậy để dò-la tin-tức lại cho đích-thực đã ». Ông Thiên-Tích và hoàng-tử Xuân không thể làm sao được.

Mùa xuân năm canh-tí (1780) ông Nguyễn Phúc-Ánh xưng vương-hiệu ở Gia-định. Năm ấy Nguyễn-vương lại sai Cai-cơ Tham và Phó-cơ Tịnh đem thư xuống Xiêm lần nữa mà xin cho bọn ông Thiên-Tích và kẻ tùng-dân về nước. Trong khi hai người sứ Xiêm đợi lệnh Trịnh Tân thì có chiếc tàu buôn của Xiêm ở Quảng-đông về ngang Hà-tiên, bị quan lưu-thứ ở đấy là Chưởng-thủy Thăng bắt cầm lại giết người, cướp lấy của, thì ra là thuyền của Trịnh Tân cho đi buôn. Trịnh Tân hay được tin ấy, liền cho bắt Tham và Tịnh hạ-ngục, rồi cho hoàng-tử Xuân và ông Thiên-Tích hay, bảo gởi thơ về Gia-định hỏi Nguyễn-vương xem vì cớ làm sao vừa có thư giao-hảo lại có sự bắt thuyền buôn này. Sốn người

thuộc-viên mang thư ấy đi từ tháng 5 đến tháng 10 chẳng thấy tin-tức ra sao cả. Giữa lúc ấy lại có người Bồ-Ông-Keo từ Cao-miên về dâng cho Trịnh Tân một bức thơ, nói rằng thư ấy bắt được trong mình một người An-nam tên là đội Thận ở cầu Thạch-kèo. Thư ấy làm ra lời Nguyễn-vương mật gửi cho bọn ông Thiên-Tích bảo liệu cơ làm nội-ứng mà lấy thành Vọng-các. (1)

Trịnh Tân lấy việc bắt thuyền buôn trước và việc bức thơ này làm hai điều phù-hợp nhau, nên đại-phát-nộ, bèn đem ông hoàng-tử Xuân và ông Tử-Dung ra tra-tấn để hỏi sự phản-bạn ấy. Hoàng-tử Xuân đang có bệnh, bị đánh trên lưng chịu không được phải khai liều là có, còn ông Tử-Dung cứ khẳng-khái không chịu cung-xưng. Trịnh-Tân bèn truyền lệnh hạ-sát. Ông Thiên-Tích thấy việc đã hư vừa buồn lòng, vừa bực chí, nên ngày mồng 5 tháng 10 năm canh-tí (1780) ông nuốt vàng (2) mà tuẫn-tiết ở một nhà tư-xá, thọ hơn bảy-mươi tuổi.

Ôi! cái chết mà cao-thượng, mà trong-sạch thay! Ông nuốt vàng mà chết là bụng ông đối với tính-chất vàng không thẹn. Tấm lòng ông sẽ cùng với sắc vàng thiên-vạn-cổ về sau còn dỏ còn son, tấm son gột rửa bao giờ cho phai, thì tinh-thần ông sẽ cùng với tinh-anh vàng thiên-vạn-cổ về sau còn thọ, chết là thể-phách còn là tinh-anh; mà cái di hận của ông tưởng cũng là cái di-hận thiên-vạn-cổ về sau còn cùng với chất vàng không tiêu-mòn được, sầu này dằng-dặc muôn đời không quên!

Ông Thiên-Tích thác rồi, qua ngày 24 tháng 10 ông hoàng-tử Xuân cũng mất; con cháu họ Mạc 36 người và kẻ tùng-nhân 17 người, cả thấy là 53 người đều bị Trịnh Tân giết hại. Duy có ba người con nhỏ của ông Thiên-Tích có lẽ là con của hầu-thiếp là: Tử-Sanh, Tử-Tuấn và Tử-Thiêm nhờ một ông quan Xiêm tên là Ỷ-La-Hom có bụng tân-tuất xin Trịnh Tân để cho nuôi, và bốn người cháu nội ông Thiên-Tích là: Công-Bình, Công-Du, Công-Tài và Công-Thê đều còn nhỏ cả thì nhờ người dân-gian đem giấu nên khỏi bị hại.

CHƯƠNG SAU.

1. Con cháu và lăng-miếu họ Mạc. — Năm tân-sửu (1781) Trịnh Tân sai tướng Xiêm là Chất-Tri và Xô-xi hai anh em sang đánh Cao-miên, vua bấy giờ là Nặc-Ấn. Nguyễn-vương sai quan, Chưởng-cơ là ông Nguyễn Hữu Thụy 阮有瑞 và ông Hồ Văn-Lân 胡文璘 đem ba ngàn quân sang cứu nước Cao-miên. Trong khi quân Xiêm đang chống giữ với quân An-Nam ở Cao-miên thì ở Xiêm Trịnh Tân bắt giam cả vợ con của hai tướng nên hai anh em Chất-Tri, Xô-Xi oán giận, mới giao kết với ông Nguyễn Hữu-Thụy rồi kéo binh về đánh trả lại Trịnh Tân. Ngay lúc ấy ở nước Xiêm cũng có loạn, người Phi-nha-oan-sảng đánh đuổi được Trịnh Tân mà cướp

---

(1) — Có chỗ bảo: Nguyên thơ ông Thiên-Tích sai đưa về Gia-định trước kia phải Tây-sơn bắt được, sợ nếu để cho Nguyễn-vương ỷ-giốc vào nước Xiêm được thì khó đánh, nên mới có bức thư giả này làm kế phản-gián cho Xiêm-la tuyệt-giao với Nguyễn-vương đi. Nay xét chưa dám chắc.

(2) — Nuốt thứ vàng lá dùng để sơn thếp; vàng vào làm bí các khiếu, ngạt hơi mà chết.

lấy ngôi vua. Chất-Tri về đến Vọng-các sai quân tìm bắt được Trịnh Tân đem giết, giết cả Phi-nha-oan-sảng rồi tự-lập mình lên làm vua xưng là Phật-vương, phong em là Xô-Xi làm đệ-nhị-vương, cháu là Ma-Lặc làm đệ-tam-vương.

Từ đó vua nước Xiêm-la đãi người An-Nam ở bên ấy rất là tử-tế.

Năm qui-mão (1783) binh Tây-sơn đánh lấy lại được Gia-định, Nguyễn-vương phải chạy ra đảo Phú-quốc, tướng là ông Chu Văn-Tiếp chạy sang cầu-cứu với vua Xiêm. Đầu năm giáp-thìn (1784) thì vua Xiêm Thất-Tri mời Nguyễn-vương sang Vọng-các để bàn việc cho mượn binh. Khi ấy các con cháu ông Thiên-Tích đến yết-kiến vua, có Tử-Sanh được 16 tuổi, vua phong làm chức Tham-tướng, Lý-chánh-hầu. Khi Nguyễn-vương viện được binh Xiêm thì Tử-Sanh về giữ trấn Hà-tiên.

Năm 1789 ông Tử-Sanh mất, Nguyễn-vương truy-phong là : Chưởng-cơ tham-tướng Lý-chánh-hầu 掌奇參將理政侯 và sai người xuống Xiêm đón các con cháu họ Mạc về thay. Vua Xiêm cho triệu bà thiếp đệ-tứ-phòng của ông Thiên-Tích và con là Tử-Thiêm lại với các cháu là Công-Bích, Công Du, Công-Tài và Công-Thê, hậu-tặng cho vàng-bạc lụa-là, rồi cho thuyền tiễn về nước. Vua Xiêm lại phong cho Tử-Thiêm chức Chiêu-phi-nha-la-tha (một chức quan Xiêm) và làm lễ đưa hương-cốt ông Thiên-Tích, các con và các quan tuẫn-tiết ở Xiêm lúc nọ về Hà-tiên. Về đến Hà-tiên, ông Tử-Thiêm đến yết-kiến Nguyễn-vương ở hành-cung thành Bình-định (1). Nguyễn-vương phong cho ông Tử-Thiêm chức Hà-tiên-trấn khâm-sai trấn-thủ cai-cơ Thiêm-lộc-hầu 河仙鎮欽差鎮守該奇添祿侯, cho về giữ trấn Hà-tiên ; phong cho ông Công-Bính chức Long-xuyên-đạo khâm-sai lưu-thủ 龍川道欽差留守 cho về giữ đạo Long-xuyên.

Đến năm giáp-tí (1804) thì các con cháu và quan dân làm lễ an-táng di-cốt ông Thiên-Tích, ông Tử-Dung và các quan.

Năm 1808 ông Tử-Thiêm mất thì các con cháu họ Mạc đều còn nhỏ tuổi, nên trấn Hà-tiên có các quan khác thay một lúc. Mãi đến năm 1817 vua Gia-long mới phong ông Công-Du làm chức Hiệp-trấn-tham-hiệp Quan-đẳng-bàn 叶鎮參叶官滕侯 thay giữ trấn Hà-tiên.

Cháu ngũ-đại ông Mạc Cửu là Hầu-Hi 侯熙, Hầu-Diệu 侯耀, Hầu-Phong 侯烽 và cháu lục-đại là : Bá-Bình 伯坪, Bá-Thành 伯城, được phong chức cai-đội tập-ấm.

Đến cháu thất-đại là Mạc Tử-Khâm 鄭子欽 vô-tự, nên dòng họ Mạc đến bảy đời là đứt.

Sau Nguyễn-triều truy-phong cho ông Mạc Cửu tước là : Hà-tiên trấn, khai-trấn thượng-trụ-quốc, đại-tướng-quân, Nghị-vũ-công 河仙鎮, 開鎮上柱國, 大將軍, 毅武公 ; ông Thiên-Tích tước là Tổng-binh đại-đô-đốc, quốc-lão, Sùng-quận-công 總兵大都督國老崇郡公 ; ông Tử-Dung tước là : Tham-tướng cai-cơ, phụ-quốc tướng-quân, cẩm-y-vệ chưởng-vệ-sự, đô-đốc, chưởng-cơ, Lý-chính-hầu, 參將該奇, 輔國將軍, 錦衣衛, 掌衛事, 都督, 掌奇理政侯

Lăng họ Mạc hiện còn mấy ngôi lớn ở núi Bình-san, làng Mỉ-đức, tỉnh

---

(1) — Năm kỷ-mùi (1799) Nguyễn-vương đánh lần thứ ba, hạ được thành Qui nhân, đổi tên lại là Bình-định.

Hà-tiên ; còn thiếu sót mấy ngôi mộ của các con cháu chưa tìm thấy đủ. Có đền thờ là Trung-nghĩa-từ 忠義祠, dân Hà-tiên thờ làm phúc-thần ; có 12 đạo sắc truy-phong của ba vua Minh-mệnh, Thiệu-trị, Tự-đức và triều-đình có nghị cấp cho một sở Phong-ngạn (rừng ong) ở làng Dương-hòa, tổng Thanh-đi, để làm đất hương-hỏa đời đời.

.˙.

Phụ dịch bài bạt của ông Vũ Thế-Dinh

Sách *Mạc-thị gia-phả* này là chép theo những chuyện cũ đã qua : hoặc nghe ở thầy học tôi trước là Lâm-công có từng làm chức Ký-lục-quan ở trấn Hà-tiên, hoặc nghe ở miệng người đời truyền lại, hoặc thấy ở các sách xa, sách gần ; đại-lược là thế, còn không thể ghi chép được những chuyện tế-toái và ghi rõ được năm tháng ngày giờ. Thầy tôi bảo rằng : «Khi trước Mạc-công ngài cũng có chép lịch-sử họ Mạc và lịch sử đất Hà-tiên rất đủ, nhưng khi trấn Hà-tiên thất-thủ, thành-trì tàn-phá, sách vở tiêu-hủy, ngài lại phải bôn bá đi các nơi, sau đến phải tuẫn-tiết ở Xiêm-la, nên sách ấy đã thất-lạc mai-một đi rồi, khiến cho người đời sau rất lấy làm tiếc. Nay vì tôi truy-niệm đức trạch của lệnh-công ngài che-chở cho như trời đất, vì tôi khi lên chín tuổi đã mồ-côi cha, nhờ ngài đem về nuôi dưỡng dạy bảo ; bình-sinh rất lấy làm cúi thẹn không từng làm được một chút mảy-may gì để đền đáp cái ân-đức lớn nọ, huống nay tuổi-tác đã già yếu, bệnh-hoạn đưa đến luôn, nghĩ kiếp sống đã không làm ích gì được cho đời mà sau này chết rồi lại chẳng để được một chút công nghiệp gì, thì cũng chẳng là làm người không đáng lắm dư ? Lại huống-chi quan Hiệp trấn (trỏ ông Công-Du) này đối với Vi tôi là vì ân-chủ, mọi việc tử-sanh, hậu-sự đều nhờ gởi ở ngài.

Ngài bảo tôi chép quyển lược-ký này để truyền đời sau làm cái dấu vết cái vận-sự của cổ-nhân. Như thế thì Vi tôi há dám che dấu chỗ ngu-chuyết đơn hèn mà không cầm bút chép truyện được vay ? — Thoảng trong chư-quân-tử, ngài nào có nghe thấy được những điều đích-thực hơn nữa thì xin đính-chính lại cho, xem coi chỗ nào phải thì để, chỗ nào không phải thì bỏ đi ; được như thế thì rất lấy làm may-mắn cho Vi tôi vô-cùng vậy.

Hoàng-hiệu Gia-long, năm thứ 17 ; mậu-dần, tháng 6, ngày 19 (1818).

Hà-tiên-trấn, tùng-trấn cai-đội Đinh-đức-hầu, Vũ Thế-Dinh, Thận-vi-thị bái ký. 河仙鎮從鎮該隊營德侯武世營愼微氏拜記。

.˙.

Nghĩ vịnh ông Mạc Cửu và ông Thiên-Tích

(thể trường-thiên cổ-thi)

Chẳng đội trời Thanh-Mãn,
Tìm qua đất Việt-bang ;
Triều-đình riêng một góc,
Trung-hiếu vẹn đôi đường ;
Trúc-thành xây vũ-lược,
Anh-các dựng văn-chương ;
Tuy chửa là cô-quả,
Mà cũng đã bá-vương ;
Bắc-phương khi vỡ-lở,
Nam-hải lúc kinh-hoàng ;
Giang-hồ lòng lang-miếu,
Hãn-mặc thân chiến-trường ;
Đất trời đương gió bụi,
Sự-nghiệp đã tang thương ;
Anh-hùng lo thành-bại,
Tuẫn-tiết còn hiền-vang ;
Non Bình mây khói giận,
Hồ Đông trăng nước gương ;
Tâm-sự sau xưa dãi,
Nghìn thu một tấc vàng !

ĐÔNG-HỒ

LẬP-THÂN LUẬN (1)

立身論

I

1. —Thất-bại với thành-công.— Con đường suốt đời người ta đi, từ khi mới có sinh-dân cho đến bây giờ, rất là khó-khăn vất-vả. Ví như vượt thuyền qua bể, hoặc mới giong buồm đi mà gặp phải cơn bão, hoặc đi độ nửa đường mà vấp phải đá ngầm; không mấy kẻ đã hay vượt qua bể tình sóng dục, thung-dung vô-dạng đạt tới được trên bờ hi-vọng kia. Nước đã đổ rồi không thể thu lại được; gương đã vỡ rồi không thể tròn lại được, người ta vẫn thường có cái lo rằng nếu sai chân đi một bước là để hận đến nghìn đời, há chẳng nên cẩn-thận lắm ru! Kinh *Thi* rằng: « Nơm-nớp sợ-hãi, như tới vực sâu, như dẫy váng mỏng ». Chính là nói về nghĩa lo sợ suốt đời vậy! Nay ta lấy cái ngày tháng trong vài mươi năm để định cái cuộc nổi chìm thiên-cổ, vậy thì thành-công hay thất-bại, ai là chẳng chú-ý lắm thay. Nhưng đời người ta vượt bể ai cũng đều muốn mở cái đường hàng-lộ tân-kỳ, không có địa-đồ, không có luồng dẫn-cảng, chỉ coi cái lối xe đi trước, để làm cái gương cho xe đi sau mà thôi. Nay xin trung-cáo một điều cần nhất, là phải nên biết thành-công với thất-bại nó có quan-hệ với hạnh-phúc đời người ta lắm. Cái chủ-nghĩa ấy cũng có người bác đi; như là bọn giáo-đồ nhà Phật coi những sự mộng-ảo ở trên đời đều là bào-cảnh, cho rằng sự đời thành hay bại, không có quan-hệ gì đến sự an nguy của đời người. Lại có kẻ bắt-chước cái tà thuyết của Lão Trang làm ngu-lộng cả cõi đời, bảo rằng đời người nên chuộng thanh-tĩnh vô-vi, cũng đồng là một ý ấy cả. Người ta mà nếu muốn tự-lập ở trong đám kịch-trường văn-minh ngày nay, tranh phú-quí, đua danh-dự, thì tất phải cố gắng khắc-khổ, như là kẻ dũng-sĩ liều mệnh ở chốn cương-trường, ấy các bọn thanh-niên là phải nên tỉnh-ngộ như thế mới phải. Còn như suốt đời không bận-bịu sự gì, không phải là không vui; ngủ sớm dậy trưa không phải là không sướng; song những người ấy không thể sống ở cõi đời cạnh-tranh kịch-liệt này được. Các việc công-thương kỹ-nghệ không nói đến làm gì, cứ nói ngay những người trong phái đạo-đức tôn-giáo, cũng tất phải cố-gắng những cái đức: tinh-mẫn, hoạt-bát, trí-tuệ, nhẫn-nại, dũng-cảm, quả-đoán, để ra mà đua tranh với đời mới cầu hạnh-phúc được. Khắc-lạp-y-nhĩ có nói rằng: « Đời người ta đua nhau chạy càng hăng, thì người chạy phải nối gót nhau mới kịp. » Nguy thay cho những kẻ còn phải đứng dừng ở giữa đường để buộc nút giầy!

Thế-gian há lại không có kẻ nhân dịp may mà được thắng-lợi hay sao? Song cứ lấy cái thân-phận hoặc tư-cách mình đứng ở trên đời cao hơn mọi người, được hưởng-thụ giàu-có danh-giá, mà tự mình vẫn không biết là

(1) Nguyên là lý-thuyết Tây-phương, Thiện-trai 善齋 dịch-thuật đăng ở trong tập *Đông phương văn khố*.

hạnh-phúc, lại xướng lên cái thuyết để ngu-lộng đời người mà nói rằng: « Phú-quí lợi-đạt trông xa thì như quả lâm-cầm, đến khi nắm vào tay rồi thì như đất bùn; người ta lúc chưa được cứ cầu-cạnh mãi, lúc đã được rồi thì khác hẳn cái vật mình trông xa lúc nẫy, hình như cuộc thành-bại không có quan-hệ gì với hạnh-phúc đời người ta cả. » Không biết rằng hạnh-phúc đời người ta, không phải chỉ ở về cái lúc hưởng-thụ là sau khi đã đạt mục-đích rồi, mà chính ở về cái khi còn phải dùng thủ-đoạn để làm cho đạt tới mục-đích: vì như cái mục-đích trồng cây-cối hoa quả để dùng làm thức ăn; cái hạnh-phúc của nhà làm vườn dẫu chưa đến khi ăn quả mà thường nhân những khi sớm tối khó nhọc sửa-sang mà được hưởng cái khoái-lạc vô chừng. Thế cho nên tặng con hươu cho chủ đi săn, biếu con cá cho lão ngồi câu, vẫn quyết không bằng cái thú vui những lúc đi săn với đi câu của người ta, cũng như là đem tiền cho anh mán-mê đánh bạc, bảo chừa đi, quyết không thể chừa được cái chứng đánh bạc của nó. Khi xưa có ông nhà giàu, bị người con tiêu hoang-phí lắm, mới than rằng: « Nếu con ta tiêu hoang-phí của ta, mà được cái khoái-lạc cũng bằng cái khoái-lạc khi ta được cái tài-sản này, thì ta cũng chẳng tiếc gì. » Xem thế thì biết cái hạnh-phúc đời người ta, không phải chỉ ở về mục-đích, cũng không phải chỉ ở về thủ-đoạn, mà chính là bởi mục-đích và thủ-đoạn mới làm nên được cái khoái-lạc hạnh-phúc. Vậy nên thành-công là một sự cần cho hạnh-phúc lắm, mà thất-bại thì có hại cho hạnh-phúc đã hẳn rồi.

Song thành-công cũng có thứ bậc nhiều hạng, bất-tất hẳn là Ngưu-Đốn mới là người học giỏi, bất-tất hẳn là Á-lịch-sơn-đại mới là bậc anh-hùng, cũng bất-tất phải là bậc nhân-vật hạng nhất mới là được hạnh-phúc; chỉ cốt là tùy cái phận, hết cái tài mình, tuy không phải là Ngưu-Đốn mà cũng là người học giỏi, tuy không phải là Á-lịch-sơn-đại mà cũng là bậc anh-hùng. Thế gian há lại có lẽ không phải là quan đại-tể-tướng thì không được làm nhà chính-trị hay sao? Được làm đến bậc đệ-nhất lưu nhân-vật hay không, thì ta không có thể chắc được, nhưng ta chỉ làm cho hết cái nghĩa-vụ đương-nhiên mà thôi. Những người chỉ có tài-trí tầm-thường, mà muốn mong đạt cái dục-vọng phi-thường, tài kém mà bụng muốn lại nhiều thì sao thể được. Vì như cái người một chân dài một chân ngắn, chắc là không thể chạy nhanh được cho vừa lòng. Người đời lắm kẻ muốn làm được như Ngưu-Đốn, hoặc muốn làm được như Hoa-thịnh-đốn, hoặc muốn làm được như Tỷ-ty-mạch, chỉ lăm-le muốn những khởi từng lầu gác ở không-trung mà không được, rồi đến đầm đuối vào trong vòng thất-vọng, thực là nghĩ sai-lầm lắm vậy. Bác-sĩ Hoa-phủ-an có nói rằng: « Người đời không ngờ rằng làm đến bậc đại-nhân mà làm đến đại-nhân. » Ấy những hạng nhân-vật phi-thường vẫn thường không biết sở-dĩ làm sao mà thế. Vả lại người ta không phải là vì cái cớ làm nổi việc lớn mà thành bậc đại-nhân, chỉ nhân là bậc đại-nhân mà làm thành việc lớn. Xem như ca-khúc của Hòa-mĩ-nhĩ, kịch-bản của Sa-sĩ-tị-á, đều lưu cái tiếng bất-hủ đến muôn đời, những người ấy thực cũng không ngờ mà được như thế. Hòa-mĩ-nhĩ chỉ là ngủ trọ có một đêm, Sa-sĩ-tị-á chỉ là đi hát để nuôi miệng, mà tự-nhiên thành được bài ca khúc hát tuyệt-diệu, thực là sự chẳng ngờ. Tức như là Mã-đình-lộ-đức mà thành ra một người đại-hào-kiệt cải-cách tôn-giáo, cũng là không phải dự-kỳ như thế. Bên Mĩ có một viên đại-tướng là Khắc-lan-đa, lúc thường thì không có

cái gì khác người cả, ai vào yết-kiến tướng-quân đều lấy làm thất-vọng, vì cái tài-đức của tướng-quân ở về lúc ra trận làm công việc, xong việc rồi thì thôi không khác gì người thường, thế mà ông làm thành được những sự-nghiệp lớn - lao, không phải người tầm-thường làm nổi được.

Tóm lại thì người ta sinh ra ai cũng có tài có trí, nhưng tài trí mỗi người một khác, như mặt con người ta không ai giống ai vậy. Ai là người tầm-thường, ai là người anh-tuấn, không những người khác không thể định được cho đến mình cũng không thể biết được. Vậy nên người ta chẳng cứ là thiên-tài có hay không, nhưng chỉ cốt ở cố-gắng mà thôi. Cái người có tài có trí cũng phải nên cố-gắng đã đành, cái người không có tài trí mà hay cố-gắng thì cũng hay bù đỡ cho những điều hèn kém của mình. Xưa kia nước Ti-ba-đạt có một cậu bé con nói với mẹ chê thanh kiếm mình cầm ngắn lắm, mẹ bảo rằng : « Mày có tài thì tự làm dài ra. » Ấy cái người thiên-tài kém cũng nên như thế. Uy-lị-ân-phách có nói rằng : « Cố gắng mà làm thì có thể bù đỡ cái thiên-tài mình kém. » Nếu người nào hay dụng-tâm khó-nhọc, cứ một bụng chân-thành mà làm, thì có thể đời được cả núi, sao đến nỗi thất-vọng được.

2.—**Vận-mệnh.**—Có người ở trong cõi đời mà từ lúc sinh ra cho đến lúc chết không được lúc nào gặp vận cả, hoặc có người đương phú-quí mà chợt sa-sút phải bần-tiện, hoặc có người bần-tiện cả đời mà chẳng được phú-quí lúc nào, chịu phải ách-vận rất là khổ-sở, nhưng nghĩ cho kỹ thì không phải là vận nó xui nên thế, chẳng qua là người ta không chịu nhận cái lỗi của mình, chỉ cứ là đổ tội cho vận hết cả. Thế thì một chữ « vận » chẳng hóa ra tiện-lợi cho đời lắm ru. Từ khi trời đất mở-mang đến giờ, người ta vì làm thất-sách mà mắc đến tội-lỗi, không điều gì là không đổ cho vận; cũng có người nhân vận mà kiều-hãnh gặp may, thì lại nhận ngay là tài-lực của mình, chứ không chịu nhường cái công ấy cho vận ; thế thì « vận » là một cái vũng lầm lỗi ở trên cõi đời người, mà công-lao thì lại bị người ta nhận đi mất. Trong tiểu-thuyết có một truyện : Anh phu tàu nước Anh, nhân xẩy chân tự trên cột buồm sa xuống, may mà không việc gì, anh ấy liền đứng dậy trên mũi tàu, gọi to bảo những người phu tàu người Pháp rằng : « Các anh hèn thật, có tài nhẩy được như tôi không ? » Những người phu tàu Pháp đáp lại rằng : « Phải, nghề bay của tướng-quân, kinh-khiếp thật ! » Truyện ấy tuy là ngụ-ngôn mà thế-sự giống như việc ấy cũng nhiều. Ta thường thấy những anh thua cờ-bạc, những kẻ trộm cướp bị bắt giam, những người đi buôn bán thua lỗ, và những kẻ thư-sinh tài-trí còn kém mà không thành sự-nghiệp gì, có mấy ai chịu nhận lấy lỗi của mình mà chẳng đổ cho vận không ? Lỗi không cứ gì lớn hay nhỏ, tội không cứ gì trọng hay khinh, nhất-thiết là đều đổ cho vận cả, thế thì cái vận có ra gì nữa đâu.

Ôi, mệnh-vận với đời người ta không phải là tuyệt không có quan-hệ. Xem như bên nước Pháp về đời vua Lỗ-ý thứ XIV có một ông quan tể-tướng là Mại-tắc-lâm, bên nước Đức có một truyện người phú-hào tên là Lạc-tha-tê-đa, thì cái sự cầu may cũng là một điều cốt-tử trong con đường phú-quí lợi-đạt của đời người ta. Lại có kẻ bắt được con mèo mà làm nên giàu như là Hách-ý-khước-khắc-đăng ; có kẻ nhân đau - ốm mà tự-sát, thế nào lại đâm vỡ được cái ung độc trong bụng mà thành ra khỏi bệnh ; có kẻ bị tội phải cắt lưỡi mà thành ra khỏi bệnh nói lắp; có một người thợ vẽ, học vẽ mãi mà không khéo, nhân một hôm tức giận ném cái bút lên trên mặt giấy,

mà tự-nhiên thành ra một bức danh-họa. Đó đều là tại mệnh-vận với thành-công có quan-hệ với nhau, người ta vẫn cho là cầu may đó vậy. Ở về nhà thực-vụ thì cho là một dịp « thời-cơ » ; nhà luận-lý thì cho là một điều « cảnh-ngộ » ; tuy rằng tên gọi thì khác mà kỳ-thực thì giống nhau cả.

Bên nước Pháp có một nhà trước-tác có tiếng là Thai-nhân-thị nói rằng : « Trời đã lấy cái giống của người rắc lên trên mặt đất, tuy là cùng một giống, nhưng không thể phát-sinh mầm-mống hết cả được, bởi vì cái ôn-độ về thời-thế nó là cái cốt-tử để phát-sinh ra tài-năng đặc-biệt không thể thiếu được, nếu không có cái ôn-độ ấy thì tài-năng cũng không thể phát-sinh ra được ; nếu ôn-độ ấy mà thay đổi thì những giống loài tài-năng cũng phải thay đổi ; cái ôn-độ ấy đối với những tài năng loài khác vẫn khiến cho đào-thải dần đi, chỉ để thuần phát-sinh ra một giống tài-năng mà thôi, còn những giống khác thì đều trừ bỏ đi cả. » Vậy nên người ta dẫu đều có tài-năng mà vẫn phải chịu thời-thế nó hạn-chế ; kẻ anh-hùng hào-kiệt vì không gặp được thời-thế mà phải chịu vùi-lấp không được tỏ ra với đời ấy biết là bao. Bên nước Đức có Mao-kỳ tướng-quân, võ-công cũng không kém gì tướng-nghiệp của Ti-ti-mạch-khắc, thế mà đến sáu mươi mốt tuổi rồi người đời vẫn không ai biết, may mà trời cho sống lâu thêm ít tuổi nữa, lại may mà gặp khi ấy nước Đức nước Áo khai-hấn đánh nhau, ông mới hay lập được thành-công trong bảy chủ-nhật mà khải-ca trở về. Lại gặp khi ấy nước Phổ nước Pháp đánh nhau, ông lại hay lập được kỳ-công, từ đấy trong đế-quốc Nhật-nhĩ-man mới tỏ ra cái danh-tiếng tướng-quân Mao-kỳ, khen là một nhà binh-gia đệ-nhất bên Âu-châu. Than ôi ! ông Thái-công Vọng đã tám mươi tuổi, nếu không gặp ông Văn-vương, không gặp lúc cuối đời nhà Ân loạn-lạc, vua Văn biết đi tìm tướng tài, thì ông Thái-công chẳng qua cũng là một ông lão câu cá ở bên sông Vị mà thôi. Cổ-lai những người anh hùng hào-kiệt, học-sĩ văn-nhân vẫn thường phải chắc tin ở vận mệnh cả.

Kẻ học-giả La-mã là Phổ-lạp-y-ni có bảo rằng : « Người ta mà sở-dĩ thành-công, có kẻ bảo rằng chỉ nhờ về đức-nghĩa và tài-năng, nhưng chẳng qua là nhờ về vận-mệnh cả. » Lại có kẻ học-giả là Tây-tây-la thường kể những truyện các danh-tướng La-mã, bảo rằng nhân-dân mà đem binh-quyền ủy-thác cho các tướng ấy, không những là nhờ về tài dũng-mãnh của các tướng, lại nhờ về vận đỏ của các tướng nữa ; thế thì làm tướng ngoài cái tài-năng ra lại còn phải nhờ về vận, để nó giúp cho các tướng nổi danh-tiếng, đương được đại-sự mà thành được đại-công. Danh-tướng Ti-trại-nhĩ thường đi bể gặp phải cơn bão có bảo tên hoa-tiêu rằng : « Mày chở Ti-trại-nhĩ này và vận đỏ, thì quyết không đến nổi đắm tầu. » Ấy xưa nay vẫn tin về vận-mệnh như thế. Bồi-côn-công có nói rằng : « Cái sự ngẫu-nhiên ở bề ngoài nó sực đến, thường xui khiến cho người ta gặp dịp may. » Các danh-tướng nước Anh như lũ Mai-nhĩ-bồ-luân, Nạp-nhĩ-tốn đều có ý tin như thế cả.

Các bậc anh-hùng xưa nay thường nhân có một sự gì cỏn-con mà cho làm quan-hệ đến cuộc thân-thế còn hay mất ; như là Vật-lan-khắc-lâm chợt một hôm đọc bài *Thiện-hạnh-luận* của Mại-tắc-nhĩ, rồi thành ra ngôn-hành tư-tưởng một đời đều là nguyên-nhân từ đó cả. Bồi-trại-mẫu cũng chợt đọc tạp-chí thấy có bài văn nói về hạnh-phúc rất lớn của phần tối-đại-đa-số, thì cho ngay làm bí-quyết của một đời người. Ở Tô-cách-lan có một người anh-hùng là Phổ-nhĩ-ty mà bình-sinh trải biết bao nhiêu là sự tân-khổ gian-nan, thế

mà được toàn-sinh, chỉ một hôm đỡ một người đàn bà tự trên gác xuống, không may trượt chân mà đến chết. Nội-các đảng dân-quyền nước Anh, chỉ vì lỡ làm bẩn nước vào vạt áo của người đàn-bà, mà rồi đến mất quyền. Những việc ấy chẳng phải là ngẫu-nhiên ư? Người đời có kẻ ăn bánh mà chết, có kẻ nuốt dao mà không chết, giàu nghèo cùng đạt, bày ra đến hàng muôn nghìn vạn trò đời, vậy nên Dy-mật-ty-thị bảo rằng: « Đời người ta ví như người đi đường, hoặc có kẻ đem đầy-tớ đi hầu-hạ, thôi thì xỏ giầy mặc áo, mà mình cứ đi đứng ở trên đệm bông, gió không thể lọt được, mặt trời không thể soi đến được; cũng có kẻ đi đường phải dầm mưa dãi nắng, qua núi trèo đèo, chân tay trần-truồng, thịt xương dầu-dãi, than-thở về nỗi đi đường vất-vả.» Lời ví ấy rất là thần-tình!

Vận-mệnh nó có quan-hệ về cuộc thành-công như thế, thế thì người ta tất phải nhờ đến vận mới làm được thành-công hay sao? Cái vận thế nào không thể đoán biết trước được, thế thì người ta cứ chắc bằng ở cái số-vận không thể biết chắc được hay sao? Đời người ta như đi vượt qua bể, vận ví như gió, như nước trào, phong-trào mà không lợi, dễ thường thuyền ta phải đành chịu đứng đấy hay sao, hay là chịu cho nó chìm đắm đi hay sao? Nếu thuyền ta quả có đủ khí-cụ và năng-lực tài-giỏi thì phong-trào nào ngăn-trở được. Cái người mà sành-sỏi lão-luyện ra, thì tất là hay thừa cái thế-lực của phong-trào ấy, để toan đường tiện-lợi vượt qua. Thế thì người ta nếu mà có đủ trí-lực và dũng-khí làm thành được công việc, thì vận cũng không hay làm ách được. Huống-chi đời người ta hà lại không có một dịp nào gặp may, chỉ tự cái anh lười-biếng không biết lợi-dụng đó mà thôi. Người Tây có nói rằng: « Đời người không ai là không có lúc vận may, nếu không biết nhân dịp mà làm, thì cái vận may ấy vào tự đàng cửa ngõ, lại lọt ra đàng cửa sổ mất.» Hoa-lỗ-ti-khắc vốn là một tay luật-sư, mà bị phải những nhà tiên-bối họ chèn, lại không có sẵn tiền-của, không có người thân-cố, nên không thể nổi tiếng được; một ngày kia có cái án, bốn nhà tiên-bối đã đảm-nhiệm ra cãi, thế nào một người bị ốm không ra được, Hoa-lỗ-ti-khắc phải ra thay, ông phải suốt đêm trầm-tư mặc-tưởng, sớm mai ra phiên tòa, biện-bác hùng-hồn không ai bằng, từ đấy mới thành đại-danh, làm chức tư-pháp-khanh. Xem thế thì một ông luật-sư chợt bị đau, chính là một dịp tốt cho ông, nhưng nếu không có tài-lực giỏi-dang như ông thì sao hay thành-công được? Quan Tể-tướng nước Pháp là Lê-ty-nhĩ bảo rằng: « Cái người không gặp vận với cái người không có trí khôn, tên dẫu khác mà thực vẫn giống nhau cả.» Cái lúc mà vận nó lại, chỉ có người khôn ra mới biết, chứ như những kẻ ngu thì không xét biết được, đến lúc biết ra thì vận nó đã đi mất rồi. Cái vận đối với đời người ta, cũng như là mộ lính, nhân-dân ai cũng được ra ứng-mộ làm lính, đó là do mệnh-lệnh của chính-phủ, không ai hay cưỡng-bách được. Nhưng đến lúc đã ra lính rồi, thì cái sự làm thành-công hay không, là cốt ở tại mình dũng hay khiếp, cần hay nọa, quyền ấy đều chắc ở mình cả. Người Tây có nói rằng: « Đời người chỉ là vụt chốc mà thôi, lẽ nào lại cứ chịu ngồi rồi, bỏ phí quang-âm mà chỉ thở dài về hung-vận; nếu cái vận may làm thành-công nó không đến với ta, thì ta cứ giấn lên mà làm cho thành-công, quyết không khi nào do-dự!» Người ta nếu mà có cái tinh-thần như thế, thì hung-vận cũng biến làm cát-vận, chuyển bại làm thắng có khó gì đâu.

(*Còn nữa*) ĐÔNG-CHÂU *dịch*

Cửa chánh môn ở đền thờ họ Mạc (Trung-nghĩa-tư)

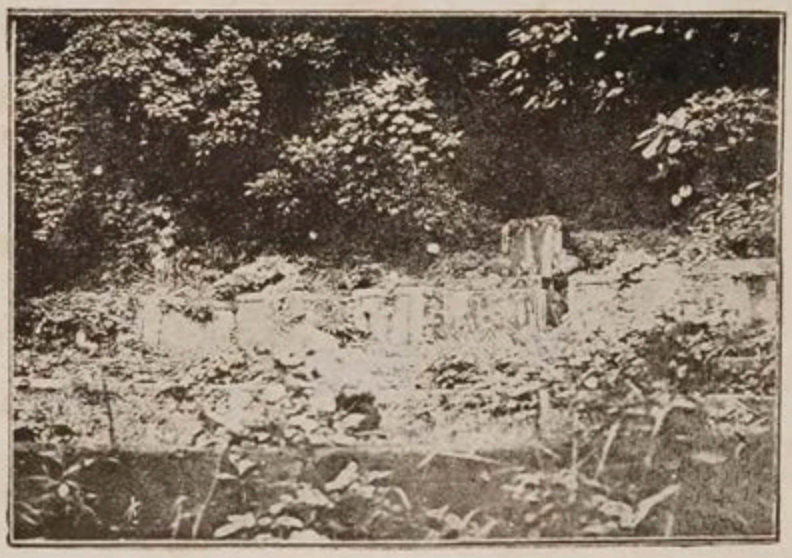

Mộ ông Mạc Cửu ở núi Bình-san

Kinh ảnh Tống Nguyệt-Huê

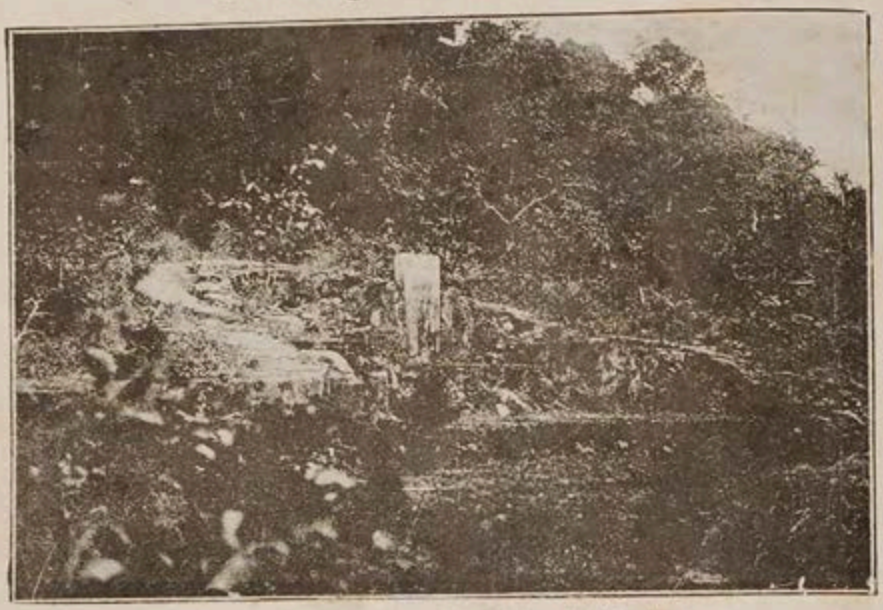

Mộ ông Mạc Thiên-Tích ở núi Bình-san

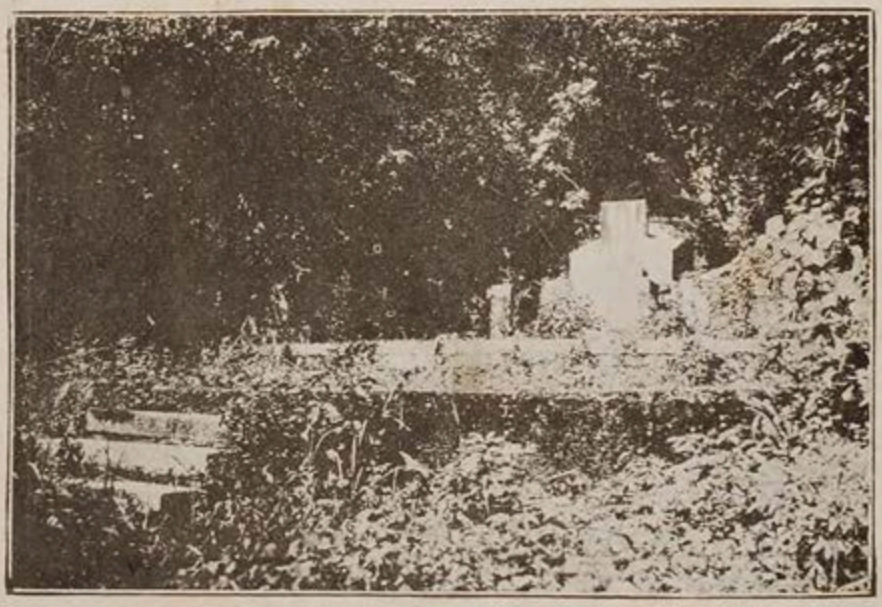

Mộ ba thiếp của ông Thiên-Tích ở núi Phù-dung

Kinh ảnh Tống Nguyệt-Huê

TẶNG BẠN CHÁN ĐỜI

(Câu chuyện tự-tử)

Mưa sầu từng trận, gió thảm từng cơn, trường khổ-não từng phen gan ruột đứt, khóc đoạn-trường đã khô nước mắt, nỗi đau-đớn tưởng như sức mình không tài nào chống lại được nữa. Bể trầm-luân chơi-vơi con sóng, nỗi chìm quá chán, một hai tôi những toan bài quyên-sinh. Thường nghĩ rằng kiếp người nặng nợ, sống ngày nào khổ ngày ấy. Vả hữu-sinh hữu-tử, đã có khóc oa là có chết, thời một sự chết của con người ta, chẳng trước thì sau, kịp chầy âu cũng một lần, tài vệ-sinh cho lắm, hạn đến trăm năm cũng phải già! Song, sống mà biết có sinh-thú, thì dẫu trăm năm rồi lại trăm năm nữa, cũng vẫn khát-khao còn muốn sống. Sống mà không được vui được sướng, khổ điều này, khổ điều khác, nay thở ngắn, mai than dài, có tủi, có nhục, đeo lo, đeo nghĩ, thì chẳng những hai vai giả áo, con tỷ túi cơm, đã nặng-nề với việc sống, mà cũng thêm vất-vả tấm thân nữa. Tôi vì hay nghĩ vẩn-vơ thế, rồi từ đấy cũng có cái tư-tưởng chán đời, muốn tự-sát, hơi có điều phiền-muộn chán-nản, hoặc nỗi đau-đớn thất-vọng, khổ đến thân, vất-vả đến lòng, là nghĩ ngay đến cái chết. Thân tôi dẫu là của tôi, nhưng không khác gì trứng để đầu đẳng, vì lòng tôi đã không thiết sống, thì cái chết nó muốn kéo tôi đi lúc nào mà chẳng được.

Một lần nhân vì thi hỏng, buồn quá! Một lớp hai-mươi người, văn bài xưa nay tôi vẫn đầu lớp, trường văn đua bút, dẫu chẳng nói ra, nhưng dạ vẫn đinh ninh, đã nắm chắc trong tay cái « thủ-khoa ». Không ngờ treo bảng, bạn mười sáu người đỗ, người lẹt-đẹt nhất lớp xưa nay cũng đỗ, mà tôi thì « vỏ chuối! » Ôi! thi không ăn ớt thế mà cay! Cay thật! Nhưng nào có phải là cay đâu, ruột gan của người hỏng thi không nát mà nát, không đau mà đau, chán như cơm nếp, nguội như tro tàn, tưởng trong thế-gian dễ không có cái thất-vọng nào to hơn cái thất-vọng của người thi trượt. Tôi non nước mắt quá, từ lúc xem bảng không thấy tên mình, hai hàng nước mắt cứ như mưa rào, nỗi lòng thổn-thức ngăn không được, khóc từ đấy khóc về. Chưa về đến nhà đã nghe nhao-nhao hàng phố đồn rầm: có hai người thiếu-niên nam-tử thi không đỗ tự-tử, một người đâm đầu xuống giếng, một người uống thạch-tín cùng chết cả. Tôi đương khi cũng chán sống, nghe tin ấy, cho cái chết của hai người thiếu-niên kia thực là có vị quá. Đường-trường ngẫm-nghĩ thân mình, ngao-ngán bao nhiêu tủi bấy nhiêu. Bước chân về đến nhà, được ngay cái nguýt yêu của bà di-ghẻ. Dì tôi xưa nay vốn không ưa tôi, cái cảnh làm con chồng của tôi thực gay-gắt quá, nên tôi thường than-thở mà nói ra miệng rằng: « Nếu tôi được đỗ, bỗ làm cô giáo, thì sẽ xin đổi lên Vân nam, sang Cao-miên, sang Lào cho khuất mặt. » Dì tôi vẫn cắm-tức mấy lời nói ấy, nên thấy tôi thi trượt càng ghét ngon. Luôn ngày hôm ấy lại bị mấy trận dày-vò nữa. Công-danh có điều trắc-trở, gia-đình có nỗi bực-giọc, thân mình có cảnh khổ, lòng mình có nỗi chán, còn sống làm gì? Tôi không hiểu lúc bấy giờ sao lòng tôi

nhạt-nhẽo cảnh đời thế, không thiết gì nữa, nghĩ nếu ba vạn sáu ngàn ngày cùng thế cả, thì cái sống ở chốn nhân-gian này gay-gắt lòng người biết mấy mươi!

Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt-thò là thương.

Thôi! tôi chỉ chết thôi! Bên song ngồi rũ, giọt lệ chứa-chan, trông ra trời đất vô-tình, càng ngẫm-nghĩ càng buồn, ngán thân mình, chán cả cuộc đời, quyết lòng rũ nợ trần-ai. Bèn đem sự-tình kể hết với con nữ-tỳ tâm-phúc là Ái-nô, khóc cùng nó, than cùng nó, sai nó mua dấm thanh thuốc phiện, bắt nó phải thề không được lộ chuyện với ai.

Ái-nô là đứa con gái thông-minh, biết chữ quốc-ngữ, khi nhàn thường chịu khó xem sách, nên văn-chương vô-vẽ, chuyện đời cũng biết một hai, tôi rất tin yêu, riêng coi như người bạn gái chốn khuê phòng, gió sớm trăng hôm, trong vui buồn thường lấy nó làm tri-kỷ. Duy nó hơi bẻm mép, hay giả lý-sự; tuy vậy, đời tôi được có nó, cũng thú-vị lắm.

Hôm ấy rắp lòng chết, cửa nhà các việc về sau đều bàn tính với Ái-nô xong-xuôi cả. Định bụng nhịn thông cả hai bữa cơm, để thuốc phiện đêm chóng ngấm. Suốt buổi trưa chiều nằm lỳ trong phòng, còn bao nhiêu nước mắt tuôn ra hết, khóc rồi lại khóc, đến nỗi chăn gối đầm-đìa châu lệ đỗ. Tâm-sự như tro tàn, cảnh-vật quanh mình thê-lương thảm-đạm, gục đầu khóc mãi, trời đã tối mịt mà vẫn không biết. Nghe thấy kẹt cửa, ngửng trông ra, ánh đèn « măng-sông » sáng choang cả buồng, con Ái-nô miệng mủm-mỉm bưng vào một mâm rượu, tôi liếc trông mâm, toàn món ăn sang cả, nghĩ bụng con này nó giễu mình, giận quá, gắt lên, bảo rằng:

— Cái bụng tao bây giờ có phải bụng cơm rượu nữa đâu, mày khéo vẽ lắm, bưng ra! Mày thấy tao sắp chết, mày hí-hởn lắm đấy! Tao chết rồi, tha-hồ mày cao-lương mĩ-vị!...

Nó thấy tôi giận, đặt mâm cơm trên bàn, đứng lẩn vào bên cái màn gió nói:

— Tôi cũng biết chán đời đến như cô trong lúc này là cực-điểm, đời còn chẳng thiết, thì cô thiết gì đến cơm. Nhưng mâm rượu này quả là bụng thành của tôi, xin cô lượng cho. Nghĩ tình bảy tám năm trời, chốn đài-trang vui hầu gương lược, nay nhất-đán cô đi, tôi ở lại, sinh-ly còn não ruột thay, tử-biệt nữa chẳng đứt lòng ru? Tuy vậy cô đã là người khảng-khái không sợ chết, thời tôi dẫu tiếc cô, cũng không đành sa châu lệ ngậm-ngùi tử-sinh. Vả con người ta chết, chẳng qua là về, quê hương người đời nào phải ở chốn nhân-gian này, ai đi cứ việc mà đi, thương xót phỗng làm gì? Làng mây quán nước, kẻ trước người sau, mai đây gương lược, cũng có ngày tôi lại gặp cô, nghĩ như thế là đành lòng rồi, nên đêm nay tôi đã định thu châu lệ, bỏ hẳn thói thường-tình nhi-nữ, nỗi đau-đớn vì cô dù mấy mươi nữa, cũng gan không khóc. Chỉ hải-vị sơn-hào, đặt bày mấy món, xin gọi là dâng cô một chén quan-hà, để ghi cái đêm vĩnh-quyết mà thôi.

Tôi nghe lời nó, tin là nó thực-tình, không giận nữa, nhưng cái ma chết bấy giờ như đã lẩn-quẩn bên mình, ám-ảnh cả lòng, thì con tỳ-vị còn chứa thế nào được cơm. Không ăn, bảo nó bưng đi. Trằn-trọc thâu canh không nhắm mắt, quá khuya gọi Ái-nô lấy thuốc phiện dấm thanh để hòa lẫn với nhau. Nó liền bưng cái khay đến. Trong khay: hai lưng chén hạt-mít thuốc phiện, hai chén tống dấm thanh. Tôi ngạc-nhiên hỏi:

— Sao lại hai liều ?

Nó đáp : — Một liều của tôi !

— Mày làm sao mà chết ?

— Tôi theo cô !

— Ô hay ! Con này rõ gàn, điên à ? Mày chết theo tao thì thật vô-lý quá. Tao bực cảnh gia-đình, chán đời, chán cái kiếp sống của tao, thì tao chết là phải, chứ như mày việc gì mà chết ?

— Nếu tôi đã không nên chết, thì cô cũng không nên chết. Dù cô viện lẽ chán đời mà tự-tử nữa, cái chết ấy cũng là vô-lý, chết uổng, chết dại.

Nó nói dứt lời, cầm cả hai chén dấm thanh hắt toẹt xuống đất. Tôi sung tiết lên, giận quá, mắng nó :

— Bụng người ta không muốn sống nữa, thì người ta chết, sao lại gọi là chết vô - lý, chết uổng, chết dại được ? Mày hắt dấm đi, để tao không biết cách chết khác chăng Con này hỗn-hào, vô-phép quá, tao đãi mày tử-tế, mày lại hóa ra nhờn thế ư ?

Nó đứng dậy xin lỗi :

— Hắt dấm đi, tôi quả thực cũng biết tội là vô-lễ, xin cô vạn-xá ! Song đến như sự chết này, thì cô nên nghĩ lại. Con người ta sống đã là khó, chết lại càng khó. Có cái chết nặng như núi Thái, cũng có cái chết nhẹ như lông hồng, lẽ nào trước khi mình định một việc chết, lại không cân nhắc, mà cứ chết liều chết lĩnh. Cô muốn chết, tôi không dám ngăn ; những cô nghĩ chết thế nào là chết khôn, chết phải, chết đời không nói được, sẽ nên chết. Vì bằng chết dại, chết hoài, chết để miệng thế mỉa-mai, thì xin khoan đừng chết vội, ngày rộng tháng dài, hãy nấn-ná lại cõi đời, gắng làm công kia việc nọ, để có ngày được chết một cách xứng-đáng thì hơn.

— Ối chao ôi ! con này hiếu-danh lạ, đến cái chết mà cũng còn hòng lấy xứng-đáng, dính được chút « danh » mới thôi, thời cái cách ở đời của mày ra làm sao, thế thì mày giả-dối thật, nội công việc của mày làm bấy nay, tao khinh quá, không thể nhận một điều gì là bụng thành của mày nữa, ấy đấy, chán đời vì những lẽ ấy, chứ đâu.

— Khốn-nạn quá ! Cô hiểu lầm hai tiếng « xứng-đáng » của tôi. Chủ-ý tôi chỉ bảo sống ở đời làm cho hết nghĩa-vụ mình, để khi nhắm mắt chết được nhẹ-nhàng yên-ổn. Như cô ngày nay đương độ đầu xanh, chữ hiếu chưa xong, chữ tình chưa trọn, nợ đời nhũng vay chưa trả, một tấm thân mình không ích cho mình, cũng chưa được việc cho ai, mà bỗng không mình giết mình đi, thì cô thử ngẫm xem cái chết ấy có đành lòng không ?

— Thôi thôi ! mày lý-sự lắm, tao không nghe được, trăm-ba-mươi-sáu cách chết, chẳng qua cũng một chết. Vẽ ra, thế nào là đành với chẳng đành, thế nào là chết khôn, chết phải, đời không nói được, mà thế nào là chết dại, chết hoài, miệng thế mỉa-mai ?

— Ý cô thế nào thì tôi không biết. Nhưng tôi, thì tôi cho rằng : Chết vì nước, vì nghĩa-vụ là chết phải ; chết lưu-danh vạn-cổ là chết khôn ; chết bệnh, chết già, là chết đời không nói được. Còn như bao nhiêu cái chết khác, như cái chết của những kẻ khinh thân : ngông nhảy xe điện, ngông phóng ô-tô, ngông những cách chơi nguy-hiểm để đến bị nạn mà chết ; hoặc đào tường khoét ngạch, giết người lấy của, làm những sự bất-lương để đến chết vì pháp-luật ; hoặc quyến anh rủ yến, lối tình chơi dại, bị kẻ ghen thù giết chết ; cùng là uất-ức điều kia khác, phẫn công-danh, giận duyên-tình, bực gia-đình, chán đời tự-tử mà chết, đều là chết dại, chết hoài cả, cái chết ấy chẳng những toi

mạng mình, lại thêm để cho đời mỉa-mai.

— Ừ, phải rồi! bao những cái chết ngông, chết dại, không đáng chết mà chết, hoặc tự mình có thể tránh được, mà không biết giữ mình, để đến nỗi chết, thì cái chết ấy đã đành là đáng chê. Nhưng đến cái bụng của người tự-tử, vì không kham được sống nữa mới phải chết, thì mày luận cho người ta làm sao?

— Tôi khinh là hạng người nhu-nhược, không có đủ cái nghị-lực để toan liệu việc đời, lại không có cái can-đảm sống làm người, nói tóm lại là: không đủ tư-cách để sống ở đời. Con người ta sinh trong vòng trời đất, lò cừ nung-nấu, lửa nồng than hồng, có chịu được sức lửa than ấy, thì mới nên người gang thép. Nếu hơi nóng đã dát da, hơi phỏng đã nhăn mặt, thì có làm gì những con người ấy, dù có sống nữa cũng đến vô-ích cho gia-đình xã-hội, thêm hao nước giếng, tốn cơm trời mà thôi. Cứ như ý tôi, những hạng người đó, cho họ chết bớt đi cũng phải.

— Con này độc miệng lạ! Sao mày phũ lời thế?

— Không phải là tôi độc miệng, nhưng thật là một điều đáng giận. Cô thử nghĩ xem: cái phong-trào tự-sát ở nước ta trong ít lâu nay hại biết bao nhiêu nam-nữ thanh-niên rồi! Mà suy cái nguyên-nhân những việc tự-sát xảy ra hàng ngày, có gì là chính-đáng? Kia như: cậu học-sinh hỏng thi tự-tử trong nhà khách-sạn; cô thiếu-nữ hờn duyên trầm mình hồ Hoàn-kiếm; con trai ngông không được cha mẹ chiều vừa ý, con gái hư mẹ mắng quá lời, cũng phẫn thân dấm thanh thuốc phiện liều đời; vợ chồng dầy-vò nhau, cũng treo dây thắt cổ, đâm đầu xuống sông; lại còn biết bao nhiêu những việc tự-sát xảy ra vì những cớ lặt-vặt không đâu nữa. Thực là những sự nhỏ-nhặt suy ra không đủ bận lòng, mà cũng đua nhau mà chết, thế thì chết để chật đất tha-ma, thêm một trò cười cho thiên-hạ, chứ có hay gì. Tôi cho những kẻ chết ngu ấy là đáng kiếp, dẫu cốt-nhục tình thâm cũng không nên thương xót.

— Mày ngoài vòng nói giỏi lắm, có biết đâu giăng-mắc đời người nhiều khổ-sở, bao những nỗi vật-vã lòng, khiến người ta không kham nổi mà đến phải chết, há chẳng đáng thương ru? Kia kia hai chàng thiếu-niên thì hỏng tự-sát sớm hôm nay, mày chê là hèn, nhưng mày có biết đâu đến cái nỗi thất-vọng của người ta.

— Chao ôi! chí làm trai ngang trời dọc đất, sự-nghiệp nam-nhi há khoa-cử là giới-hạn? Mà dù thi hỏng nữa, khoa này chẳng đỗ, khoa sau ngại gì, chỉ lo không có chí thôi, đã thực có chí thì dời núi lấp biển cũng là sự dễ, nữa chi là sự công-danh. Có chắc thế nào cũng nghĩ thương thay hai anh chàng vừa nói trên kia, nhưng tôi thì chê là hạng tầm-thường không chí-khí gì cả.

— Mày nói tức quá! Thế mày bảo việc chàng sinh-viên cao-đẳng năm xưa vì tình-nhân phụ-bạc mà tự-tử thì làm sao? Sống mà đau-đớn vì tình như thế, có nên chết không?

— Vì tình uổng phí kiếp người, cướp công cha mẹ, thiệt đời thông-minh, cô bảo không đáng chê a! Nam-nhi chí-khí mà đến thế ru? Tôi khinh!

— Tao cho là chung-tình đấy!

— Cô bảo chung-tình tôi bảo ngu! Cớ gì làm trai không lo trang-trải nợ tang-bồng, theo đuổi sự-nghiệp của những bậc anh-hùng vĩ-nhân, để làm vẻ-vang cho nhà cho nước, mà lại hoài thân chết vì một đứa đàn-bà.

Chết như thế vừa bất-hiếu với cha mẹ, vừa mang tội với xã-hội, nào ai khen gì? Mà cũng không phải thế là chung-tình, gái kia xưa nặng ước cùng mình, nay gột dạ ái-ân yêu-đương người khác, như vậy thì con người ấy còn tình gì với ta? Anh chàng nào đó, không tỉnh bụng sĩ, ngẫm điều phải trái, hờn tình mà chết, thật là chết ngu!

— Ừ, thiên-hạ ngu cả, chỉ mày là khôn! Dễ thường mày cho tất cả những người con gái bực chí trẫm minh ở hồ Gươm kia cũng là ngu cả đấy nhỉ?

— Biết đâu những cô ả ấy không bị cái nọc độc của những tập tiểu-thuyết ngôn-tình Đông Tây nó làm hại. Tuổi xanh hớn-hở như hoa trên ngành, thiết-tưởng đời người con gái trong vòng mười-tám đôi-mươi là thời-kỳ vui sướng nhất, hoa thời phong nhị, trăng đương tròn vành, lòng thơ chan-chứa bao hi-vọng. Làm sao không biết yêu-quí cái đời thanh-xuân ấy, trong thâm-khuê vui thú chỉ kim, dưới ngọn đèn suy câu nữ-huấn, sửa dung-nghi, trau-giồi đức-hạnh, noi gương nữ-kiệt, học gái anh-thư, để vẻ-vang hai tiếng thoa-quần có hay không. Ai bảo dại đời lỡ một lầm hai, để đến đầu xanh chưa tội, mà đã tủi phận hờn duyên, hồ Kiếm, sông Hồng, chim châu nát ngọc, một mảnh hồn oan dìm đáy nước, thu đông lạnh-lẽo, ai xót ai thương?

— Mày liến-thoắng lý-sự, không còn nhường lẽ phải phần ai nữa. Nhưng thôi, việc người khác không nói làm gì, sống chết mặc ai. Tao chỉ hỏi mày cái việc chết của tao đêm nay, mày có biết ruột gan tao nát cả rồi không, sự sống đối với tao là cái tội, kiếp trần đeo đuổi tao chán đã lâu rồi, tao định bỏ cái đời này, không đa-mang gì nữa, lưỡi mày còn giẻo, múa mép nữa đi, tao hoãn một đêm chết, để nghe chuyện mày!

Nó nói: — Múa mép với ai, chứ đâu dám múa mép với cô. Nhưng cô làm sao mà đến nỗi chán đời?

— Mày còn lạ gì những điều bực-giọc lòng tao: gia-đình ngán nỗi gia-đình, tâm-sự đắng niềm tâm-sự; chuyện đời chuyện nước như cơm nếp nát cả; lại còn bao những nỗi sinh-ly tử-biệt, gió mưa tháng ngày, đều dồn cả đến một lòng tao mà dày-vò; mày nghĩ đời người thế ấy vui gì mà say, ai bảo thế-vị ngọt bùi, tao cho mùi đời toàn chanh ớt cả, bấy lâu nay chua xót lòng tao thực đã nhiều, thôi! tao chán lắm rồi, không thể nào yêu được cõi đời này đâu.

— Chết nỗi, cô ơi, cô nghĩ lầm! Đời chẳng qua một trường khổ-não, mà con Tạo-hóa kia muốn mang ta đến đấy để ma-lệ lòng ta, cõi nhân-gian nào phải là nơi cực-lạc-thế-giới, mà rằng cầu lấy toàn vui, toàn sướng. Song-le, bao những sự khổ-sở phiền-não ở đời này, tôi cho rằng con người ta có thể lấy sức nhẫn-nại vượt qua được cả, hà-tất phải thở ngắn than dài. Thay đắng làm ngọt, biến giọt lệ làm nụ cười, đổi sầu làm vui, hóa khổ làm sướng, đều có thể tự mình cả, có can chi mà đến nỗi phải than thân oán đời. Bảo rằng: quyền họa phúc trời tranh mất cả ư? Tôi thì không chịu thế, quyết rằng: quyền họa phúc ta giằng cướp lại, tự mình mưu lấy cuộc đời mình, mình giá trời hẳn phải non, *xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều*, có ạ!

— Cứ như mày cả, thời cõi nhân-gian không có tiếng thở dài, mà kiếp nhân-sinh cũng không làm gì có nước mắt. Mày sướng hơn tao đấy!

— Tôi nào đã hẳn may hơn cô. Những điều người đời lấy làm đau-đớn,

ôi không phải là không từng trải. Nhưng chỉ coi như cái bụi bám ngoài áo, để thì bận, rũ đi là sạch. Mà Ái-nô của cô, cũng không phải là hạng vô-cảm, vô-sầu, câu chuyện thương-tâm cũng đã từng ngậm-ngùi sa lệ ; hơi may hiu-hắt, thu sang tâm-sự cũng thê-lương ; lá trút cành khô, đông tới cũng tiêu-điều tấc dạ ; như vậy thời có phải là không biết thở dài đâu, nhưng mà ôm lấy một lòng phiền-não để đến chết người được, thì tôi không bao giờ nỡ giết mình như thế.

— Mày chưa nếm cái khổ thất-vọng đấy thôi.

— Thất-vọng nữa thì có làm sao, hở cô ? Công việc đời người chẳng qua một cuộc đánh cờ, được thua thua được là thường, thua ván này, xóa bày ván khác, nước trước thấp, nước sau chịu nghĩ hẳn là cao, chẳng việc gì phải ngã lòng. Vả nếu thiên-hạ-sự, cứ một làm một thành công, một đi một tới đích, thời ai có chuộng gì cái công-phu, ai có khen gì đức kiên-nhẫn. Ấy tôi cứ nghĩ thế, nên mỗi lần thất-vọng lại một phen gắng lòng, không hề nản chí bao giờ.

— Phải ! được như mày, còn nói gì nữa ! Như mày thì những nam sông hồ còn dun-dủi được ai, con ma tự-sát cũng chẳng hòng ghẹo trêu. Song tao vốn thuộc về phái yếm-thế, nên thường lấy chết làm yên-ổn, cho sống là nhọc-nhằn. Mày biết vui sống thế, có lẽ không chết đấy nhỉ !

— Khốn-nạn, cô đốt tôi ! Sống dai đến ông Bành-Tổ, qua tám trăm năm cũng là người cổ, nghìn xưa cái chết nào có tha ai. Song người ta sinh ra đời, sống một lần, chết chẳng qua cũng chỉ một lần, cái sinh-mệnh đã không vay được, thời cái chết có khất lần được ru ? Người biết yêu đời chẳng cầu sống lâu thì chớ, ai có khờ gì vời lấy chết. Vả cái thần chết khốc-hạ kia, há lại không có một ngày sẽ dò đến tìm ta hay sao, mà ta phải vội giục nó. Bảo rằng bực thân-thế, ngán trần-ai mà chết trước đi cho nhẹ - nhàng tấm thân, thời phỏng còn có nghĩa-lý gì nữa ? Cô nghĩ mà xem : chẳng cứ đàn ông, đàn bà, trời đất đã sinh ta, hẳn không phải là vô-ý, trong có gia-đình, ngoài là xã-hội, phận-sự không phải là nhỏ, trách-nhiệm không phải là thường. Tấm thân bảy thước từ đâu lại ? Trên trời rơi xuống, hóc đất lên chăng ? Ai không cha mẹ ? Vậy áo cơm vương-víu nợ đời, có lẽ tầm xuân trốn nghiệp, ăn dâu chẳng nhả tơ đền, chữ hiếu tình kia cũng dửng-dưng, hơi chút bận lòng là chết ngay cho trắng nợ đời hay sao ? Cô ơi, cô dẫu lấy chán đời là phải, nhưng Ái-nô thật không phục đâu.

Tôi nghe nó nói, câu nào cũng có lý, lòng riêng cũng chịu rằng nó phải, mà mình thì nông-nổi, nghĩ không bằng nó, trong ý hối-hận, nhưng ngoài mặt vẫn làm già, không chịu lép, mắng ắt đi, bảo nó rằng :

— Mày cậy võ-vẽ dăm ba chữ quên, ăn cắp sách-vở được vài câu lý-sự, dễ lên giọng lòe tao đấy hẳn ? Trứng khôn hơn vịt, tao khen mày !

Nó kêu : — Trời đất ơi, oan quá ! Cô đồ tội trứng khôn hơn vịt, thì oan lòng tôi lắm, cô dẫu cho ăn kẹo, cũng chẳng bao dám thế. Bấy lâu nay sớm tối hầu cô, phòng văn xếp sách, trang-đài sắp gương, dẫu kẻ ngu-độn cũng biến khôn-ngoan, người tối-tăm cũng nên sáng-suốt, nữa chi là Ái-nô tôi, có lẽ nào cắn vỡ hạt cơm, lại không biết suy câu nghĩa-lý. Khuyên cô đừng chết, quả tình không dám cậy khôn gì, song xin cô nghĩ đi nghĩ lại cho chín mà xem : người ta nóng - nẩy không nén được cái lòng phẫn-nộ của mình, chỉ vì những cớ nhỏ-nhặt, bực xẳng giận hão trong giây phút mà

liều thân tự-sát, có phải rằng uổng phí một đời người không, thành-thử sống đã hỏng, chết lại hỏng nốt! công-phu tháng ngày, giã-trăng xe cát bể đông cả.

Tôi gắt, bảo nó rằng:

— Mày cho những người trông giây treo cổ, dìm mình đáy nước, cầm dao rạch bụng, bắn súng thái-dương, tự mình đầu-độc cho mình chết đi, là hạng người uất-ức xẳng cả đấy phải không, còn thì cuộc đời không có điều gì đáng làm cho người ta phải chán chứ? Kiếp người sướng lắm nhỉ!

Nó thở dài đáp:

— Không, cô ạ, đêm năm canh tôi cũng nghĩ xa gần nhiều lắm, sao cuộc đời lại chẳng có điều đáng chán. Người không ưa đời, lấy đời làm buồn đã hẳn, nhưng biết đâu chính người ham đời lại chẳng có câu ngán đời. Cô ơi! đem con mắt bi-ai mà nhìn vũ-trụ, đành rằng thế-giới ba nghìn toàn châu-lệ cả; nhưng ví gửi lạc-quan ngắm cảnh nhân-hoàn, bể trầm-luân kia, đã ai dám giả đoan không đầy tràn nước mắt! Suy như vậy thời làm người là một điều lầm-lỡ, có thân ở đời là một sự thiệt-thòi rồi, huống-chi lại còn những nỗi tục-vị đắng cay tê rát lưỡi, thế-tình giăng-mắc ngửa-nghiêng lòng. Cho nên khuyên nhau đừng chán đời, bảo nhau đời không nên chán, chẳng qua cũng là những câu gượng dùng để phấn-khởi lòng nhau thôi. Chứ thực ra: nói đến cái bụng ở đời này, ai là người đã thấu hết tim gan cuộc đời, đêm sâu thăm-thẳm đã từng lặng ngồi ngẫm-nghĩ nỗi sau xưa, nhân-tình dường ấy, thế-sự dường kia, đưa con mắt vào khoảng mặt trái đời, rồi mà chau mày gạt lệ; lại nghĩ lan-man đến tuồng ảo-hóa, kiếp phù-sinh, vầng trăng nọ khi mờ bóng, mặt trời kia khi tắt lửa, thế-giới buổi kiếp-hôi, nhân-loại hồi tiêu-diệt; cùng là những nỗi đau-đớn trong đời người: vui ngắn sầu dài, sống vờ chết thật, trăm nghìn điều xa-xôi kia khác nữa, thì cũng đến phải ngao-ngán ngậm-ngùi mà thở dài, than to rằng: đời đáng chán! Ôi! mà nghĩ đời cũng đáng chán thật! Cho rằng vất cả gan ruột đi, liều đem thân trăm năm làm túi cơm đá áo, lầm-lầy gan óc để cầu lấy điều sung-sướng một đời, thì cũng là tạm vời bóng rợp giữa đường để mát lòng giây phút, mượn cánh hoa thơm bên triện mà ngát hương đẹp mắt đôi hồi, chứ có hẳn khuây sầu giải muộn được đâu. Cô suy rộng cho như vậy thì mới rõ cái bụng sống ở đời, nhiều người chật-vật. Song thực những hạng người chán đời ấy, lại phần nhiều hữu-dụng cho đời, họ biết tìm cách để tự an-ủi mình, hoặc bày ra công kia việc nọ, cặm-cụi tháng ngày cho khuây lảng cái bụng chán đời đi, chứ họ không cầu đến cái chết vô-vị của những kẻ ươn lười muốn trốn nợ đời. Tôi nói hầu cô thì nói, nhưng nghĩ bao nhiêu càng giận..

Nó nói đến đấy ngừng lại, rồi cau mày ra dáng căm-tức mà rằng:

— Thật chán cho cái nông-nổi nước Nam này quá! Điều hay không thấy, chỉ mỗi ngày một thấy đốn ra, có bao giờ lại trai gái đua nhau nhao-nhao tự-sát như bây giờ không, hơi một tí đâm đầu, hơi một tí thắt cổ, chẳng ngày nào thời-sự nhật-báo không có việc tự-tử. Mà chết thì toi đời, chứ những con người ấy ai thương tiếc gì. Trong số những kẻ chết «phí đời» đó, hạng có tư-tưởng kiến-thức cũng nhiều, thế mà cũng vui đầu, cam lòng cướp công cha mẹ, vỗ phăng nợ đời được.

Tôi nghe nói, cũng phật ý mình, mới bảo:

— Mày nói ngu thế mà nghe được, đến chính thân người ta, người ta còn chẳng thiết, nợ đời thì làm gì? Đem

nghĩa-vụ với phận-sự mà bắt buộc ai ở chỗ ấy?

Nó dịu-dàng mà rằng :

— Vâng, thì thôi, tôi không nói đến đời nữa ; xin nói ngay thân-thế con người ấy. Cô bảo rằng : trời đất bao-la, ngày dài tháng rộng, con người không ra đời kia, há lại không có chốn có nơi để ký-thác cái bụng chán đời của mình hay sao, việc gì mà phải chết ? Chẳng thích chốn đông người, thì tìm nơi hẻo-lánh ; người đời không hợp tính mình thì mình xa lánh họ đi ; sở-thích đời ta thế nào, gia-đình áp-chế, xã-hội co-hẹp, chẳng chiều như ý, thì ta tự nghĩ cách chiều lấy ta ; phương này chẳng ở được, ta đi phương khác chu-du thiên-hạ, tìm chốn lập thân, cũng được chứ có khó gì ; mà như muốn cái cao-thú của nhà ẩn-dật, thời ba gian vách đất, một túp lều tranh, sớm bát rau sằng, chiều tìm rau lê, gió quạt trăng đèn, duyên với văn-chương, tình cùng non nước, nguyện đem khoa-học mà mê-mẩn đời, cũng tưởng rũ tung được hết tấm lòng trần-lụy, hà-tất phải dùng đến cái phương khốc-hại là phương tự-sát kia, để bêu cái chết lại đeo tiếng nhát hèn.

Tôi ngồi nghe nó giảng-giải như thế mà nhạt hẳn cái bụng chết của mình. Nhưng nghĩ mình là thầy nó mà để nó dạy khôn mình, thì ra mình không bằng nó hay sao. Mà chết cũng không thể chết được nữa, trong bụng thẹn lắm. Song tôi không muốn để nó đoán được ý mình, bèn hầm-hầm làm mặt tức giận, nói sẵng bảo nó rằng :

— Này thôi, tao có chết cũng không thèm chết trước mặt mày đâu, mày đừng rậm lời ! Cút đi đâu thời cút ! Lý-sự của thêm bẩn tai tao !

Nó nghe tôi bảo thế, sướng quá, nhảy lên vỗ tay cười, nói :

— Có thế chứ ! Cô mà chết, còn ra thế nào. Thôi, thế thì Ái-nô lại càng yêu cô quá, năm năm, tháng tháng, ngày ngày cứ mãi với cô ! Mà thật đấy, cô ạ, chết là khờ. Cho rằng đời là giấc mộng nữa, song khoảng trăm năm đã chót có mình, thời chẳng chi chi cũng nghĩ góp chút duyên gì cùng cõi mộng, để ghi lại những tháng ngày mình đã chiêm-bao, chẳng hơn bừng con mắt dậy ngậm-ngùi tay không ru ! Kia kia thiên-hạ : Hằng-hà sa-số con người cũng sống như ta, họ biết cười khuây đời, ta dại gì mà khóc. Làm chi : *đa bệnh đa sầu tổn thiểu - niên* ? Thôi, cô cháu ta từ đây cứ cười tràn quí-tị, sắp bụng yêu đời, để ở với đời, cô ạ ! Chỉ dành riêng một góc lòng gọi là « góc lòng nên thơ » để nuôi những cái thú nên thơ đời người, như là : cảm câu văn hay, luyến nơi cảnh đẹp, nhớ người bạn xa ; hoặc bên bờ suối, dưới bóng trăng, tình - hoài cao-thú mà mối sầu man-mác, nỗi buồn bâng-khuâng. Như vậy thời tấm lòng mình cũng không đến nỗi khô-khan lắm. Ái-nô vì yêu cô mà bàn thế đấy, không dám để cô quá sầu mất vui, mảng vui quên sầu, vậy cô hãn đành lòng nhé !

Nó nói dứt lời, hai tay cầm hai chén thuốc phiện, cười ngặt-nghẹo, bảo :

— Thôi ! trục-xuất cảnh-ngoại chị Phù-Dung, mời chị về Tàu, sang Ấn-độ !

Rồi nó tiến-tước đi ra, réo cho anh nghiện bên láng-diềng.

Con bé thật đú-đởn, tôi ngồi nghĩ mà lại yêu. Nó chẳng những tư-cách cao-thượng, tính-tình phong-nhã, ăn nói lại có duyên có nhị, chuyện-trò bông-lơn nhiều câu lý-thú lắm, tôi chẳng mảng nó bao giờ cả, có mảng cũng toàn là mảng yêu. Thầm nghĩ áo xanh cam phận tôi-đòi xưa nay, áo ấm cơm no, qua ngày là tốt, mấy người còn có nghĩ gì xa-xôi. Vậy mà con Ái-nô này nó lập-chí cao lắm, tôi thực không ngờ đấy.

Tôi đương ngồi nghĩ về nó, thì nó bỗng đẩy cửa bước vào hi-hởn khoe :

— Gớm ! cho hai chén thuốc phiện, anh chàng mừng rơn, múa chân, múa tay, bình - sinh chưa từng được ai tặng cho món quà quí ấy bao giờ, cô cháu nhà ta, chàng còn nhớ mãi !...

Tôi mắng nó : — Mày rõ chẳng biết ý-tứ gì, ai lại con gái đương đêm sang nhà người ta, chết thật !

Nó không nói sao, hé cửa sổ ra, ngoảnh trông tôi mà cười, thì ra trời đã sáng rõ, bóng sáng đèn trong buồng, ắt mất cả ánh sáng bên ngoài, tôi cứ tưởng còn đêm, bấy giờ nghe trong mình mệt quá, bảo nó tắt đèn, đóng cửa lại, định là ngủ bù. Vừa đặt mình chợt nghe đùng một tiếng như tiếng súng. Con Ái-nô mặt mày ngơ-ngác, tất-tả chạy ra, tôi cũng vội-vàng dậy xem cái gì, lúng-túng đương tìm chiếc guốc, thì nghe tiếng kêu thất-thanh : « Trời ơi, Trời ơi ! Chết con tôi rồi ! Chết con tôi rồi ! »

Tôi nghe rõ tiếng đàn bà, chưa đoán ra việc gì, bỗng lại thấy tiếng gào-khóc to quá, bù-lu bù-la : « Tú ơi ! con giết mẹ rồi, Tú ơi là Tú ơi ! . . . »

Tôi hoảng cả lòng, chạy ra. Bỗng thấy con Ái-nô hốt-hoảng chạy về bảo tôi :

— Cô ơi ! Cậu Tú Bình con bà Hàn Ba bên kia bắn súng tự-tử rồi !

Tôi nghe mà giật mình, hỏi dồn nó :

— Thế chết hay sống ? Còn cứu được không ?

Nó lắc đầu lè lưỡi nói : — Khiếp quá, cô ạ ! Tôi rùng mình. Máu chảy lênh-láng, không biết đạn bắn thế nào mà đầu óc tan-tành, xương hàm băng đi một nơi !

— Thế chết à ?

— Vâng ! chết ngay ! kinh quá ! . . .

Tôi nghe nói thế, vất cả guốc dép, vội-vàng chạy sang. Người kéo đến xem đông như kiến, đặc cả vòng trong vòng ngoài, không tài nào lách vào được. Đứng ngoài chỉ nghe tiếng kêu khóc, những người đứng xem họ làm huyên-náo quá, tôi ngột cả hơi, chịu phép phải lách ra ngoài hẳn. Chợt con Ái-nô chạy lại bảo :

— Chết chưa ! Cô ạ, vợ chồng ông Hàn đánh nhau ầm-ĩ, vất cả lộc-bình đá gương, bà ấy túm xé ông ấy, đập tan cả cửa kính, đồ thờ, bát hương.

Nó còn đương nói, thì đám người xem bỗng nhao-nhao giạt cả ra, ông cụ Hàn Ba mặt hầm-hầm, chạy sấn ra giữa đường, gào thét như người điên-cuồng, quay cả bốn phía nói với những người đứng xem :

— Các ông các bà thử nghĩ xem nhà tôi có vô-phúc không ! Con trai hai-mươi tuổi đầu, đương độ học-hành, mà say mê trai-gái, đỗ được cái tú-tài Tây, nằng-nặc về đòi cưới vợ ả-đào, mà con ả đào ngoài ba-mươi tuổi, chứ trẻ-trung gì cho cam, bố khuyên ngăn, bắn súng tự-tử, thì tôi là bố nó hay nó đẻ ra tôi ? Những hạng con mất dạy ấy, đến chết ngay một lúc hai-mươi thằng, tôi cũng không cần gì, nữa là chết một mống nó. Cái mống nó như thế, sống nữa đã ích gì cho nhà, cho nước. Mẹ nó đã không hối rằng mình quá nuông con để nó hư, lại còn rày-rật đay nghiến tôi rằng : bố giết con, thì bố nào giết nó ? Ông cả bà lớn, những bậc có tri-thức thử nghe xem có lọt tai không ? Ối chao ôi, là con ! Con như thế, để cho nhiều mà nuôi !

Ông cụ đương rầm-rĩ, mọi người can ngăn, thì thấy đội xếp tây, lính cảnh-sát sừng-sực đến, đánh đuổi những người đứng xem túi-bụi, ai nấy đều tản-mát về. Con Ái-nô với tôi cũng kéo nhau về. Giữa đường chỗ xúm năm, nơi tụm ba, nhao-nhao bàn

về chuyện ấy cả. Người bàn thế này, kẻ nói thế khác, một bà cụ thở dài rằng : — Rõ hoài đời ! — Mụ hàng nước ngồi trong hàng nói : — Cái nhà ấy chắc cũng ăn ở thất-đức thế nào, mới báo ra thế, con nuôi đã bằng đầu bằng cổ, còn không được nhờ !

Một ông lão qua đường, ra dáng người đạo-mạo, nghe thấy thế, nói : — Ối chao ! các bà chỉ bàn phúc-đức, phải đứa con hư, nó không ra gì thì nó thế, ấy thà nó chết sớm ngày đi thế lại rảnh, của ấy còn, cũng phá-gia chi tử, chứ làm gì ! — Anh cu-li xe ở đâu, dắt cái xe không đứng ngông chuyện một chập chán rồi, quay đi đánh một câu : — Đại thì ăn đất ! là xong chuyện ! . . .

Lại trước cửa hiệu sách cũng hội một bọn thiếu-niên, vẻ phong-lưu công-tử cả. Không biết bàn tán những gì, một người âu-phục bỗng giơ tay nói to lên : — Ối chào ! các anh bảo chán đời là phải, tôi xin phép các anh vì những khách trên đời luận chung một câu rằng : con người ta đã mang tiếng khóc ra đời là dại rồi, dại ngay từ lúc lọt lòng dại đi, dù sau này thiết đời mà ham sống nữa cũng là dại, mà chán đời chết đi nữa, cũng vẫn là dại, cái dại ấy nó là cái dại chung, đôi bên khôn dại cùng mắc cả ; nó như cái sự tay đúng chàm mất rồi, hối cũng lỡ, thế thời chi bằng đối với cái kiếp sống ở đời của mình, đánh ngay một chữ « liều » :

Chót tay đã đúng thùng chàm,
Chẳng xanh cũng đúng cả bàn cho xanh!

Mà sướng cam với sướng, khổ đành với khổ, chơi cõi đời cho rõ đến lúc bạc tàn canh sẽ rũ áo ra về, được thua nó cũng bỏ cái công của mình, việc gì mà nửa chừng phát cáu, biết khôn cũng đã dại rồi kia mà. Đấy, các anh thử ngẫm-nghĩ mà xem ! . . .

Con Ái-nô nghe được câu ấy, cười, gật đầu tấm-tắc khen : — Phải lắm ! Chí-lý lắm, người ấy thực biết cái lẽ sống ở đời !

Về đến nhà, vừa bước chân khỏi cửa, nó vỗ tay cười cười nói nói, bảo : — Gớm ! hả lòng quá ! Thiên-hạ mất một người vẫn là sự đáng thương, nhưng đến cái chết của cậu Tú Bình hôm nay, thực hả lòng mình quá !

Tôi mắng, bảo nó : — Con này vô-hạnh quá ! Mày nói thế, đến tai bà Hàn thì bà ấy tế cho đấy ! . . .

Nó nói : — Nhưng mà có cái gương tự-tử của cậu ta, lại thiên-hạ bình-phẩm cho mấy câu như thế, nó mới tiêu hẳn được cái tư-tưởng tự-sát của cô. Thật là một phương thuốc hay chữa bệnh chán đời ! . . .

Tôi làm thinh chẳng nói sao, đi trở vào. Ngả mình trên ghế mây, vắt tay lên trán nghĩ xa gần. Hồi-tưởng đến đấm thanh thuốc phiện cái việc mình đêm qua thì thật là liều-lĩnh quá. Mà thực vậy, có thấy người ta chết không ra gì như thế, mình mới tỉnh-ngộ. Chưa chắc cái sống của mình có đã ra gì, nhưng sống ở trăm-năm chưa toan xong việc sống, mà đã bực niềm tâm-sự, uất-ức nỗi đời, vội vàng chết ngay như vô-số người, thật cũng nông-nổi quá, đến lúc nguội cơn nóng thì đã chết rồi ! Có biết đâu sau cái phút chết của mình ấy, cuộc đời còn lắm chuyện đáng yêu. . . Đứa em bé ú-tim-oả trong xó cửa. — Người bạn gái sắp đến rủ đi chơi. — Phong thư bạn xa vừa gửi tới. — Cái thú ngày xuân dương hò-hẹn. Thế mà mình chết ! Trời ơi, tiếc đời quá !

Nằm nghĩ vẩn-vơ thế, bất-giác mà mừng, mừng rằng mình còn sống. Ôi ! yêu đời biết bao nhiêu ! Thôi, từ đây không nghĩ khờ nghĩ dại như trước nữa. Dù vui dù buồn, cũng quyết một tấm lòng gan-góc sống với đời. Thử xem cuộc đời này còn xoay mình đến thế nào. . ., đến thế nào mình cũng gan lì ! . . .

(Thuật theo lời bạn gái là Thanh-Lưu nữ-sĩ)

TƯƠNG-PHỐ

TỔ-QUỐC PHONG THI

II

II. — NHÂN

Nhân-tài

134. — Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không mà nổi cơ-đồ mới ngoan.

Thơ này kể ông Ngô-vương Quyền (người ở Đường-lâm, nay thuộc tỉnh Phú-thọ), đương bấy giờ người Tàu sang đặt quận-huyện ở ta, ông xướng-nghĩa ở châu Ái, giẹp yên giặc Tàu, tự xưng làm vua nước Nam-Việt, không chịu phong của vua Tàu, dựng lên được cơ-đồ độc-lập, thực là một tay anh-hùng ở nước ta.

135. — Bên sông thanh-vắng một mình,
Có ông Ngư-phủ biết tình mà thôi.

Thời nhà Mạc tiếm nhà Lê, vua Lê phải lánh ra thành An-dương, đặt ra chế-khoa, chọn lấy một người văn-sĩ, bấy giờ ông Nguyễn Nghi người Phúc-thọ ứng-cử, chân thuyền đi qua sông huyện Lôi-dương tỉnh Thanh, nghe thấy ông lão ngồi câu hát câu thơ này, đến lúc vào thi, quan trường ra bài Quốc tử-thơ, ông Nghi sực nhớ lời hát của ông lão, dịch câu ấy ra chữ nho rằng : « *Giang đầu tịch-mịch vô nhân vấn, duy hữu ngư ông thức đắc tình* 江頭寂寞無人問。惟有漁翁識得情。» quan trường lấy làm thần-tú, khoa ấy ông đỗ nhất-giáp đệ-nhị-danh.

136. — Làm trai cho đáng nên trái,
Ra đông đông tĩnh lên đoài đoài yên.

Ông Nguyễn Trí-Hòa người Phúc-thọ, đỗ tràng-sinh rồi đời nhà Lê, khi ở quan hết lòng vì nước vì dân, trải chức Hiệp-trấn tỉnh Tuyên-quang Sơn-nam, chính-sự hay, dân đều ca-tụng, sau làm Hiệp-trấn tỉnh Hải-dương, đắp đê ngự-hàm ở huyện Kim-thành, khẩn ruộng được hơn vạn mẫu, dân được lợi nhiều nên thời bấy giờ có thơ này.

137. — Anh-hùng khi gặp khúc lươn,
Khi cuộn thì ngắn khi vươn thì dài.

138. — Rồng nằm bờ cạn phơi râu,
Mấy lời anh nói giấu đầu hở đuôi.

Ông Đào Duy-Từ người huyện Ngọc-sơn tỉnh Thanh, còn ít tuổi đã thông kinh-sử, ứng-cử triều nhà Lê, quan trường xét ra, là con nhà ca-xướng, không cho đỗ, ông lúc bực chí nghe tiếng chúa Nguyễn có lượng bao-dung người văn-sĩ, bèn tìm vào Qui-nhân, ngồi dạy học nhà ông Trần Đức-Hòa, thường làm bài phú *Ngọa-long-cương* 臥龍岡, ý nói mình như con rồng nằm ở trên gò, tự-ví với ông Gia-Cát Lượng nhà Hán vậy. Ông Hòa nghe nói biết là người có chí khí, liền gả con gái cho, sau mới biết tung-tích là con nhà ca-xướng. Khi chúa Nguyễn mở cõi Nam ông theo đi phò-á có công, cho nên có bài thơ này. Ý tỏ ông Từ cũng như con rồng nằm vậy.

139. — Nên ra tay kiếm tay cờ,
Chẳng nên thì chớ chẳng nhờ tay ai.

140. — Một đời được mấy anh-hùng,
Một nước được mấy đức ông trị vì.

141. — Làm trai quyết chí tang-bồng,
Sao cho tỏ mặt anh hùng mới cam.

142. — Làm trai cố chí tập thân,
Rồi ra gặp hội phong-vân kịp người.

Vua tôi

143. — Ong kiến còn có vua tôi,
Người thiêng hơn vật lẽ người lại không.

Nước ta với nước Tàu xưa nay vẫn trọng về nghĩa quân-chủ, gần đây mới có phong-trào tân-học lại trọng về dân-quyền, nhưng nên biết các nước văn-minh tuy không nói đến nghĩa quân-chủ, nhưng dựng ông Thống-lĩnh để giữ cái quyền pháp-luật cho trong nước, thế thời nước cũng phải có người chủ-trương vậy. Nếu không có người đứng đầu chủ-trương pháp-luật, thời mỗi người một tư tưởng mỗi người một hành-động, bao giờ mong, cho nước yên được.

144. — Vua tôi phải đạo vua tôi,
Trên thuận lòng trời dưới đẹp lòng dân.

Khi vua Gia-long đ ợc thiên-hạ rồi, ra bái yết lăng ở xã G a-viễn tỉnh Thanh, dâu ở đó chú -tụng làm ra thơ này.

145. — Làm tôi cứ ở cho trong,
Chớ ở hai lò g mà hoá dở dang.

146. — Những người một niệm hiếu trung,
Trời mây che-chở non sông độ-trì.

Hai thơ này khuyên người ta phải nên giữ đạo trung-nghĩa, sau gặp được nhiều sự hay.

147. — Hết lòng mở nước trị dân,
Đã nhiều bên vũ bên văn cũng nhiều.

Vua G a-long khi khai-sáng nước ta đồng-thời với ông Nã-phá-luân nước Pháp, ông Hoa-thịnh-đốn nước Mĩ, ngài ra tay bình Nam giẹp Bắc, nhất-thống được cả ba kỳ, cũng nhờ có vũ-thần là ông Vũ Tính, ông Ngô Tùng-Chu, văn-thần là ông Nguyễn Văn-Thành, ông Lê Quang-Định, kể biết bao nhiêu người phù-tá, mới dựng được cơ-đồ, cho nên người đời có câu thơ này.

148. — Áo cơm bao quản đột-xung,
Để lòng tin bạn dốc lòng yêu vua.

Triều nhà Lê ông Lương Hữu-Khánh con ông Lương Đắc-Bằng người huyện Hoằng-hóa có nghĩa-khí, không ra làm quan triều nhà Lê, nhà Mạc dụ ra làm quan cũng không chịu ra, ông Giáp-Hải là bạn học, khi ấy làm quan triều nhà Mạc sai người đón ông làm gia-sư, khoản-đãi rất hậu, và đêm ngày dụ ông ra làm quan, nhưng ông nhất-vị từ chối, một hôm ông Giáp-Hải thử ông làm bộ bài phú *Tần-quan-kê* 秦關鷄 để xem ý-tứ thế nào, ông đã biết bài phú này là dụ ta theo nhà Mạc, bèn thảo một tờ biểu đưa cho mẹ đến phủ An-trường đã g vua Lê, xin định đến ngày hôm ấy cho quân đón ở cửa Thần-phù. Vua Lê nghe lời, đến ngày ấy sai đem một nghìn quân, năm chiếc thuyền đến đón ông. Lú ông lên thuyền, ông Giáp-Hải cũng không biết, lập-tức bảo nhà Mạc đem quân đuổi theo, thời ông đã ở trong thuyền rồi, ông hô lên một tiếng rằng: tôi xin đa ạ bạn tôi là ông Giáp-Hải, rồi chèo thuyền kéo quân từ cửa Thần-phù về đến An-trường yết-kiến vua Lê. Vua mừng-rỡ cho làm Tả-lang, tham bàn mưu-lược, sau đi đánh giặc, lập được công lớn, khiến nhà Lê nên được cơ-nghiệp trung-hưng, cho nên thời-nhân khen mà làm thơ này.

Cha con

149. — Công cha như núi Thái-sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy [ra.

Thơ này ý nói công cha dạy con cao như núi Thái, sữa mẹ nuôi con sâu như suối, cho nên làm con nên biết đền ơn cha mẹ mới phải đạo làm con.

150. — Có cha có mẹ thì hơn,
Không cha không mẹ như đàn đứt dây.

151. — Còn cha con cậy trăm đường,
Mất cha như lở núi vàng giữa sông.

Người con hiếu thương cha làm bài thơ này.

152. — Xem cha mẹ cũng như trời,
Mới là phải đạo ở đời làm con.
Nhưng ta bận vợ bận con,
Thần-hôn định-tỉnh nào còn ở đâu.
Vợ con ngày tháng còn lâu,
Mẹ cha ngày tháng có đâu mà dài.
Tháng ngày thấm-thoắt đưa thoi,
Tiền đâu chuộc được mà nuôi cho dài.

Thơ này người con hiếu ở tỉnh Thanh làm ra.

153. — Ông bồng cháu cháu lại lên [ông,
Hoàng-thiên kia chẳng phụ lòng hiếu đâu.

Đàn bà phận gái làm dâu,
Làm dâu ắt hẳn mai sau mẹ chồng.
Phải nhẫm bước trước cho xong,
Bước sau theo nối ông ông bà bà,
Ở hay ngày lại hay ra,
Đường kia lối nọ chẳng qua nợ lần.

Thơ này người ở huyện Quảng-xương tỉnh Thanh khuyên người làm dâu phải hiểu

Nghĩa với cha mẹ chồng. Để sau con cháu bắt chước làm gương.

154.— Trèo lên cây khế giữa ngày,
Ai làm chua xót lòng mày khế ơi?
Khế chết khế lại mọc chồi,
Mẹ già hồ-dễ ở đời với con.

Thơ này người con hiếu thương tiếc cha mẹ, chua xót tấm lòng cũng như cây khế vậy.

155.—Mẹ già như chuối chín cây,
Sao đấy chẳng liệu cho đây liệu cùng.
Khế với sung khế chua sung chát,
Mật với gừng mật ngọt gừng cay.

Tục nước ta xưa bố mẹ mất, trong ba năm không được cưới vợ, ý nói mẹ một tuổi một già như chuối chín ở trên cây, rụng lúc nào cũng không biết, nếu không lo liệu sớm, sợ việc nhân-duyên hoặc có ngăn-trở gì chăng, cho nên bảo nhau lo liệu định ngày cưới, để đôi bên sớm được hảo-hợp, cũng như khế với sung, gừng với mật, vị chua hòa với vị chát, vị ngọt hòa với vị cay, thế nào là quả ngon. Thơ này là lời người con trai bảo con gái vậy.

156.—Con không nghe mẹ nghe cha,
Con nghe ông hễnh con ra đứng đường.
Con không nghe mẹ nghe cha,
Cá không ăn muối ắt là cá ương.

Thơ này rằn con phải nên nghe lời cha mẹ đừng như nước đổ lá khoai.

157.—Con ơi muốn nên thân người,
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha.
Gái thời dệt gấm thêu hoa,
Khi vào canh-cửi khi ra thêu-thùa.
Trai thời học quyết khôi-khoa,
Trước là mát mặt sau là hiển thân.

Thơ này là lời cha mẹ khuyên con.

158.— Muốn sang thời bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

159.— Yêu con cho đòn cho vọt,
Ghét con cho ngọt cho bùi.

160.—Dạy con từ thủa lên ba,
Dạy ăn dạy nói thực-thà thảo ngay.

161.—Nuôi con chẳng dạy chẳng răn,
Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng.

162.— Dạy con từ thủa thơ ngây,
Uốn cây ắt phải từ ngày còn non.

163. — Dạy con từ thủa còn thơ,
Dạy vợ từ thủa bơ-vơ mới về,
Dạy con từ thủa hài-dễ,
Dạy vợ từ thủa mới về làm dâu.

Vợ chồng

164 — Vợ chồng phận cải duyên kim,
Nơi gần chẳng hợp phải tìm nơi xa.

Phận cải duyên kim, nghĩa là hột hồ-phách bắt hột cải, đá nam-châm hút cái kim, hai cái ấy có tính điện cùng hấp-dẫn với nhau, không khác gì vợ chồng hai họ lại phối-hợp vậy. Thơ này ý nói vợ chồng lấy gần lấy xa, chẳng qua có số, ép dầu ép mỡ ai nỡ ép duyên, nếu không phải duyên mà cưỡng ép lấy nhau thời cũng như kim không có nam-châm, cải không có hồ-phách vậy.

165.— Vợ chồng là kiếp là duyên,
Ông tơ đã định số trên thiên-tào.
Đói no giàu khó phận nào,
Giàu ăn khó chịu làm sao cũng đành.

Thơ này khuyên người đàn bà lấy phải chồng nghèo khó, không nên phân-nàn, vì là vợ chồng đã có số ở trên thiên-tào định ra, không thể thay đổi được. Trước người Vi-Cố nhà Đường đi kén vợ, toan lấy con gái họ Phan, nhân trời tối đi đường gặp thấy ông lão đeo cái túi ngồi hướng mặt trăng giở sổ xem, người Cố hỏi sổ gì. Ông lão đáp: — Sổ ghi tên các người vợ chồng lấy nhau. — Hỏi túi đựng vật gì? Đáp: — Túi đựng giây tơ hồng, giây này để buộc chân vợ chồng, đã buộc không có phương-kế gì gỡ được. — Người Cố hỏi: — Tôi lấy con gái họ Phan có được không? — Đáp: — Không, vợ anh mới lên 3 tuổi, phải đợi mười bốn năm nữa thời mới lấy nhau. — Hỏi người con gái ấy tên là gì? — Đáp: — Con gái họ Trần, mẹ nghề bán rau sớm ngày mai anh sẽ biết. — Nói xong, rồi biến đi mất. Sớm mai Cố vào chợ, thấy người đàn bà họ Trần bế người con gái ước ba tuổi

mặt mũi xấu-xa, ngồi bán rau, Cố bảo đầy tớ đâm một nhát xướt ngang lông mày, rồi thầy trò dẫn nhau trốn mất. Sau người con gái ấy làm con nuôi quan Thứ-sử châu Trương. Cố giạm lấy làm vợ, tuổi vừa mười-bảy, thấy lông mày có sẹt, hỏi ra mới biết con gái họ Trần, đúng như lời ông lão nói. Vì thế xưa nay ai cưới vợ thì phải tế ông tơ-hồng.

166. — Làm trai lấy được vợ hiền,
Như cầm đồng tiền mua được miếng ngon.
Đàn-bà lấy được chồng khôn,
Xem bằng cá vượt Vũ-môn hóa rồng.
Làm trai lấy được vợ khôn,
Như lọ vàng cốm để chôn trong nhà.
Đàn ông kén được đàn bà,
Sạch cửa sạch nhà lại ngọt com canh.

Thơ này nói trai lấy được vợ hiền gái lấy được chồng giỏi, tới làm nên sang giàu.

167. — Chồng giận thì vợ lui lời,
Cơm sôi bớt lửa chẳng rơi hột nào.
Lửa cháy chớ đổ dầu vào,
Cũng bằng nói tức trách sao phũ-phàng

Thơ này răn người đàn bà phải nghe lời chồng, đừng nên ngang ngạnh.

168 — Lấy chồng theo thói nhà chồng,
Đừng như thói cũ ở cùng mẹ cha.

Sách có chữ *nhập gia tùy tục*, nhà chồng với nhà mình mỗi nhà nề-nếp một khác nhau, về làm dâu thời phải theo nề-nếp nhà chồng thời mới được trong ấm ngoài êm, để khỏi mang tiếng bố mẹ mình.

169. — Có con thời bận về con,
Có chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng.

Thơ này nói đàn bà đã mang thân đi lấy chồng, thời công việc nhà chồng mình phải gánh vác cho chu-tất để xứng-đáng bổn-phận của mình, có chồng thời phải có con, có con thời phải nuôi con dạy bảo đường ăn lẽ ở, rồi dựng dặt cho con được như người ta.

170.—Có chồng chẳng được đi đâu,
Có con chẳng được ngồi lâu nhà người

Thơ này nói có chồng thì phải ở nhà coi sóc mọi việc, không nên đi đâu xa, có con thì phải nuôi con, cho con bú mớm, không nên đi lâu.

171.—Chim khôn đỗ nóc nhà quan,
Trai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng.
Chim khôn khôn cả về lông,
Khôn cả về lồng người gánh cũng khôn.

Người khôn cũng như chim khôn vậy, nhà quan là chỗ lịch-sự, chim đỗ đấy thì cái lông nó cũng đẹp, lồng cũng đẹp, vợ chồng mà chọn đủ đôi cho tử-tế, thời mọi về mọi hay.

172. — Dù chồng có bảy có ba,
Có dung kẻ thiếp mới là người trên.

173.— Dù chồng ba bảy cũng đành,
Ngày sau con thiếp con mình con ai.

174. — Tranh quyền cướp nước gì đây,
Coi nhau như bát nước đầy là hơn.

Ba thơ này là người hiền-phụ có lượng bao-dung chúng-thiếp.

Anh em

175. — Anh em như chân như tay,
Như rừng lắm cỗi như cây nhiều cành
Một người ra ý bất-bình,
Một người phải chịu theo tình cho êm.
Sinh con rồi lại anh em,
Để cho đàn cháu làm gương sau này.

Thơ này ý nói mình ăn ở với anh em thế nào, sinh con nó lại bắt-chước mà ăn ở với nhau như thế.

176. — Anh em như chân như tay
Vợ chồng như áo rách rầy vá mai.

Thơ này ý nói anh em là một bát máu sẻ ra, như chân như tay không thể nào bỏ nhau được, còn như vợ chồng mỗi người một họ, chẳng qua duyên trời hợp lại đó mà thôi, không may xấu số chẳng ở với nhau được, thì lại đi lấy người khác cũng như cái áo rách rầy vá mai vậy, thói đời như thế là thường.

177.—Con một mẹ như hoa một chùm,
Yêu nhau nên phải bọc đùm cùng ta.
Anh em ăn ở thuận-hòa,
Chớ điều chếch-lệch người ta chê cười.

Thơ này khuyên anh em phải thân yêu nhau như hoa một chùm vậy.

178.—Thịt xương xum-họp một nhà.
Chớ nghe lời nói đàn bà dong-dưa.

Thơ này nói anh em ở với nhau chung một nhà, coi nhau như xương thịt vậy, nhưng chỉ vì người đàn bà da-đoan, thêm đặt truyện nọ truyện kia mà xui-bẩy cho anh em ghét nhau, cho nên đàn ông không nên nghe vợ.

179.—Anh em hiền thực là hiền,
Lâm đến đồng tiền để mất lòng nhau.

Tục có câu *đồng tiền liền khúc ruột*, cho nên anh em tuy thân cũng không bằng đồng tiền, hoặc nhân bố mẹ chia của không đều, cũng là ruộng nương phần xấu tốt, sinh ra giận nhau, hoặc nhân giỗ chạp phải đóng tiền nhiều tiền ít, cũng sinh giận nhau, chẳng qua vì một chữ lợi, nó làm mất cả cái nghĩa đồng-bào ân-ái, thế thời đồng tiền là cái vật yêu-ác, không những anh em mất lòng nhau, đến như cha con, vợ chồng, bầu-bạn, thầy-trò ăn ở với nhau không ra gì cũng tự nó. Thơ này nói thấu được cả thế-thái nhân-tình.

Bầu-bạn

180.—Anh em bốn bể giao-tình,
Tuy rằng nam bắc con sinh một nhà.

181.—Nhiều điều bọc lấy đá gương,
Cùng trong một giống thời thương nhau cùng.

Hai thơ này ý nói bầu-bạn mỗi người mỗi phương, mỗi người mỗi họ, nhưng kể ra con Hồng cháu Lạc cùng chung một giống mà ra, vậy nên yêu nhau qui nhau, giúp-đỡ nhau, bênh-vực nhau, coi như nhiều điều bọc đá gương vậy

182.—Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Thơ này cũng như ý hai chương trên, bầu với bí tức là bầu với bạn vậy.

183.—Muốn cho có dó có dây,
Sơn-lâm chửa dễ một cây nên rừng.

184.—Một cây chất chẳng nên rừng,
Ba cây hợp lại nên rừng rậm xanh.

185.—Một hòn đắp chẳng nên non,
Ba hòn đổ lại nên hòn núi cao.

Ba chương này ý nói người ta muốn làm việc gì cũng phải nhờ có bầu-bạn, người xuất tài, kẻ xuất lực, người dụng trí, kẻ dụng mưu, thời làm gì cũng dễ, thử xem núi không phải tự-nhiên mà nên núi, hợp các hòn đá lại mới nên núi, rừng không phải tự-nhiên mà nên rừng, hợp các cây lại mới nên rừng, thế thời người ta cần phải có bầu-bạn.

186.—Ba năm ở với người đần,
Không bằng một lúc đến gần người khôn.

187.—Bạn khôn thì mình cũng khôn,
Ở bầu thì tròn ở ống thì dài.

188.—Mật ngọt càng tổ chết ruồi,
Những nơi cay đắng là nơi thật-thà.

189.—Chim khôn tránh khỏi lưới rò,
Người khôn tránh khỏi ô-đồ mới khôn.

Bốn chương này ý nói người ta phải nên chọn bạn mà giao, thử xem như nước ở trong bầu tròn thì nước cũng tròn, ở trong ống dài thì nước cũng dài, thế thì tròn với dài không phải tự nước, mà tự cái đồ đựng nước, suy thế thì biết người ta phần nhiều tại bạn, bạn hay thì mình tập nhiễm những điều hay, bạn dở thì mình tập nhiễm những điều dở, vì là ở với bạn hay mình có lầm-lỗi sự gì người ta khuyên-bảo, mình có hư-hỏng nết gì người ta quở-trách, nhiều điều chua-chát khó chịu, nhưng mình tỉnh-ngộ ra được, rồi cũng hóa ra người hay, đến

như bạn nào thiết-đãi tử-tế, nào là rượu chè, cờ bạc, nào là thuốc sái, hát xướng, dần dần mình cũng tập nhiễm quen đi, thành ra hại, không khác gì mật ngọt chết ruồi.

190. – Thức lâu mới biết đêm dài,
Ở lâu mới biết lòng người bất-nhân.

191. — Chim sa cá nhảy chớ vời,
Những người lòng bụng chớ chơi bạn cùng.

Người ta ở trên đời, phải biết giao-thiệp, biết đoàn-thể, biết hợp-quần, ai ai cũng coi như đồng-bào, thế mới phải là nhân-đạo, nhưng phải biết người nào đáng nên đoàn-thể, thì ta hãy đoàn, đáng nên hợp-quần thì ta sẽ hợp, còn những phường bất-nhân bất-nghĩa và những người lòng bụng là người thâm-hiểm, tâm-địa như chông gai dao mác, thời đừng có giao chơi. Hai chương này rằn người ta phải nên chọn bạn.

Thầy tớ

192 —Có cơm có gạo vạn người hầu,
Có bấc có dầu có vạn người khêu.

193. —Bớt đồng thời bớt bồ-lao,
Bớt cơm bớt gạo trách sao bớt làm.

194. — Có làm thì phải trả công,
Nào ai có chịu làm không bao giờ.

Ba chương nay ý nói có cơm có gạo thì làm bầy-tớ, nếu bớt cơm gạo xử với bầy-tớ khe-khắt, thời nó cũng không hết lòng làm cho mình, thế thì bầy-tớ tiền bầy-tớ gạo, chứ không phải là bầy-tớ không, một công một của cân nhau mới được.

195.— Nhà giàu ưa kẻ thực-thà,
Nhà sang ưa kẻ vào ra nịnh-thần.

Thơ này nói nhà giàu chỉ sợ bầy-tớ nó ăn cắp, nên ưa đứa thực-thà; nhà sang chỉ ưa những đứa ton-hót thì mới bằng lòng, người chân-chỉ thực-thà thì không dùng đến.

196.— Còn tiền tớ tớ thầy thầy,
Hết tiền tao mặc mày mày mặc tao.
Thói đời nghĩ chẳng ra sao,
Tình thầy nghĩa tớ ta nào dám quên

Thơ này khuyên người ta nghĩa thầy tớ ăn ở phải có thủy-chung.

Quan-lại

197. — Thứ nhất bộ Lại bộ Binh,
Nhì thời bộ Hộ bộ Hình cũng xong.
Thứ ba thời được bộ Công,
Nhược-bằng bộ Lễ lạy ông xin về.

Bộ Lễ quanh năm chuyên coi việc lễ-bái, hễ lầm tí gì sai phải quở-phạt, nhân có thơ này.

198.—Văn quan bát-phẩm đã sang,
Vũ-quan lục-phẩm còn mang gươm hầu.

Nước ta trước trọng văn mà không trọng vũ, tuy lúc vào Triều bày ban quan văn quan vũ ngang nhau, nhưng công việc khác thời văn bao giờ cũng ở trên vũ.

199.—Quan văn mất một đồng tiền,
Xem bằng quan vũ mất quyền Quận-công.

Chức to không gì bằng Quận-công, vật nhỏ không gì bằng đồng tiền, nếu coi đồng tiền to bằng chức Quận-công, thế thời đồng tiền chả quí lắm dư? Người làm thơ này cực-bì ông quan văn tham-lạm.

200. – Ban ngày quan lớn như thần,
Ban đêm quan lớn tần-mần như ma.
Lập nghiêm ai dám đến gần,
Bởi quan đún-đỏn cho dân nó nhờn.

Chương trên ý nói quan lớn ngày hai buổi ra ngồi công-đường, mặt mũi bảnh-bao, áo quần chỉnh-chện, coi như một vị thần vậy, đến đêm quan lại giở trò lâu-cá, khi thì tần-mần quân bài, khi thì tần-mần điếu thuốc phiện, có khi tần-mần với cô đào, lại có khi đòi mấy thằng bị-cáo ở trại lên hầu, tần-mần khi nó, rồi đe-nẹt nó, để xem nó có thụ-lý hay không; lại có khi đòi mấy anh thầy cung ở ngoài phố vào hầu, tần-mần hỏi họ, rồi dò-la họ, xem họ có xếp lễ cho không; cho nên trước mặt nó kêu quan lớn đêm trời soi xét, ra ngoài thì nó bảo bị cái ma lôe mình. Chương dưới ý nói quan phải giữ pháp-luật cho nghiêm, việc kiện-cáo theo lẽ công-bằng, đừng làm đê-đảo, thời dân ai là chẳng sợ, bởi tự mình tham về đồng tiền, không tiền, phải cũng cho là trái, có tiền, trái cũng cho là phải.

vì thế dân nó mạn phép, không sợ tội, chắc đã có tiền, chui lọt được cửa quyền, sợ chi mà chả làm bậy, thế thì dân mạn phép là lỗi tự dân hay lỗi tự quan, cái vấn-đề này, xem hai câu này cũng đủ giải-quyết được.

201. — Kiện nhau thời phải đến quan,
Đến khi được kiện đã tan cửa nhà.

Sách có chữ « Vô phúc đáo tụng-đình »: ngạn có câu: « Được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười-lăm quan chẵn »: được cũng mất tiền, thua cũng mất tiền, kiện thật vô-ích, đã một cái kiện rồi sinh năm bảy cái kiện, vì là bên thua lại tức với bên được, sinh ra truyện này truyện khác để báo thù. Thơ này cốt ý răn người ta đừng kiện.

202. — Mười quan thí được tước hầu,
Năm quan tước bá ai hầu thua ai?

Cuối đời Lê, Tây-sơn nổi loạn, Nam Bắc dùng binh, lương-xướng không đủ, chiếu cho trong nước ai quyên tiền thời cho quan-tước, nên thời-nhân mới làm ra thơ này.

203. — Nể anh tôi để trong lòng,
Việc quan tôi cứ phép công tôi làm.

Quỉ-thần

204. — Chẳng thiêng ai gọi là thần,
Đường quanh lối tắt chẳng gần ai đi.
Người ta hay dở chuyện gì,
Quỉ-thần cũng đã chứng-tri trên đầu.

205. — Của Phật mất một đền mười,
Của đức Chúa-Trời mất một đền muôn.

Thơ này ý nói thần phật rất thiêng, nếu lấy của thần Phật mà ăn tiêu, thời sau phải đền gấp mười gấp muôn, người làm thơ này mê-tín thần-quyền, nhưng xét cho kĩ không những là của thần Phật, hoặc là của công, hễ không phải của mình mà xâm-phạm đến, thời sau mắc phải tai-hại cũng nhiều.

206. — Tưởng rằng thần biết ăn tiền,
Hay lễ hay bái thần liền cứu cho.
Ai ngờ thần chẳng ứng cho,
Hay lễ hay bái thêm lo vào mình.

Thông-minh chính-trực gọi là thần, thần có phải như đồ tham-nhũng, he tốt lễ thì dễ kêu, không có lễ thì buộc tội cho người ta đâu. Thơ này ý nói người ta phải ăn ở hiền-lành, tự-nhiên quỉ-thần a-hộ, vì bằng ở dưng chẳng lành, đọc canh phải tội, hay lễ hay bái có ích gì.

207. — Tiền buộc dải yếm bo-bo,
Đem cho thầy bói thêm lo vào mình.

Những người sẻn nhặt, có tiền chỉ giữ bo bo, chẳng chịu giúp đỡ cho ai đồng nào, hễ trong nhà có ốm đau, hoặc có sự gì, nay đi bói mai đi khoa, lúc thì họ bảo động về mồ-mả, lúc họ bảo động về ông mãnh bà cô, lúc họ bảo động về Thổ-công vua-bếp, lễ bái mất bao nhiêu tiền cũng không tiếc. Thơ này ngụ ý răn đời.

Phúc-đức

208. — Lộc lộc trời ngôi ngôi trời,
Hễ ai có phúc thời trời lại cho.

209. — Khuyên ai ăn ở cho lành,
Kiếp này chửa gặp để dành kiếp sau.

210 — Có tiền thì hậu mới hay,
Có trồng cây đức hẳn dầy nền nhân.

211 — Ở hiền rồi lại gặp lành,
Áo rách tan-tành trời lại vá cho.

212. — Ở hiền rồi lại gặp lành,
Những người ở ác quẩn-quanh vào mình.

Năm chương này là khuyên người ta làm phúc, thời trời cho mình được mọi sự hay.

213. — Lênh-đênh qua cửa Thần-phù,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm.

Cửa Thần-phù thuộc huyện Nga-sơn tỉnh Thanh-hóa, chỗ ấy sóng gió hãi-hùng, thuyền bè nhiều khi trở-ngại. Triều nhà Lý đức Tử Đạo-Hạnh, đức Khổng-lộ thường đi chơi thuyền ở cửa bể ấy, gặp khi sóng to gió lớn, mà cũng được yên-ổn như thường, nhân có thơ này.

214. — Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ ấy là chân-tu.

215. — Dẫu xây chín bậc phù-đồ,
Sao bằng làm phúc cứu cho một người.

216. — Thứ nhất thì tu tại-gia,
Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.

Sự tu-hành cốt phải tu ở bụng, cũng có người bực mình phải đi tu, cũng có người miệng na-mô bụng bồ dao găm, cái tu ấy không sá kể, dẫu xây tháp chín tầng cho cao, sửa chùa mười gian cho rộng, đúc mấy quả chuông, tô mấy pho tượng, trang-hoàng rất đẹp, nhưng không biết kính thờ cha mẹ, cứu đỡ người ta, đi chợ thì đong đầy bán vơi, ăn gian nói dối, thế thì tu cái gì, có phải là tu phúc đâu. Vậy đem ba chương này để các nhà thiện-nam tín-nữ lần hạt châu niệm câu này mà nghe.

217. — Cây xanh thời lá cũng xanh,
Cha mẹ hiền lành để đức cho con.
Ba vuông sánh với bảy tròn,
Đời cha vinh-hiển đời con sang giàu.

Tục có câu « mẹ tròn con vuông », nghĩa là sinh nở dễ-dàng, mẹ con được chu-toàn cả, ba vuông sánh với bảy tròn là chẵn số mười. Thơ này ý nói cha mẹ mà làm phúc, thời con cháu được hưởng phúc cho được năm đời đến mười đời, đời ấy đời khác cũng được mẹ tròn con vuông, cháu đàn chắt đống, cũng như cây xanh lá tốt hoa quả thêm xuân vậy.

218. — Muốn ăn đỗ phụ tương tầu,
Mài dao đánh kéo cạo đầu đi tu.
Đi tu cho trót đi tu,
Ăn chay nằm mộng ở chùa hồ sen.

Thơ này răn người đi tu phải thật lòng.

219. — Có người gian-ác ở đời,
Thế mà giàu có ở đời phong-quang.
Bởi rằng phúc trước còn sang,
Ác này chưa đến tội dường chưa ra.

220. — Có người hiền-hiếu thực-thà,
Thế mà vất-vả lại là long-đong.
Bởi rằng tội trước chưa xong,
Quả này chưa chín để hòng phúc sau.

Người làm thơ này theo nghĩa nhân-quả báo-ứng của Phật-gia, nay đem chữ văn-minh đối với thần-quyền, thời lời này không đủ làm bằng-chứng, nhưng suy cho kỹ, những lời thánh-hiền chép ở kinh *Thi* kinh *Thư* và các sách, thời cái nghĩa họa-phúc báo-ứng, cũng là công-lý tự-nhiên.

221. — Bớt ăn bớt mặc ở mình,
Để mà lấy phúc hiển-vinh lâu dài.
Áo cơm có hạn thì thôi,
Của đời rồi lại trả đời về không.
Sao bằng tích phúc lấy công,
Nhân-duyên thoát khỏi cái vòng trần-ai.

Tiền-tài

222. — Đến ta mới biết của ta,
Nghìn năm năm trước biết là của ai.
Tiền của là chúa muôn đời,
Người ta là khách qua chơi một thì.
Của trời trời lại lấy đi,
Giương hai mắt ếch làm chi được trời.
Dẫu mà giàu vẹn một đời,
Chẳng qua giữ của cho trời mà thôi.

Đồng tiền có chữ *thông-bảo* 通寶, nghĩa là cái báu chung của thiên-hạ, trời cho thì được, nhưng cũng không chắc giữ được mãi, hiện bây giờ đồng tiền nó ở tay mình nhưng không biết trước bây giờ nó ở tay ai; sau bây giờ thì nó chuyển sang tay ai, cái vấn-đề ấy cũng khó mà giải-quyết, nếu giải-quyết được thời thành vàng ao bạc, bể ngọc rừng tiền, của nhà vua sao không giữ lấy, truyền cho đến đời khác, mà lại để cho người ta cuỗm mất, phương-chi đồng tiền riêng ở tay một người thời giữ thế nào, Than ôi, cái đồng tiền nó làm cho người ta xấu hóa đẹp, dở hóa hay, hèn hóa sang, buồn hóa vui, khổ hóa sướng, đồng tiền chẳng đáng quí hay sao? Tuy vậy quí thì quí thật, nhưng cũng có lắm vất-vả về đồng tiền, tai-ách về đồng tiền, lao-tâm lao-lực về đồng tiền, mất danh mất giá về đồng tiền, suy cho kỹ gọi là thần tiền cũng được, gọi là ma tiền cũng được. Kia những kẻ coi đồng tiền như cái liếp, có tiền mà không biết dùng, lại có kẻ coi đồng tiền như cái rác, dùng mà không biết cách dùng, đó là tiền của họ, họ dùng thế nào mặc họ không kể, duy có hạng mài dao khoét

ngạch, bẻ khóa nậy hòm, dùng tiền bằng ban đêm: vắt cổ chày ra nước, rán mảnh sành ra mỡ, dùng tiền về ban ngày, hai hạng ấy không phải tiền của họ mà họ cũng dùng, đối với đồng tiền chả trái với công-lý; thẹn với lương-tâm lắm ru! Nếu ông trời không có mắt thời tưởng họ cũng làm trời được.

223.— Của đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.

224. — Nhiều tiền cũng chẳng ai khen,
Biết người biết của hãy nên nhiều tiền.
Tiền càng trắng bụng càng đen,
Càng tham-lam lắm càng oan-trái nhiều.

225.— Trời sao trời ở chẳng cân,
Người ăn chẳng hết người lần chẳng ra!
Người thời mở bảy mở ba.
Người thời áo rách như là áo tơi!

226.— Giàu từ trong trứng giàu ra,
Khó từ những thủa mẹ cha sinh thành.

227.— Đã giàu thời lại giàu thêm,
Đã khó lại khó cả đêm lẫn ngày.

228.—Số giàu đem đến dửng-dưng,
Lọ là con mắt tráo-trưng mới giàu,
Số giàu tay trắng cũng giàu,
Số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo.

Hai thơ trên ý nói người giàu có phải biết người biết của mới được, không nên tham-lam, nếu tham lắm thời lại hại nhiều. Bài thơ này người nghèo có ý than mình trách trời. Câu trên ý nói số giàu thời tự-nhiên được của đâu đưa đến, làm gì cũng được may-mắn, không phải khó-nhọc, câu dưới ý nói số giàu dẫu không có của bố mẹ để cho, chỉ có hai bàn tay trắng chịu khó làm rồi cũng nên tiền nghìn tiền vạn, số nghèo dẫu nhờ cha mẹ thóc chín đụn trâu mười con nhưng làm chẳng nên ăn rồi cũng phá tán hết.

229.— Bát cơm đổi bát mồ hôi,
Nỡ nào phung-phá của trời cho đang.

Một bát cơm không đáng mấy đồng tiền, nhưng làm ra được cũng không dễ, kể từ khi thấp thóc cho đến khi được bát cơm mà ăn, nào là công cày bừa gieo mạ, nào là công cày cấy tát nước làm cỏ, nào là gặt hái vô đạp phơi dọn, xay giã, mới thành được hạt gạo, phí bao nhiêu là thời giờ, tốn bao nhiêu là huyết-hãn, thế mà người ăn chỉ biết ăn, chỉ biết phá, không nghĩ đến công người làm khó-nhọc là như vậy, cho nên làm thơ này răn người ta phải nên quí báu những đồ ngọc-thực.

230. — Của phi-nghĩa có giàu đâu,
Những người bạc-ác để đâu hết tiền.

Thơ này ý nói những người bạc-ác đi ăn trộm ăn cướp và nạt-nộ người ta lấy tiền lấy của, được lúc nào hay lúc ấy, có bền được đâu.

Nông-tang

231.— Sao Tua thì mặc sao Tua,
Mạ vừa ruộng ngấu chẳng thua bạn điền.

232. — Sao Tua một tháng mười [ngày,
Cấy thóc vừa cày cũng được lúa ăn.

Sao Tua ngả về tây, tiết trời tuy muộn, nhưng làm ruộng cày bừa cho kỹ, mạ đừng cấy già quá, cũng đừng cấy non quá, hễ vừa một tháng thời cấy cũng tốt.

233. — Bao giờ láng rữa bằng trôi,
Sao Tua quá ngọ thì thôi cày bừa.

Thơ này ý nói làm ruộng phải suy xét cả vật-lý và thiên-văn, cày láng đã rữa là bằng đã thấy trôi sông, sao Tua đã xế về tây, dẫu có cấy cũng không tốt.

234.— Lúa mùa thì cấy cho sâu,
Lúa chiêm thì gửi cành dâu mới vừa.

235. — Tháng sáu thì cấy cho sâu,
Tháng chạp thì nẩy mầm cau mà về.

236.— Ơn trời mưa móc phải thời.
Nơi thời bừa cạn nơi thời cày sâu.
Công-lênh chớ quản lâu lâu,
Ngày nay nước bạc ngày sau cơm vàng,
Xin ai chớ bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.

Ông Nguyễn Trí-Hòa người tỉnh Phú-thọ theo vua Gia-long vào Gia-định đánh Tây-sơn, làm quan Tổng-trấn Tuyên-quang và Hải-dương, khi ở Hải-dương đắp đê ngự-hàm dài 800 trượng, khẩn ruộng được hơn vạn mẫu, nhân bấy giờ có câu thơ này. Nay xứ Bắc-kỳ Thượng-du còn nhiều thung-lũng bỏ hoang, bởi vì sơn-lam chướng-khí, người ta lên đấy thường sinh chứng ngã nước, nếu biết cách vệ-sinh để trừ nước độc, chiêu dân lên đấy vỡ ruộng hoang, thời sau này cũng được đại-lợi. Vậy thơ này cũng đáng làm gương sáng cho các nhà nông-gia.

237. — Rủ nhau đi cấy đi cày,
Bây giờ khó-nhọc có ngày phong-lưu.
Trên đồng cạn dưới đồng sâu,
Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.

238. — Nhác trông sao Đẩu về đông,
Chị em ra sức cho xong mẫu này.
Lem-nhem tay cầm chân giầy,
Hễ hay giồng-giọt có ngày phong-thu.
Khuyên ai đừng có ngao-du,
Một năm no ấm phải trù từ đây.

Sao Bắc-đẩu xế về đông, tiết trời đã muộn cho nên bảo nhau cố sức làm ruộng cho chóng xong.

239. — Tháng ba chân bước đi cày,
Tháng tư vãi lúa ngày ngày siêng-năng.
Thuận mưa lúa tốt bừng-bừng,
Tháng mười gặt lúa ta ăn đầy nhà.

240. — Tháng chạp là tháng trồng khoai,
Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà.
Tháng ba cầy vỡ ruộng ra,
Tháng tư gieo mạ mưa sa đầy đồng.
Ai ai cùng vợ cùng chồng,
Chồng cày vợ cấy trong lòng vui thay.

241. — Nhà anh có ruộng năm sào,
Có bờ ở giữa làm sao cho liền.
Muốn liền thì phải phá đi,
Đem mạ cấy xuống làm chi chẳng liền.

242 — Nhà em có ruộng giữa đồng,
Bắt anh tát nước cực lòng anh thay!
Thấy cơn gió táp mưa bay,
Nào tay tát nước nào tay vái trời.

Bốn chương này là thơ làm ruộng ở huyện An-định tỉnh Thanh-hóa.

243. — Anh ơi, cố chí canh-nông,
Chín phần ta cũng được trông tám phần.
Can chi để ruộng mà nhầm,
Làm ruộng lấy thóc nuôi tằm lấy tơ.
Tằm có lứa ruộng có mùa,
Chăm làm trời cũng đền bù có khi.
Em thì đi cấy ruộng bông,
Để anh đi gặt lúa chung về nhà.
Đem về phụng-dưỡng mẹ cha,
Muôn đời tiếng hiếu người ta còn truyền.

Thơ này là thơ khuyên làm ruộng ở huyện Vĩnh-lộc tỉnh Thanh, không khác gì thơ Mân-phong nhà Chu vậy.

244. — Cỏ lúa làm đã sạch rồi,
Nước ruộng đầy mười còn độ một hai.
Cao thì đong một gầu nhai,
Ruộng thấp thì lại đong hai gầu sòng.
Bao giờ lúa tốt bồng bồng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.

245. — Văn thơ phú lục chẳng hay,
Đi về làng nước học cày cho xong.
Sớm ngày vác cuốc ra đồng,
Hết nước em lấy gầu sòng đong lên,
Hết mạ thì em quẩy thêm,
Hết gạo em lại lấy tiền đi đong.

246. — Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai trồng đậu trồng khoai trồng cà.
Tháng ba cầy vỡ ruộng ra,
Tháng tư gieo mạ mưa sa gặp thời.
Tháng năm gặt lúa phơi rồi,
Tháng sáu mưa xuống nước trôi đầy đồng.
Tháng bảy cày cấy đã xong,
Tháng tám lúa tốt đùn đùn vui thay.
Tháng chín ruộng mạ vừa cày,
Đem tháp thóc giống chọn ngày rắc xong.
Tháng mười lúa cũng tốt bông,

Gặt phơi đồ cót để hòng năm sau.
Tháng mười một tháng trồng dâu,
Tháng chạp sắm tết kịp đầu tháng xuân.

Thơ này ở huyện Ngọc-sơn tỉnh Thanh, kể về thời-tiết làm ruộng. Tục nước ta nhà làm ruộng khó-nhọc quanh năm, đến cuối tháng chạp mới được thư-thả, lúc ấy nhà sẵn thóc lúa, bán đi để sắm sửa đồ ăn tết, và cúng lễ gia-tiên, cũng như tục nước Mâu đời nhà Chu vậy.

247.—Mồng chín tháng chín có mưa,
Thời con sắm-sửa cày bừa làm ăn.
Mồng chín tháng chín không mưa,
Thời con bán cả cày bừa đi buôn.

Người lão-nông đã kinh-nghiệm thiên-thời làm ra thơ này. Mồng chín tháng chín là tiết trùng-cửu, ngày hôm ấy không mưa thì lúa chiêm năm sau xấu, nên phải bán cày bừa đi buôn.

248. — Người ta đi cấy lấy công,
Để tôi đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời trông đất-trông mây,
Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời trong bể lặng mới êm tấm lòng.
Chăm bề cày cấy cho xong,
Rồi nên sửa việc cung-công thế nào.

Thơ này là thơ nông-phu ở huyện Quảng-xương tỉnh Thanh. Ruộng chỗ ấy phần nhiều đất sơn-cước, trời mưa đất mềm mới làm được ruộng, thuở bấy giờ nhà Hồ đóng đô ở An-tôa thuộc tỉnh Thanh, dân phu thường phải đi làm việc công, vì thế mong trời mưa để cày cấy cho kịp thời, vì còn phải đi làm việc công nữa.

249.— Lúa chiêm đứng nghấp-nghé bờ,
Hễ nghe tiếng sấm mở cờ mà lên.

250. — Kỳ này lúa tốt đầy đồng,
Giỗ vua Thái-tổ Thái-tông mưa dào.

Câu trên nói lúa chiêm là lúa tháng năm, tháng hai nghe sấm động thì trời mưa, bấy giờ lúa tốt, cây nở ra, bông lá coi như mở cờ vậy, câu dưới ý nói tháng tám ngày hai-mươi-hai, hai-mươi-ba là ngày giỗ vua Thái-tổ Thái-tông, ngày hôm ấy được trận mưa dào thì lúa tốt.

251.— Xin trời mưa xuống tôi cày,
Lấy bát cơm đầy lấy khúc cá to.

252. — Trời mưa thì mặc trời mưa,
Chồng tôi đi bừa đã có áo tơi.

253. — Trời mưa cho lúa chín vàng,
Cho anh đi gặt cho nàng mang cơm.

Ba chương này đều là thơ nhà làm ruộng mong mưa.

254. Con dói con sẽ nhịn ăn,
Để mẹ đi cấy sáng trăng sẽ về.

Thơ này là người đàn bà mải đi cấy không kịp ăn.

255.— Từ rầy tôi cạch đến già,
Tôi chẳng dám cấy ruộng bà nữa đâu.
Ruộng bà vừa rộng vừa sâu,
Vừa bé bát gạo vừa lâu đồng tiền.
Tôi về cấy ruộng quan-điền,
Bát gạo thì lớn đồng tiền trao tay.

Thơ này là lời người đàn bà đi cấy.

256. — Tằm có lứa ruộng có mùa,
Lam-làm theo lứa theo mùa thì thôi.

Thơ này ý nói nuôi tằm lứa này xấu thì lứa kia tốt, làm ruộng mùa này xấu thì chăm mùa kia, cốt phải kiên gan chăm-chỉ mà làm thì mới được, cũng như chèo thuyền qua sông thì phải cố sức mà chèo.

257. Lúa này tốt xấu vì ai,
Đừng trách tại trời chỉ trách tại ta.
Thử ngồi ngẫm-nghĩ cho ra,
Nhất ruộng thì mạ thứ ba canh-điền.

Thơ này nói trước nhất phải chọn ruộng, chỗ nào mầu đất tốt và tiện sông ngòi tát nước; thứ hai phải biết ruộng nào đáng cấy thứ mạ nếp hay thứ mạ tẻ, đừng cấy mạ non quá, cũng đừng cấy mạ già quá; thứ ba phải chọn người canh-điền am-hiểu cách làm ruộng để người ta chăm-chỉ cho mình, mẫu nào đáng cày bừa bao nhiêu công trâu, cấy bao nhiêu mạ, tát nước làm cỏ hết bao nhiêu công và ruộng nào đáng cấy thứ mạ gì, ruộng nào cấy sau, ruộng nào cấy trước, cho kịp thời-tiết, như thế thời chắc có phần phong-thu, nếu làm ruộng chỉ nhờ trời, làm dối, mạ xấu, canh-điền không biết dùng người, mà lại mong cho lúa tốt thì khó lắm.

Công-nghệ

258. — Đời cha cho đến đời con,
Đẽo vuông có được đẽo tròn mới hay.

Thơ này dạy về cách làm thợ mộc, trước nhất phải học cầm dìu đẽo gỗ, theo mực mà đẽo cho vuông, rồi sau học đẽo tròn rồi học đến cách đục chạm, lẽ lối thợ mộc như thế.

259. — Trăm nghề làm thợ trai kia,
Muốn cho tinh-xảo quản gì dụng-công.
Đại-mộc phải cần dùng công,
Nhờ lời ông Mạnh ghi trong sách này.
Trí khôn ai bảo ai hay,
Tấc vàng nhận ở trong tay mặc dầu.

Thơ này nói làm thợ phải theo mực thước, nhưng khôn-khéo thời ở tại ý-tứ người ta, chứ không ai dạy ai được.

260. — Đời vua Thánh chúa lên ngôi,
Nghề thợ nhà tôi chẳng giấu-giếm gì.
Cái nào oeo-oẳn khu-khi,
Ra tay vẩy mực đẽo đi cho bằng.

Đời vua Lê Anh-tôn Trịnh tạc đánh được họ Mạc, chuyên giữ binh-quyền, mới lập ra vương-phủ ở thôn An-tập huyện Thọ-xương tỉnh Hà-nội, gọi là phủ Khiêm-định, có ý lộng-quyền lăng-tiếm, nên bấy giờ thợ mộc vào làm ở trong phủ, mới làm câu thơ này, ngoài tuy chúc mừng Thánh-chúa, nhưng trong ngụ ý rằn chúa Trịnh.

261. — Ai lên chợ huyện Thanh-lâm,
Hỏi cô hàng tấm nhuộm thâm thế nào ?
Nhuộm thâm chẳng hết bao nhiêu,
Một bát nước đất một niêu lá sòi.

Chợ huyện Thanh-lâm thuộc tỉnh Hải-dương, xứ ấy nhuộm vải thâm đã có tiếng, thời nhân mới làm thơ này.

262. — Tay cầm cái chỉ cái kim,
Tay cầm thước lụa đi tìm thợ may.

263. — Áo rách chẳng khỏi thợ may,
Đồng nát chẳng khỏi đến tay thợ hàn.

Hai thơ này ý nói có rách tất phải mượn thợ may áo mới, mâm nồi thủng nát phải nhờ thợ hàn.

264. — Xin ai đừng vội chớ chày,
Có công mài thép có ngày nên kim.

Thơ này ý nói học hay làm nghề gì cũng phải kiên gan bền chí, thép rắn hơn đá, mài mãi cũng nên kim, thời đủ biết thiên-hạ không có việc gì khó, hễ gan thời việc gì cũng làm được.

Buôn-bán

265. — Đi buôn phải biết nghề buôn,
Một vốn bốn lãi chớ phồn lâm chi.

Thơ này nói nghề buôn cũng phải học, có học thời mới biết cách buôn, biết buôn thì một vốn bốn lãi, không như các nghề khác, cho nên các nước cũng trọng nghề buôn lắm, vậy nghề buôn cũng cần phải học, đừng nghĩ sự buôn khó-nhọc mà sinh phiền.

266. — Có ngoan rồi hãy đi lính,
Có thông tính rồi hãy đi buôn.

Thơ này nói có khôn-ngoan thì hãy đi lính cũng như đi buôn thì phải thông tính mới được, nếu không biết tính thì sai một ly đi một dặm, lầm một con toán bán một con trâu, thế thì học buôn trước nhất phải học tính.

267. — Khôn-ngoan chẳng lại thực-thà,
Lường thưng tráo đấu chẳng qua dong đầy.

Thơ này ý nói việc dong bán, cái cân cái đấu cốt phải giữ mực công-bằng, nếu dong đầy bán vơi, quen thói lừa-đảo, tuy lợi mình mà để thiệt cho người ta thì không đáng.

268. — Muốn cho chợ họp buổi chiều,
Cho đông kẻ bán cho nhiều người mua.
Muốn cho gần chợ bán mua,
Gần sông tắm mát gần chùa nghỉ-ngơi.

Người dân bà này ý muốn bạn chị em thường được họp mặt với nhau để buôn-bán cho vui-vẻ, cho nên làm thơ này.

269. — Tin nhau buôn-bán cùng nhau,
Thiệt hơn hơn thiệt trước sau như lời.
Hay chi lừa đảo kiếm lời,
Một nhà ăn cả tội trời ai mang.
Theo chi những thói điêu-ngoan,
Pha-phôi thực giả tìm đường dối nhau.
Của phi-nghĩa có giàu đâu,
Bán buôn ngay thực giàu sau mới bền.

Các nước Thái-Tây quan dân trọng về nghề buôn, nhà có tư-bản hợp của lại dựng thành công-ti, trong việc buôn-bán cũng có điều-lệ phân-minh, nhưng cốt lấy bụng thành-thực, trước là hợp của với nhau, sau là buôn-bán giao-thiệp với các nước, cho nên nghiệp buôn một ngày một thịnh-vượng, một mở-mang, nước ta việc buôn-bán không có tin nhau, dù có hợp của vào hội buôn, nhưng ít thấy công-ti nào được vững-bền, được hưng-vượng, cũng vì quen thói đối-trá lừa-dảo, tỉnh ăn lầm thua, vô-ý mất tiền, bởi thế những người mua bán với mình, không ai tin cậy. Người làm thơ này có ý răn đời về sự buôn-bán, phải lấy tin-thực làm cốt.

270. — Chẳng dậm thì thuyền chẳng đi,
Dậm thì ván nát thuyền thì long danh.
Phòng khi lên thác xuống ghềnh,
Lên thác đã vậy xuống ghềnh làm sao.

Thác ở tỉnh Tuyên và sông Bờ nhiều chỗ cao bằng mái nhà, thuyền bè lên xuống rất là nguy-hiểm, phải thuê người Thổ họ đất đi thì mới đi được. Thơ này là người đi buôn thuyền bè làm ra.

271. — Tháng chín thì quít đỏ trôn,
Tháng ba ngái mọc lái buôn tìm về.

272. — Dù ai buôn đâu bán đâu,
Mồng mười tháng tám chọi trâu thì về.

Câu trên ý nói tháng chín quít đỏ trôn, thời khí trời lạnh, ở trên rừng lam-chướng hay sinh chứng ngã-nước, tháng ba ngái mọc thời nước nguồn xuống một ngày một to, cho nên các lái buôn bè phải tìm về, phòng sự ốm đau, và sông xa nước chảy, xảy ra nhiều sự nguy-hiểm; câu dưới ý nói mồng mười tháng tám ở tỉnh Hải-phòng ngoài Đồ-sơn tám xã có hội chọi trâu, ngày hôm ấy bao giờ trời cũng mưa to gió lớn, những người có thuyền bè buôn-bán phải nên phòng xa.

273. — Chửa buôn vốn hãy còn dài,
Mới buôn vốn đã theo ai mất rồi.
Công em buôn đứng buôn ngồi,
Đồng một chẳng bán đồng hai gật-gù.

Câu trên nói khi chưa buôn vốn hãy còn, khi ra buôn thì để người ta lừa đảo mất cả vốn. Câu dưới nói lúc người ta hỏi mua một đồng một thức không chịu bán, để mãi không ai mua, đến sau một đồng hai thức cũng phải bán, thế thì ích-lợi gì. Thơ này là lời người đàn ông răn vợ vụng nghề buôn.

274. — Vốn em chỉ có « thâm chảy »,
Anh bù « tắc lái » cho đầy quan năm.
Em buôn trầu kẻ cuống bán trăm,
Mưa nồm gió bấc anh nằm anh lo.
Cất chân em bước xuống đò
Mưa nồm gió bấc những lo cùng phiền.
Chợ Vị-hoàng một tháng chín phiên,
Trầu anh nó héo kiếm tiền vào đâu.

Chợ Vị-hoàng ở tỉnh Nam-định: thâm chảy nghĩa là ba tiền, tắc-lái nghĩa là một quan hai, mưa nồm gió bấc thời trầu chóng héo, không để lâu được. Thơ này lời người đàn ông dặn vợ đi buôn trầu.

275. — Chẳng tham quan ngắn quan dài,
Tham vì một nỗi em tài đi buôn.
Em buôn trầu héo thuốc giòn.
Cau khô long hạt em còn đợi ai.
Buôn cau chọn lấy buồng sai,
Buôn trầu chọn lấy trăm hai lá vàng.

Thơ này người đàn ông dặn vợ đi buôn. Ý nói lấy vợ không có tham giàu, chỉ tham về có tài khéo buôn bán, không ngờ buôn trầu để trầu héo, buôn thuốc để thuốc giòn, buôn cau để cau long hạt, nếu cứ cầm hàng đợi giá, những thức ấy vất đi còn bán cho ai được.

Học hành

276. — Trời nào có phụ ai đâu,
Hay làm thời giàu hay học thời sang.

277. — Học-hành cố gắng công-phu,
Tất là trời cũng đền bù có khi.

Hai thơ này khuyên người chăm học.

278. — Tay cầm quản bút thảnh-thơi,
Ra ngoài chẳng phải lụy ai bao giờ.

Sách có chữ « *Vạn sự xuất ư nho* 萬事出於儒 », học-trò đã biết chữ miệng đọc tay viết, lâm đến có việc quan giấy-má

khai-trình, cũng là tự-khế, trướng, đối, sẵn có bút đó, không phải lụy đến ai nữa. Thơ này cốt khuyên người ta cần học.

279. — Khuyên ai chăm-chỉ học-hành,
Trước cho biết lẽ sau dành quyết-khoa.
Tìm bạn tìm kẻ nho-gia
Những người cờ bạc trăng-hoa chớ,
Sớm khuya đèn sách dốc lòng, [cùng.
Một hai thi dỗ bõ công học-hành.
Dẫu mà còn muốn công-danh,
Khoa này chẳng dỗ để dành khoa sau.
Nào trời có phụ ai đâu,
Xưa nay sĩ vẫn đứng đầu tứ dân.
Cao thời trí-chúa trạch-dân,
Thấp thời bán chữ độ thân lo gì.
Làm thầy làm bạn làm nghề,
Y gia lý số cũng vì chữ nho.

Xưa Triều-đình còn trọng khoa-cử, nhân có thơ này.

280. — Đá kia nước chảy còn mòn,
Người ta học mãi cũng khôn lo gì.

Trước triều Lê có người tuổi đã ba-mươi, vì bố mẹ nghèo không cho đi học sớm, vợ lấy làm buồn-bực về nỗi chồng mình thua kém người ta, một hôm vợ nghe thấy gần bên làng có trường học, những người danh-giá đến học cũng đông, bèn mượn người mua sách khuyên chồng đi học. Khi đến trường học xin vào nhập-môn, ông thầy ở trường ấy là một ông đại-khoa, học trò rặt những người danh-sĩ và cử-nhân tú-tài ; người ấy xin học, nhưng ngài không chịu dạy, đứng nằn-nì kêu mãi, ngài không lấy lẽ gì mà từ-chối được. Ngài hỏi ra thì nhà nghèo, bảo : phải về biện lễ tam-sinh nghĩa là trâu, dê, lợn đem đến đây làm lễ khai-tâm, rồi mới được học. Người ấy nghe lời về bàn với vợ, lo-liệu biện lễ đem đến, ngài trông thấy bật cười, và khen người có bụng thành-thực, bèn sai làm lễ lễ thánh cho học vỡ lòng, học sách *Tam-tự* câu « thiên tích thông minh », ba ngày không thuộc, ngài bảo: « Con tối dạ lắm, thôi thầy cho tiền lễ-vật, đem về làm cách sinh-nhai, chứ con không thể học được. » Nhưng vẫn cứ nhất-định xin học, sau thầy cho tìm vợ đến nhủ bảo các lẽ thiệt hơn, vợ chồng bèn tuân lời đem tiền về, đi qua cầu đá ngồi nghỉ chân, thấy cái cột đá mòn, lại ngẫm-nghĩ đến sự học của mình, mới đọc lên câu thơ này, bèn bảo vợ gánh tiền trở lại kêu thầy xin học thử nữa xem sao, ngài trông thấy ngạc-nhiên, hỏi sao trở lại đó. — « Bẩm con xem không vật gì rắn bằng đá, mà không vật gì mềm như nước, nước chảy đá còn mòn, huống-chi người ta học mãi mà không biết chữ hay sao, xin thầy hạ-cố cho con nhờ. » Thầy nghe lời nói có ý-tứ, và cũng thương tình, bèn cho ở lại học, tự đấy học một ngày một rạng, văn-chương linh-lợi, chữ-nghĩa tinh-thông, sau đỗ tiến-sĩ.

281. — Thờ thầy thời được làm thầy,
Lòng thành cảm-động có trời chứng [cho.

Ông Phạm Tử-Hư người huyện Cẩm-giàng học ông Dương Kham, hết lòng thờ thầy, ông Kham mất làm nhà ra ngoài mả ở, thờ thầy ba năm coi như lúc sinh-bình, một hôm ra chơi Hà-nội, trời đã tối, ngạc-nhiên gặp ông Kham ở đền Trấn-vũ, ông hỏi : « Sao thầy lại ở đây ? » Ông Kham nói : « Ta vì lúc sinh-bình hay kính giấy chữ, thờ thầy hết đạo, nên thần Thượng-đế cho ta theo hầu đức Văn-Xương chuyên coi về khoa-cử. » Bèn giở thư trong tay áo cho xem nói đây là tên những người đỗ khoa này đây. — Ông giở xem nhớ rõ tên họ mười bảy người, rồi ông Kham biến mất, ông Hư về hỏi thăm quê quán mười bảy người, ông ấy đến nhà nói rằng : « Tôi biết tìm địa-lý, có muốn đỗ khoa này tôi làm đất hộ. » người thì xoay hướng nhà, người thì xoay bếp, người thì xoay ngõ, quả-nhiên khoa ấy mười bảy người đỗ cả, ông thì đỗ rốt bảng, khi vào ăn yến ông vào sau rốt, mười bảy ông đều đứng dậy, vua hỏi cớ gì. Tâu : « Thầy chúng tôi ». Vua liền đặc-cách cho ngồi trên, vì thế nên thời-nhân làm ra thơ này.

Thế-tình

282. — Trời làm một trận lăng nhăng,
Ông hóa ra thằng thằng hóa ra ông.
Ngày xưa quỉ mọc đàng đông,
Bây giờ quỉ mọc trong lòng người ta.
Bây giờ con dĩ làm bà,
Trẻ con đắc-thế bà già thất kinh.

283. — Ông cả ngồi trên sập vàng,
Cả ăn cả mặc lại càng cả lo.
Ông bếp ngồi trong xó tro,
Ít ăn ít mặc ít lo ít làm.

284 — Mặn rầy bỗ lạt ngày xưa,
Nắng này cho bỗ cơn mưa trơn đường.
Có bát sứ phụ bát đàn,
Chắc dâu bát sứ không tan có ngày.

285. — Có mới thì nới cũ ra,
Mới để trong nhà cũ để ngoài sân.

286. — Xẩy chân bước xuống vườn dưa,
Dẫu ngay cho chết cũng ngờ là gian.

287. — Trộm vàng trộm bạc cho cam,
Trộm một nắm tấm cũng mang tiếng đời.

288. — Cái sâu bỏ sầu nồi canh,
Một người làm dĩ xấu danh đàn bà.

289 — Thế-gian chẳng ít thì nhiều,
Bỗng dưng ai có đặt điều cho ai.

290. Rừng có mạch vách có tai,
Trong nhà chưa tỏ người ngoài đã hay.

291. — Thà rằng giả dại làm ngây,
Khôn kia dễ bán dại này mà ăn.

292. — Yêu nhau cũng chẳng cho vàng,
Ghét nhau cũng chẳng trốn đàng mà đi.

293. — Yêu nhau yêu cả đàng đi,
Ghét nhau ghét cả tôn-chi họ hàng.

294. — Yêu nhau bốc bải giần sàng,
Ghét nhau đũa ngọc chén vàng cũng chê.

295 — Yêu nhau muôn sự chẳng nề,
Dẫu trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.

296. — Yêu nhau cau bảy bổ ba,
Ghét nhau cau bảy bổ ra làm mười.

297. — Yêu nhau cau bẹ cũng nhai,
Ghét nhau cau đậu đầy cơi chẳng màng.

298. — Gấm kia lắm kẻ thêu hoa,
Lạnh này hồ dễ tới nhà đưa than.

299 — Thói thường giàu hợp khó tan,
Có ai thương kẻ lầm than đâu nào.

300. — Khi vui thời vỗ tay vào,
Đến khi hoạn-nạn thì nào thấy ai.

301. — Cô kia có quan tiền dài,
Có bì gạo nặng coi ai ra gì.

302. — Khi khó thì chẳng ai nhìn,
Đến khi đỗ Trạng chín nghìn anh em.

303. — Cha đời cái áo rách này,
Mất chúng mất bạn vì mày áo ơi!

304. — Thương gì thương miệng thương môi,
Nào ai có biết thương tôi đồng tiền.

305. — Vì ai có xống lĩnh thâm,
Vì ai có quả có mâm bán hàng.

306. — Ngày xưa ăn dâu ở đâu,
Bây giờ có bí chê bầu rằng hôi.

307. — Ngày xưa đằm-thắm muôn phần,
Bây giờ đềnh-đoảng canh cần nấu xuông.

308. — Đeo bầu mang tiếng thị phi,
Bầu không có rượu lấy gì làm say?

309. — Còn trời còn nước còn non,
Còn cô bán rượu anh còn say-sưa.

310. — Bà già đeo bị hạt tiêu,
Sống bao nhiêu tuổi nhiều điều đắng-cay.

311. — Đời người được mấy gang tay,
Ai hay ngủ ngày chỉ được nửa thôi.

312. — Khi vui non nước cũng vui,
Khi buồn sáo thổi kèn đôi cũng buồn.

313. — Vui từ trong ngõ vui ra,
Buồn từ ngã bảy ngã ba buồn về.

314. — Người buồn cảnh cũng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

(Còn nữa)

THIỆN-ĐÌNH

TRUYỆN-KÝ MỘT BẬC CAO-TĂNG NƯỚC TÀU

Ông Đường-tăng Huyền-Trang 玄奘 (1)

II

Chơi qua Bắc Ấn-độ

Huyền-Trang ra khỏi cõi nước Cao-xương, lại quay về hướng tây-bắc đi đến nước A-kỳ-nghi (2), đến đó lại qua sông Khai-đô rồi đi đến nước Khuất-chi (3), lại vào qua nước Bạt-lộc-già (4). Nào là qua chỗ hiểm núi Lăng-sơn, gió rét lạnh-lùng, thường phải treo nồi mà nấu cơm, tựa băng mà nằm ngủ, bảy ngày không dám thò ra ngoài, bọn đồ-lữ vừa đói vừa rét, mười người chết đến ba bốn người, loài trâu ngựa lại càng chết rét tệ lắm. Nay cứ xét như địa-dư thì ra khỏi nước Cao-xương, nên quay về hướng nam đi đến A-khắc-tô-đạo, rồi qua cồn sa-mạc Khố-mộc-tháp-cách và vách-đá Đại-qua thuộc về đạo Khách-thập-cát-nhĩ, lại từ Sơ-lặc đi qua núi Thông-lĩnh thẳng sang Ấn-độ, đi như thế thì có phần tiện-thiệp hơn ; chẳng hay Huyền-Trang lại bỏ đường gần đi đường xa, là tại cớ sao ?

Khi đầu đời Đường, nước Tây Đột-quyết chúa Diệp-Hộ-khắc-hàn đương mạnh, các nước nhỏ trong cõi Tây-vực đều phải theo về phục-dịch cả. Vậy nên những người hành-lữ không nhờ được chúa ấy bảo-hộ cho thì không đi thoát được. Nên phải quanh đường tây-bắc đến thành Thiên-toàn (5) để vào yết-kiến chúa Khắc-hàn. Thành Thiên-toàn ở về phía tây thành Tố-diệp, phía nam đối với núi Tuyết-sơn, còn ba cõi là mặt đất phẳng liền ; ở đấy đến nghìn chỗ suối nước, vậy mới gọi là Thiên-toàn. Chúa Khắc-hàn nước Đột-quyết thường đến đó tránh nắng, phong-thổ rất tốt. Chẳng hay khi Huyền-Trang đến đó, chúa Khắc-hàn tiếp-đãi thế nào, nay không thể xét biết được nữa.

Khi sắp đến Tuyết-sơn thì phải qua cửa Thiết-môn. Thiết-môn hai bên tả hữu giáp núi, mà ngọn núi rất là cao chót-vót ; giữa thông một con đường hẻm, hai bên vách đá, sắc đen như sắt ; ở đó có làm cánh cửa khóa bằng khóa sắt, nên mới gọi là Thiết-môn, đấy tức là nước Yết-sương-na (6). Từ đó lại qua hơn mười nước nhỏ nữa đến nước Yết-chức, rồi đi về phía đông-nam qua Tuyết-sơn, mới vào đến cõi Bắc Ấn-độ.

Huyền-Trang đến Bắc Ấn-độ kinh-lịch hơn hai-mươi nước, có một nước tên là Kiện-đà-la (tiếng Phạn là : *Ganbhara*), đời cổ vốn là hùng-trưởng hơn cả năm nước Ấn-độ. Có những đời vua Di-lan-vương, Già-nhị-sắc-già-vương đều là bậc anh-hùng cái-thế, giáo-hóa xương-minh,

---

(1) Dịch theo bộ *Thiếu-niên-tùng thư*. — Xem Nam-phong số 142

(2) Tức là nước Yên-kỳ đời Hán, nay là huyện Yên-kỳ thuộc về đạo A-khắc-tô đất Tân-cương. — (3) Nay tên là đất Khố-xa. — (4) Tức là đất Cô-mặc đời Hán nay là Bái-thành. — (5) Một tên nữa là Bình-thành. — (6) Nay tên là Lạp-thập, tức là đất Khát-thạch đời Minh.

vậy nên đối với lịch-sử Phật-giáo có cái quan-hệ rất trọng-yếu.

Đời cổ trong cõi Ấn-độ những các bậc luận-sư hay phát-minh Phật-giáo như là: Na-la-diên-thiên, Vô-trước-bồ-tát, Thế-thân-bồ-tát, Pháp-cứu, Như-ý, Hiếp-tôn-giả mọi người, đều sinh-trưởng ở nước Kiện-đà-la. Đến đời Huyền-Trang qua đó thì bấy giờ chính-giáo đã suy, ấp-lý tiêu-điều, người ở thưa ít, phần nhiều theo dị-đạo, ít tin chính-pháp. Đời vua Già-nhị-sắc-già có lập ra hơn nghìn sở Già-lam để cho chư-tăng ở, đến đây đã tồi-tàn hoang-phế bỏ hoang-vu rậm-rạp, ngậm-ngùi thăm-viếng càng thêm lòng cảm-khái bâng-khuâng!

Duy còn độc có một trùng-các là khi xưa Già-nhị-sắc-già-vương dựng lên để làm tinh-biểu cho Hiếp-tôn-giả 脇尊者, thì bấy giờ hãy còn. Nguyên trước Tôn-giả tuổi gần tám-mươi mới xả-tục xuất-gia đi tu, những kẻ thiếu-niên trong thành-phố đều nói trêu rằng: « Kẻ hủ-lão kia trí-thức sao mà ngu thế! Không biết rằng xuất-gia đi tu là phải có hai nghiệp: Một là phải tập-định, hai là phải tụng-kinh, nay đã già-khọm đi rồi còn tiến-thủ sao được nữa, thế mà dám lạm dự vào bậc thanh-lưu, thì chỉ là ăn báo mà thôi! » Hiếp tôn-giả nghe những lời bàn chê bơi mới tạ lại mọi người mà tự thề rằng: « Hiếp này nếu không học thông được tam-tạng-lý (1), không đoạn hết được tam-giới-dục (2), thì quyết đừng cho Hiếp này dự vào chỗ chiếu ngồi! » Từ đấy trở đi chăm-chỉ suốt ngày, lúc đi, lúc đứng, lúc ngồi, lúc nào cũng nghiền-ngấm ngẫm-nghĩ, ban ngày thì nghiền-tập giáo-lý, đêm đến thì tĩnh-lự ngưng-thần, trải được ba năm đã thông-hiểu hết đạo Phật, người đời tôn-kính, mới hiệu là Hiếp-tôn-giả.

Già-thấp-di-la (3) cũng là một hùng-bang về phía bắc Ấn-độ đời cổ. Vua nước ấy nghe tin Huyền-Trang đến, sai sứ đi đón, vua đem cả quân-thần và các thầy tăng trong đô-thành cùng đi yết-kiến Huyền-Trang, quân đi vũ-dực hơn nghìn người, tàn quạt rợp trời, hương hoa đầy đất, lễ-bái tán-tụng ân-cần rất là hậu-đãi. Người trong nước cùng tán-thán rằng: « Thầy tăng Chi-na này trí-lực hoằng-thâm, trong bọn chúng ta không ai hơn được. Ông ấy là người thông-minh đức tốt, đủ nối được cái phong-thái anh em thế-thân, chỉ tiếc rằng sinh ở nước xa, không được sớm tiếp cái di-phương của thánh-hiền vậy. »

Nước Kiện-đà-la đương khi đời vua Già-nhị-sắc-già thịnh-trị, nhân thấy Hiếp tôn-giả họp chư thánh chúng để giảng-bàn, mà hay trong thông pho Tam-tạng, ngoài đạt lẽ ngũ-minh (4) ấy

---

(1) Tạng là nơi kho chứa, nhà Phật cho *kinh* và *luật*, *luận* là tam tạng. — (2) Nhà Phật phân ra dục-giới, sắc-giới và vô-sắc-giới là tam-giới. — (3) Tức là nước Diễm-tân đời Hán.

(4) Học-thuật nước Ấn-độ phân ra năm khu: — 1º Học cho minh-bạch nghĩa chữ. — 2º Học cho phát-minh về công-xảo kỹ-thuật và lịch-số, tức là công-học và lý-học đời nay. — 3º Học về y-khoa, phát-minh những loài dược-thạch châm cứu. — 4º Học về những cách luận-lý tu-từ. — 5º Học cho phát-minh vật-lý muôn loài, tức là Triết-học đời nay. Gồm cả năm học, gọi là ngũ-minh.

là năm trăm người. Nhờ về đời ấy họp-tập các kinh Tam-tạng mà lại hay giảng rõ được áo-nghĩa ra. Huyền-Trang sang đến đó lưu ở hai năm, để học các kinh-luận.

Lời phê-bình. — *Nay các hành-tỉnh về đất Tân-cương là những nơi các nhà lữ-hành các nhà phiên-dịch về Phật-giáo như Pháp-Hiền, Huyền-Trang đã từng trải nếm chua cay khổ-sở, còn để lại rất nhiều di-tích Năm đầu Tuyên-thống có người Anh là Ty-thái-âm* (Stein) *đã đi khắp các nơi đó, tìm thấy ở trong cái bãi cát sa-mạc có rất nhiều đồ cổ từ đời Tống trở về trước, đều chở cả về Luân-đôn, bày ở Bác-vật-quán. Người Nhật-bản là Thụy-siêu-dã-thôn, Doanh-tam-lang hai người nghe thấy Ty-thái-âm đi du-lịch bắt được nhiều đồ cổ, cũng hân-nhiên ra đi, thuê ba-mươi-nhăm người thổ-nhân, đều cầm thuổng cuốc sẻng-cọ đi đến đâu là sai đào cuốc lên, bắt được tượng Phật, các mảnh bia, tiền-cổ, và những đoạn phiến kinh-văn, có thể làm tài-liệu nghiên-cứu về lịch-sử được, phải cần-dùng đến bảy-mươi con ngựa mới chở hết đem về được. Ấy đấy nước Tàu vô-nhân như thế, để cho các nước đông-tây người ta đến, người ta khuân đi mất cả, các đấng cổ-đức có linh-thiêng ra thì cảm-thán biết chừng nào!*

Người tây bảo rằng Âu Á giao-thông khởi-nguyên trước từ Mã-kha-bác-la, không biết rằng vua Mã-cơ-đốn là Á-lực-sơn-đại đã từng đi qua Ấn-độ sang đến phía đông Thổ-nhĩ-kỳ đất Ty-thản (1). *Người nước Tàu mà đi sang tây-phương rất xa th không ai bằng Cam Anh* 甘英 (bộ-tướng Ban-Siêu) *đời Hậu-Hán. Ông ấy đã đi đến đất nay gọi là Ba-ty-loan, nghe rằng còn cách xa nước Đại-Tần,* (tức là La-mã đế-quốc), *bèn bỏ dở mà trở về. Thế thì Cam Anh tuy chưa đến nước Đại-Tần, nhưng trong khoảng cõi đất Tân-cương Ấn-độ, đã có vết lối xe chân ngựa rồi, còn ở trước đời Mã-kha-bác-la đến hàng nghìn năm vậy. Pháp Hiền, Huyền-Trang mà lấy đường đi tây-du lại khác hẳn đời trước, đó là vì trong cõi đất sa-mạc, vụt chợt biến-đổi, khó nhận ra được đường cũ, vậy không thể biết lối xe trước đâu mà đi theo được.*

Qua chơi Trung Ấn-độ.

Đất Trung Ấn-độ trong sách Phật gọi là nơi đất giữa. Vì khi ấy địa-dư học chưa tường, bảo ở đó là chiếm-cứ giữa cõi thế-giới, tám phương đều tụ-họp mà khí tường-thụy đều chung-đúc ở đó; mà chính là nơi giáng-sinh đức Phật Như-lai, văn-giáo rất thịnh; những di-tích đấng Phật-tổ ứng-hóa ở đó rất nhiều; Huyền-Trang sang chơi yêm-lưu ở đó cũng rất lâu, kinh-lịch đến hơn ba-mươi nước.

Đương đời Huyền-Trang, nước cường-thịnh nhất trong cõi Trung Thiên-trúc không gì bằng nước Yết-nhược-cúc-đồ, đô-thành phía tây giáp sông Căng-già, thành tường bền vững, đài-các liền nhau, người ở đông-đúc vui-vẻ, chăm-chủ nghề-nghiệp học-hành. Vua ở đấy tên là Thi-la-a-diệt-đa (nghĩa là rãn sợ mặt trời 戒日). Khi Huyền-Trang vào yết-kiến, vua hỏi thăm ủy-lạo lúc đi khó-nhọc xong rồi mới hỏi rằng: « Người từ nước nào lại? » Huyền-Trang thưa: « Từ nước Đại-Đường đi lại đây. » Vua hỏi: « Nước Đại-Đường ở về phương nào, cách đây xa hay gần? » Thưa rằng: « Nước ấy ở về phía đông-bắc, cách đây đến hơn vạn dặm, tiếng Ấn-độ gọi là nước Ma-a-chi-na. » Vua nói: « Ta nghe nước Ma-a-chi-na có vua Tần-vương, trẻ tuổi mà đã linh-

(1) Nay tức là đất Khách-thập-cát-nhĩ thuộc về Tân-cương.

thông, lớn lên rất là thần-võ; gặp buổi trên đời tàng-loạn, cõi đất chia xé lở tan, Tần-vương ra dẹp yên bờ cõi, phong-thanh giáo-hóa tràn khắp ra đến cõi khác phương xa, đâu cũng mộ pháp xưng thần, có đặt ra khúc « Tần-vương phá trận nhạc » ta nghe tiếng đã lâu, nước Đại-Đường có phải cũng là nước ấy chăng? » Thưa rằng: « Phải, Chi-na là quốc hiệu vua đời trước, Đại-Đường là tên nước của vua tôi, mà Tần-vương là hiệu của vua tôi khi chưa lên ngôi; nay đã vâng đại-thống lên ngôi xưng là thiên-tử rồi, còn như phong-hóa qui-mô rộng lớn, khó kể cho hết được. » Vua nói: « Thịnh lắm thay! Dân sinh nước ấy có phúc gặp được thánh-chúa! » Huyền-Trang lưu ở nước ấy trọ ở chùa Bạt-đạt-la-tỳ-a-la ba tháng, học-tập kinh-điển.

Cái nơi đức Thích-già-mâu-ni sinh-trưởng gọi là nước Kiếp-tị-la-phạt-tuy-đồ (1), cái ngôi chính-điện của Tĩnh-phạn-vương (cha đức Thích-già) vẫn hãy còn, có cái cột đá cao hơn ba-mươi thước, trên khắc tượng sư-tử, bên cạnh ghi chép những việc khi Phật tịch-diệt, cái trụ ấy là vua Vô-ưu (2) dựng lên. Trong cõi nước ấy có cái nơi gọi là Lạp-phạt-ni-lâm, chính là cái chỗ Phật Như-lai đản-sinh ra vậy.

Đất Ma-yết-đà (3) ở về phía nam sông Hằng-hà, đời cổ là một nước có danh-tiếng ở nước Trung Thiên-trúc. Đến đời Huyền-Trang sang đó thì đã suy rồi, nhưng đó là nơi đức Như-lai thành-đạo (4), vua Vô-ưu có dựng ra tám vạn bốn nghìn cây tháp, nhất thời cực-thịnh, di-tích Phật-giáo còn có nhiều chỗ khá khảo-sát ra được. Huyền-Trang ở đó phụng-sự Giới-hiền hòa-thượng làm thầy, học sách Bà-la-môn, và chữ Phạn bên Ấn-độ, trải năm năm mới đi.

Nước ấy chu-vi hơn năm nghìn dặm, trong thành ít người ở, ngoài ấp lại nhiều nhà dân-cư, đất tốt thuận cấy lúa, song phải cái nắng nực ẩm-thấp, các làng phải ở trên cánh đồng cao. Sau mùa mạnh-hạ, trước tháng trung-thu, các nơi sông bằng nước phẳng có thể bơi thuyền qua chơi được. Phong-tục thì thuần-phác mà rất là tôn-kính Phật-pháp. Phía nam sông Căng-già, có một cái thành-cũ, chu-vi hơn bảy-mươi dặm, tuy rằng bỏ hoang đã lâu mà cơ-chỉ hãy còn, gọi là thành Câu tô-ma-bồ-la (5), vì trong cung thành ấy nhiều hoa nên gọi tên ấy. Sau khi đức Phật Như-lai nát-bàn rồi độ trăm năm, vua Vô-ưu mới tự Vương-xá-thành thiên lại ở đó, có đắp thêm cái ngoại quách vòng quanh ngoài thành cũ.

Qua phía tây-nam ngoài thành độ ba trăm dặm, rồi sang sông Ni-liên-thiền đi đến thành Già-gia, thành ấy hiểm-cố, ít người ở. Phía tây-nam có núi Già-gia, tục gọi là Linh-sơn. Phía đông sang qua sông Đại-hà, đến trái núi Bát-la-cập-bồ-đề sơn (6). Vua Vô-ưu có xét những di-tích khi Phật lên xuống núi ấy đều dựng tinh biểu để làm ghi cả. Lại ở phía tây-nam độ mười-bốn mười-lăm dặm có cây Bồ-đề, xây tường gạch xung-quanh độ năm trăm bước, dưới gốc cây ấy chính

---

(1) Sách của Pháp Hiền chép là nước « Già-duy la-vệ ». Chữ Phạn là « Kapilavastu ».— (2) Vua Vô-ưu dịch âm là « A-dục-vương ». Sinh sau đức Như-lai độ một trăm năm, mà rất là tín-phụng Phật-pháp. Trong nước Trung Ấn-độ còn nhiều di tích để lại.— (3) Có chỗ dịch là: « Ma-yết-đề ».— (4) Lại còn có những di-tích các vị Bồ-tát như là: Di-lặc, Già-diệp-ba v. v. — (5) Nghĩa tiếng Hán là cung-thành hương-hoa. — (6) Nghĩa là trước chính-giác. Đức Như-lai sắp chứng chính-giác, trước lên núi ấy.

là chỗ Phật ngồi mà thành đẳng chính-giác (1).

Phía đông sang sông Mạc-kha, đi độ trăm dặm thì đến núi Khuất-khuất bá-đà, (chữ Hán là Kê-túc-sơn), đột-khởi ba ngọn núi, là cái chốn Đại già-diệp-ba tịch-diệt ở đó. Từ núi ấy đi về phía đông độ hơn trăm dặm đến thành Xa-yết la-bồ-la (Thượng-mao cung-thành) ở về chính giữa nước Ma-yết-đà, các đời vua trước đóng đô ở đó, vì chỗ ấy mọc nhiều thứ cỏ mao thơm nên mới gọi tên thành như thế. Xung quanh thành bốn mặt núi cao để làm ngoại-quách, vòng quanh đến một trăm năm mươi dặm ; cơ-chỉ nội-thành chu-vi đến hơn ba-mươi dặm ; cách phía đông-bắc độ mười-bốn mười-lăm dặm, có ngọn núi Cật-lật-đà-la-củ-cha (2). Đức Phật Như-lai khi xưa thường lên ở núi ấy. Lại đi về phía đông-bắc thì đến thành Hạt-la-đồ-cật-ly-tứ (3.)

PHÊ-BÌNH. — *Nhật-bản vẫn gọi nước Trung-hoa là « Chi-na 支那 », xét căn-nguyên thì ra trước từ bài ký này. Duy trong bài ký này mà gọi là « Chi-na » thì là chuyên-chỉ về đời nhà Tùy, chứ không phải cái tên thông-xưng cả nước Tàu. Vì đương lúc ấy nhà Lý-Đường mở nước chưa được bao lâu, nước Ấn-độ ở cách xa, tuy rằng có nghe thấy uy-danh Tần-vương, nhưng vẫn còn chưa biết đã đổi nhà Tùy ra nhà Đường rồi, vậy nên vẫn gọi là nước « Ma-a-chi-na ». Nếu cái tên « Chi-na » mà là cái tên thông-xưng cả nước Tàu, thì Huyền-Trang hà-tất còn phải biện-bác mãi làm gì nữa. « Chi-na 至那 » tức là chữ « Chi-na 支那 », Tiếng Anh đọc là « Trai-na » (Chi-na). Tiếng chi với chi với trai đều là tiếng chữ « Tùy 隋 » mà đọc trạnh ra. Chữ « Na 那 » là tiếng đệm. Tiếng « Ma-A » nghĩa là lớn. Nói rút lại cũng như ta xưng là nước « Đại Tùy » nghĩa là nước Tùy lớn. Đến đời nhà Đường, trong sách Đường-thư truyện Thiên-trúc, mới có cái tiếng gọi là : « Ma-a-trấn-đán ». Trấn-đán dịch nghĩa là đông-phương. Thế thì cái tên « Ma-a-trấn-đán » ấy mới là tên thông-xưng cả nước Tàu. Song những kẻ hiếu-sự lại không hay dẫn-dụng cái tên ấy, chỉ hay dẫn-dụng cái tên hai chữ « Chi-na » càng ngày càng lan rộng mãi ra, nay thử lấy sách Tây-vực ký mà xét xem thì mới biết là sai-lầm nực cười.*

Huyền-Trang khi đến chơi nước Kiếp-tỷ-la-phạt-tụy-đồ, thấy một cái mồ lớn, chôn người Thích-chủng. Nguyên từ khi xưa về đời Thắng-quân-vương (Kiều-sát-la-quốc-chủ) có đến cầu-hôn với dòng họ Thích, họ Thích bỉ là không phải loài giống, mới mạo lấy người con gái khác họ gả cho. Thắng-quân-vương lập lên làm chính-hậu, sinh được người con tên là Tỳ-la-trạch-già vương. Khi vương còn làm thái-tử, muốn về đàng nhà cậu để theo học, đi đến kinh-đô nước Kiếp-tỷ-la-phạt-tụy-đồ, thấy ở phía nam thành có lập một nhà giảng-đường mới, muốn dừng xe lại ở đó để vào học. Người họ Thích đều xua đuổi mà mắng rằng : « Con đứa tiện-tỳ kia sao dám vào ở cái nhà giảng-đường này được, nhà này là họ Thích ta dựng lên, chỉ để vẽ họ nhà Phật ta ở mà thôi. » Tỳ-la-trạch-già sau khi đã nối ngôi vua, muốn báo-thù lại cái nhục trước, bèn khởi giáp-binh lên đánh các

---

(1) Nghĩa là chính biết khắp cả, gọi là đẳng chính-giác, tức là một việc trong mười hiệu của Phật, ý là nói nhất-thiết-trí với nhất-thiết-pháp đều là hiểu biết hết cả. — (2) Tên chữ Hán là « Thứu-phong ». Một tên nữa là : Kỳ-đồ-quật-sơn.

(3) Tức là Vương-xá-thành,

họ Thích bắt cả tộc-thuộc đến 9.999 người, đều đem giết cả đi, định diệt hết họ Thích-chủng, nay còn di-tích cái mồ lớn đó.

Đức Phật sinh ra tự nhà vua về dòng giống họ Thích, từ sau khi siêu-độ rồi, nòi giống họ Thích liền phải giống khác nó điễn-diệt, đến nỗi máu chảy thành sông, xương chất như núi; thế mới biết mọi sự là vô-thường cả, đức Phật đã từng nói đến rồi, lại từng cảm về cái cảnh sinh, lão, bệnh, tử không thể ai tránh khỏi, bèn hăng-hái xuất-gia đi tu, để cho đạt đến cõi « bất-sinh bất-diệt » thường được vui-sướng sạch-sẽ, sở-dĩ thành bậc đại-anh-hùng là vì thế.

Qua chơi Đông Tây Ấn-độ và khi trở về

Huyền-Trang từ đất Trung Ấn-độ rồi qua Đông Ấn độ Tây Ấn-độ, lịch-duyệt đến hơn ba-mươi nước, rồi lại ven theo nước Ba-thích-ty (nay là Ba-ty) Tăng-già-la, (nay là Tích-lan) mọi nước mà trở về. Khi ở nước Già-ma-lũ-ba về xứ Đông Ấn-độ, có mở ra một đại-hội, thực là một cuộc thắng-du vậy.

Huyền-Trang tự nước Bát-phạt-đa-la trở về, có trụ ở chùa Na-lạn-đà xứ Ma-yết-đà, lại qua đến xứ Bát-nhã-bạt-đà-la-đại-đức ở lưu lại đó hai tháng, để hỏi-han quyết-định nghĩa ngờ. Lại đi đến núi Trượng-lâm để thỉnh-ích học thêm thầy Thắng-quân luận-sư, lưu ở đó hai năm, lại về chùa Na-lạn-đà, bàn-luận chiết-phục được thầy Tử-quang-đại-đức, làm ra bài « *Hội-tông-luận* 會宗論 » ba nghìn câu tụng; lại chiết-phục được cả thầy Thuận-thế-ngoại-đạo, làm ra bài « *Phá-ác-kiến-luận* 破惡見論 ». Đó là những việc trước khi Huyền-Trang chửa đến nước Già-ma-lũ-ba.

Nước Già-ma-lũ-ba (1) chu-vi đến hơn vạn dặm, là một nước lớn ở xứ Đông Ấn-độ. Dòng nhà vua là giống Bà-la-môn, từ khi mở ra bờ cõi đã trải đến nghìn đời. Vua bấy giờ là Câu-ma-la, là người hiếu-học không mỏi, kẻ dân-chúng đều theo giáo-hóa. Nghe tin có thầy tăng Chi-na đến ở nước Ma-yết-đà, ân-cần lại đón; Huyền-Trang sắp-sửa đi đến yết-kiến, thì chợt khi ấy có Giới-nhật-vương nước Yết-nhược-cúc-đồ đi đánh Cung-ngự-đà trở về, cũng nghe tiếng đi đến mời, bèn cùng với vua Câu-ma-la cùng đi ngược dòng sông Căng-già, đến nước Yết chu-hốt-chi la (2) để cùng hội-kiến. Vua Câu-ma-la mới mở đại-hội ở thành Khúc-nữ, phát tờ sắc đi tuyên-cáo các nước và các tín-đồ đã biết nghĩa-giải, đều đến họp cả để nghe thầy Pháp-sư Chi-na luận-biện.

Khi mở hội thì trong năm nước Ấn-độ kéo đến có mười tám vị quốc-vương; các vị tăng am-hiểu đại-tiểu-thừa đến hơn ba nghìn người; phái Bà-la-môn và ngoại-đạo hơn hai nghìn người; sư chùa Na-lạn-đà hơn nghìn người. Chỗ hội-sở thì dựng ra hai cái thảo-điện, mỗi cái có thể ngồi được hơn nghìn người. Ngày hôm hội thì tự hành-cung nhà vua bày nghi-vệ rước kim-phật ra đi đến điện, bày đàn lễ Phật thi-thực xong rồi thì thiết riêng một cái bảo-sàng, mời Huyền-Trang lên ngồi làm luận-chủ.

---

(1) *Đường-thư* gọi là nước Gia-một-lộ. Hoặc bảo tức là thành Khố-trị-bối-cáp thuộc bộ Mạnh-gia-lạp.

(2) Nước này ở về Trung Ấn-độ. Chương trên đã chép truyện vua Giới-nhật cùng vấn đáp với Huyền-Trang cũng vào lúc này.

Huyền-Trang lên bảo-tọa, trước xưng-dương phép đại-thừa, rồi bày tỏ cái ý tác-luận để tuyên bảo đại-chúng, có cam-đoan rằng hễ nói ra có một chữ nào vô-lý mà khó phá biện được, thì xin chém đầu để tạ lỗi! Thế mà ông giảng-luận mãi đến tận chiều, không có một người nào dám nói lại một câu nào. Nhà vua lấy làm hoan-hỉ trở về cung. Sau ròng-rã trong mười-tám ngày, mà không có người nào phát-luận điều gì khác cả. Buổi hôm tán đàn, các vị quốc-vương bố-thí của báu đến hàng cự-vạn, Huyền-Trang đều không nhận cả.

Vua Câu-ma-la mới sai trang-sức một con voi lớn, bày dàn cờ-phướn mời Huyền-Trang lên ngồi, đi diễu khắp công-chúng mà rao lên rằng: « Vị pháp-sư nước Chi-na này đã lập-định nghĩa đại-thừa, phá-trừ hết điều dị-kiến, trong mười tám ngày không ai dám luận-biện lại được điều gì, công-chúng đều nên biết đó! » Đấy là phép bên Tây-phương hễ ai luận-biện được thắng thì được rước đi diễu như thế cả.

Sau khi tan hội rồi, Huyền-Trang muốn từ về. Vua nói rằng: « Đệ-tử ở ngôi đã hơn ba mươi năm nay, tích chứa của báu, cứ năm năm một lần mở ra hội Vô-già đại-thí trong bảy mươi lăm ngày, nay muốn mở một lần hội thứ sáu nữa, xin người tạm lưu lại để cùng tùy-hỉ cho vui ». Huyền-Trang vâng lời, bèn cùng khởi-hành đi đến nước Bát-chúng-gia-già lập ra tràng đại-thí, nơi ấy phía bắc có sông Căng-già, phía nam có sông Diêm-mâu-na, trước chỗ hai con sông hội-hợp lập lên một cái đàn lớn, chu-vi đến mười bốn mươi lăm dặm.

Khi bấy giờ kẻ đạo kẻ tục đến hội-họp hơn năm-mươi vạn người, bày ra đàn đại-thí một tháng mới khắp, đến nỗi kho dụn đều hết sạch cả, đến cả đồ phục-sức ở mình vua cũng không còn sót một tí gì; thậm-chí các vương các tướng phải đem của báu ra để chuộc lại những đồ phục-sức của vua đã thí đi mất, đem về để dâng lại cho vua, mới lại được mặc dùng như cũ. Khi hội-tràng đã giải-tán, Huyền-Trang mới từ đi.

Khi Huyền-Trang ra đi, vương cùng chư-vương đều tiễn-tống hậu lắm, đem ra một con voi lớn và ba nghìn kim-tiền, một vạn ngân-tiền, để cung làm lữ-phí. Và sai quan trọng-thần đưa thư đi các nước mà Huyền-Trang sắp đi qua, bắt phải đem xa-thặng ra để tống tiễn đi về đến cõi đất Hán.

Lúc trở về lại đi qua cõi đất Già-tất-thí, vua lại mở hội đại-thí bảy ngày. Khi xong việc lại sai hơn trăm người đưa qua núi Tuyết-sơn, vượt qua đại-lĩnh tam-trùng, trải đến hơn hai-mươi ngày mới đi qua trót-lọt, kể đường lữ-thứ gian-nan đến thế là cùng!

Huyền-Trang lúc đi về không phải là lại đi theo đường cũ, lúc đã qua núi Tuyết-sơn rồi, thì đi lên cánh đồng cao tên là Đạt-ma-tất-thiết đế (1), lại qua con sông lớn tên là Ba-mê-la-xuyên (2), suốt dọc đường tịnh không có khói lửa người ở, đăng nguy lý hiểm, chỉ rặt những tuyết với băng. Đã sang qua phía đông núi Thông-lĩnh rồi thì đi qua những nước là: Yết-bàn-đà (3), Ô-sát (4) Khư-sa (5), Thác-câu-già, Cô-tát-đán-na (6).

---

(1) *Đường-thư* chép là: Hộ-mật.
(2) *Đường-thư* gọi là: Bá-mật-xuyên. Nay tức là sông Bách-mễ-nhĩ.
(3) Nay là thành Tháp-thập-khố-nhĩ-can thuộc về đất Tát-lôi-khố-lặc.
(4) Nơi đất này có sản ra ngọc.
(5) Nay là thành Diệp-nhĩ-khương, sau lồi đặt làm phủ Sa-xa.
(6) Nay là đất Hòa-điền.

Huyền-Trang trong khi đi du-lịch các nước, những kẻ học-sĩ Ấn-độ đều tôn-ngưỡng thịnh-đức dâng cho những huy-hiệu tốt, hoặc gọi là : Mộc-nghĩa-đề-bà (chữ Đường là giải-thoát thiên 解脫天; hoặc gọi là : Ma-a-tà-na-đề-bà (chữ Đường là đại-thừa thiên 大乘天). Từ đấy ông đi lịch-lãm non sông, ghi chép lấy cố-sự, trải qua năm tháng, rồi mới trở gót về chốn thần-kinh, đem về được tinh-cốt đức Như-lai một trăm năm-mươi hột, bảy pho tượng Phật bằng gỗ đàn tô kim-ngân, năm trăm hai mươi bản văn *Tam-tạng*, tổng cộng là 657 bộ. Huyền Trang đã đi du-lãm khắp cả rồi, mới thâu-thái cái thuyết của người Ấn-độ bàn về địa-lý mà rằng :« Văn-đức cảm-hóa rất tốt thực là đáng khen hơn cả, xét trong sách vở chửa từng nghe thấy, xem trong đồ-điệp thực qui không hai, nếu không ghi chép kể ra thì sao hay biết được văn-hóa, nay cứ theo những điều nghe thấy mà kỷ-thuật ra đây : Nguyên trước Sách-a (1) thế-giới và Tam-thiên đại-thiên thế-giới, là một minh Phật hóa-nhiếp ra cả ; nay bóng nhật nguyệt chiếu-lâm khắp bốn phương thiên-hạ, trong cõi Tam-thiên đại-thiên thế-giới, các đấng chư Phật Thế-tôn đều lưu giáo-hóa khắp cả, lúc sinh lúc diệt, dẫn-dụ kẻ phàm lên bậc thánh, hợp-thành tứ-bảo ở trên núi Tô-mê-lư (2) ở trong một cái bể lớn, giữ trên cái bánh xe kim-luân, bóng nhật nguyệt vòng quanh, thần-chư-thiên chơi-nhởn, bảy núi bảy bể, vòng đứng chung-quanh, nước bể trong khoảng núi đủ có tám công-đức, ngoài bảy núi kim-sơn ra đều là bể mặn vậy. Trong bãi bể có chỗ ở được đại-lược chia ra làm bốn châu : Phía đông là châu Tỳ-đề-A (3), phía nam là châu Chiêm-bộ (4), phía tây là châu Cồ-đà-ni (5) phía bắc là châu Câu-lư (6). Vua Kim-luân mới tuyên hóa khắp bốn phương hiên-hạ ; Ngân-luân-vương thì thi-chính biên-cách miền bắc đất Câu-lư ; Đồng-luân-vương thì tiễu trừ miền bắc Cầu lư và phía tây châu Cồ-đà-ni ; Thiết-luân-vương thì giữ châu Chiêm-bộ. Nguyên các Luân-vương khi sắp lên ngôi lớn, tùy cái phúc nó cảm triệu, tự-nhiên thấy có cái đại-bảo-luân nổi ở trên không lại ứng, hiện có những cảnh lạ kim ngân đồng thiết, tức như là cái số tứ tam nhị nhất khác nhau, bởi cái điềm vàng bạc đồng sắt hiện ra trước đó mới theo đó đặt làm vương-hiệu. Đất giữa Chiêm-bộ-châu thì là cái ao A-na-bà-đáp-đa (7), ở về phía nam Hương-sơn, phía bắc Đại-tuyết-sơn, chu-vi tám trăm dặm, bờ ao tô sức kim-ngân lưu-ly, cát vàng man-mác, sóng biếc lồng gương. Đức Đại-địa-bồ-tát cầu-nguyện hết sức hóa làm long-vương, lặn ở trong ao ấy tuôn ra nước thanh lãnh, để cấp cho châu Chiêm-bộ. Mặt phía đông ao có con ngân-ngưu miệng tuôn nước ra sông Căng-già, quanh ao một vòng rồi chảy xuống bể đông-nam. Mặt phía

---

(1) Nguyên chú là : Sa-sa thế-giới, hoặc gọi là Sa-a thế-giới, đều sai cả.

(2) Nguyên chú là : Diệu-cao-sơn ; tên cũ là : Tu-di, hoặc gọi là : Tu-di-lâu, đều lược mà sai cả.

(3) Nguyên chú là : Phất-bà-đề ; hoặc gọi là : Phất-vu-đại, đều sai.

(4) Nguyên chú là : Diêm-phù-đề-châu ; hoặc gọi là : Diêm-phù-châu, đều sai cả,

(5) Nguyên chú là : Cồ-gia-ni ; hoặc gọi là : Cù-già-ni, đều sai.

(6) Nguyên chú là : Uất-đan-việt ; hoặc là : Cưu-lâu, đều sai.

(7) Nguyên chú là : Vô-nhiệt-não ; tên cũ là : A-nậu-đặt-trì, đều sai cả.

nam ao có con Kim-tượng miệng tuôn nước ra sông Tin-độ, quanh ao một vòng rồi chảy về bể tây nam. Phía tây thì có con ngựa lưu ly miệng tuôn nước ra sông Phọc-sô chảy vòng quanh ao rồi rót vào bể tây-bắc. Phía bắc thì có con sư-tử pha-lê miệng tuôn nước ra sông Tỷ-đa chảy vòng quanh ao rồi rót vào bể đông-bắc. Hoặc có kẻ nói: Tự con sông ấy chảy ngầm qua dưới đất rồi ra đến cửa núi Tích-thạch. Thế thì dòng sông Tỷ-đa tức là nguồn sông nước Tàu vậy.

Lại rằng: « Khi không có Luân-vương ra đời, thì cõi đất châu Chiêm-bộ chia ra bốn chủ: Phía nam là nước voi nhiều vì đất nhiều khí thử thấp nên nhiều giống voi. Phía tây là nước nhiều báu, vì gần bể nên nhiều bảo ngọc. Phía bắc là nước nhiều ngựa, đất cương-kinh và rét nên nhiều ngựa. Phía đông là nước nhân-chủ rất là nhiều người. Nước nhiều voi thì tính người táo-cấp mà chăm học, lại tập quen dị-thuật; áo mặc thì trần tay bên hữu phủ cái khăn ngang, đầu thì búi tóc ở giữa để rủ ra bốn bên. Các loài giống người chia ở từng làng, cólàm ra từng gác, nhà cửa đẹp-đẽ. Nước nhiều bảo-ngọc thì không có lễ nghĩa chỉ trọng của cải; áo mặc ngắn mà để vạt áo bên tay trái; nhà ở có thành-quách mà chỉ chăm việc sinh-lợi. Cái tục nước nhiều ngựa thì hung-tợn bạo-ngược, hay ghen-ghét tàn-nhẫn giết lẫn nhau; nhà ở thì làm khum-khum căng mùng lông mao, trì-trục săn bắn nay ở đây mai ở đó. Nước nhiều người thì có nhân nghĩa rõ-ràng, phong-tục tinh khôn, phục-sức để vạt áo bên hữu, có dai có mũ, xe ngựa có thứ-tự, ở đâu thì an-thổ trọng-thiên lập tư-bản làm ăn ở đấy. Cái phong-tục bốn nước trên đó chỉ có nước đông-phương là hơn cả, nhà ở thì mở cửa về phía đông, để sớm ngày chầu mặt trời, ngôi vua thì lấy ngoảnh mặt về phía nam làm tôn. Đó là nói qua đại-khái về phong-tục khác nhau, còn đến như cái lễ vua tôi trên dưới, cái uy-nghi phép-tắc, văn-chương, thì nhất là nước nhân-chủ không nước nào hơn được. Nước nhiều voi thì giáo-huấn về đường thanh-tâm thích-lụy, xuất-ly sinh-tử, cái lý-thuyết ấy lại càng cao hơn cả.

Phê-bình. — *Huyền-Trang du-lịch đi đến đây đã hầu xong việc, đọc xem sách này lấy làm cảm-khái vô-chừng! Nào là kinh-tạng chứa trong Thạch-thất, chế tiền niên-hiệu Khai-nguyên, nay chẳng hãy còn đấy ư! Tấm bia kỷ-công của Bùi Sầm, cây cỏ non Thông của Trương Khiên, chẳng hãy còn sót đấy ư! Chân-ngôn kinh chú của nước Ấn-độ, Phật-tích cổ-tự ở đất Tân-cương, nay chẳng hãy còn ở đó ư! Thế mà ta chỉ tiếc cho kẻ sử-thần lúc bấy giờ bác-nhã như Ban Mạnh-Kiên, hoằng-thông như Âu-Dương Tu, mà còn chưa hay đủ cái đặc-thức để ghi chép lấy một bậc cao-nhân hay một vị cao-tăng. Đương khi đời nhà Thanh thịnh-trị, định lại cõi Tây-vực, đổi ra làm các hành-tỉnh, nào là nước Thiện-thiện đổi ra làm huyện; đất Bồ-lê đổi ra làm sảnh; đất Nặc-khương Luân-đài đều làm thuộc-phiên; đất Ôn-tức Sơ-lặc đã thành ra làm quận; nước Sa-xa Yên-kỳ thì đổi ra làm phủ, đổi nước Ô-tôn ra làm đất Y-lê; đặt tên đất Tỳ-tục gọi là châu Địch-hóa; đất Bồ-loại thì gọi là Trấn tây, nước Y-ngô thì gọi là Cáp-mật; qua Thông lĩnh sang phía đông tây, như những đất Tuần-hưu Quyên-độc ở Tây-phương, lại quanh thuộc về đất Hồi; tự lĩnh mà sang phía tây nam, như những rợ Thổ-cốc-hồn Bằng-hạng đều qui thuộc về phiên-phong, bờ cõi đời nhà Tiền-Thanh rộng lớn như thế thực là hơn cả Hán Đường, về cũng oanh-liệt thật. Ngờ đâu từng trải ngày tháng chưa được bao lâu, chốn tuyệt-vực không có kẻ tướng-tài, trong*

trung-triều không có nền thực-lực Phật-giáo đã suy. Hồi-giáo cũng chẳng được thịnh, miễn hạ-du đất Y-lê và các bộ cõi đất Hồi, hoặc mất về nước cường-lân, hoặc bị phải xâm-lấn, hoặc nước thì nghèo-túng quá không thể tự-lập được. Mênh-mông cõi đất Tây-thây, đoái trông lại càng thêm buồn tủi! Lại còn như nước Ấn-độ đã thành ra ma tuyệt-tự, nước Ba-tỳ đã mất cả nền độc-lập, lại càng đáng thương lắm thay!

Vua Thái-tôn hậu đãi Huyền-Trang

Huyền-Trang đi về đến nước Vu-điền, phải vua Vu-điền lưu ở lại, chưa được về ngay, bèn làm tờ biểu khiến người Cao-xương đi theo bọn lái buôn cùng về triều, bày tỏ rằng mình trước kia vì sang Ấn-độ cầu pháp, nay đã về đến Vu-điền, ý là chỉ sợ vua Thái-tôn truy-trách cái lỗi khi trước, nên mới lưu ở lại đây để đợi lệnh vua. Tờ biểu rằng:

« *Sa-môn Huyền-Trang tâu nói, Trang nghe rằng: Mã Dung là người bác-nhã, nên Trình Huyền mới đến Phù-phong để tìm thầy; Phục-sinh là bậc cao-minh, nên Triều-Thố mới tới Tế-nam để cầu học. Xem đó thì biết rằng nho đạo-thuật vốn ở gần, mà cổ-nhân cũng còn phải đi xa để khảo xét. Huống-chi cái đạo huyền của chư Phật làm lợi cho muôn vật; cái diệu-thuyết của Tam-tạng khó giải đến muôn phần. Lẽ nào dám nản đường xa mà không hướng-mộ đi tìm tòi vậy.*

« *Huyền-Trang nghĩ rằng đức Phật khởi-phát ở Tây-vực, di-giáo mới truyền sang đông-phương. Thế thì thắng-điền tuy đã đem lại rồi, nhưng mà viên-tông vẫn còn thiếu chưa đủ. Bởi vậy phải phong-cầu, không dám tiếc thân-mệnh. Tôi đã lấy ngày tháng tư năm Trinh-quán tam-niên; mạo phạm hiểm-chướng, lên đi Thiên-trúc; qua bãi lưu-sa man-mác, vượt đèo Tuyết-lĩnh chon-von; nào là cửa Thiết-môn hiểm-hóc, đường Nhiệt hải ba-đào; khởi-hành tự Trường-an thần-ấp, đi cho đến Vương xá tân-thành; trung-gian kinh-qua đến hơn năm vạn dặm. Tuy rằng phong-tục mỗi nơi một khác, gian-nguy khó đến vạn trùng. Song nhờ cậy thiên-uy, đến đâu không ai dám ngăn-trở; lại nhờ giúp cho hậu-lễ, thân mình không đến khổ tân. Nên mới hay thỏa nguyện tùng-tâm, đi rạc đến xem núi Kỳ-đồ-quật-sơn, lễ bái cây bồ-đề; thấy những tích chưa từng trông thấy, nghe những kinh chưa từng được nghe. Xét hết sự linh-kỳ của vũ-trụ, đạo hóa-dục của âm-dương. Tuyên-bá nguồn đức-trạch của nhà vua, khởi-phát lòng kính-nhường ở các nơi thù-tục. Chu-du lịch-lãm đến mười bảy năm; nay đã từ nước Bát-la gia-già, qua cõi Già-tất-thi, vượt núi Thông-lĩnh, qua sông Ba-mê, đi về đến nước Vu-điền. Vì có đem theo con voi lớn đi nó chết đuối mất, kinh-bản đem về rất nhiều, chưa mướn được xe chở, vậy phải tạm đình ở lại (1). Chưa kịp ruổi về để sớm vào yết-kiến chốn hiên-bệ. Khôn xiết ngóng trông. Cần sai người tục nước Cao-xương tên là Mã Huyền-Tri theo bọn thương-lữ đi về trước dâng biểu tâu lên vua nghe.* »

Sứ-giả trở về, mông ơn nhà vua giáng tờ chiếu sắc sai người đi đón. Chiếu rằng:

« *Nghe tin nhà sư đi phỏng-đạo cõi xa, nay mới trở về, hoan-hỉ vô-chừng! Mong kịp về đến nơi cùng trẫm tương-*

---

(1) Xét Huyền-Trang vì khi độ-hà [illegible]nh rơi mất kinh, nên phải ở lại đấy sai người đi đến Khuất-chi, Sơ-lặc để hỏi tìm.

kiến. Những thầy tăng nước ấy mà có biết chữ Phạn hiểu nghĩa kinh, thì cũng cho đem về. Trẫm đã sắc cho các đạo Vu-điền, sai các nước phải đem quân tiễn-tống, cùng là sức người xe cộ phải cung-ứng cho đủ. Lại sai các quan-ty Đôn-hoàng đón tiếp ở bãi lưu-sa ; người nước Thiện-thiện đón tiếp ở bến Thư-mạt. »

Vâng nhận tờ sắc rồi phải tiến-phát đi lập-tức. Vua Vu-điền tống-tiễn rất hậu, đi dần-dà mãi mới đến cõi đất Hán, khi đi đến Sa-châu (1) lại dâng tờ biểu báo tin. Bấy giờ vua Thái-tôn ở cung Lạc-dương, sực tiếp tờ biểu, biết rằng Huyền-Trang đã gần tới nơi, mới sắc cho quan Tây-kinh lưu-thủ là Phòng Huyền-Linh sai các quan hữu-ty đi đón rước tiếp-đãi.

Huyền-Trang nghe tin vua sắp đi đánh Liêu-đông, sợ rằng đi chậm-trễ không kịp, mới đi gấp đường lên cho kịp, vừa ngày tháng giêng năm Trinh-quán thứ mười chín thì đến Tây-kinh, vào yết-kiến vua ở cung Lạc-dương, vua mời đón ủy lạo rất hậu, đã mời ngồi đâu đấy, vua hỏi rằng : « Khi nhà sư ra đi sao không bảo cho biết ? » Huyền-Trang tạ thưa rằng : « Trước khi Huyền-Trang ra đi đã hai ba lần tâu xin, chỉ vì lòng thành nhỏ mọn không đạt tới, nên không được chuẩn-y. Song cái lòng mộ-đạo khôn xiết mới tự lẻn đi, cái tội tự-chuyên ấy rất lấy làm sợ hãi ! » Vua nói : « Nhà sư đã hay xuất-gia thì khác với kẻ tục ; mà lại hay liều mình đi cầu-pháp để mong làm lợi cho dân-sinh, Trẫm rất lấy làm khen. Song chỉ nghĩ non sông cách-trở xa-xôi như thế kia, mỗi phương phong-tục một khác, quải lạ nhà sư sao hay đạt tới được ? » Huyền-Trang nói : « Đó là nhờ có thiên-uy, nên mới được vãng-hoàn vô-ngại. » Vua nói : « Lời bậc trưởng-giả nói như vậy, trẫm sao dám dương. »

Vua lại hỏi những việc ngoài cõi Tây-vực, từ Tuyết-lĩnh trở về phía tây cho đến cõi Ấn-độ. Huyền Trang đã thân đi du-lịch các nơi xem-xét bờ cõi, tai nghe mắt thấy, ghi nhớ không sót một tí gì, hỏi đâu thưa đấy rất có điều-lý. Vua cả đẹp lòng, nhân khuyên bảo hoàn-tục, để cho làm quan. Huyền-Trang từ tạ mà rằng : « Huyền-Trang này, từ khi nhỏ đã theo dòng chi-môn, học về Phật-đạo ; chỉ chuyên-tập huyền-môn, chưa từng nghe Khổng-giáo. Nay mà bắt phải tùng-tục, không khác gì đem cái thuyền đương thuận dòng, mà bắt phải bỏ nước lên cạn, không những là vô-công, cũng chỉ thêm hủ-bại mà thôi. Nguyện cho được suốt đời hành-đạo để báo quốc-ân ». Huyền-Trang cố từ mãi mới thôi. Khi ấy vua sắp đi thân-chinh Liêu-đông, đấy quân hỏi tội, muốn cho Huyền-Trang theo đi. Huyền-Trang từ rằng : « Bệ-hạ đi đông-chinh đã có đại-quân hộ-vệ, đánh nước loạn-quốc, giết kẻ tặc-thần, thế nào cũng có cái công thắng-trận, như trận Mục-dã, cái tin báo-tiệp như trận Côn-dương. Huyền-Trang tự lượng thực không thể làm bổ-trợ cho công việc hàng-trận được, chỉ thêm cái thẹn làm cho tổn thêm tiền lộ-phí. Vả lại việc binh-nhung chiến-đấu, luật-pháp nhà chùa cấm không được xem. Đấng Phật-tổ đã có lời nói ấy, vậy dám xin tâu, cúi xin thánh từ thương xót. » Vua tin nghe lời mà thôi. Huyền-Trang trở về trường-an, trụ ở chùa Hoằng-phúc, chuyên phiên-dịch kinh-điển. Mùa thu, năm Trinh-quán thứ hai mươi, kinh-luận dịch xong, mới làm biểu dâng lên.

PHÊ-BÌNH. — *Cứ các nhà Phật-giáo bảo rằng từ sau khi đức Như-lai tuất rồi, chư vị Tỳ-Khâu mới xướng*

(1) Nay là huyện Đôn-hoàng thuộc về Cam-túc.

lên nhiều lời đi-nghị. Năm sáu trăm năm, kinh Đại-thừa tuyệt hưởng. Mã-minh-bồ-tát mới khởi lên, làm ra bài Đại-thừa khởi-tín-luận *để chính-đính lại. Các tiểu-thừa luận-sư đều xúm lại công-kích, thậm-chí bảo rằng Đại-thừa không phải phật-thuyết. Đến khi Huyền-Trang sang tây-du lấy kinh, cái thuyết Đại-thừa bên Ấn-độ còn cho là câu nói đuôi ; mà cái sách « khởi-tín luận » kia đã thành ra phế-điển rồi. Huyền-Trang mới đem dịch chữ Đường ra chữ Phạn để trao trả lại Ấn-độ, từ đó Ấn-độ lại biết cái giáo thuyết Đại-thừa. Nguyên là tông-môn pháp-tướng suy đi đã lâu, khi Huyền-Trang ở bên Ấn-độ theo thầy Giới-hiền 戒賢 luận-sư, học thấu hết được đạo-lý, lúc trở về lại truyền-thụ cho đệ-tử là Khuy-Cơ 窺基. Từ đó tông-pháp ấy mới lại thịnh. Cứ như hai việc trên ấy không kể chi việc khác, thì Huyền-Trang tây-du chuyến này quan-hệ về tôn-giáo cũng rất trọng-đại.*

Xem vua Thái-tôn hậu-đãi Huyền-Trang, thì biết vua thực là đấng phi-thường, nào là tiếp lễ thầy tăng mới đi xa về mà không sợ phiền ; nghe kể cái tội vi-mệnh mà không bắt lỗi ; hay long-trọng cái lễ phiên-dịch kinh điển, thì ra đều dung-nạp cả Nho Thích ; hỏi han cái tình-hình ngoài cõi xa, thì thực rõ là anh-hùng mưu-lược. Còn như Huyền-Trang hay từ-chối hiền-miệng mà nguyện vui thanh-tĩnh, can việc chính-phạt mà sẽ thác lời kinh luật, thực là người cao-thượng không thể kịp được vậy.

Bài tựa trong kinh Tam-tạng thánh giáo

Trước kia quan Phò mã Cao Lý Hành có xin vua Thái-tôn soạn một bài bia cho cha mình. Đến đây vua mới bảo rằng : « Nhà ngươi trước có xin Trẫm làm bài bia cho cha nhà ngươi. Nhưng ta nay khí-lực không bằng trước, chỉ sở-nguyện làm việc công đức, để ta làm bài tựa cho Pháp-sư, không thể làm văn bia được, ngươi lượng biết đó. »

Năm Trinh-quán thứ hai mươi lăm, vua Thái-tôn ra ngự cung Ngọc-hoa, tuyên-triệu Huyền-Trang đến, hỏi những kinh-luận mới phiên dịch ra. Huyền-Trang mới dâng lên « *Tân-phiên kinh-luận* » chín bản, lại xin ngài đề tựa trên kinh. Vua bèn đưa ra gọi là « *Đại-Đường Tam-tạng thánh-giáo tự* » Trước điện Minh-nguyệt, sai quan Hoàng-văn quán học-sĩ Thượng-Quan Nghi đối các quần thần tuyên đọc. Lời tựa rằng :

« *Trộm nghe rằng : « Lưỡng nghi có tượng, chở che đà tỏ đức hàm-sinh ; bốn mùa không hình, nắng rét vốn nhiệm mầu hóa-vật. Bởi vậy, dòm trời soi đất, kẻ dung-ngu cũng hơi biết mối đầu ; tỏ âm suốt dương, bậc hiền-triết thực khôn cùng toán số. Song trời đất vốn bao cả âm-dương, mà dễ biết được là vì có tượng ; âm dương lại ở trong trời đất, mà khó cùng được là vì không hình. Xem thế biết tượng kia rõ rành-rành, dẫu kẻ ngu cũng chẳng hoặc ; còn như hình nọ kín mờ-mịt, dẫu người trí cũng còn mê. Huống-hồ, đạo Phật không-hư, u-minh tịch diệt ; nhuần thấm muôn vật, ngự khắp mười phương. Uy-tinh không ai đọ hơn được, thần-lực không ai ức xuống được. Suy lớn ra thì khắp cả vũ-trụ ; thu nhỏ lại thì bé hơn hào-lý. Không diệt không sinh, trải nghìn kiếp mà vẫn chẳng cỗ ; như ẩn như hiện, diễn trăm phúc mà dài đến nay. Diệu-đạo mơ-huyền, nói theo mà chẳng biết đâu là cõi ; pháp-lưu trong vắt, mò tìm mà chẳng biết đâu là nguồn. Cho nên những kẻ phàm-ngu-xi-xuẩn, dung-tục tầm-thường, chưa biết được lý-thú thì ai chẳng nghi hoặc.*

« *Song Phật-giáo mới gây nên từ bên Tây-thổ, mà mộng-triệu mơ-màng*

tới trên sân Hán, nhân-từ chan-chứa ra khắp cõi Đông. Nhớ khi xưa đạo mới phân-hình, giảng nói qua mà đến cảm-hóa ; vả đời trước Phật còn thường hiện, ngửa trông lên ai chẳng tin theo. Duy đến lúc chân-ảnh tối mờ, quang-nghi xa cách. Dáng vàng mờ-mịt, ba nghìn trùng chẳng thấy lồng bóng gương ; tượng đỗ phô bày, bốn tám tướng chỉ thấy trơ ngồi phỗng. Từ đó chân-ngôn rần khắp, cứu muôn loài cho thoát khỏi tam-đồ ; ai-huân tuyên xa, dẫn vạn chúng cho qua vòng thập-địa. Song le, chân-giáo khôn đường tin-ngưỡng, nào ai biết được chỉ-qui ; khúc-học dễ lối noi theo, mấy kẻ phân được tà-chính. Cho nên có không bàn mọi lẽ, phải trái chỉ quen thói đua tranh ; lớn nhỏ nghĩa hai thừa, thịnh suy lại mỗi lúc một khác.

« Nay có thầy Huyền-Trang pháp-sư là kẻ tinh-tụ chốn pháp-môn. Nhỏ đã linh-mẫn, tâm tam-không sớm tỉnh-ngộ từ xưa ; lớn lại thần-tinh, hạnh từ-nhẫn trước bao-hàm đủ cả. Gió thông trăng nước, khôn vi được thanh-hoa ; tiên-tộ minh-châu, dễ so bằng sáng nhuận. Vậy nên trí suốt hay không lụy, thần xét được chửa hình. Siêu sáu trần mà vượt khỏi, tốt thiên-cổ không ai bằng. Lưu tâm cõi Nội, từng thương chính-pháp suy-vi ; để ý cửa Huyền, lại khái thâm-văn sai-suyễn. Nghĩ muốn chia điều tách lẽ, thêm rộng tiền-văn ; tiệt-ngụy tục-chân, khai cho hậu-học. Vậy nên ngóng trông đất Tình, qua chơi cõi Tây ; mạo-hiểm xa đi, một mình vô-vỗ. Tích tuyết sớm bay, giữa đường lạc đất ; kinh-sa tối dậy, mờ mắt mê trời. Mảnh dặm non sông, vén mây mù mà tiến bước ; trăm trùng nắng rét, xông mưa tuyết để lên đường, nặng lòng thành mà coi nhọc như không, thâm nguyện-vọng nên sở-cầu như ý. Chu-du Tây-vực, mười lẽ bảy năm ; duyệt-lịch nước người, hỏi tìm chính-giáo. Song-lâm Bát-thụ, nếm đủ mầu thiền ; đỉnh Thứu vườn Hương, trải xem cảnh lạ. Vâng lời chỉ-ngôn của đấng tiên-thánh, chịu phép chân-giáo ở đấng thượng-hiền. Thăm đó cửa diệu, tinh thấu nghiệp huyền, nắm luật phép giáo Nhất-thừa, vẫn thường lưu-tâm để suy xét ; ba trăm kinh văn Bát-tạng, hình như gợn sóng ở dòng sông. Những nước kinh-lịch đi qua, tóm thu được Tam-tạng kinh-văn, phẩm sáu trăm năm-mươi-bảy bộ, đem về dịch ra tuyên-bá nơi Trung-quốc, để tuyên-dương thắng-nghiệp. Đưa mây từ ở nơi Tây-cực, tưới mưa phép tới chốn Đông-tùy. Thánh-giáo khuyết mà lại toàn, thương-sinh tội mà lại phúc. Tưới tắt ngọn lửa nồng Hỏa-trạch, tốt ra khỏi đường mê ; lắng trong luồng sóng đục Ái-hà, cùng bước lên bờ giác. Thế mới biết ác nhân nghiệp trụy, thiện bởi duyên thăng, cái cớ thăng hay trụy đều bởi tại người cả. Ví như : Quế mọc trên đỉnh cao, mốc ngọt mới hay tưới được ngọn ; sen sinh trong sóng biếc, bụi bay không thể bợn đến hoa. Đó không phải là tính sen tự sạch, chất quế vốn trinh ; chỉ bởi tại đứng ở nơi cao, nên vật nhỏ không hay lụy ; tựa vào chốn tĩnh, nên loài trọc không hay nhơ. Kia như loài cỏ vô-tri, mà còn phải nhờ thiện mới nên thiện ; huống-hồ loài người có biết, lại chẳng nên bởi lành để cầu lành. Những mong kinh này thi khắp, trải bao nhật-nguyệt vô-cùng ; phúc nọ nhuần xa, cùng với kiền-khôn rộng khắp (1). »

Khi đọc xong, trăm quan chúc mừng Huyền-Trang lại dâng biểu tạ. Hoàng-thái-tử (Cao-tôn) lại chế bài *Thoái-thánh ký* để tặng cho Huyền-Trang, rồi đưa ra ở chùa Từ-ân.

---

(1) Nguyên Hán-văn bài tựa này xem ở bên phần chữ nho bản-báo.

Khi vua Cao-tôn lên nối ngôi, lại càng hậu-đãi Huyền-Trang lắm. Năm Hiển-khánh thứ hai, xa-giá nhà vua ngự chơi đất Lạc-dương, Huyền-Trang cũng đi bồi-tụng. Huyền-Trang từ khi xa chốn Kinh-lạc trải qua ngày tháng đã lâu, nay nhân khi được đi hỗ-tụng nhà vua lại về chốn cố-hương, qua chơi làng xóm, hỏi thăm người thân cố thì luân-lạc đã hồ hết. Chỉ còn có một người chị lấy chồng họ Trương ở Doanh-châu, sai người đón tiếp, hai chị em trông thấy nhau nửa mừng nửa tủi, Huyền-Trang mới hỏi chị về phần mộ cha mẹ ở đâu, bèn tự đến bái-yết tỉnh-tảo; nhân thấy đã lâu năm bỏ đòi-tệ, mới đi tìm đất để cải-táng mộ cha mẹ.

Nhà Hậu-Ngụy đời vua Hiếu-văn từ đất Đại dời đến đóng đô Lạc-dương, có dựng chùa Thiếu-lâm ở phía bắc núi Thiếu-thất, nhân thế núi có chỗ cao chỗ thấp mới chia lập ra thượng-phương hạ-phương mười hai viện, phía đông dựa núi Tung-nhạc, phía nam trông sang Thiếu-phong, phía bắc tựa núi Cao-lĩnh, vòng quanh có sông Tam-xuyên, phía tây thì ngọn núi Tây-đài, rất là tú-lệ, tức là chốn Bồ-đề Lưu-chi dịch-kinh ở đó. Phía tây bắc chùa về mặt dưới núi là huyện Tầu-thị, về phía đông-nam là Phượng-hoàng cốc Trần-thôn 鳳凰谷陳村, lại nhất-danh là Trần-bảo-cốc 陳優谷 tức là chốn Huyền-Trang sinh ra ở đấy. Huyền-Trang cho đất ấy là nơi thanh-u, lại gần làng cha mẹ, dâng biểu xin tu ở chùa Thiếu-lâm, vua không cho. Năm Lân-đức nguyên-niên, tháng hai, Huyền-Trang mất ở chùa Tây-minh đất Trường-an, thọ 63 tuổi. Vua khóc viếng, bãi triều ba ngày, có bảo kẻ tả-hữu rằng: «Trẫm nay mất một người quốc-bảo!» Vua phàm năm lần dưa tờ ngự-trát xuống hỏi-han chần tuất việc tống-táng. Bốn phương đến hội-táng có đến hơn trăm vạn người, xưa nay lễ tống-táng chưa khi nào thịnh như thế bao giờ.

Phê-bình — *Bài tựa Đại-Đường Tam-tạng thánh-giáo trên này, đầu kể Phật-giáo huyền-diệu, thứ hai kể đến việc Huyền-Trang đi khó nhọc, mà không khoe-khoang gì uy-thanh của nhà nước, được các nước ngoài cõi xa cung-thuận, lập-ngôn rất là đắc-thể. Còn đến như văn từ hay thì là dư-sự mà thôi. Vua Thái-tôn theo lối chữ của Hữu-quân mà viết bài văn này khắc lên bia; đến nay lưu-truyền ra đến muôn bản, các nhà viết chữ đều lấy đó làm khuôn phép.*

Người đời thường chê các thầy sa-môn bỏ đời lìa tục, có hại cho đạo trung hiếu. Nay xem như Huyền-Trang đem kinh Phật để hóa bạc-tục, lại hay ngăn vua Thái-tôn đi đánh nước Liêu, khá chẳng bảo là trung đấy ư? Tuổi già về làng, cải-táng mộ cha mẹ, xin trụ-trì ở chùa Thiếu-lâm, cũng là cái ý muốn gần nhà cha mẹ ở dưới bóng mây trắng, lại chẳng phải là hiếu đấy ư? Người xuất-gia mà còn hay như thế, chúng ta khá chẳng nên cố gắng lắm ư!

(Hết)

Đông-Châu *dịch*

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

XV

17 — K. — Tấn Tuân Ngô đem quân đánh nước Tiên-ngu.

Năm Chiêu-công thứ 15, Tấn Tuân-Ngô đem quân đánh nước Tiên-ngu. Quân đan vây ấp Cồ. Ấp Cồ có người vào quân Tấn xin làm phản ấp nó để cho quân Tấn vào thành. Mục-tử (tên hiệu Tuân-Ngô) không nhận nhời. Các quan tả-hữu của Tuân-ngô nói rằng : « *Quân không vất-vả gì mà lấy được thành thì sao lại không làm* ».

Mục-tử nói : « *Ta nhớ ông Thúc-Hướng có nói rằng : « Sự yêu ghét không sai, dân mới biết đường mà theo, thì làm việc gì mà không thành. » Nay nếu có đứa nào làm phản nó đem thành của nước ta đi đâng nước khác thì ta ghét nó không gì bằng. Vậy người nước khác nó làm phản nước nó mà đem thành đâng nước ta thì sao ta lại lấy làm yêu thích. Ta yêu thích việc như thế là ta thưởng cho cái điều mà ta vẫn ghét, thế thì cái điều mà ta vẫn yêu thì ta xử thế nào. Vả ta được thành mà không thưởng cho đứa làm phản thì ta thất-tín với nó, đã thất-tín thì còn lấy gì mà dạy dân. Chi bằng sức ta có thể lấy được thì cứ đánh, không thì thôi. Chứ ta không muốn lấy được một cái thành mà phải thân cận với kẻ gian-ác, thành thử ta thiệt về đâng khác còn nhiều hơn* » Mục-tử bèn bảo cho người ấp Cồ biết mà giết đứa chực làm phản ấy đi và phải phòng bị cho cẩn thận.

Quân Tấn vây ấp Cồ đã ba tháng. Có người ấp Cồ đến xin hàng. Mục-tử bắt đưa bọn nhân-dân của ấp ấy ra cho Mục-tử coi. Coi rồi Mục-tử bảo sứ-giả ấp Cồ rằng : « *Xem ra về nhân-dân trong ấp anh, họ còn no, thì về bảo ấp anh hãy cứ sửa sang lại mà giữ lấy thành.* »

Bọn quân-sĩ Tấn bảo Mục-tử rằng : « *Được thành rồi mà không lấy, cứ còn để cho quân-dân vất-vả mãi như thế thì sao phải đạo thờ vua.* »

Mục-tử nói : « *Ấy thế chính là cái đạo ta thờ vua đó. Chứ lấy một cái ấp mà thành ra dạy cho dân mình cái lòng trễ biếng với quê-hương, thì được cái ấp ấy có ích gì. Được cái ấp ấy của họ tức là mua cho dân ta lấy sự trễ biếng với quê-hương của họ đó. Thì sao bằng cứ để cho họ giữ lấy thành cũ có hơn không. Một bên đi mua lấy sự trễ biếng với quê hương với một bên tự bỏ nước cũ, đều không hay cả. Chi bằng không nhận vội, thế là để cho người ấp Cồ họ được hết lòng thờ vua họ mà ta cũng được hết lòng thờ vua ta. Giữ lòng yêu ghét không sai, noi đường nghĩa-lý không lạc, rồi thành của họ, ta cũng đến lấy được mà dân ta sẽ biết cái nghĩa-vụ đối với nước là đành chịu chết mà không dám hai lòng. Thế chẳ hơn dư ?* »

Sau người ấp Cồ đến cáo rằng sức kiệt mà lương hết cả rồi. Mục-tử mới sai kéo quân vào chiếm lấy thành. Quân Tấn vào chiếm thành Cồ rồi kéo về nước, không giết một người nào.

∴

Năm Chiêu-công thứ 15, Tấn Tuân-Lịch sang sứ nhà Châu về việc làm lễ táng bà Mục-hậu nhà Châu. Tịch-Đàm đi làm Phó-sứ. Khi táng xong vua nhà Châu trừ phục rồi cho Tuân-Lịch dự

yến. Bữa yến ấy chén uống rượu dùng bằng cái hồ của nước Lỗ. Vua nhà Châu hỏi Tuân-Lịch rằng : « *Bác mày ơi, Chư-hầu nước nào cũng có đồ vật dâng vào để yên-ủi cho nhà vương, thế mà chỉ có Tấn thì không, là làm sao?* » Tuân-Lịch vái Tịch-Đàm mà nhường cho y đứng lên thưa với vương. Tịch-Đàm thưa rằng : « *Lúc chư-hầu phân phong ra thì nước nào cũng được những đồ quí của nhà vương ban cho để chấn-tĩnh nơi xã-tắc nước mình. Cho nên nước nào người ta cũng lại đem đồ bảo-khí khác mà dâng vào nhà vương. Còn như Tấn tôi ở nơi rừng rú, lân-cận với các rợ Nhung-Địch mà xa cách nhà vương. Cái uy-linh của nhà vương thì không đạt tới mà chỉ phải cung-đốn quân Nhung-Địch không lúc nào ngơi, thì còn có đồ vật gì mà đem dâng vương nữa.* »

Vương nói : « *Chú mày ơi, mày hay quên thế? Vua Đường-thúc Tấn là em cùng mẹ của vua Thành-vương nhà Châu ta, thì có lẽ nào lại không được phần chia cho. Nào là trống với xe đại-lộ của nước Mật-tu là tự vua Văn-vương đi đánh nước ấy lấy được. Nào là áo giáp của nước Khuyết-củng là tự vua Vũ-vương đánh nhà Thương lấy được. Thế mà các đồ vật ấy vua Đường-thúc đều được phần chia để đem về ở cái cõi thuộc phận sao Xâm kia.*

Về sau vua Tương-vương ta lại ban cho vua Văn-công Tấn hai cỗ xe đại-lộ và nhung-lộ cái phủ cái việt, gạo nếp đen, cỏ xưởng thơm, cung sơn đỏ cùng đội lính hồ-bôn. Lại khu ruộng Nam-dương nữa. Cho như thế để mà cai-quản cả các nước Chư-hầu đông-phương. Thế không phân ban cho là gì đấy.

Nhà vương không có quên những kẻ có công-lao sự-nghiệp. Nào ban cho ruộng đất, đồ khí-vật, đồ xa phục và những đồ huy-chương. Để cho con cháu đời đời ghi nhớ. Ấy thế là phúc-lộc đó. Phúc-lộc mà lại không ban cho Tấn thì còn ban cho ai nữa.

Còn về phần nhà chú mày, thì Tôn-bá Áp là coa-tổ họ nhà ngươi, cầm quyền-chính, giữ điển-tịch cho nước Tấn. Bởi thế họ nhà ngươi mới nhận đó mà gọi là họ Tịch. Thế thì ngươi là dòng dõi một nhà giữ điển-tịch cho nước mà hay quên làm vậy. » Tịch Đàm không trả lời lại được điều gì.

Tan tiệc, tân khách ra về cả rồi, Vương nói rằng : « *Thằng cha họ Tịch này, nó giữ điển-tịch mà quên mất cả tổ-tiên, thì nó tất đến vô-hậu* ».

. . .

Tấn Hàn Tuyên-tử có mỗi một cái vòng bằng ngọc, mà người lái buôn nước Trịnh cũng có một cái nữa như thế. Hàn-tử sang yết Trịnh-bá nhờ lấy cho cái vòng ấy. Tử-Sản không nghe, trả lời rằng : « *Cái ấy không phải là đồ quốc-khí trong kho nhà-nước, nên quả-quân tôi không biết đâu.* »

Trịnh Thái-thúc, Tử-Vũ bảo Tử-Sản rằng : « *Hàn-tử cần-dùng cái vòng ấy, vật cũng không đáng là bao. Vả ta cũng chưa có thể nhị-tâm với Tấn được. Tấn là một cường-quốc, Hàn-tử chấp-chính nước Tấn. Tấn với Hàn-tử, ta không khinh-thường được đâu. Nếu mà có đứa nào nó gièm-pha cả hai bên. Rồi ma-quỉ nó xui-rủi vào để người Tấn họ sinh giận dữ, thì ta hối lại không kịp. Vậy ông tiếc gì cái vòng ấy để sinh hiềm-thù với một nước lớn. Sao ông không tìm mà cho hắn.* »

Tử-Sản nói : « *Tôi sở-dĩ không cho hắn là để giữ lấy trung-tín mà phục-tùng Tấn cho trọn vẹn, chứ không phải là khinh thường Tấn mà ở nhị-tâm đâu. Kiều tôi nghe nói : « Quân-tử chỉ lo ở chức-vị mà không có danh tiếng gì, chứ không lo gì không có của. » Lại nghe nói : « Việc trị nước không khó gì cái cách thờ nước lớn, giúp nước nhỏ mà chỉ lo không có lễ-pháp để định lấy địa-vị cho nước mình mà*

thôi. » Nay đối với những mệnh-lệnh của các quan một nước lớn họ đòi cái gì mình cũng cung ngay thì không lấy đâu cho đủ được. Lần này cung được cho họ, lần khác không, chỉ tỏ càng to cái tội. Phàm nước lớn họ yêu-cầu mình điều gì không hợp lẽ pháp thì phải cự đi, chứ không thì họ không biết thế nào là chán, mà nước mình thành ra cái nơi thuộc-địa của họ. Thế là mình làm mất địa-vị của nước mình đi đó. Nếu Hàn-tử phụng-mệnh sang sứ nước ta mà kiếm được cái vòng ngọc ấy thì y là kẻ tham-lam quá, há không có tội dư? Thế thì ta cho y một cái vòng mà khiến cho hai bên cùng có tội. Nghĩa là ta thì bị tội làm mất địa-vị của nước, mà Hàn-tử thì bị tội tham-nhũng. Như thế thì còn cho y làm gì. »

Hàn-tử đến đòi mua cái vòng ấy của người lái-buôn, đã thành giá rồi, nhưng người lái buôn nói còn phải báo-cáo cho vua và quan Đại-phu Trịnh biết đã. Hàn-tử lại đến nói với Tử-Sản rằng : *« Bữa nọ tôi nhờ quan lớn tìm giúp cho cái vòng ngọc, nhưng ngài không giùm, nên tôi không dám nói nữa. Nay tôi đã đến hỏi mua của người lái buôn, nhưng người ấy nói tôi phải báo-cáo cho vua với quan lớn biết. Vậy tôi nói để ngài biết cho. »*

Tử-Sản thưa rằng : *« Ngày xưa đức tiên-quân Hoàn-công bên tôi với bọn thường-nhân ấy cùng ở sứ Tây-Châu sang đây, cùng nhau thay đổi cày bừa để mở-mang ra cõi đất này. Cùng nhau cắt phá cỏ-giả gai-góc để cùng ở với nhau. Đời đời phải giữ lời thề làm tin rằng : « Mi chớ có lừa ta, ta không có mua hiếp của mi, không có ép lấy của mi cái gì. Mi được có quyền-lợi buôn bán hàng-hóa ở chợ, ta không biết đến. » Ấy chúng tôi nhờ có lời minh-thệ đó, cho nên giữ-gìn cho nhau được đến bây giờ. Nay ông vì việc giao-hiếu tới đây mà bảo tệ-ấp tôi mua hiếp lấy của người lái buôn, thế là ông xui cho tệ-ấp tôi làm sự bội-minh đó, thì sao phải. Ông được một cái vòng ngọc mà mất lòng chư-hầu, chắc ông cũng không chịu làm. Còn về phần nước tôi, nếu đại-quốc yêu-cầu việc không đáng mà chúng tôi cũng cứ cung thì Trịnh tôi thành ra một cái thuộc-địa, thì chúng tôi cũng không chịu làm. Kiếu tôi mà dâng cái vòng ngọc ấy cho ông thì cuộc giao-hiếu của hai nước không thành được. Bởi vậy tôi nói tư cho ông biết. »*

Hàn-tử từ tạ nói rằng : *« Khởi tôi không biết gì cả dám cầu lấy một cái vòng ngọc để thành ra hai cái tội như thế. Vậy xin thôi. »*

Các quan Khanh tiễn Hàn-tử ra đến cửa ải. Hàn-tử yết-kiến riêng Tử-Sản và tặng ngọc quí với ngựa hay mà nói rằng : *« Ông dạy cho Khởi tôi không lấy cái vòng ngọc ấy, thế là ông cho tôi ngọc quí hơn mà lại chữa cho tôi khỏi bị tử-tội nữa đó. Vậy xin bái tạ ơn ông. »*

18. K. — Đàm-tử vào trầu

T. — Mùa thu, năm Chiêu-công thứ 17. Vua nước Đàm vào chầu. Vua ta đãi yến. Chiêu-tử hỏi Đàm-tử rằng: *« Vì sao họ Thiếu-Hiệu lại lấy tên chim mà đặt tên quan-chức? »*

Đàm-tử nói : *« Vua Thiếu-Hiệu là tổ nước tôi, nên tôi hiểu nghĩa ấy. Ngày xưa đời vua Hoàng-đế có mây hiện ra điềm lành, nên lấy tiếng « mây » để đặt tên quan-chức. Đời vua Viêm-đế có lửa hiện ra điềm lành, nên lấy tiếng « lửa » để đặt tên quan chức. Đời họ Cung-công có nước hiện ra điềm lành nên lấy tiếng « nước » để đặt tên quan-chức. Đời họ Thái-Hiệu có rồng hiện ra điềm lành nên lấy tiếng « rồng » để đặt tên quan chức. Đến đời đức Thiếu-Hiệu húy Chí là cụ chủy-tổ nước tôi lên làm vua thì có*

chim phượng bay đến, nên lấy làm điềm lành mà đặt tên quan-chức bằng tên chim. Như là họ Phượng-điểu là quan làm lịch. Họ Huyền-điểu (chim én) *là quan trắc-nghiệm về khí-hậu hai tiết xuân phân, thu-phân. Họ Bá-triệu* (nhất danh bá-lao tên chim) *là quan trắc-nghiệm hai tiết hạ-chí, đông-chí. Họ Thanh-điểu là quan trắc-nghiệm hai tiết lập xuân, lập-hạ. Họ Đan-điểu là quan trắc-nghiệm hai tiết lập-thu, lập-đông. Còn họ Chúc-cưu* (chim quạ) *tức là quan Tư-đồ, họ Thư-cưu tức là quan Tư-mã, họ Thi-cưu tức là quan Tư-không, họ Sảng-cưu tức là quan Tư-khấu, họ Hoạt-cưu tức là quan Tư-sự đời nay đó. Năm chức lấy tên «cưu» như thế nghĩa là cưu-mang cho dân vậy.*

Lại bộ Ngũ-chỉ tức là năm quan Công-chính chế ra khí-dụng, chỉnh-đốn việc cân, đo, lường để cầm mực cho dân. Bộ Cửu-hồ (chim hồ) *tức là chín quan Nông-chính, nghĩa là ngăn ngừa cho dân khỏi lười biếng.*

Về sau từ đời Chuyên-hức trở đi, không biết thủ nghĩa xa-xôi mà chỉ thủ nghĩa thiển-cận, bèn lấy dân-sự để mà đặt tên quan chức đó thôi.»

Ông Trọng-Ni nghe được câu chuyện ấy, bèn đến yết-kiến Đàm-tử mà xin học lấy những nghĩa ấy. Rồi ông nói với người ta rằng: «*Ta nghe có câu rằng khi trung-triều mà các quan bỏ mất cả chức sự thì ra mà khảo cứu tứ-di» Rõ có thế thật.»*

19. K. — Tấn Tuân-Ngô đem quân diệt rợ Nhung ở xứ Lục-hồn

T. — Năm Chiêu-công thứ 17, Tấn hầu sai kẻ đồ-tể là Khoái vào xin với nhà Châu cho Tấn ra tế thần ở sông Lạc và núi Tam-đồ. Châu Đại-phu Tranh-Hoành bảo Lưu-tử rằng: «*Tấn đem dung-nhan người khách nầy ra vẻ dũng-mãnh lắm. Tất là Tấn họ đánh rợ Nhung đấy chứ không phải là tế-lễ gì đâu. Rợ Nhung Lục-hồn nó thân mật với Sở lắm, vậy ta phải phòng bị mới được.»* Nhà Châu bèn đặt quân phòng bị. Tháng chín, Tấn Tuân-Ngô đem quân sang bến Cức-tân sông Hà. Sai tế-quan đem con sinh đến tế thần ở bến sông Lạc. Người Lục-hồn không biết gì cả, vì thế quân Tấn thừa cơ kéo vào diệt rợ Lục-hồn mà kể cái tội tư-thông với Sở. Lục-hồn-tử xuất-bôn sang Sở, còn quân-dân thì chạy vào Cam-lộc đất nhà Châu. Trận ấy được to.

20. K. — Sao chổi mọc ở phận sao hỏa

T. — Mùa đông năm Chiêu-công thứ 17, sao chổi mọc từ phận sao hỏa cho đến phận vân-hán. Lỗ Thân-Tu nói rằng: «*Trời thường hiện ra cái hình tượng để bảo cho đời biết. Sao chổi là cái điềm bỏ cũ thay mới. Nay mọc ở phận sao hỏa thì hễ đến hồi sao hỏa mọc là có việc. Tất Chư-hầu sẽ bị hỏa tai.»* Trịnh Tì-Táo cũng nói với Tử-Sản rằng: «*Tất rồi Tống, Vệ, Trần và Trịnh cùng bị hỏa tai một ngày. Nếu ta dùng đồ chén ruộc bằng ngọc để tế đảo đi thì Trịnh tất khỏi hỏa hoạn.»* Tử-Sản không nghe.

Đến tháng năm năm sau, mới chập tối đã thấy sao hỏa mọc. Ngày bính-tí tháng ấy có gió to. Lỗ Tử-Thận nói rằng: «*Cái gió đông-bắc ấy là triệu phát hỏa đó.»* Được bảy ngày nữa là ngày mậu-dần gió lại càng to, sang ngày nhâm-ngọ lại to lắm. Tống, Vệ, Trần, Trịnh đều phát hỏa. Tì-Táo nói: «*Nếu không nghe lời tôi thì Trịnh còn bị hỏa-tai nữa kia.»* Vì vậy người Trịnh xin làm lễ đảo. Tử-Sản lại không nghe.

Tử Thái-Thúc bảo Tử-Sản rằng: «*Bảo-vật là đồ để bảo-vệ cho dân. Nếu lại bị hỏa-hoạn nữa thì nước đến mất,*

không cứu lại được nữa. Vậy ông tiếc những cái bảo-vật ấy làm gì. » Tử-Sản trả lời rằng : « *Việc trời cao-xa mà sức người ta thì thiển-cận không tới được. Vậy họ làm thế nào mà biết được việc trời. Ngươi Táo kia hẳn chỉ nói liều lắm thì cũng có câu trúng đó mà thôi, chứ hẳn biết đâu việc trời.* » Tử-Sản lại không cho đảo mà nước Trịnh cũng chẳng bị hỏa-tai gì cả.

Đỗ-nam tử cần-án. — Bài này chép về thời giờ, phận-dã và chiều dài của sao chổi mọc như thế, có thể giúp cho nhà thiên-văn-học ngày nay nhân mà suy biết những thời-kỳ và độ số của sao chổi sẽ đi gần quả đất sau này. Còn cái cách chiêm-nghiệm thiên-văn, suy đoán hung cát của Thân-Tu. Tì-Táo và Tử-Thận ở đây, cùng bao nhiêu người về phái ấy ở các nước đông tây từ trước khi khoa thiên-văn học thực-nghiệm ngày nay chưa thành lập, thì đã có lời của Tử-Sản phê phán đó là đủ. Ta bất-tất phải nói lắm làm gì. Nghĩa là họ nói liều cả. Nói liều lắm thì cũng có câu trúng, thật thế.

Tuy nhiên, phái thiên-văn cổ trên kia ở về cái thời-đại sự học còn ức-đoán, nay đã quá-khứ rồi, không đủ nói nữa. Còn về cái thời-đại thực nghiệm như ngày nay trở đi, phàm cái gì dù vi dù hiển, dù gần dù xa, không có thể dùng cách gì giúp cho giác-quan loài người cảm biết được, thì không ai dám lớn miệng cả tiếng ra với thế-gian mà quả quyết rằng « *dích thế đấy* » được. Thế mà một nhà học-giả nước Mĩ năm ngoái có tuyên ngôn rằng : Y vẫn thông tin để đính duyên hương lửa với một nàng thiếu-nữ trên sao hỏa, y lại có kể cả tên có ra hẳn-hoi. Điều đó ta không dám cười mà cũng không dám tin vội. Còn phải đợi xem các nhà bác-học ngày nay xét ra sao. Ta mong rằng nhà học-giả Mĩ này đừng bị bệnh óc, lời của ông là có xác thực. Cái vận-hội của sao đất với sao hỏa đã đến kỳ giao-thông với nhau, thì thực là một sự đại hạnh-phúc cho loài người ta ở về cái sao đất chật hẹp này, sẽ được rộng thêm đường đi tiêu-giao và nơi để sinh-hoạt.

21. K. Sở với Ngô đánh nhau ở Tràng-ngạn

T. Năm Chiêu-công thứ 17. Ngô đánh Sở, giao-chiến ở Tràng-ngạn. Quân Sở đánh được quân Ngô lấy được một cái thuyền ngự tên là : « Dư-hoàng. » Rồi sai người Tùy và những toán quân đến sau canh giữ. Lại đắp lũy vây xung quanh cái thuyền « Dư-hoàng » ấy thẳng đến cửa suối. Chỗ đường thông ra ngoài thì đốt than lửa. Quân bầy trận sẵn để đợi mệnh-lệnh của đại-quân.

Ngô Công-tử Quang bàn với quân-sĩ rằng : « *Để cho mất cái thuyền Dư-hoàng của tiên-vương như thế, không những tội một mình tôi mà tội cả đến các người nữa. Vậy xin nhờ các người để cứu cái tội chết này* : » Quân-sĩ đều xin vâng. Công-tử Quang bèn sai ba người rậm râu lẻn vào nấp ở bên cạnh cái thuyền Dư-hoàng ấy mà dặn rằng: « *Hễ nghe thấy tiếng ta gọi : Dư-hoàng, thì ba người thưa lên.* »

Đến đêm quân Ngô kéo đến, gọi lên ba bàn cùng có tiếng ở bên thuyền thưa lên lần lượt. Người Sở nhân thế chém giết lẫn nhau thành ra rối loạn. Quân Ngô đánh đuổi được quân Sở lấy được thuyền Dư-hoàng lại.

∴

Năm Chiêu-công thứ 18, khi Trịnh [illegible] cháy, lửa mới bốc lên. Tử-Sản ra [illegible]ửa đông-nam từ tạ những Công-tử, [illegible]ông-tôn Tán không cho vào thành [illegible]ai quan Tư-khấu đuổi những người [illegible]ách nước ngoài mới đến và cấm [illegible]ững người khác đến ở đã lâu. Sai [illegible]quan Trúc-sử đem cả các thần-chủ vào [illegible] nhà Tổ-miếu. Hạ lệnh cho quân sĩ

lên dàn trận ra cả trên mặt thành. Tử Thái-thúc hỏi rằng : « *Làm thế Tấn họ ngờ mà sang đánh ta thì sao ?*»

Tử-Sản nói : « *Tôi nghe nói rằng : Nước nhỏ mà quên sự phòng giữ thì nguy, phương-chi là lúc bị tai nạn. Nước nhỏ mà người ta không khinh được là vì có phòng bị.* »

Lửa cháy xong, quan biên-lại Tấn vào trách Trịnh rằng : « *Trịnh bị hỏa-tai, vua quan Tấn không nỡ ngồi yên, nào chạy chọt đi xem bói xem toán, không có tiếc gì con sinh cùng ngọc lụa để đem cúng bái. Coi đó thì biết Trịnh bị tai hại như thế là quả-quân tôi lấy làm lo lắm. Thế mà các quan bên này cứ hầm-hầm truyền quân đăng thành dàn trận thì định đi hỏi tội làm cháy là vì ai. Kẻ biên-lại này thấy thế lấy làm sợ hãi vậy có lời thưa với các ngài.* » Tử-Sản trả lời rằng : « *Cứ như lời ông nói thì ra tệ-ấp tôi bị tai nạn là một điều để lo cho đức vua bên ta thật. Bởi vì tệ-ấp tôi chính-lệnh thất thường mà trời giáng tai xuống. Lúc đó chúng tôi sợ có kẻ gian-phi thừa cơ mưu đồ nước tôi, để dâng cho phường tham lợi. Khiến cho tệ-ấp diệt vong mà càng để lo thêm cho đức vua bên ta. Lúc đó chúng tôi nghĩ nếu bắt-hạnh mà bị diệt-vong đi thì dẫu đức vua ta ngài có lo thay cho cũng không làm thế nào được. Nhưng may mà giữ lại được thì chúng tôi cũng còn có thể nói để ngài rõ. Vì khi bấy giờ mà có thể nào đi nữa, nước tôi tuy có nhiều chỗ bớt cõi giáp với nước khác, nhưng chúng tôi cũng chỉ chạy sang nhờ Tấn mà thôi. Vì chúng tôi đã thờ Tấn thì không dám ở hai lòng.* »

22. K. – Tề Cao-Phát đem quân đánh nước Cử

T. — Mùa thu, năm Chiêu-công thứ 19 Tề Cao Phát đem quân đánh Cử. Cử tử xuất-bôn ra Kỷ-chương. Cao-Phát sai Tôn Thư theo ra đánh.

Nguyên trước ở nước Cử có một người đàn-bà bị Cử-tử giết mất chồng. Mụ phải ở góa đến già rồi ra ở nhờ đất Kỷ-thương. Lấy gai bện một cái chão đo vào thành mà cất đi. Nay quân Tề đến đánh. Mụ đem chão vất ra ngoài thành. Có người nhặt lấy chão ấy đem dâng Tôn Thư, Tôn Thư truyền quân đêm đến quăng chão mà leo lên mặt thành. Quân lên được sáu mươi người thì chão đứt. Đại-binh ở dưới vừa đánh trống vừa reo thì bọn người lên được thành ấy cũng reo ầm lên. Vua Cử là Cung-công sợ lắm, phải mở cửa tây mà chạy. Quân Tề vào lấy thành Kỷ.

Khi Sở-tử (Bình-vương) còn làm sứ-thần sang ở Sái. Nhân lấy con gái quan Phong-nhân đất Cửu-dương sinh ra Thái-tử Kiến. Đến khi lên làm vua. Bèn cho Ngũ-Xa làm Thái-sư, Phí Vô-Cực làm Thiếu-sư. Vô-Cực không được Thái-tử tin yêu, định gièm Thái-tử mà nói với Sở-tử rằng : « *Ngài lấy vợ cho ông Kiến được rồi đấy* ». Sở-tử bèn sai người sang cưới con gái vua Tần cho. Vô-Cực đi rước dâu bèn khuyên Sở-tử lấy làm vợ. Năm Chiêu-công thứ 19, nàng Doanh-thị thành ra phu-nhân của Sở-tử ở Tần về.

Sở-tử lập ra đội chu-sư để đi đánh rợ Bò. Phí Vô-Cực nói với Sở-tử rằng : « *Tấn làm bá-chủ, lại ở gần với các nước Trung-nguyên, mà Sở ta thì ở nơi hẻo lánh hủ-lậu, vì thế ta không địch được với Tấn. Nếu ngài cho đắp ở đất Thành-phủ làm nơi đô-thành lớn mà cho thái-tử đến đóng ở đó, để giao-thông với bắc phương. Còn ngài thì thu-phục lấy nam-phương, thì có thể lấy được thiên-hạ.* »

Sở-tử bằng lòng theo làm chước ấy. Vì thế Thái-tử Kiến ra đóng ở Thành-phủ.

Phí Vô-Cực lại nói với Sở-tử rằng : « *Ông Kiến với Ngũ-Xa sắp-sửa làm phản, giữ từ Phương-thành trở ra. Tự vì chỗ đó cũng như nước Tống nước Trịnh. Mà Tề Tấn lại cùng giúp vào để làm hại Sở. Mưu ấy đã thành cả rồi.* » Sở-tử tin lời ấy bèn hỏi Ngũ-Xa. Ngũ-Xa thưa rằng : « *Nhà vua đã làm một điều lỗi, thế cũng là nhiều rồi. Nay còn tin lời đứa gièm pha làm gì.* »

Năm Chiêu-công thứ 20 Sở-tử bèn bắt giam Ngũ Xa và sai quan Tư-mã của đất Thành-phủ là Phấn-Dương về giết Thái-tử đi. Phấn-Dương chưa về đến nơi, y đã cho người về trước giục Thái-tử trốn đi. Thái-tử Kiến chạy sang Tống. Sở-tử cho triệu Phấn-Dương. Phấn-Dương sai người ở Thành-phủ trói mình lại giải vào nộp vua, Sở-tử hỏi : « *Lời ở miệng tao ra, lọt vào tai mày, thì ai mách cho thằng Kiến nó biết* ».

Phấn-Dương thưa : « *Tôi mách cho ông ấy đấy. Trước nhà vua truyền bảo tôi rằng : « Mi phải thờ Kiến cũng như thờ ta. » Tôi tuy hèn tài, nhưng không cẩu thả ở nhi-tâm được. Tôi chỉ châu-toàn theo cái mệnh-lệnh trước chứ không nỡ theo cái mệnh-lệnh sau của ngài được. Vì thế tôi giục ông ấy trốn đi đấy. Nhưng sau thì tôi cũng hối ngay mà không kịp được nữa.* » Sở-tử lại hỏi : « *Thế sao tao triệu mà mày lại còn dám đến ?* » Phấn-Dương thưa : « *Tôi phụng mệnh đã sai lời, nay triệu lại không đến. Thế là thành ra phạm hai tội. Mà dù tôi có muốn trốn thì trốn vào đâu.* »

Sở-tử nói : « *Thôi cút. về mà làm việc như thường* »

Vô-Cực lại nói với Sở-tử rằng : « *Hai người con Ngũ-Xa họ có tài cả. Nếu họ trốn sang ở Ngô thì tất để lo cho Sở. Sao ngài không dỗ tha bố chúng nó mà triệu chúng nó đến. Chúng nó nhân hiếu lắm. Ngài triệu tất chúng nó đến đấy. Không thế thì chúng nó sẽ làm cho ngài rầy-rà.* »

Sở-tử cho triệu hai con của Ngũ-Xa rằng : « *Vào chầu thì ta tha cho bố mày ra.* »

Con cả Ngũ-Xa là Đường-Quân-Thượng bảo em là Viên (hiệu Tử-Tư) rằng : « *Chú thì sang Ngô, tôi thì về chịu chết, là vì trí-lự tôi không bằng chú. Tôi chịu chết được mà chú thì báo thù được. Một đàng nghe thấy lệnh cho được tha thì không có thể không chạy đến. Một đàng thì cha anh bị giết thì không có thể không báo thù được. Tôi liều chết đến với cha là hiếu. Chú đi làm cho thành sự là nhân. Chú nhận lấy chức-trách ra đi là trí. Tôi biết chết cũng không tránh là dũng. Ôi, cha không thể bỏ được mà danh-dự cũng không nên hoài. Chú cố đi, hơn là cùng theo về mà chết cả.* »

Ngũ-Thượng vào chầu. Ngũ-Xa nghe tin Viên không vào tự nói rằng : « *Quân tướng nước Sở này chúng bay còn là ăn không ngon với nó.* » Người Sở giết cả hai cha con Ngũ-Xa.

Viên sang Ngô lấy cái lợi đánh Sở nói với vua Ngô là Châu-Vu. Ngô Công tử Quang nói : « *Người này vì cha anh bị giết muốn mượn ta báo thù cho đó, không nên nghe.* »

Viên tự nghĩ rằng : « *Người này muốn có chí khác đây, ta hẳng đi cầu lấy một tay dũng-sĩ cho hắn rồi ta tạm lánh ra ở ngoài biên cảnh để đợi cơ-hội.* »

Viên bèn đi tìm được Chuyên-Thiết-Chư đưa đến yết kiến Công-tử Quang, rồi tự ra đi cày ruộng ở ngoài biên thùy.

Đô-nam tử cẩn án : — Sau này Công tử Quang nhờ Chuyên-Thiết-Chư giết vua Ngô là Châu-Vu mà cướp ngôi. Tử-Tư được tin dùng, bèn đưa quân Ngô

về diệt Sở, hạ thành Sinh-đô. Vua quan Ngô vào đóng cả ở các cung thất của vua quan Sở. Hai truyện *Công-dương* và *Cốc-lương* còn nói quân Ngô phá hủy tôn-miếu, chuyển vận lấy đồ cổ-khí, dâm hiếp mẹ, vợ vua Sở và vợ các quan Sở. Lúc ấy Sở Bình-vương chết rồi bèn đào mả lên mà đánh vào cái thây cho tan-nát. Làm nhiều việc rất là dã-man tàn-ngược. Cái thù của Tử-Tư đến đấy mới liễu-kết.

Nay ta xem hai việc báo-thù liền nhau trên này. Một là việc của mụ Cử báo-thù cho chồng. Một là việc của Tử-Tư báo thù cho cha anh. Hai người thật là khổ-tâm bền chí, bởi cái cảm tình về cương-thường nghĩa-khí nó phát-động ra. Ta không có thể không gọi là liệt-phụ, là hiếu-tử được. Một bên thì cái thù giết chồng, một bên thì cái thù giết cha anh, đều là những cái thù chẳng đội trời chung cả. Làm người gặp những cảnh-ngộ ấy mà không quyết chí-báo cho được thù thì cũng không đáng gọi là người. Song-le hai người này làm việc lạm-dụng quá, thành ra bất-miễn đều có tội cả

Vì sao? Hai kẻ độc-phu tàn-bạo kia đã đành đáng tội, nhưng nhân-dân thành-quách, đồng-bào tổ-quốc của hai người là Cử với Sở kia thì tội gì. Sức mình không làm gì nổi được kẻ cừu-nhân, phải đi đưa dẫn giặc ngoại về. Thù nhà không được chực-tiếp báo đền, mà đất nước của tôn-bang đã hãm vào nơi nước lửa. Hai người tự nghĩ phỏng có đành lòng không?

Ấy thế mà sử-sách xưa nay hết sức khen ngợi, không ai hề bắt bẻ điều gì thì biết rằng cái tư-tưởng về luân-lý của đông-phương ta ngày xưa thiên trọng về cá-nhân, về tư tình quá. Mà coi cái luân-lý công-cộng đoàn-thể không vào đâu. Cho nên cái đạo là người gọi là nhân-luân thì chỉ biết có « *ngũ-luân* » mà thôi. Thật là cái khiếm-khuyết nhiều lắm. Cũng vì cái tư-tưởng chật-hẹp quá thiên ấy còn thâm-căn cố-đế ở lòng người, mà ngày nay thế-giới tiến lên trình-độ đoàn-thể cạnh-tranh, mấy nước cổ-quốc đông-phương bị luôn luôn thất bại, chỉ tội ở chỗ đó.

∴

Tề-hầu đi săn về. Án-tử vào chầu, ngồi ở Chuyên-đài. Bấy giờ Lương-khâu Cử là bề thần mới chạy ngựa đến nơi Tề-hầu nói : « *Chỉ có Cử với tớ là hòa với nhau* » Án tử thưa : « *Cử thì là đồng chứ sao được là hòa.* » Tề-hầu hỏi : « *Hòa khác nghĩa với đồng à?* » Án-tử thưa : « *Khác chứ, hòa như là nấu canh, nào nước nào lửa, nào mắm, muối, dấm, tương cá thịt và củi đun. Kẻ nhà bếp phải gia giảm các mùi cho vừa để người ăn cho được bằng lòng. Đến như vua với bầy tôi cũng thế. Như vua cho điều ấy là phải, nhưng trong cái phải ấy nó có chỗ không phải, thì bầy tôi phải nói rõ cái không phải nọ ra để cho được thành ra điều phải cả. Vua cho điều kia là không phải, nhưng trong cái không phải kia nó có chỗ phải, thì bầy tôi phải nói rõ cái phải nọ ra để mà khử cái không phải đi.*

Vì thế mà chính-trị hòa-bình không có sự gì can phạm. Dân không có bụng tranh-đoạt nhau. Cho nên sách Châu-thi *thiên* Thương-tụng *có câu rằng : « Vua tôi một dạ chí thành, điều hòa ý-vị như canh vừa mùi ». Lại như âm-nhạc. Tiên-vương đã điều hòa được ngũ-vị rồi lại điều-hòa ngũ-âm để hòa bình cái tính tình người ta cho thành tựu cuộc thịnh-trị. Cách hòa thanh-âm thì cũng chẳng khác gì cách hòa phẩm-vị. Trong âm nhạc phải cốt một là khí, hai là thể-tài, ba là chủng-loại, bốn là vật-chất, năm là tiếng, sáu là luật, bảy là âm-hưởng, tám là các thứ gió, chín là thi-ca, hợp lại mới thành. Lại phải lựa những giọng thanh trọc, tiểu đại,*

đoản tràng, tật tử, ai lạc, cương nhu, trì tốc, cao hạ, xuất nhập, mau thưa, để hiệp với nhau. Cho nên người nghe được vui lòng, lòng vui thì đức tính hòa bình. Nay ngươi Cứ thì không thế. Vua bảo điều gì là phải thì Cứ cũng vâng là phải. Vua bảo điều gì là trái thì Cứ cũng vâng là trái. Vì như canh, chỉ có nước với nước thì ai ăn được. Như đàn chỉ có mỗi một thứ tiếng thì ai nghe được. Ấy nghĩa chữ « đồng » không hay là thế.

Bấy giờ cuộc rượu đang vui. Tề-hầu hỏi : « *Nếu tự cổ đến giờ không ai chết thì vui ra thế nào ?* » Án-tử thưa : « *Nếu người cổ mà không chết thì họ vui lấy cả chứ đâu còn đến ngài bây giờ. Đời xưa họ Sẳng-cưu bắt đầu ở đất này, sau đến họ Qui-tắc. Rồi đến họ Phùng Bá-lăng, họ Hồ-cô. Sau hết mới đến đức Thái-công ta. Vậy nếu người cổ mà họ không chết thì đất này bây giờ là của họ Sẳng-cưu đang vui thú, chứ ngài còn trông mong gì.* »

. .

Trịnh Tử-Sản ốm. Ông bảo Tử Thái-Thúc rằng : « *Tôi mà chết thì tất đến ông lên chấp-chính, kề ra thì chỉ có người có đức mới lấy đức khoẻ mà phục được dân. Còn thì không gì bằng lấy đức nghiêm là hơn. Vì như lửa nóng dữ thì người ta trông thấy mà sợ, cho nên ít kẻ chết cháy. Còn như nước mềm và mát thì người ta khinh thường nên nhiều kẻ bị chết đuối. Vì thế biết rằng dùng đức khoan là khó.* »

Tử Sản ốm được vài tháng thì mất. Thái-Thúc lên chấp chính. Bất nhẫn dùng đức nghiêm mà đi dùng đức khoan. Vì thế Trịnh sinh ra nhiều trộm cướp, chúng bắt cả người ở chầm Truy-phù.

Thái-Thúc hối lại nói rằng : « *Nếu ta nghe ngay thầy ta thì không đến thế này.* » Bèn đem binh đi đánh bọn cướp Truy-phù, giết chết hết cả. Trộm cướp bèn bớt đi.

Ông Trọng-Ni nói rằng : « *Việc chính-trị hễ khoan thì dân nhờn, nhờn thì phải dùng đến nghiêm mà sửa trị lại. Nhưng nghiêm thì dân lại hại, hại thì lại phải dùng đến khoan. Đức khoan để chế cho đức nghiêm. Đức nghiêm cũng để chế cho đức khoan, Như thế thì chính-trị mới hòa-bình. Thật có như thế.* »

Khi ông Trọng Ni nghe thấy tin Tử-Sản mất bèn rỏ nước mắt nói rằng : « *Ông ấy thực là người nhân-ái của đời xưa sót lại* » .

. .

Năm Chiêu-công thứ 21, Tống Hoa Đăng đem quân Ngô về đánh Tống, quân Tống thua. Tống-công chực xuất-bôn. Quan Đại-phu ấp Trù là Bộc nói rằng : « *Tôi là kẻ tiểu-nhân có thể nhờ ngài mà chết thì được, chứ không có thể tiễn ông vua vong-mệnh đi được. Xin ngài hãng đợi xem chúng tôi quyết chiến đây ra thế nào đã.* » Nói rồi Bộc bèn rao lên rằng : « *Ai mà phất cờ lên ấy là quân của nhà vua.* » Chúng đều theo cả.

Tống-công ở trên cửa Tràng-môn trông thấy bèn đi xuống ra vòng quân mà yên-ủi rằng : « *Nước bị mất, vua bị chết là cái sỉ nhục cho cả các thầy, chứ có một gì tội của ta đâu* »

Ô-Chi Minh (quan Tề sang giúp) nói rằng : « *Quân giặc nhiều mà quân ta ít thì không gì bằng liều chết cả. Liều chết cả thì không gì bằng khử đồ trưởng đi. Xin cho dùng kiếm cả.* » Người ấy theo chước ấy. Hoa-Đăng thua chạy. Quan Đại-phu Bộc lấy xiềm bọc một cái quách rồi vác mà chạy và nói lớn rằng : « *Ta chém được đầu Hoa-Đăng đây rồi !* » Quân bèn đuổi đánh được Hoa-Đăng ở Tân lý.

. .

Năm Chiêu-công thứ 25, Trịnh Tử-Thái-Thúc đến yết Tấn Triệu Giản-tử. Giản-tử hỏi Thái Thúc về cái lễ vái chào lui tới thế nào. Thái-Thúc thưa : « *Đó là nghi tiết chứ không phải là lễ.* » Giản-tử hỏi : « *Vậy thế nào là lễ.* »

Tử Thái-Thúc thưa : « *Tôi có nhớ tiên Đại-phu tôi là Tử-Sản nói rằng: Lễ là cái lẽ phải trong trời đất mà người ta noi theo. Trời đất có lục-khí, ngũ-hành, ngũ-vị, ngũ sắc, ngũ âm để dưỡng thành cái bản tính cho người ta. Song nếu người ta mà dùng quá-độ thì thành hôn-loạn mà sai mất cả bản-tính đi. Vì vậy phải đặt ra lễ để phụng thờ bản-tính ấy mà giữ lấy. Nào đặt ra những con hi-sinh để cung vào đồ phẩm-vị. Đặt ra các huy-chương, mầu vẽ để cung vào đồ thể sắc. Đặt ra ca-giao âm-luật để cung vào việc thanh nhạc. Đặt ra vua tôi trên dưới. Đặt ra vợ chồng mỗi người mỗi việc. Đặt bề bậc cha con, anh em, cô dì, cậu cháu, họ hàng đâu-gia. Đặt ra chính-sự, kẻ giong công, người hành-vụ. Đặt ra hình phạt tù ngục để cho dân biết ủy-kỵ. Đặt ra ơn-huệ để cho dân được nhờ. Người ta cảm lục-khí của trời đất mà sinh ra lục-chí là yêu, ghét, mừng, giận, thương, vui. Cho nên phải xem xét cách dùng cho vừa. Khi người ta có sự thương thì khóc mếu, có sự vui thì ca vũ, có sự mừng thì thi-xá, có sự giận thì chiến-đấu. Mà xét ra mừng là bởi lòng yêu, giận là bởi ý ghét, cho nên phải cẩn-thận sự tin lệnh thưởng phạt để tài-phán sự sống chết cho người ta. Sống là điều tốt, chết là điều xấu. Tốt thì ai cũng vui mà xấu thì ai cũng buồn. Vậy làm sao cho vui với buồn không sai đường, thì mới hợp với tính của trời đất mà cuộc thịnh-trị mới lâu bền.* »

Triệu Giản-tử nói : « *Cái nghĩa chữ lễ lớn lao lắm như vậy dư?* » Tử-Thái-Thúc nói : « *Lễ là cái đường kinh-vĩ cho trời đất, là cái giềng mối của kẻ dưới người trên. Loài người nhờ đó mà sống được. Thế cho nên tiên vương xưa lấy làm sùng-thượng lắm. Người ta dù tà chính thế nào cũng có thể theo lễ cho thành nhân-cách được. Vậy chả lớn-lao lắm sao.* »

Giản-tử nói : « *Tôi xin chung-thân giữ lấy lời ấy của ông.* »

23. K. — Sở-tử là Cư mất.

T. Năm Chiêu-công thứ 26 Sở Bình-vương mất, Lệnh-doãn là Tử-Thường muốn lập Tử-Tây lên làm vua (Tử-Tây là con thứ Bình-vương mà lớn) Tử-Thường nói : « *Thái-tử Nhâm còn bé, mẹ là vợ Vương-tử Kiến cưới về chứ thực không phải là bà đích. Tử-Tây thì lớn mà hiếu-thiện. Nay ta lập con lớn là thuận hàng, mà tôn người thiện thì trị an. Vua thuận hàng, nước được trị an, còn gì cần bằng.* »

Tử-Tây giận lắm nói rằng : « *Làm như thế là để nhiễu-loạn cho nước mà bên cái ác của quân-vương ra. Nay nước đã có nước mạnh đứng ngoại-viện, mà đức quân-vương đã có con đích-tử rồi thì không nên làm bậy nữa. Bỏ nước thân-hiếu là rước lấy thù. Đoạt của con đích-tự là sự không hay. Bắt ta chịu lấy cái ác-danh ấy thì dẫu đem cả thiên-hạ đút cho ta, ta cũng không thèm, nữa là một nước Sở thì làm gì. Ta phải giết quan Lệnh-doãn này đi mới được.* » Lệnh-doãn sợ bèn lập Nhâm lên tức là Sở Chiêu-vương.

24. K. — Vương-tử Triều xuất-bôn ra Sở

T. Năm Chiêu-công thứ 22. Thiên-vương nhà Châu là Cảnh-vương mất. Kính-vương lên ngôi. Vương-tử Triều là con thứ mà lớn không được lập nổi loạn. Năm Chiêu-công 26. Vương-tử Triều đem cả điển-tịch của nhà Châu

xuất-bôn ra Sở và cáo với Chư-hầu rằng: « Ngày xưa vua Vũ-vương ta đánh được nhà Ân, vua Thành vương yên trị bốn phương, vua Khang-vương khiến cho muôn dân an ổn. Các ngài lại gây dựng cho các em cùng mẹ để làm phên giậu cho nhà Châu Ý các ngài cũng nghĩ rằng: Ta không muốn hưởng lấy một mình về cái công-nghiệp của đức Văn-vương đức Vũ-vương. Vả muốn cho con cháu đời sau có kẻ hôn-mê mà làm đổ nát cả kỷ-cương để hãm vào hoạn-nạn thì sẽ cứu giúp nhau. Đến đời vua Di-vương ngài bị đau yếu, Chư-hầu không ai là chẳng bôn-tẩu để cầu-đảo cho ngài. Đến đời vua Lệ-vương ngài ở độc dữ, muôn dân không chịu nổi, phải thiên ngài ra ở đất Trệ. Các vua Chư-hầu phải bỏ ngôi mình mà tham-dự vào việc vương-chính. Sau vua Tuyên-vương là đấng có chí thì các vua Chư-hầu bèn giả chính-trị lại

Đến đời vua U-vương, trời không thương nhà Châu. Ngài hôn-ám trái ngược, để đến mất ngôi. Vua Huệ-vương gian-tà, Chư-hầu bỏ đi mà lập vua Bình-vương là con trưởng và thiên-đô sang Giáp-nhục. Đó là nhờ có các nước trong hàng anh em chịu hết sức với nhà vương đó.

Đến đời vua Huệ-vương, trời không cho nhà Châu yên, nên xui ra ông Vương-tử Đới, ông Thác Đới mạnh tâm bậy-bạ để cho vua Huệ-vương, vua Tương-vương phải tránh nạn bỏ vương-đô mà đi. Bấy giờ có Tấn với Trịnh ra truất-khử người bất-chính đi mà đặt yên lại cho nhà vương. Đó là nhờ có các nước trong hàng anh em biết noi theo mệnh-lệnh của tiên-vương vậy.

Đời vua Định-vương năm thứ sáu, người Tần có câu yêu-ngôn rằng: « Nhà Châu rồi có ông vua mới sinh ra đã có râu. Thế mà ông vua ấy cũng chỉnh-đốn được chức-sự, Chư-hầu đều phải phục sự. Được hai đời sau nữa thì nhà vương có việc tranh cướp ngôi. Chư-hầu không biết mưu toan thì phải bị cái tai-hại biến-loạn ấy. »

Quả-nhiên đến vua Linh-vương thì ngài sinh ra mà có râu ngay. Ngài thần-thánh lắm, không ở điều gì giận dữ với Chư-hầu.

Vua Linh-vương rồi đến vua Cảnh-vương đều được trọn đời tử-tế. Nay nhà vương bị hai người Đan-Kỳ và Lưu-Địch lập vua nhỏ lên để mà làm hại thiên-hạ. Nhất-thiết làm điều trái lẽ. Họ bảo rằng: Tiên-vương không có phép-tắc gì là nhất-định. Nay ta cứ ý ta ta làm, ai dám chống lại. Họ bèn đem cái bọn tàn-nhẫn vào làm rối-loạn nhà vương. Vơ vét không biết thế nào là chán, sách-nhiễu không biết thế nào là chừng. Khinh rẻ cả quỉ thần, hủy bỏ cả pháp luật. Kiêu ngạo hung dữ, bày ra những lễ minh-thệ gian dối, bịa ra những mệnh lệnh của tiên-vương. Lại thêm nước Tấn vô-đạo kia giúp đỡ vào, toan cùng nhau làm bậy cho đến cùng cực.

Khiến cho bất-cốc này không an tâm an sở, phải chạy tránh ra đất Kinh-man này, chưa biết nương tựa vào đâu. Nếu các nước trong hàng anh em nội ngoại ta đều biết thuận theo phép trời, thì chớ có giúp cho kẻ gian giảo nữa. Phải theo như mệnh lệnh của tiên-vương mới phải, đừng có làm như họ để thêm tội trời. Bất-cốc này lấy làm mong mỏi lắm. Bởi vậy bất-cốc này dẫn bày tâm phúc và các phép tắc của tiên-vương. Xin các nước Chư-hầu nghĩ kỹ cho. Mệnh lệnh của tiên-vương xưa có dạy rằng: « Khi bà Vương-hậu không có con đích thì phải chọn người con lớn để hàng thứ. Nếu các con thứ ngang tuổi nhau thì chọn người có đức. Nếu đức ngang nhau thì phải bói. Vương không được cứ đứa con nào yêu thì lập, mà các quan Công, Khanh cũng không

được vì ý tư mà tán-trợ vào.» Ấy pháp-chế ngày xưa là thế đó. Nay bà Mục-hậu với ông Thái-tử Thọ sớm qua đời đi, bọn người Đan người Lưu giúp vào việc lập con nhỏ mà làm sai lạc cả pháp-chế của tiên-vương đi. Vậy xin các bậc chú bác anh em lo liệu » Mẫn Mã-phủ nghe thấy lời tuyên-cáo của Tử-Triều, nói rằng : « *Văn-tử là để giúp cho lễ-pháp. Nay Tử Triều trái mệnh vua Cảnh-vương bỏ Tấn là nước lớn, chỉ chuyên về một cái bụng tham của mình, thế là kẻ rất vô-lễ rồi, văn-tử thì làm gì.* »

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

TUỒNG HAT

NÀNG DÂU OAN

II

CẢNH THỨ TƯ

Nhà nghèo

Phùng Xuân ra lên tràng học nói sử :

Tôi Phùng Xuân nay vừa cưới vợ, trót vì tình công-nợ đa-mang ; âu là ta lánh bước lên tràng, nợ có hỏi đã mặc nàng lo-liệu.

Nói :

Dạ thưa mẹ, mẹ hãy ở nhà với mợ nó, để con lên tràng đây.

Phùng-mẫu chạy ra nói :

Sao sao, con vay nợ về con cưới vợ, giờ con bỏ lên tràng, để cho nợ người ta ăn thịt mẹ hay sao ?

Minh-Châu ra nói :

Dạ thưa mẹ, mẫu trái tử hoàn, tử trái mẫu bất can, mẹ cứ để cho cậu nó lên tràng, ở nhà công-nợ họ có hỏi, để con khất-khứa với người ta, thưa mẹ.

Phùng-mẫu nói :

Ừ chị khất rồi chị trả lấy nợ nhé, nợ là nợ vay để cưới chị đó, chớ chớ ai ăn tiêu đồng nào, vậy thì con cứ đi học.

Phùng Xuân chào mẹ từ vợ ra hát sa-lệch đi.

Trên (ới) trên thế - gian (tình bằng) duyên nợ nợ đèo bòng, (chứ để tình) kia người nợ vợ (y ối y mà để mấy) nợ chồng kẻ nợ chồng đa-mang ; (y y) mua (ới) mua khắc xuân (tình bằng) đáng mấy lạng vàng. (*Láy*), (chứ để tình) khó-nghèo đừng chắc (y ối y mà để mấy) quan sang (mấy) quan sang là giàu ; (y y) trót (ới) trót yêu nhau (tình bằng) ta dâm ngọc gieo cầu. (*Láy*), (chớ để tình) gây nên lớp nợ (y ối y mà để) dẫy thành sầu dẫy thành sầu ngất cao ; (y y mấy ới mấy) săm-săm (tình bằng) ta lánh bước song đào.

Phùng-mẫu ra nói lối :

Tôi Phùng-mẫu, luống tuổi già đã pha hai thứ tóc, vay nợ về để cưới một nàng dâu ; những chắc rằng con quan sang-trọng nhà giàu, về lo đỡ mẹ già cháo rau cùng kiết ; chả là mẹ chồng nghiệt, nàng dâu riết ; chàng rể kiết ; mẹ vợ kiệt ; ủa chà chà thảm-thiết, chi ngay-ngáy lo âu, ngẫm dâu mà ngán nỗi cho dâu, vuốt tóc rõ nợ dẫy hơn tóc, đã cay chưa.

Ngâm sầu :

Cảnh nhà nghèo-ngặt đã cam,
Khéo sao mụ mối buộc giàm dây oan.
Giục già vay cưới con quan,
Giàu sang chắc hẳn cơ-hàn giúp nhau.
Chăng là lo cưới nàng dâu,
Nợ nhiều hơn tóc bối sầu xe tơ.
Ban hôm tựa cửa ngồi chờ,
Mong con học vắng con chưa trở về.

Ca nam-thương :

Đòi phen trăng tựa hoa kề, hoa kề cảnh muộn, mong mỏi vì con, chua xót vì dâu, ngày đã ngả bóng dâu, khéo là công-nợ vì dâu, vướng công-nợ vì dâu, để mà sầu thêm sầu. Ghê thay mụ mối thơm lòng, tơ-hồng xe buộc, dòn rước con quan, cầu cạnh con ma, thêm vương thêm vương nợ mà, vin ngành hoa, sửa kim thoa, coi lượt-là, vẻ phồn-hoa, chẳng thương mẹ già, nay nợ-nần cũng vì mắc bợm, thêm xiết nỗi xót sa, mái đầu luống đã sương pha, con đi học xa, thương thay cảnh nhà.

Gọi :

Nào cô dâu đâu tá, mời con quan ra đây ; vì dâu mang nợ đắng cay, chưa thấy được điều ngon ngọt, ủa chà chà.

Ngâm :

Nợ-nần nào phải đeo hoa,
Dâu con còn vẫn vẻ nhà quan sang.

Minh Châu ra nói sử :

Dạ thưa mẹ, mẹ thương nỗi dâu con cho trót, con trăm đàng chua xót vì hoa, nợ trót vay xin lo liệu dần-dà, duyên đã mắc dám kề là thơ trẻ, dạ thưa mẹ.

Ngâm :

Dâu con nào dám vẻ-vang,
Trót đà duyên nợ đa mang gỡ dần.

Ca nam-bình :

Sợi tơ tần, ai xe vướng chân, dau-đớn rõ vô ngần, khéo vướng nợ nợ-nần vô-ngần, con đó con, con xiết nỗi bần cơ-bần, song dám sang, sá dám sự sang, vẻ vẻ - vang, vênh - vang sung-sướng, vẫn sự lo lo-lắng, làm nàng dâu về, nương-nấu nương, nương-nấu nấu nương, nhờ bóng nương tựa mẹ già nay, dù cay đắng cay, nuốt cay ngậm cay, song xe dây, sợi dây dù vướng, vương vương vấn - vương, khéo đa mang kia nợ-nần, ngẫm xuân luống thương xuân, chừ xin chịu, sau trả dần, thương nỗi bần.

Phùng-mẫu thét lối :

Ối chao, tôi chỉ vì con vì dâu, giờ mới mắc công mắc nợ ; nay chị nói lần, mai chị nói lữa ; nay bảo trả nửa, mai bảo trả dần ; vẫn ra bậc hồng-quần, lại than thân bạc phận ; bà hãy cho nhất trận, không nữa nỗi tam-bành ; lộn mặt tím mặt xanh, trợn lòng đen lòng đỏ, lắm sao.

Vỉa hát cầm giả đánh : Vỉa :

(Này ới cô dâu ơi), nhà nghèo vay nợ mua trăng, (mà) nợ tròn trăng khuyết (mấy) buồn chăng hỡi buồn! (a cô dâu)!

Hát :

(A mà chứ) nhà nghèo (kia còn sao) vay (a) nợ mua (ối a thôi) mà mua trăng.

Vỉa :

(Này cô dâu ơi, chứ) nhà nghèo vay nợ mua trăng, mà nợ tròn trăng khuyết, (mấy) buồn chăng hỡi buồn, (a cô dâu)!

Hát :

(A mà) nợ tròn (kia còn sao) trăng (a) khuyết (a a à, a ới a, ới ới a, a hà mà (ề có) buồn chăng (ới a thôi mà) chăng hỡi buồn, (a mà) mụ hãy cho (kia còn sao) cô dâu mấy chục roi (ối a thôi mà) roi đòn.

Vỉa :

(Này cô dâu ơi), mụ hãy cho cô dâu mấy chục roi đòn, mà 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 roi dồn thành trăm, (a cô dâu),

Hát :

(A mà) 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 8, 9 a a à, a ới a, ới ới a, a hà mà đề có) roi dồn thành (ối a thôi mà) thành trăm ; (a mà) cô nàng dâu kia còn sao) có nín ngậm (ối a thôi mà) ngậm tăm.

Vỉa :

(Này cô dâu ơi, chớ) nàng dâu sao nín ngậm tăm, mà bà bâu bà xé (mấy) bà băm mặt mày, (a cô dâu.)

Hát :

(A mà) bà băm (kia còn sao) bà (a) xé (a a à, a ới a, ới ới a, a hà mà đề có) bà băm mặt (ối a thôi mà) mặt mày ; (a mà) phen này (kia còn sao) bà (a) quyết ra (ối a thôi mà ra tay.

Vừa vỉa vừa hát, vừa múa vừa đánh, khi ngơi tay ra thì Minh-Châu đã chết rồi.

Phùng-mẫu gọi mãi không thấy thưa, sợ thét lối :

Ối thôi đoạn thôi đoạn, sao chết ngay chết ngay ; mẹ chồng vừa mới đánh ngơi tay, con dâu đã nằm quay thẳng cẳng ; ới trời ơi là trời !

Nói lối ngoài :

Thôi nó đã chết rồi, thì mình phải chôn vậy, chẳng thấy hơi động-đậy, mà cũng không ngo-ngoe, người đã rạc thân tre, mạng khác gì cỏ rác, ở Xược ơi, mày hộ tao mày vác, tao hãy cho mày tiền, mày chớ nói huyên-thiên, kẻo mà tao tử-địa, a Xược.

Thằng Xược chạy ra thét lối :

Ối chao ! bà già đã hai thứ tóc, bà đánh chết một cô dâu, muốn tôi chôn tại vườn sau, bà phải đưa mau tiền trước.

Hát dịp đuổi :

Khéo mẹ chồng đâu, đánh dâu con chết, nhà bà cay nghiệt, muốn tôi giấu biệt, trước hết đưa tiền, tinh tinh tinh tiền, quá lớn nọ tiền đây (*1 dịp*). Bà phải đưa ngay, trao tay cậu Xược, có tiền là được, hay đưa tôi trước, lôi ngược ra vườn, tinh tinh tinh vườn qua lớn nọ vườn sau.

Phùng-mẫu nói lối tiếp :

Cái đó được được, song phải mau mau, để mụ đưa tiền sau, mà mày hãy chôn trước.

Cùng khênh xác Minh-Châu ra vườn chôn (các hạ) :

Phùng-Xuân ra về đứng vỉa bồng-mạc sa-mạc

Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân-vân, nay anh học gần, mai anh học xa, vườn hồng cách nẻo non hoa, bóng trăng tà, bông hoa nở, nay lần lần, mai lữa lữa, lần lần, lữa lữa, nhớ cảnh nhà buồn sao. (*sa-mạc*) Nước non xa mấy buồng đào, tơ đồng ngón trúc xiết bao là tình, con oanh réo-rắt trên ngành, như khêu giục khách hữu-tình thăm quê.

Ngâm thơ tứ-tuyệt :

Nhớ quê chàng những dạo thăm quê,
Miệng nói về ra dạ đã về ;
Chậm một giấc xuân xuân cũng chậm,
Nửa ngàn mây nước nửa buồn tê.

Về đến nhà Phùng-mẫu ra đón hỏi nói lối :

A Phùng Xuân, con mẹ đã về đó, thôi Minh-Châu, vợ mày nó chết rồi, bởi vì bị cảm gió trời, nay đã chôn vào cõi đất, a con.

Ngâm :

Đoái trông nghèo ngặt cảnh nhà,
Nợ dày chân tóc nghĩ mà thương dâu.

Khóc :

Ở, nàng dâu ơi ! là nàng dâu ơi !

Phùng Xuân nói lối tiếp :

Sực nghe như sét đánh ngang đầu, chợt tưởng vội mưa giàn giội mặt, ôi vợ tôi về cái đất, thì tôi phải khóc thằng

trời ; thế sao mẹ chẳng tìm tôi, mà vội đem chôn ngay hẳn ? (*tán*) Vậy thì mả hẳn đâu, a mẹ ?

Phùng-mẫu ngâm :

Mẹ đem mai-táng vườn sau,
Con đi học vắng biết đâu mà tìm.

Ca hành-vân :

Tựa văn-phòng, tựa văn-phong, nỗi mẹ mẹ chờ mang, đàng non nước gang thước xa trông, xiết bao mờ-mịt, vì con xót thương nàng dâu, số-phận bùn đen, bỗng trước đèn bị luồng gió thổi, trời kia định, đặng làm sao, ruột như bào, vò tơ trăm đoạn, vội tìm sao tìm sao, đành mai táng, tại sau vườn, đắp phủ mồ tròn, đợi chờ con chờ con, khúc ruột buồn, trông mong náo nôn, những là chua xót, mẹ chồng thương nỗi dâu con.

Phùng Xuân nói :

Dạ thưa mẹ, vậy thì mồ nàng đâu ? để con ra con viếng.

Phùng mẫn nói lối :

Thôi thôi, liệu khóc vài ba tiếng, chớ tuôn vạn ngàn sầu ; mồ kia chôn ở vườn sau, chốn ấy có vài vậng đất, đó con. (*Phùng Xuân hạ*).

Đêm Phùng Xuân ra mồ vợ khóc, vỉa bồng-mạc :

Này ới ai ơi, (hừ hừ), vì ai nên nỗi âu-sầu, mới ngày xe duyên tơ đỏ, mà nay vẽ vằng đất vất vằng cỏ, luống thương mầu xuân-xanh. — *sa-mạc* : Trước vườn dìu-dặt chim oanh, con tằm dù thác bối tình vương tơ ; giọt châu lã-chã đầm mưa, quặn đau khúc ruột ngẩn-ngơ tâm-thần, buồng đào cài khóa then xuân, hay đâu phận bạc cách ngần non xanh.

Hát vãn :

Cài khóa ới mà then xuân, ới em ơi, buồng đào (y y y tình bằng) cài khóa (y y) cài khóa then xuân, (y y y tình bằng) hay đâu phận bạc (y y y ấy mấy) cách ngần (y) cách ngần non xanh, song chịu bạc với tình, ới em ơi !

Hồn Minh-Châu hiện lên than khóc :

Ớ phu-quân ơi ! ai như tiếng phu-quân gọi thiếp ? Có hay chăng đoạn kiếp oan hồn ; xưa trót lời thề hẹn nước non, nên đến nỗi hao mòn vì duyên nợ ; bởi mẹ già một lầm hai lỡ, để đôi mình muôn nhớ nghìn thương ; dù thân em thác xuống suối vàng, mà hồn vẫn bàng-hoàng nơi cỏ biếc, ới phu-quân ơi !

Ngâm sầu :

Ới phu-quân ơi !
Dẫu rằng khuất đất xa trời,
Hoa đào dù nát hồn mai chưa lìa,
Nước non trót nặng lời thề,
Dù thay kiếp khác vẫn xe tơ này.

Hát vãn :

Trót nặng (ới mà) lời thề, ới anh ơi nước non (y y y tình bằng) trót nặng, (y y) trót nặng lời thề, (y y y tình bằng) dù thay kiếp khác (y y y ấy mấy) vẫn xe (y) vẫn xe tơ này, song vả tiếng một ngày, ới anh ơi.

Phùng-Xuân nói lối :

À sao lạ, lạ làm vậy ; dễ oan-hồn, hồn lại hiện ; kíp mau mau đến, kẻo rồi rồi xa ; tiếng học-trò nhất quỉ nhì ma, chi mình sợ thiên tà bách quái — *Tán*. Ư ta thử đến tận nơi xem nào.

Đến cầm tay than khóc :

Ới nàng ơi ! một ngày là ngãi, cuộc trăm năm sao vội dở-dang ; nửa bước [illegible]a đàng, mồ ba thước nghĩ càng thảm [illegible]ót. Khéo ngày trời thánh-thót, kiếp [illegible]hù-sinh bỗng phút như không ; nọ trái [illegible]ất xoay vòng, cõi trần-mộng sao mà [illegible]hợt tỉnh. Này trăng tà sương lạnh ; kia [illegible] rụng hoa bay. Nói rồi tay lại cầm tay, than hỏi mặt đà trông mặt.

Hồn Minh-Châu ngâm :

(Hừ hừ), vì đâu duyên kiếp giở xoay người về suối nước hồn bay cõi trần.

Ca vọng-phu :

Ới iêng ơi, iêng lắng nghe đây, để thiếp than rằng : Hồn còn lần gió pha trăng, gió reo trăng lững buồn chăng chăng hỡi buồn ! em còn tủi phấn e son, iêng hỡi hời hơi, iêng hỡi hời hơi, tủi lắm iêng chường ơi ! — Phụ tình phàng, vì duyên chi hỡi, ới chàng chàng ơi, ới chàng chàng ơi, chi mà tủi lắm chàng, chi mà cực mà cực lắm chàng, xin iêng lắng lắng nghe đây, iêng hỡi hời hơi, iêng lắng nghe đây, iêng hỡi hời hơi, iêng hỡi hời hơi, cực lắm iêng chàng ơi ! — Chàng hay đó chăng nhẽ, biển non thề, biển hẹn non thề, chàng bỏ đi xa, ơi chàng chàng ơi ! Đêm năm canh bóng lụi dầu hao, thiếp vì nợ xanh-xao, chàng tới nơi nao, còn vướng nợ duyên, ới chàng chàng ơi ! — Xiết dường bao, làm sao iêng hỡi, kìa mẹ già dữ dội đánh cam, ới chàng chàng ơi. Iêng ngồi xuống đây, để vin tay em nhắn nay oan-hồn còn vơ-vẩn chưa tan, ới chàng chàng ơi, ới chàng chàng ơi, chi mà tủi lắm chàng chi mà cực mà cực lắm chàng, thôi iêng lắng lắng nghe đây, iêng hỡi hời hơi, iêng hỡi hời hơi, thảm lắm iêng chàng ơi !

Phùng Xuân ca nam-thương :

Thương ai ngồi đợi đêm trời, đêm trời sương lạnh, kìa mảnh trăng treo, ruồi ngọn gió hiu, ngồi tựa áng mồ rêu, vì nàng duyên nợ deo-neo, xui thêm gợi sầu khêu, đớn đau chiều trăm chiều, anh nay còn chút mẹ già, sao mà dám phụ, tóc bạc pha sương, tuổi muộn như hoa, lo toan lo toan việc nhà, nỗi đàng xa, bước chân ra, mẹ khi già, ngại vì ta, nợ duyên sao mà, nay sao mà hỏng mà lỡ sự, thêm xót nỗi thiết-tha, phen này đành lẽ xuất-gia, thay ra bộ cà-sa, gởi thân chiến-giả.

Nói lối :

A này, nghe như lời nàng nói, oan kia bởi mẹ già ; phận làm con khôn lẽ sao mà, theo đạo Phật âu là tu trót ; cắt tóc lên chùa lễ bụt, vì duyên gỡ tội kiếp ma ; về cáo tạ mẹ già, quyết ơn nhờ Phật-tổ, — *Tán* : Thôi bây giờ đã trót xẩy ra như vậy, tôi về quyết lên chùa Phổ-minh tôi tu-hành, để cho hồn được siêu-sinh tĩnh-độ, a nàng.

(*hạ-màn*)

CẢNH THỨ NĂM

Nhà giàu

Lê phú-ông ra nói lối :

Tôi phú-ông vốn dòng Lê-thị, nhà chân quê ở huyện Quế-dương ; nhà tôi giàu sẵn bạc nhiều vàng, của thật lắm dư tiền mục thóc ; đó mà tôi hay làm phúc, bắc cầu, dựng quán, tô tượng, đúc chuông ; cũng khi ngày rỗi ngồi suông, bức họa, câu thơ, nước cờ, chén rượu. À à, ông trời xanh chiều mình cũng khéo, bà tóc bạc kết bạn chưa già ; một gái coi đáng vẻ Hằng-nga, trăm nết qui gọi tên Ái-Nguyệt. Vậy lão có câu thơ tức-cảnh rằng :

Ngâm thơ tứ-tuyệt liên-chi :

Ông cụ trời sao cũng khéo a !
Giúp riêng cho lão một bà già ;
Làm nên giàu có dư tiền thóc,
Nhất vợ nhì trời lão thứ ba.

Nhất vợ nhì trời lão thứ ba,
Sinh ra một gái vẻ Hằng-nga ;
Gọi tên Ái-Nguyệt vừa đôi tám,
Cha mẹ còn nâng trứng hứng hoa.

Gọi :

Nào bà phú-hộ đâu, ra cho lão hỏi, a bà.

Bà phú-hộ ra ngồi vỉa bồng-mạc :

(Hừ hừ), nghiệp nhà đắp nấm vun hoa, tuổi đã già, da cổn giẻo, dan-dan díu-díu, một gái chương-đài tơ-liễu,

khéo mặn-mà vì xuân. — *Sa-mạc* : Trăng trong chưa chút bụi trần, má hồng đượm vẻ in ngần tóc sương.

Phủ-ông nói lối :

A này bà, trời cho mình giàu của, nhà chỉ nỗi hiếm con, Ái-Nguyệt nay đang tuổi trăng tròn, vườn xuân đó hãy còn xuân đượm, a bà gọi con ra hỏi ướm, xem nó đã muốn lấy chồng chưa, có chỗ nào liệu vừa, âu thì nên gả quách, a bà.

Ngâm :

Nuôi con phải biết tình con,
Kịp khi xuân sớm trăng tròn xe tơ.
Kẻo còn tuyết đợi sương chờ,
Sớm chiều luống tưởng mây mưa non Thần.

Bà phủ-hộ nói lối :

A, nghe như lời ông nói, xiết nỗi vì con toan, mau giục con tiểu-hoàn, đi gọi cô Ái-Nguyệt, a mày.

Ngâm :

Con nay vừa chợt tuổi xuân,
Cũng nên chỉ Tấn tơ Tần sánh-so.
Xanh xanh chút phận liễu-bồ,
Chiều xuân sẽ liệu đắn-đo xem chừng.

Tiểu-hoàn vào gọi Ái-Nguyệt :

Ái Nguyệt ra nói lối :

Tôi Ái-Nguyệt tuổi vừa đôi tám, ơn mẹ cha nhà có năm ba, vâng lời tới trước thềm hoa, ngửa mặt xem lồng gương sáng. — *Tán* : Dạ thưa cha mẹ con đã ra hầu.

Ngâm :

Cảnh nhà nô-nức vui-mừng,
Đôi lồng tóc bạc một vầng gương loan.

Ca từ-đại-cảnh :

Cảnh thanh-nhàn, lòng tôi mến, khi vui chuyện, vui chuyện một vài, mẹ cha già đầu bạc mai hoa mai, trước gương lồng, so-sánh tầy vai, so-sánh hòa hai ; con may đặng, con may đặng, nương tựa cõi vườn mai, má hồng đặng nhờ phận ai khúc ai, chưa gieo cầu, còn đợi chờ lâu, còn ngần-ngại trước sau ; nương dưới lầu, nương dưới lầu, mong kén chọn kia vàng thau, coi hình rạng nào mảng đâu chi đâu, cho ví dầu, đợi nguyệt năm trời thâu, cũng chưa đặng là lâu ; này này con, nay tới đó, mẹ cha mẹ cha cùng già, khéo chi mà, cho thêm bận lòng hoa, cùng mong mỗi vì hoa ; tình tình kia, thêm càng mến, may thay may thay thế mà, cánh hoa cánh hoa còn đợi, chờ đợi chờ đợi hoa vin hoa, xe giây, xe giây cùng là, trăm năm chọn kén người làm bạn, trăm năm chọn kén người làm bạn.

Bà phủ-hộ nói lối :

A này con, nay cha mới bàn cùng mẹ, hỏi con có muốn lấy chồng ; đặng rồi trao thắm xe hồng, thôi chớ thẹn hường e lục, a con. — *Tán* : Thế nào mày có muốn lấy chồng, cứ nói toạc móng heo, cho cha mẹ biết, chớ can chi mà thẹn.

Ngâm :

Chớ con tôi hễ nói lấy chồng,
Nghe ra thẹn lục e hồng lắm sao.

Phủ ông nói lối :

A này con, việc xe tơ kết tóc, chi thẹn phấn e son, à à, sẽ liệu người đính hẹn nước non, để con đặng chỉ thề núi bể, a con.

Ngâm :

Sá chi thẹn liễu e đào,
Tìm nơi xứng-đáng sẽ trao dịp cầu.

Ái-nguyệt nghe chưa kịp trả lời, liền ôm bụng ôm đầu kêu, thét lối :

Ới cha mẹ ơi, sao khúc ruột quặn đau, bỗng ô đầu rức rối ; ào-ào cơn gió thổi, vẳng-vẳng thần-hồn bay ; hơi đồng lạnh ngắt chân tay, than rạ-rạc gầy phần xác, cha mẹ ơi : — *Ngã ngất ra.*

Ông bà phú-hộ vội dậy liền ôm lấy than khóc, thét lỗi :

Ôi đại-ác đại-ác, càng rất ghê rất ghê, hoa thơm bỗng chốc hồn lìa, cỏ lướt vội mà xác rượp, ối con ơi con ! ới trời ơi trời ! chỉ mạng người vội cướp, ghê trận gió độc sao ! a tiểu-hoàn mau thầy thuốc tìm vào, đón thầy cúng với cô đồng tiện thể, mau lên mau lên. — *Tiểu hoàn chạy đi mời.*

Ông phú-hộ ôm lấy xác Ái-Nguyệt hát vãn :

Sao vội (ới mà) lìa hồn,(ới con ơi)hoa thơm (y y y tình bằng) sao vội(y y) sao vội lìa hồn,(y y y tình bằng) vì còn đứt ruột (y y y ấy mấy)vì con (y) vì con đau lòng,(song)đen đủi má hồng,(ới con ơi) !

Bà phú-hộ hát vãn tiếp :

Đen đủi(ới mà) má hồng, ới con ơi , trời xanh (y y y tình bằng)đen đủi (y y) đen đủi má hồng, (y y y tình bằng) để người tóc bạc (y y y ấy mấy)hoa bông (y) hoa bông âu sầu, (song)bông ngả ngành dâu, ới con ơi !

(Cùng xốc mang Ái-Nguyệt vào buồng).

Tiểu-hoàn đi đón được thầy lang vào, thầy lang kênh-kiệu nói lỗi :

Tôi lang Truật thuốc men rất giỏi, gói sâm rơm như bồi thần-phù ; nhất những người phải gió lăn ò, cho một chén chết co thẳng-cẳng ; thầy nói ông bà đừng mắng, cô ta bệnh nặng lắm sao, sẵn tiền xe cho thầy tạm mấy hào, bưng nước chậu để thầy vào xem mạch.

Ông bà chủ biện tiền xe năm hào và gọi lấy thau nước rửa tay, rồi thầy vào ngồi bắt mạch.

Thầy lang ngồi bắt mạch. hát trống-quân, ca hành-vân :

Thầy xem như mạch cô này, hai tay rật đất còn xoay thuốc trời, thuốc thầy thật thánh thật tài, cho vào tử-địa gia nhát ô-mai xong đời.

Ca hành-vân :

Bệnh ơi hỡi, bệnh ơi hỡi, chết thật ông trời ơi ! thầy hay thuốc thủ cuốc cán mai, « tương » mau ra nghĩa-địa, người tuy chết, song mà hay, thuốc nọ thầy xoay, đầy bụng đầy hơi đầy mất thở ; trời kia định, mệnh ai hay, thuốc như vầy, thâm chày một lọ, vỏ gừng cay gừng cay ; dù tiên thánh đặng sao bằng, chỉ cốt thang gừng,nóng rồi sưng rồi sưng,vị thuốc thầy ai hay hay chăng, giá tiền này đắt, chết rồi thầy bước gia-căng.

Ông bà nói :

Thôi nỗi thầy lang thế này cũng hỏng, xin mời thầy ra cho.

Thầy lang nói lỗi :

A ông bà, bệnh cô này rất nguy, thuốc thầy xơi cũng chết, tiền bắt mạch đưa đây « xanh biệt », lệ nhà thương phải biết « a-lê ».

Tiểu-hoàn nói lỗi mắng đuổi :

Nhà mắc bệnh đã mê, thầy đòi tiền gì nữa ; khéo rõ đồ xơi bửa, toàn nói bửa ăn không.

Ngâm :

Việc nhà bệnh rối bòng-bong,
Khéo ông lang Truật xơi không mấy hào.

Thầy lang ngâm :

Sao nhà có bệnh kỳ-cào,
Làm thầy nuôi vợ hẩy chao chác xằng.

(*Hạ*)

Tiểu-hoàn đi đón thầy cúng và cô đồng về Thầy cúng nói lỗi :

Tôi thầy mo nhẵn mặt, thật phù thủy cao chân, (ngoài nói để cao tay chớ lại cao chân thì ra chân giang à?) lá bùa son xuất quỉ nhập thần, thanh kiếm gỗ chém ma đuổi mãnh ; tả thiên thiên

tướng mạnh, hữu vận vạn quân hùng ; chủ sẵn tiền kíp biện súc bạc đồng, thiết thầy lễ gọi ông sừng sỏ sắt.

Cô đồng nói lối tiếp :

Sự sát quỉ cô từng giỏi nhất, nhưng gặp ma cô giật mình luôn, nhất những đêm lập lòe đom đóm, nó đậu góp bay đồn, cứ tưởng là trấp-trới ma trơi, mình hết hồn hủ vía, may nay mình vận tía, gặp nhà chủ cơn đen ; hễ có sẵn đồng tiền, thì cô vào ốp bóng, a thầy cúng.

Thầy cúng nói lối :

Cô ốp bóng, thầy phụ đồng ; bên lệnh bên cồng, tay trống tay mõ ; hễ gươm thầy chơi xỏ, thì linh cô cứ xiên.

Cô đồng nói lối tiếp :

Cô chỉ cốt tiền, thầy đừng nói tảng, kim đang thỉnh thoảng, thiết lập đàn-tràng, a ông bà chủ.

Ông bà chủ xin vâng biện tiền lễ, lập đàn cúng. Cô đồng ngồi hát chầu văn :

Nét son phấn nương nhờ cửa mẹ, văn tôi chầu chư vị cô bông cô ; khéo xanh xanh chút phận liễu-bồ, chốn lâu-đài thưởng nguyệt khắp sơn hồ cô vin hoa ; ruồi gió mát xông-pha trăng bạc, trải ngàn hoa bể nước cô đua chơi ; khi cửa trời được mệnh khâm-sai, bóng cô là cô lại thác làm người non lại đào non.

Thầy cúng ngồi đọc bài sai, gọi hồn :

Hồn hề qui lai, hồn hỡi ơi hồn, hồn hỡi ơi hồn, qui lai hồn hỡi ơi hồn, nỡ nào phụ kiếp đào non liễu mềm ; dù hồn phảng-phất áo xiêm, khi hôm bể bạc khi đêm rừng hồng ; nghe thầy gọi tỉnh con đồng, hồi chuông khua động giấc mông cơn mê ; ngành dương vẩy giọt nước huê, gió lay ngọn phướn hồn về như bay ; dù hồn mảng cuộc mơ say, hoàn sinh cải-tử tay thầy rất cao.

Khi thầy cúng đang đọc bài sai, hồn Minh-Châu hiện ra nói ngoài nói lối :

Ủa này, tôi là hồn Minh Châu thuở nọ, vợ Phùng-Xuân ngày xưa ; với chàng xe buộc giây tơ, vì mẹ xa lìa sợi tóc ; nhân chàng khi đi học, lỡ mẹ đánh đem chôn ; bởi nhà nghèo công nợ náo nôn, nên dâu mới oan hồn chịu thác ; chàng tự đó xót mình phận bạc, quyết đi tu xa gác bụi hồng, à à, chừ may sao có cô Ái-Nguyệt, con gái phú-ông, xác kia vừa mới thác xong, hồn nọ quyết vào ta gửi ; từ đây thay kiếp mới, rồi thăm hỏi chồng xưa, sẵn nhà giàu lập-nghiệp sinh-cơ, vì chồng khó đền công gỡ nợ, đó sao.

Ngâm :

Cuộc đời ma quỉ xôn-xao,
Tiện nơi mượn liễu thay đào thử xem.

Thét lối :

Xác Ái-Nguyệt còn kia, hồn Minh-Châu biến đổi. — (*Biến vào, hạ*).

Thầy cúng nói lối :

À này ông bà, thầy gọi hồn về với xác, ma hiện lên người ; nhưng khi qui thét lời, ắt thì thầy chạy trước

Cô đồng nói lối tiếp :

À ông bà liệu cho cơm nước, để thầy cô ra trước đèn nhang, kẻo khi qui nhập trâng, nữa mà người mửa mật, a chủ.

Vừa nói thì Ái-Nguyệt sống lại, đuổi thầy cúng và cô đồng, cầm cánh hoa phất rối-rít, thầy cúng và cô đồng chạy tán-lạc, vứt cả mõ trống thanh-la, ông bà phú-hộ thì mừng quá, chạy ôm kéo lấy con hỏi.

Ông phú-hộ thét lối :

A Ái-Nguyệt Ái-Nguyệt, rõ con nhà con nhà, sao con đã thác kia mà, bỗng chốc nay đã sống lại ?

Bà phú-hộ thét lối tiếp :

A phúc nhà to đại, nên con lại hoàn-sinh, phép thầy cúng cũng linh, bông

cô đồng cũng giỏi. — *Hồn Minh Châu, xác Ái-Nguyệt còn ngơ-ngẩn chưa nói.*

Ông phù-hộ nói lối tiếp :

Nhưng hỏi sao con mình không nói, hay là hồn ma đòi nhập vào? hãy đem vào chốn buồng đào, sẽ liệu tìm thầy lang thuốc.

Bà phù-hộ nói lối tiếp :

Vừa xuýt chết tại ông thầy thuốc, lại còn toan mời tụi ma men, để dần con nó tỉnh lên, chẳng đón thầy bà nào nữa,

Tiểu-hoàn ra thấy Ái Nguyệt sống lại, mừng vơ quơ lấy hát pha dịp một dịp đuổi và trống-quân :

Dịp một : A cô sống rồi, rõ tôi mừng quá, ông thầy thổ-tả, bà cốt chết hoang, bảo quỉ nhập tràng, sợ ma bằng chết — *Dịp đuổi* : chạy mê chạy mết, chạy bằng chi chết, tôi xem tôi biết, cô thật hồn người, tình tình tình người qua lới nọ người ma (*1 dịp*). Cô chết ra ma, cả nhà cùng khóc, khóc lăn khóc lóc, bỗng chốc giờ công, tình tình tình công, qua lới nọ công cua (*2 dịp*). —*Trống-quân* : Cậy thầy phù-thủy làm bùa, thầy lại nô đùa bà cốt lẳng-lơ ; phất phơ nào kiếm nào cờ, người chết c ông gờ ngồi ngỏm lại ngay ; thần hồn dù dại dù ngây, cỗi phúc còn giầy nhờ mẹ cùng cha, đón cô vào nghỉ trong nhà, kẻo mẹ cha già thêm bận lòng lo.

Ái-Nguyệt nói :

Tôi là Minh-Châu kia mà, nay tên tôi là Châu-Nguyệt, đây có gần chùa Phổ-minh, để tôi tìm chồng cũ tôi là Phùng Xuân ở đó.

Tiểu-hoàn nói :

Quái cô nói mê-mẩn làm sao ? hay hồn hề nào đấy ?

Ông bà phù-hộ nói :

Thôi con hãy vào nghỉ, rồi mai sẽ lên chùa Phổ-minh.

Cùng dắt-díu vào (Hạ màn).

CẢNH THỨ SÁU

Chùa và đường đi

Sư cụ Huyền-Giác ở chùa Phổ-minh ra nói lối

Tôi pháp-danh Huyền-Giác, vốn ở chùa Phổ-minh, sớm ngày cúng quả tụng kinh, chiều tối dâng hoa lễ phật. — *Tản* : A nào tiểu Sa-di, bạch sư bác Phùng Xuân ra tụng kinh niệm phật đây, a tiểu.

Tiểu Sa-di ra hát pha, vỉa, bồng-mạc, nồi niêu, tứ-đại-cảnh, dịp đuổi, năm giọng :

Vỉa : Tên tôi là tiểu Sà-di, bởi vì trái kiếp tôi phải đi ở chùa. — *Bồng-mạc* ; (Hừ hừ), nay tôi niệm phật na-mô, kìa kìa như ông sư cụ, đầu trọc long-lóc, đầu trịu thủi lụi, râu ria râu ria nhẵn nhụi mấy dễ tu được nào. — *Nồi niêu* : chắp hai tay (tình bằng) tôi vái lạy ông Thiên-tào ; (*Lấy 3*) thiên-tào thiên-tào, chắp hai tay tình bằng tôi vái lạy ông Thiên-tào. — *Tứ-đại-cảnh* : Cung keng cung, keng tiêu cúng, lóc cóc lóc, cóc mõ đào, mấy tay nào tôi điểm trống khua chuông (các điệu gõ tiêu cúng mõ trống chuông), trứng tôm trứng, trứng tôm trưng, tôm trứng tôm trứng, củng củng củng, tùng boong, tôi niệm na-mô a-di-đà-phật, tôi niệm na-mô a-di-đà-phật, tôi niệm na-mô a-di-đà-phật. — *Dịp đuổi* : Tôi ngồi ngủ gật, oản chiêm chè mật, ai thì xơi mất, tôi giật mình mình, tình tình tình mình quả lới nọ mình ăn.

Nói :

Bạch sư bác, sư cụ bảo mời sư bác ra niệm phật.

Sư bác Phùng Xuân ra nói lối :

Tôi Phùng Xuân thủa xưa, lấy Minh-Châu làm vợ, vì mình trót mang công mắc nợ, để nàng đà trở lỡ thác oan, đành giấn thân về cửa tam-quan, nương bóng Phật tụng kinh bách giải.

Ngâm thơ bát cú :

Cuộc trần chen-chóc nửa ra ma,
Độ kiếp phù-sinh học Thích-ca ;
Trải lớp mây mưa giàng nụ hạt,
Chen vòng cát bụi xốc cà-sa ;
Buồn pha bể khổ lơ-phơ gió,
Gươm cắt chồi oan lác-đác hoa ;
Duyên nợ ba sinh bao rũ sạch,
Hồn chuông khua tỉnh giấc nam-kha.

Cùng vào ngồi với sư cụ niệm kinh lễ Phật :

Sư cụ Huyền-Giác niệm:

Na-mô cứu khổ cứu nạn, quan thế âm bồ tát, ma ha tát, úm ma ha tát.

Phục dĩ : mây lành bát-ngát, rủ sa bóng mát rợp nguồn đào;mưa ngọt dồi-dào, xô đuổi ngọn trào về nước Trúc. Phật trồng cỗi phúc, cây cồ-đàm nẩy mọc chồi hoa ; bụt ngự trên tòa, sen tịch-thượng riềm rà lá ngọc. Liếc gươm tuệ phá thành sâu mấy khúc ; bật đuốc hồng soi đàng tối muôn thu, na-mô cứu khổ cứu nạn, giải phiền oan, quan thế âm bồ tát.

Phùng Xuân đọc tiếp :

Na-mô đại bồ tát, ma ha tát, úm ma sa hạ tát, kim thần pháp-sư, phụng trì phật-pháp tu-hành hương hoa thỉnh, sở hữu chân ngôn, cần đương trì tụng.

Thiết dĩ : Trăng cài cửa động ; hoa nở đầu non, cỗi bồ-đề bia đá hao mòn : nước Thiên-trúc chuông đồng lẳng-bẳng. Gương trời thấp-thoáng, cuộc trần biến đổi trên bãi dâu ; quả đất lần thần, người đẹp pha-phôi trong vầng cỏ. Nhờ ơn cứu khổ, vẩy nước rửa oan, na-mô a di đà phật.

Khi Phùng Xuân đương tụng niệm Châu-Nguyệt ra nói lối ngoài :

Tôi vốn hồn Minh-Châu đã chết, mượn xác nàng Ái-Nguyệt hồi-sinh, à à nay tới chùa Phổ-minh, quyết vào thăm chồng cũ ; sư bác Phùng Xuân tu ở đó, vợ cũ Minh-Châu còn nhớ chăng? Mình cứ đến nhận chẳng, sư ắt là phải chịu.

Ngâm :

Trăm năm phần xác người ta,
Ai không đội lốt hồn ma làm người,
Tiện đây ướm hỏi người đời,
Xác mình thử ngẫm hồn người hay ma.

Nói :

Người ta ai cũng mình cơm xác thịt, mà phần hồn là hồn ma cả đấy, chẳng mình tôi.

Chạy sấn vào vơ tay sư bác Phùng Xuân,thét lối :

Bạch sư cụ, chào sư bác, xin sư bác quyền vàng kia hãy gác, với thiếp xưa lời đá tạc nào phai ; tôi Minh-Châu đã lộn kiếp người, thôi sư bác đừng vui đạo Phật, a cậu sư bác.

Ngâm :

Em nay hồn vía Minh-Châu,
Gửi thân Ái-Nguyệt nối cầu sông Ngân.
Chồng em sư bác Phùng Xuân.
Thôi thì phá-giới chi cần ăn chay.

Phùng Xuân đẩy tay ra nói lối :

Ối lạ sao lạ sao, đâu lẽ thế lẽ thế ; nàng Minh Châu xưa cùng ước thệ,song nay đã khuất suối vàng. cô Ái-Nguyệt đâu dám vơ quàng, bỗng đến buộc giàng tơ đỏ, hay thấy sư hay thẹn hổ, mà nay cô trở nhận liều, mô phật, sư bác tôi không dám.

Ngâm :

Nâu sồng tự bén mùi chay,
Dám còn tư-tưởng mưa mây non Thần.
Ngỏ lời cảm tạ giai-nhân,
Xin đừng mưa Sở mây Tần gợi trêu.

Châu-Nguyệt nói :

Không tôi hồn Minh-Châu thật đây mà,giờ tôi đội xác Ái-Nguyệt, thời tôi là Châu-Nguyệt, tôi thật là Châu-Nguyệt.

thật là vợ sư bác, xin sư bác đừng từ chối nữa tội nghiệp, a cậu sư bác.

Ngâm :

Trót xưa bén sợi tơ điều,
Thời xin tiếng mõ tiếng tiu sư hãy dừng.

Phùng Xuân nói :

Sự đó thì tôi cũng lấy làm lạ quá, để tôi trình sư cụ xem sao đã.

Ngâm :

Nhác nghe nửa sợ nửa mừng,
Sẽ trình sư cụ xem chừng ra sao.

Sư cụ Huyền-Giác nói lối nhà chùa :

Mô phật, kiếp hoa-nghiêm đã tỏ, cơ tạo-hóa nào hay ; vòng pháp-luân đức phật giở xoay, cõi trần-thế hồn ma lẫn lộn ; nay nàng đã hết công tìm đón, thì sư nên giã cảnh ra về ; bấy lâu nương cỗi bồ-đề, sao bằng vin ngành tơ liễu, mô-phật.

Tiểu Sa-di nói lối tiếp :

Mô-phật, a sư bác nghe sư già đã hiểu, bỏ trụ-trì sau chú tiểu cũng theo, mô-phật, khéo rầy tai tiếng mõ tiếng tiu, cũng liều phá giới, gì bằng sự duyên kim phận cải, đính lại lời nguyền, mô-phật. — *Tán*: Xin sư bác hãy nên giã cảnh mà về với bác gái, rồi tiểu tôi xem có món nào, tiểu cũng phá giới nốt, mô-phật.

Khi sư tiểu đang bàn sắp xong, thì ông bà phú-hộ cùng Tiểu-hoàn chạy đi tìm Ái-Nguyệt đến ngoài.

Phú-ông thét lối :

Ơi Tiểu-hoàn mi hỡi, nào Ái-Nguyệt đi mô ; nhanh con thỏ vào chùa, để bắt chim sư bác.

Bà phú-hộ nói lối tiếp :

Xem ra tình ý khác, hay để hồn hề nào, nhận chồng sư bác lạ sao, chẳng gái nhà nào như thế.

Tiểu-hoàn nói lối tiếp :

Tôi thấy cô tôi chạy rẽ, bảo tìm sư bác bắt chim ; xin hãy vào chùa xem, hay để mê Phật chắc.

(*Cùng vào*)

Phú-ông vơ lấy con ca hành-vân :

Hỡi con hỡi, hỡi con hỡi, chi mượn cảnh chùa chơi, lông chim cá toan phá giới ai, khéo sao mà tội-nghiệp, lòng cha xiết, thương vì con, khúc dạ chồn-nôn, hồn hoảng hồn biết hồn ai đặng.

Bà phú-hộ ca tiếp hành-vân :

Chừ con mẹ, định làm sao, thiệt ma nào, nhận chồng sư nọ, lạ làm sao làm sao !

Tiểu-hoàn ca tiếp hành-vân :

Chừ sao tá, lạ mê hồn, phát dại đâm buồn, tới chiền-môn chiền môn, ả Thị-Mầu khi xưa bồng con, oan bà Tiểu-Kính, nghìn đời hồ bạn phấn son.

Nói lối :

A này cô, nào biết hồn - hề nào, trách sao cô chẳng rõ ; kìa như ả Thị-Mầu thuở nọ, làm oan bà Tiểu-Kính ngày xưa ; miệng bia còn để đến giờ, vết đá biết bao rửa sạch,a cô.

Châu-Nguyệt nói lối tiếp Tiểu-hoàn :

A Tiểu - hoàn dựa vách, hay đâu nỗi sự nhà ; ta không phải hồn ma, có đâu mà danh-mãnh, mi chớ ví Thị-Mầu oan bà Tiểu-Kính, ta đây xác Ái-Nguyệt nhưng hồn Minh-Châu, với sư bác từ trước gieo cầu, gặp chồng cũ lại tìm về nối dịp, đó sao.

Ngâm :

Duyên xưa dứt sợi tơ-đào,
Giờ xoay kiếp khác lại trao dịp cầu.
Có đâu như ả Thị-Mầu,
Oan bà Tiểu-Kính để sau bia cười.

Nói lối thưa với cha mẹ :

Dạ dám thưa,con phần xác Ái-Nguyệt, thực là con cha mẹ, nhưng phần hồn Minh-châu, đã đính nghĩa vợ chồng

vậy xin kết nhận họ Phùng, và nhận là con quan phủ, dạ thưa cha mẹ.

Ngâm :

Nếu cha mẹ có tin lời,
Xin làm con tất cả hai ba nhà.
Khuyên chàng giã cảnh chiền già,
Trở về sửa chốn vườn hoa loan-phòng.

Sư cụ Huyền-Giác nói lối nhà chùa :

Mô phật, bạch cụ ông cụ bà, đây cửa trời cửa Phật ; cơ chuyển vần trời đất, cuộc biến-đổi tang-thương ; sự thay hình đổi xác khôn lường, lẽ trút lốt lìa hồn vẫn có ; giờ cô em tới đó, nhận sư bác là chồng, chi bằng ông bà cho kết sợi tơ-hồng, để con rể may được nhờ vận tía, chẳng hay lắm ư, mô phật.

Sư bác Phùng Xuân nói sử :

Dạ dám thưa, trước tôi cùng Minh-Châu kết-nghĩa, phút bỗng mà khuất bề xa non, nay chợt nghe Ái-Nguyệt nhận hồn, đâu dám tiện tơ luồn chỉ nối.

Châu-Nguyệt nói sử :

Dạ dám trình cha mẹ, cho trọn nghĩa vợ chồng, sau tạc ghi bia đá chuông đồng, dám phai lạt lòng son dạ sắt.

Phú-ông nói lối :

Nếu sự kia mà thật, xin sư bác ưng lời, nên cáo tạ bụt trời, về chỉ thề núi bể.

Ngâm :

Mẹ cha đành nhận con chung,
Hãy xin sư bác ưng lòng rể con.

Bà phú-hộ ngâm tiếp :

Con trời con bụt là con,
Được sư làm rể lại còn phúc to.

Sư bác Phùng Xuân nói lối :

Con trót đã ở chùa, mà giờ ra phá giới ; song ông bà thương tới, chào sư cụ trở về. — *Tán :* Vậy xin mời cả ông bà về nhà con, để con mời ông bà Trần Phủ-doãn sang, vợ chồng con xin nhận cả bốn ông bà làm cha mẹ, đó sao, vậy con xin vào thay khăn áo, bỏ mũ hoa sen áo cà-sa đi, kẻo họ cười chết, (*trở vào thay bộ.*)

Ra cùng hát đường-trường vẽ :

Mũ cánh sen (ai ôi) đổi quấn khăn vàng, áo cà-sa (có bên) thay kết tơ-hồng kết tơ-hồng cho săn ; khéo sao (kia) cơ tạo xoay vần, non tiên (có bên) cách nẻo hồng-trần nẻo hồng-trần bao xa, trên cuộc đời (kia) quá nửa hồn ma, thay hình (có bên) đổi lối có dễ mà có dễ mà ai hay, dặm đường-trường cách trở mưa mây, vợ chồng (có bên) cha mẹ mấy gian tay cùng về, nước non xưa đã trót nặng lời thề.

(Ông bà phú-hộ, vợ chồng Phùng Xuân, sư cụ đều hạ).

Tiểu Sa-di níu lấy Tiểu-hoàn lại trêu giẹo nói :

A này cô Tiểu-hoàn, bây giờ cô Ái-Nguyệt đã lôi mất sư bác chùa tôi rồi còn cô lại toan lôi nốt tiểu chăng? có về làm chi vội, ta hãy hát trống-quân chơi lúc nào.

Hát trống-quân :

Chùa nhà có một ông sư, không kiêng của mặn mấy không từ oản chiêm ; chân tu sư giốc một niềm, gặp cô con gái bắt chim về nhà ; na-mô lạy đức Phật-bà, mong nhờ Phật-tổ sư đà sớm con ; xây nên quả phúc cho tròn, chuông đồng bia đá hẳn còn lâu bền lâu.

Tiểu-hoàn hát tiếp trống quân :

Hỡi ơi chú tiểu trọc đầu, em đây mới thật Thị-Mầu thuở xưa ; sư còn mảng sự mây mưa, hay tôi với chú thử bơ-xờ trăng-hoa ; na-mô lạy Phật Di đà, tôi đây cũng thật hồn ma xác người ; còn non còn nước còn trời, còn nơi đất bụt còn người động-tiên.

Chú tiểu Sa-di xấu hổ chạy.

(*Hết*)

NGUYỄN TRÚC-KHIÊM

TẤM GƯƠNG TÌNH

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

Tiêu-hậu tiến-định án

Nhà Liêu đời Hưng-tôn, bà Ý-đức hoàng-hậu họ Tiêu, nguyên là con gái út chức Nam-viện khu-mật-sứ Tiêu Huệ. Người mẹ là Gia-Luật-thị, khi hoài-thai Tiêu-hậu, sắp-sửa đến kỳ sinh, có chiêm bao thấy mặt trăng rơi xuống bụng, rồi lại bay lên phương đông, bóng sáng chói dọi, không thể ngửa mặt trông lên được ; mặt trăng dần dần lên đến giữa trời, chợt bị một đám mây đen hiện ra hình con thiên-cẩu nuốt mất, liền tối mịt đi. Người mẹ kinh tỉnh thức dậy, liền sinh ra Tiêu-hậu. Lúc ấy là niên-hiệu Trùng-hi thứ chín, mồng năm tháng năm ngày kỷ-vị. Người mẹ đem mộng-triệu ấy bảo với Tiêu Huệ. Tiêu Huệ nói rằng : « Con bé này ngày sau tất đại-quí, nhưng chẳng được toàn hưởng phúc cho thủy-chung, vả lại ngày mồng năm sinh con gái, cổ nhân thường lấy làm kiêng-kị. Song le mệnh trời đã định, còn toan lại làm thế nào ».

Tiêu-hậu sinh ra, thông-tuệ khác người, lúc bé đã biết đọc kinh *Thi*, lại hiểu được cả chư-kinh chư-sử. Kịp lớn lên, dung-mạo đoan-trang mĩ-lệ. Con gái họ Tiêu vốn có tiếng là đẹp, nhưng Tiêu-hậu lại là phần đẹp hơn, mà tính-hạnh lại hiền-thục, người ta đều gọi là bà Phật Quan-âm. Cha mẹ nhân thế mới đặt tiểu-tự cho là Quan-âm. Tiêu-hậu tuổi hai mươi hai, Hưng-tôn khi ấy còn là tước Yên-triệu thân-vương, thành-lễ cưới về làm chính-phi. Tiêu-hậu lại hay nghề đàn, nghề đàn tranh, nghề đàn tì-bà, càng là nghề riêng, đáng làm bậc nhất, không ai kịp cả. Vì thế được Hưng-tôn yêu qui, trùm cả trong hậu-cung. Kịp khi Hưng-tôn lên ngôi hoàng-đế, bắt đầu ngay năm Thanh-ninh thứ nhất, tháng mười hai ngày mậu-tí, sách-phong Tiêu-thị làm hoàng-hậu. Tiêu-hậu vừa mới ra khỏi nội-cung lên ngai ngồi, quạt vừa mới mở, rèm vừa mới cuốn, chợt có một giải khí trắng hình như tấm lụa, người ta thường gọi là đạo bạch-luyện, tự trên trời bay xuống đến trước chỗ thảm gấm của Tiêu-hậu ngồi. Trên đạo bạch luyện có ba chữ : «Tam thập lục» đề rõ rành-rành. Tiêu-hậu hỏi ấy là cái vật gì ? Kẻ tả hữu tâu rằng ấy là đạo thiên-thư, bảo cho rằng hoàng-hậu xứng-đáng làm lãnh-tụ cho tam-thập-lục-cung. Tiêu-hậu cả mừng. Trong cung cũng cả mừng mà bảo nhau rằng nay được đức Quan-âm làm bà Hoàng-hậu.

Năm ấy mùng tám tháng hai, vua Hưng-tôn đi săn giải Thu-sơn, khiến cả Hoàng-hậu dòng-dả bọn phi-tần theo đi; đến chỗ Hồ-lâm, vua thân-hành ngự đồ cung nỏ đi săn bắn. Có con hổ đột-ngột tự trong rừng xông ra. Vua nói rằng : «Trẫm bắn được con hổ này sẽ xứng được ý Hoàng-hậu. » Mới phát một cái tên, con hổ chết liền. Kẻ quần-thần đều hô « Vạn-tuế ! » Năm ấy tháng mười-một, kẻ quần-thần dâng tôn-hiệu cho vua là Thiên-hựu hoàng-đế, hậu là Ý-đức hoàng-hậu.

Năm Thanh-ninh thứ tư, Tiêu-hậu sinh được hoàng-tử tên là Tuấn, người vợ một tước thân-vương là Trùng-Nguyên vào mừng. Trùng-Nguyên là em vua Hưng-Tôn, vốn có tính nể vợ, vợ bảo gì chẳng dám chẳng nghe.

Người vợ vốn là người kiêu - sỉ xa - ngoa, khi ấy vào cung yết mừng hoàng-tử trang-sức cực-kỳ diễm-lệ, con mắt đưa đi đưa lại, tỏ ý là ta đẹp đây. Tiêu-hậu lấy lời khuôn-phép bảo cho rằng: «Phàm đàn bà nhà quí-tộc nên nghiêm-trang đoan-nhã, để làm gương cho kẻ dưới, hà-tất xa-ngoa như vậy.» Vợ Trùng-Nguyên lấy làm hờn-giận, về mắng chồng rằng: «Mày là con vua Thánh-tôn, há chẳng bằng khắc-hàn. (tiếng Liêu gọi thiên-tử); khiến cho cái mụ mộc-mạc nhà quê kia, được lấy lời quyền-thế mà hợm với ta; mày phải để trí về sự ấy, ta sẽ có phen roi vọt cho mụ ấy.» Từ đấy cha con Trùng-Nguyên hợp mưu với nhau, định làm phản nước. Tháng bảy năm thứ chín, vua Hưng-tôn chơi ở Loan-thủy, cha con Trùng-Nguyên ở kinh-thành, dấy quân khởi-nghịch. Lúc ấy ai cũng biết Trùng-Nguyên là kẻ dỗ-dại, chẳng ai giúp. Được ít ngày quân vỡ, cha con vợ chồng Trùng-Nguyên đều bị tru-di.

Quốc - tục nhà Liêu xưa nay, vua tôi chuộng việc săn bắn, cho nên có cái tục tứ - thời nại - bát (tiếng Liêu gọi săn bắn), đó là cái tục di-truyền của giống người Mông - cổ. Hưng-tôn càng sở-trường về nghề cung nghề ngựa, thường thường bỏ mũ áo hoàng đế đi, mà quấn đuôi sam, mặc áo cộc vạt, ruổi ngựa đi đầu tiên; ngựa cưỡi đặt tên là Điện-phi, chớp mắt phi trăm dặm. Vua thường khi ruổi vào chỗ rừng sâu hang tối, quân hầu nhiều khi khủng-hoảng đi tìm vua, mà chẳng thấy vua đâu cả. Tiêu-hậu đem lòng yêu vua, lo vua gặp sự nguy-hiểm, nói tay thảo bài sớ, dâng lên can vua rằng:

«Thiếp tôi nghe vua Mục-vương hay chơi xa, đức nhà Chu vì thế mà suy kém; vua Thái - Khang hay giong ruổi, nên nhà Hạ vì thế mà hầu nguy, ấy là sự đáng răn về đời trước, mà là cái gương lớn của đế-vương vậy. Gần đây thấy vua giong-ruổi chốn sơn - lâm, mà sáu quân chẳng đem phòng-bị, chỉ một người một ngựa săn con thú theo con cầm, vào sâu chốn nguy-hiểm. Tuy rằng oai-phúc nhà vua đến đâu các thần-linh phải vì ủng-hộ đến đấy, nhưng thảng-hoặc có con thú khác thường, quả như lời Đông-phương nói, thì con lợn ở trong ngòi, tất làm đổ được cái xe của ông Giản-tử. Thiếp tôi tuy ngu tối, trộm vì xã-tắc mà lo. Xin bệ-hạ xét cái lời răn về sự trì-sinh của sách Lão-tử, dùng cái ý đi về sự khang-cát của vua Hán Văn.»

Lạ gì, Hưng-tôn là nhà săn bắn, người giống Mông-cổ, chỉ chuộng võ lực mà không chuộng văn hóa. Tiêu-hậu là nhà văn-học, người giống Trung-quốc, hay tỉ tê dẫn-cổ mà chứng-kim. Thành ra cái sức văn-học không đủ cảm-động được cái lòng hiếu-vũ, cái tính di-truyền lại đủ dầy phá được cái khối ái-tình. Sở Tiêu-hậu dâng can, Hưng-tôn tuy khen ngợi, nhưng trong tâm dã không khỏi sinh lòng chán-ngán mà xa dần. Cho nên cuối năm Hàm-ung về sau, ít khi vãng-lai trong cung Tiêu-hậu nữa. Rồng vàng tắm nước ao tù, người khôn ở với người ngu bực mình. Lời ấy cũng không phải là quá-đáng. Tiêu-hậu nhân làm ra một bài trường-thiên từ điệu, gọi là khúc *Hồi-tâm-viện*, đem hiệp với tiếng trúc tiếng tơ, để ngụ cái ý mến vua. Khúc ấy lắm-li réo-rắt khó diễn lắm, mọi kẻ nhạc công trong hàng Lê-viên tử-đệ lúc bấy giờ, không ai diễn được khúc ấy cả. Chỉ một viên nhạc-công là Triệu Duy-Nhất diễn được, Tiêu-hậu ban thưởng cho rất hậu, thường khiến Triệu Duy-Nhất diễn khúc ấy ở trước mặt vua để vua hồi-tâm mà mong khôi-phục lại cái tình-ái cũ. Hay đâu người hát đi một đàng, người nghe đi một nẻo, lâu mãi cũng không thấy vua hồi-tâm gì cả.

Trong cung có một đứa nữ-tì là

Thiền-Đăng, nguyên là kẻ nữ-tì của nhà tước Thân-vương Trùng-Nguyên phản nước ngày trước, khéo gẩy đàn tranh. Hưng-tôn lại đem lòng sủng-ái, thường triệu Thiền-Đăng đến chỗ ngự-tiền gẩy đàn. Tiêu-hậu vốn là người rộng-rãi, không có tính ghen. Song-le lo sự ấy là sự nguy-hiểm cho vua. Tiêu-hậu mới can vua rằng: « Thiền-Đăng nó là con tì của nhà phản nước, trong bọn nhi-nữ, há một không có người Dự-Nhượng (1) đấy ư ? Sao nên khinh-dị cho nó được gần ngự-tiền. » Tiêu-hậu nhân ra lệnh khiến con Thiền-Đăng ra chầu-chực ở ngoài biệt-viện, không được thường ở trong cung nữa. Thiền-Đăng mới để lòng thâm-oán Tiêu-hậu, mà người chị Thiền-Đăng là Thanh-Tử, đã gả cho một tên giáo-phường là Chu Đính-Hạc làm vợ. Con Thanh-Tử cũng vốn là một đứa nữ-nhạc-công, hiện cùng với viên Nam-viện khu-mật-sứ là Gia-Luật-Ất-Tân có tư-tình rất thân-mật. Ất-Tân chính là người có công giết được cha con Trùng-Nguyên, phong tước là Triệu-vương, uy-quyền hách-dịch, khuynh-động một thời. Duy họ Tiêu khi ấy, cũng là một họ có môn-phiệt thế-lực, không chịu luồn cúi Ất-Tân. Ất-Tân mới âm-súc mưu-gian, để trừ-khử Tiêu-hậu. Ất-Tân, Chu Đính-Hạc, Thiền-Đăng, Thanh-Tử, bốn kẻ gian mới cùng mưu với nhau rằng Tiêu-hậu làm quốc-mẫu đã lâu ngày, lại sinh ra Hoàng-thái-tử, và Tể-quốc chư-vương, họ Tiêu cũng là họ có thế-lực, khó nhất-dân mà trừ-khử được ; duy khắc-hàn vốn có tính ghen, không biết vì cớ sao, khắc-hàn đối với Tiêu-hậu lâu nay dường như có hấn-khích tỏ ý lạnh-nhạt, chỉ kính bề ngoài mà thôi, cơ-hội ấy cũng khả-thừa. Mưu gian rắp xong, bắt đầu con Thiền-Đăng, mượn một người khác làm cho mười bài thơ Thập-hương, tả về sự hương-phấn ở trong cung, từ-điệu rất là thanh-việt. Nhân việc khác vào cung yết-kiến Tiêu-hậu, đem thơ Thập-hương phô với Tiêu-hậu, và nói dối rằng thơ này là thơ của người nhà Tống làm, xin thánh-hậu thủ-thư cho một bản, thơ hay, chữ tốt, sẽ xứng-đáng là nhị-tuyệt.

Tiêu-hậu vốn thơ hay, bấy lâu tịch-mịch ở trong cung, thường ngâm thơ để tiêu-khiển. Chợt thấy mười bài thơ thanh-việt, Tiêu-hậu cũng nức-nở khen hay, Tiêu-hậu lại vốn chữ tốt nữa, liền cầm bút thủ-thư một bản, ném châu gieo vàng, hạ-tứ cho Thiền-Đăng. Thiền-Đăng quì xuống mà xin rằng : « Thánh-hậu mà có bài gì giai-tác, xin thủ-thư cho một bài nữa ở dưới mười bài này, khiến cho có thể khắc vào kim-thạch, thật là một sự bất-hủ trong cung. » Tiêu-hậu nói rằng : « Ta vừa mới có một bài thơ mắng nàng Triệu Phi-Yến nhà Hán về tội gây vạ thủy diệt nền hỏa, để làm gương cho đời sau. » Tiêu-hậu nhân lại thủ-đề ra một bài tuyệt-cú rằng :

Trong cung chỉ trách Triệu-gia-vương,
Đem thói mây mưa vạ Hán-hoàng;
Chỉ có trăng già tình nhất-phiến,
Từng soi yến quái đến Chiêu-dương.

Thiền-Đăng bái tạ đi ra, cầm thủ-thư của Tiêu-hậu trao cho Thanh-Tử, và nói rằng : « Cái án dâm-ô của Tiêu-hậu, nay đã được chứng-cứ. » Thanh-Tử lại đem đưa cho Ất-Tân, Ất-Tân được bản thủ-thư, liền bịa đặt nên án-từ. Ất-Tân nhất-diện sai Thiền-Đăng với Chu Đính-Hạc đến Bắc-viện, trần-thủ về việc viên nhạc-quan là Triệu Duy-Nhất tư-thông với bà Ý-đức hoàng-hậu ; nhất-diện tự tay Ất-Tân làm ra một bài mật-tấu, kể hết sự-trạng, tâu lên Hưng-tôn. Lời mật-tấu rằng :

(1) Dự-Nhượng = Người mưu ám-sát Triệu Giản-tử, để báo thù cho vua cũ là Tri-Bá.

« Cứ lời tên cung-tì ngoại-trực ở biệt-viện là Thiền-Đăng và tên giáo-phường là Chu Đính-Hạc trần-thú rằng : « Viên bản-phường nhạc-quan là Triệu Duy-Nhất ngày trước đội ơn thánh-thượng, được vào thừa-trực trong nội-cung mà dám mạo-muội cấm-điền riêng chầu Y-đức hoàng-hậu. Năm Hàm-ung thứ sáu tháng chín mới rồi, vua đi chơi Mộc-diệp-sơn vắng, Triệu Duy-Nhất ở nhà tự-xưng rằng có chỉ-dụ của Y-đức hoàng-hậu triệu vào cung gẩy đàn tranh. Duy-Nhất vào cung, tự giờ thìn đến giờ dậu, hoàng-hậu ngồi cách rèm cùng với Duy Nhất họa đàn. Kịp đến đêm, hoàng-hậu truyền thắp nến, cho Duy-Nhất được vào thừa trực trong nội-trướng, hoàng-hậu cùng Duy-Nhất rót rượu đối-ẩm, vừa uống rượu vừa gẩy đàn. Đến trống canh ba, có sắc-lệnh đuổi các thị-nữ ra ngoài trướng. Thiền-Đăng lúc ấy đương về phiên thị-nữ, phải đứng chực ở ngoài trướng. Đến trống canh tư, hoàng-hậu lên tiếng gọi Thiền Đăng vào vén trướng thì thấy Duy-Nhất say rượu, nằm không trở dậy. Thiền-Đăng gọi mãi. Duy-Nhất mới làm ra thái-độ tỉnh rượu, trở dậy bái tạ hoàng-hậu. Hoàng-hậu cho Duy-Nhất một tráp đồ vàng lụa, Duy-Nhất tạ ơn đi ra. Đến sau vua đi chơi về, Duy-Nhất tuy thỉnh-thoảng được triệu vào cung gẩy đàn, nhưng không dám tiến trướng. Hoàng-hậu vì thế tương-tư Duy-Nhất, nhân làm ra mười bài *Hương-từ* ban tứ cho Duy-Nhất. Duy-Nhất cầm tập *Hương-từ* về đem ra khoe bảo với ban đồng-nghiệp. Cho nên viên đồng-phường nhạc-quan là Chu Đính-Hạc cướp được tập thơ ấy ở trong tay Duy-Nhất. Đính-Hạc mới sai vợ là Thanh-Tử đi cật-vấn Thiền-Đăng. Thiền-Đăng sợ rằng sự ấy mà phát-giác thì tội lây đến mình, thừa-nhân khóc-lóc can ngăn Hoàng-hậu, Hoàng-hậu phát giận, đánh đập Thiền-Đăng rất đau, liền đuổi Thiền-Đăng ra ngoại trực chỗ biệt-viện. Vì Thiền-Đăng với Chu Đính-Hạc lũ chúng tôi đều hiểu rõ việc ấy, nếu nín đi chẳng nói, hoặc nhất-đán phát-lộ, không khỏi tội lây, cho nên dám đem sự ấy trần-thú, xin vì chuyển tấu lên khắc-hàn, để chính tội kẻ gian-loạn, v. v... » Kẻ hạ-thần có trộm nghĩ rằng hoàng-đế lấy chí-đức thống-ngự kẻ thần-dân, hóa-hành thiên-hạ ; một kẻ sất-phu, một kẻ sất-phụ, chẳng ai là chẳng gìn-giữ thói hay. Nay trong cung là chốn thâm-mật, chợt có lời nói lạ tai ; sự ấy có quan-hệ về đường trị-hóa, không phải là sự nhỏ. Cho nên chẳng dám ẩn-húy, xin cứ mọi lời trần-thú như trên, và một tập *Thập-hương-từ* thủ-thư nữa, dâng lên mật-tấu để vua nghe. »

Hưng-tôn xem xong lời mật-tấu của Ất-tân, đùng đùng nổi giận, tức-khắc triệu Tiêu-hậu đối-diện cật-trách, Tiêu-hậu cả phát khóc mà thân-oan rằng : « Thiếp gửi thân với quốc-gia, vinh-hoa tôn-qúi đã đến bậc cực-điểm của kẻ đàn bà. Huống-chi thiếp đã sinh-dục ra thái-tử, đã gần lớn khôn, sắp sửa có cháu mà ẵm, hàng trai hàng gái cũng đầy đàn, hà nỡ nào lại làm những sự dâm-loạn ấy ru ! Mười bài thơ Thập-hương, hiện là thiếp được ở tay con Thiền-Đăng ; thiếp tuy có thủ-thư, nhưng là thủ-thư để ban-tứ con Thiền-Đăng, chứ ban-tứ đâu cho tên Triệu Duy-Nhất. » Hưng-tôn nghe Tiêu-hậu biện-bạch, nhưng vẫn mười phân hồ-đồ. Mới giao án ấy xuống cho tòa đề-hình, khiến viên tư-pháp là Trương Hiếu-Kiệt phải hết sức tra-xét cho minh. Hiếu-Kiệt vốn là một kẻ tiểu-nhân, được dự vào ban Tham-chánh đại-thần, thấy Ất-Tân đương có quyền-thế nghiêng trời, phàm-sự đều vì Ất-Tân hết sức làm con chó săn, để bảo-thủ lấy phú-qui. Hiếu-Kiệt túc-khắc trói bắt Triệu Duy-Nhất dẫn vào tòa đề-hình, cùng-cực tra hỏi, lấy đanh sắt đóng vào

bàn tay, lấy lửa đốt mày đốt tóc, lấy nước sôi dội vào lưng ; tra hỏi thế nào, Duy-Nhất cũng một niềm không chịu thú-phục. Cuối cùng Duy-Nhất chỉ nói rằng : « Quốc-mẫu là người hiền-thục, thiên-hạ ai ai cũng biết. Duy-Nhất này dẫu chết cũng cam, không nỡ vu oan cho quốc-mẫu những điều tội-nghiệp cấm-ác. » Hiếu-Kiệt không biết làm thế nào, mới bàn với Ất-Tân quyết đánh cho chết Triệu Duy-Nhất đi. Lo sợ rằng cái miệng Duy-Nhất mà còn, thì cái án Tiêu-hậu không thể nào thành được. Duy-Nhất đã chết ở trong ngục, Hiếu-Kiệt mới vu-cáo là Triệu Duy-Nhất đã thú-phục ; án thành, sắp sửa đem tâu. Viên Bắc-viện khu-mật-sứ là Tiêu Duy-Tín, nguyên là người anh họ với Tiêu-hậu, ruổi đi đến Hiếu-Kiệt, trách Hiếu-Kiệt rằng : « Ý-đức hoàng-hậu là người hiền-minh trang-trọng, giáo-hóa thi-hành ở trong cung. Vả lại sẵn dục ra thái tử làm gốc lớn trong nước, ấy là đạo mẹ thiên-hạ vậy; mà nên lấy một lời nói của một đứa nữ-tì nhà thù-nghịch, mà lay-động gốc nước đấy dư ! Ngài thân-danh là kẻ đại-thần, chính nên soi xét kẻ gian-ác, rửa trắng sự oan-vu, đem phanh-mổ cái lũ ấy để báo đền quốc-gia, chỉnh-đính quốc-thể, mới là phải. Sao lại hớn-hở lấy làm đắc-sách, cố công gắng sức làm điều ác. Công-nhiên ngài che được mắt thiên hạ, há che được mắt trời, Ôi ! kẻ làm thiện trời giáng cho cát-tường, kẻ làm ác trời giáng tai-ương. Lời cổ-nhân còn đó, ngài sao chẳng nghĩ lại. » Hiếu-Kiệt nghe Tiêu Duy-Tín nói, chỉ cắm đầu không đáp lại gì cả. Tiêu Duy-Tín trở ra, Hiếu-Kiệt liền đem tập án thẳng tâu Hưng-tôn.

Hưng-tôn khi ấy cũng còn do-dự chưa quyết, có bảo với Hiếu-Kiệt rằng : « Bài thơ hoài-cổ ở cuối cùng là hoàng-hậu mắng con Triệu Phi-Yến nhà Hán đấy thôi; mười bài thơ Hương-từ, tưởng cũng không hại gì. » Hiếu-Kiệt qui xuống tâu rằng : « Thơ hoài-cổ ở cuối cùng, chính là thơ hoàng-hậu tương-tư Triệu Duy-Nhất. » Hưng-tôn nói rằng : « Sao lại biết là thơ tương-tư ? » Hiếu-Kiệt nói rằng : « *Trong cung chỉ trách Triệu-gia-nương, duy có trăng già tình nhất phiến* Hai câu ấy ở trong bài thơ, phân-minh đủ cả chữ Triệu, chữ Duy, chữ Nhất, chẳng phải là bao-hàm cái ý tương-tư Triệu Duy-Nhất là gì ? » Ý Hưng-tôn mới quyết, tức-khắc ngày hôm ấy đem cả nhà Triệu Duy-Nhất ra tru-di, và sắc cho Tiêu-hậu phải tự mình dùng phép tự giết. Lúc ấy Hoàng-thái-tử với Tề-quốc-chư-vương, đều bỏ mũ xõa tóc, khóc lóc kêu van, xin chết thay cho mẹ. Hưng-tôn không nghe. Tiêu-hậu lại xin được giáp mặt vua, nói một lời, rồi sẽ chết. Hưng-tôn cũng chẳng nghe. Tiêu-hậu mới ngảnh mặt về cung vua lạy hai lạy rồi đề một bài Tuyệt-mệnh-từ, lời rằng :

Ôi thương ôi còn nhà thế-tộc,
Vào trong cung hưởng lộc hoàng-gia!
Đôi vầng nhật-nguyệt đâu xa,
Con là trừ-nhị (1) anh là đống-lương.
Ôi thương ôi trăm đường oan khổ,
Quả tim này muốn mổ cho hay !

Ả Hằng bị ám trong mây,
Số trời đã định những ngày thác-sinh.
Khuyên ai hãng cứ làm lành !

Tiêu-hậu đề lời tuyệt mệnh xong, liền khép cửa cung, lấy tấm lụa trắng tự thắt cổ chết. Trong cung phụng sắc-lệnh vua, đem xác Tiêu-hậu trả về nhà họ Tiêu. Tiêu-hậu xuân-thu vừa ba mươi sáu, quả ứng về cái điềm lúc thiên-thư trong giải bạch-luyện có chữ đề ngày trước. Thiên-hạ nghe được sự ấy, chẳng ai là chẳng vì Tiêu-hậu kêu oan.

(1) Trừ-nhị = Thái-tử.

Hoàng-thái-tử khi ấy gieo mình xuống đất cả kêu lên rằng : « Kẻ giết mẹ ta đó là thằng Gia - Luật - Ất-Tân vậy ; sau này ta chẳng giết được cả môn-tộc nhà nó, ta chẳng đáng làm con.» Từ đấy Ất-Tân chỉ hàng ngày thiên-phương bách-kế mưu làm hại thái-tử, vì thái - tử một ngày mà chưa chết thì lũ Ất - Tân Hiếu-Kiệt một ngày chưa cam-tâm. Cái tính-mệnh của thái-tử khi ấy, thực đã hãm vào trong vòng cực nguy-hiểm. Tiêu Duy-Tín không biết làm thế nào, chỉ hàng ngày buổi chầu xong, về nhà đóng cửa lại, tụng kinh Kim-cương, cầu giải-thoát cho Thái-tử vòng khổ nạn. Duy - Tín thường nói với người thân-mật rằng : « Bản-quan phen này chỉ mong về đạo trời: hiền-thục như Tiêu-hậu, mà thái-tử lại chết nữa thì quả là không có đạo trời. Nếu thái-tử mà không chết, thì may ra còn có đạo trời. »

Hưng-tôn tự khi Tiêu-hậu bị chết về sau, tinh-thần đã hoảng-hốt bất-thường. Cho nên những lời của bọn Ất-Tân Hiếu-Kiệt gièm-pha thái-tử, Hưng-tôn dường như không để vào tai. Chẳng bao lâu vua Hưng-tôn mất, thái-tử nối ngôi khắc-hàn, tức là vua Đạo-tôn. Đạo-tôn lên ngôi chưa bao lâu, tức-khắc đem Ất-Tân, Hiếu-Kiệt, Chu Đình-Hạc, Thiền-Đăng, Thanh-Tử năm kẻ ấy, nhất-luật trừ-di tam-tộc, thiên-hạ đều lấy làm sướng. Than ôi ! Tiêu-hậu dưới đất mà có hay, cũng khá nhắm mắt được vậy,

TÙNG-VÂN *biên-dịch*

VĂN - UYỂN

Chu Bách-Lư cách-ngôn

Ông Chu-Bách vốn nhà thi-lễ,
Đặt cách-ngôn kinh-tế gia-đình ;
Tờ-mờ phải dậy cho nhanh,
Cửa nhà quét-tước sạch-sanh trong ngoài.
Trời vừa tối trước khi đi ngủ,
Khóa buồng the tự chủ xét soi ;
Hạt cơm hạt cháo rụng rời,
Vật tuy nhỏ mọn tìm - tòi dễ đâu.
Thử nghĩ đến sợi tơ sợi tóc,
Cũng công-phu khó nhọc biết bao ;
Mình ăn ở phải cho kiệm-ước,
Đãi bạn-bè không được liên-miên ;
Đồ dùng chất-phác tự-nhiên,
Mà hơn kim-ngọc đã bền lại xinh.
Đồ ăn uống qui-hồ thanh-đạm,
Dẫu sơ-viễn bằng tám chân-cam ;
Cửa nhà hoa-mĩ đừng làm,
Ruộng nương mua chuộc đừng tham của người
Kia những lũ đi ba cô sáu,
Đều là phường mối lái dâm-bôn ;
Thử xem thiếp đẹp hầu non,
Còn mong hạnh-phúc khuê-môn chút nào.
Thê-thiếp cấm không cho làm dáng,
Nô-bộc đừng đồng-đẳng ăn chơi.
Tổ-tiên tuy đã xa đời,
Lòng thành tế-tự dám dời sau xưa.
Con cháu dẫu ngu hèn phải học,
Chữ thi-thư chăm đọc cho tường ;
Cư thân chất-phác làm thường,
Dạy con thời lấy nghĩa-phương làm đầu.
Đừng tham của mơ-màng ngoại-ý,
Đừng rượu chè túy-lý say-sưa ;
Cùng phường gánh vác bán mua,
Chẳng nề hơn thiệt mà đua lợi-quyền.
Người láng-diềng tình-cờ gặp-gỡ,
Thấy nghèo-cùng phải mở lòng thương.

Những nhà cay-nghiệt bất-lương,
Gia-tư giữ được thường thường này chăng?
Trong luân-lý nếu mà bại-hoại,
Thời cửa nhà tán-hại thấy ngay.
Anh em coi như chân tay,
Họ-hàng giúp đỡ cho hay ít nhiều.
Người lớn bé bất-kỳ nội ngoại,
Lúc ngôn-tư đối-đãi cho nghiêm.
Những người nghe vợ nỉ-nhỏ-nhen,
Hễ trong cốt-nhục sinh hiềm đáng chê.
Trọng của-cải mà khinh cha mẹ,
Đạo làm con như thế sao nên.
Gả con phải kén rể hiền,
Sinh-nghi chớ thách nhiều tiền làm chi.
Dâu con phải tìm người thục-nữ,
Của hồi-môn chẳng cứ hậu-trang.
Thấy người giàu-có vơ quàng,
Đem lòng xiểm-nịnh coi dường mặt mo.
Thấy nghèo khổ khoe-khoang làm bộ,
Có ra chi, kẻ nhỏ người chê.
Đua nhau kiện-sự ích gì,
Được thua phải trái chung-qui mất tiền.
Khoa ngôn-ngữ càng nên cẩn thận,
Nói luôn luôn ấy hẳn lỗi nhiều.
Chớ nên cậy thế làm kiêu,
Nạt người cô-quả ra điều ta đây.
Dẫu bát-chân chẳng qua thích miệng,
Đừng tham-bôi mang tiếng sát-sinh.
Khăng-khăng chẳng chịu lỗi mình,
Đến khi lỗi lại làm thành ra to.
Quân ác-thiếu chớ nên thân-mật,
Lụy đến mình ắt hẳn có khi.
Lão-thành là bậc tiên-tri,
Phải nên trọng-vọng phòng khi nương nhờ.
Nghe gièm pha tức mình phát giận,
Ta hãy nên ẩn nhẫn mà suy.
Cùng nhau danh-dưởng việc gì,
Bình-tâm mà xét lỗi thì tại ai.
Đã thi-ân đừng mong báo-đáp,
Đã hàm-ân đâu dám thờ-ơ.
Việc gì cũng phải phòng xa,
Hễ khi sinh sự đến mà lôm chi.
Người mừng-rỡ ta nên hoan-hỉ,
Chớ đem lòng đố-kỵ ghen-tuông.
Người dù mắc phải tai-ương,
Đừng vui-vẻ nữa nên thương xót cùng.
Làm điều thiện muốn cho người biết,
Há phải là chân-thiện ấy đâu.
Ác mà bưng-bít giấu đầu,
Ấy là đại-ác dễ hầu giấu xong.
Vợ con báo tội mình dâm-dục,
Lý tuần-hoàn báo phục chẳng sai.
Thù nhau nấp bắn hại người,
Oan-gia báo mãi đời đời về sau.
Trong nhà cửa sao cho hòa-thuận,
Dẫu đói no cũng vẫn yên vui.
Lo toan thuế nước xong rồi,
Tiền nong dẫu tùng tháng ngày nhởn-nhơ.
Sách thánh-hiền học mà bất-chước,
Ra làm quan vị nước vị dân.
An phận mình gặp đâu hay đó,
Thuận thời trời chiếm số thanh-cao.
Làm người như thế mới hào,
Ngỗ-hầu nên được chút nào chả hay.

TRẦN VĂN-DỤ *dịch*

Hương-giang ngẫu-hứng

(Điệu Mãn-đình-phương*)*

Gió thổi lạnh-lùng,
Sương sa lác-đác
Hương-Giang một giải muôn trùng
Nước xanh phẳng-lặng,
Du-tử dạ như nung
Gánh nặng non sông chưa trả,
Khéo ham mê cảy, cỏ, suối, rừng!
Cung Đế-Khuyết,
Mù-mù mây phủ,
Khêu gợi cuộc hưng-vong!

Viếng người mệnh bạc

Man-mác trời xanh lẫn cỏ cây,
Nấm mồ mệnh bạc ấy là đây.
Hồn thiêng phảng-phất đầm sương tỏa,
Chứng-chiếu lòng ai chịu đắng cay.
Sầu tử-biệt,
Khóc sinh-ly,
Vùi chôn một nấm xót xa thay!
Mạch tương lai-láng cầm khôn được,
Phách quế thôi rồi gửi nước mây!

Khóc bạn

(Điệu Nga-mi-dương)

Gió đòi cơn,
Gió đòi cơn,
Thoắt chốc đôi nơi kẻ khuất còn !
Anh đi để lại vợ cùng con,
Đêm ngày ủ-dột,
Đôi lệ sầu tuôn !
Âm-dương cách-biệt bao gang-tấc.
Theo chân những ngại một đàn con.
Đầu bia mòn,
Giữ lòng son !

Tỉnh mộng hồng-lâu

(Điệu Tân-đoạn-trường)

Vãng-vẳng cung đàn riu-rít,
Chập-chờn dịp phách buồn tênh.
Nào thấy người thanh,
Để tìm về qui,
Chẳng qua một lũ vô-tình !
Hơi đồng đổ mắt,
Đem duyên vờ nghĩa hão trêu mình !
Khéo khéo say-sưa mặt trắng,
Miệt-mài cuộc rượu tàn canh.
Chi hồ-thỉ,
Tang-bồng đâu cả,
Khi thác hà lưu danh !

Khổ nỗi chồng con

Ngán nỗi chồng tôi thật đốn đời,
Trăng hoa đủ ngón, nợ chây lười ;
Cỏ đào suốt tháng toan xoay đất,
Thuốc phiện quanh năm chực bán trời ;
Chúa Chổm lừng danh kiêng vạch mặt,
Nhiêu Khươu khét tiếng nể thoa vôi ;
Xấu chàng hồ thẹp bao cho sạch,
Nức nở thâu canh nói nghẹn lời !

Xấu tay

Mươi năm có lẽ bán đồ vàng,
Trời chẳng cho ăn thấy ế hàng ;
Tri-cần sao bằng câu khéo-léo,
Thật-thà chịu lép kẻ khôn-ngoan ;
Khách mua trả rẻ như bèo nát,
Chủ hiệu nèo thêm lấy mối hàng ;
Dư nghệ tiêu-điều cơm gạo nếp,
Dọn đi thì tội thuế ai mang ?

Gửi bạn làm xa

Trân trọng đôi câu gửi bạn hiền,
Xa-xôi muôn dặm được bình-yên ;
Lòng đây sắt đá còn vương muộn,
Dạ đó tha-phương há chuốc phiền ?
Thân-thế giang-hồ tan mấy lúc,
Đường-trường vinh nhục góp bao phen ?
Ông xanh hẳn cợt phường râu tóc,
Gió dữ càng thêm tỏ chí bền.

Sành nghề

Chuyên trị mươi năm bán thuốc lào,
Sành nghề nhấp giọng giá mua cao ;
« Chua trùng » đã trải trên đầu lưỡi,
« La, Chánh » từng soi dưới mặt giao ;
Xanh, khét, râu ngô mới tại ngoại,
Đặc, thơm, hương quế gật ngay vào ;
Đầu mùa lấy khách chiêu vài bánh,
Điếu trúc quanh năm cuộn nước trào.

Tặng ông bạn say

Say như ông thế ít người say,
Chẳng trách đồn vang một tiếng « thầy » ;
Say nghĩa Tôn Ngô mong dẹp giặc,
Say lời Khổng Mạnh muốn an mây ;
Say non lần nước non càng đạm,
Say nguyệt lồng hoa nguyệt chẳng gầy ;
Say đạo thánh-hiền ưa tu-thủy,
Say như ông thế ít người say.

Hồng-lâu thán

Trời khéo chua tên sổ đoạn-trường,
Năm xuân nấn-ná chốn Bình-khang ;
Cung đàn réo-rắt hồn lưu-lạc,
Dịp phách xôn-xao bướm phũ-phàng ;
Tháng lụn chiều thu trơ nét liễu,
Ngày qua vẻ nhạt điểm khuôn trăng ;
Trên đời được mấy người tri-thức,
Tế-độ tàn-thân khỏi lỡ-làng !

Ông bạn lùn

Cha sinh mẹ dưỡng chẳng bằng ai,
Lủn-củn ơn trời sống Lão-Lai ;

Tinh lịch trăm năm không vải tốn,
Lần tay sáu tháng ít cơm tai ;
Hội-hè tấp-nập chen cu đội,
Đình-đám vo-ve thích chú cai ;
Chân ngắn trèo cao lâu mỏi gối,
Lão già xương giẻo ngón chơi tài.

Cảnh nghèo

Vô-cốc lâm-nguy đến nước này,
Mặt càng nhăn-nhó biết ai vay ?
Cơm khoai cháo củ cho qua bữa,
Nắng trái mưa thâu nghĩ dạn-dầy !

Mừng bạn

Mừng bác kỳ này trúng nghị-viên,
Đường trường nhẹ bước há không kiên.
Ra tay gánh vác cơ-đồ nhà,
Chân cứng rồi đây đá ắt mềm !

Trường Nam

Này lều kia chiếu chật trường thi,
Lão-mạo thanh-niên ứng một kỳ ;
Ông quyền đeo lưng sau chú tiểu,
Chờ loa lính gọi cướp khôi y.

Đại-tội

Kìa coi rìu-rập bạn đầu xanh,
Lặn-lội sông ân đắm bể tình !
Nợ nước ơn nhà theo gió thoảng,
Tiêu-dao ngày tháng cõi phù-sinh !

Bói ra ma

Bói toán thêm lo lại bực mình,
Trời nào nỡ ở chẳng công minh ;
Tam-tai cũng tự nơi người cả,
Lọ phải nghe lời chú bốc-sinh !

NGUYỄN NÔNG-SƠN

Chơi trăng mặt bể

Mặt nước long-lanh tấm đoạn-trường,
Trêu nhau chi hỡi chú Ngô-cương !
Cá rớn câu bạc mây lơ-lửng,
Cóc giãi gan vàng sóng vất-vương ;
Tròn méo chỉn phiền con cáy gió,
Đi về lỉnh kỉnh cái chim sương !
Một trời một biển ai là khách,
Rối ruột như vò nỗi cố-hương.

Đêm buồn

Trông bóng trăng xuông thẹn với người,
Miếng sầu khôn dễ nuốt cho xuôi ;
Phơ hàng bạch-tuyết tờ quyên nhạt,
Sích giấc hoàng-lương gót bướm hồi ;
Kim chỉ đau lòng không phải việc,
Gió mây mỏi mặt biết bao rồi.
Canh sầu đâu lẽ nằm trơ mãi,
Dậy dậy diều ai sáo đỗ hồi !

Cảnh đời

Xoay đủ trăm khuôn nặn đủ đồ,
Buồi đời càng tính lại càng lo.
Lê thê bãi bể lưng đâu cuốn,
Lắc-cắc sân mây tiếng chó vồ ;
Vỗ trấu văn-minh vở cậu ký,
Hạt dưa đạo-đức hão anh đồ.
Hở trường hi-kịch ai tay thạo,
Diễn thử cho xem một vở trò !

Cảm sự đời

Nghĩ chán phè cho cái « mốt » đời,
Hằng ngày giở thói dã-man chơi.
Gái phò chưa đĩ, trai phò lọ,
Lớn ngớp ma men, bé ngớp bài ;
Học mới vỡ lòng toan học xổ,
Làm chưa ra ngách đã làm ngoai.
Ơ kìa quả vậy thôi tu quách,
Kẻo nữa « me tây » thêm ấy cười.

Bẻ cành chanh tặng bạn.

Trân-trọng trao tay bẻ một cành,
Cành gì ghê thế ấy cành chanh.
Con đường gai-góc con đường lợi,
Cái vị chua-ê cái vị tình ;
Nhuộm kỹ tấc lòng hoa vẫn thắm,
Mở ôa đôi mắt lá cùng xanh
Yêu nhau xin nhớ lời nhau nhủ,
Dìu-dắt kìa nghe mấy tiếng oanh !

Hội bơi Hành-thiện

Nhen bát con thuyền lắc-rắc ngoi,
Chen nhau kẻ đứng lại người ngồi.
Mái chèo tế-độ trai đua sức,
Dịp mỗ hoan-nghênh lão bắt mồi ;
Đỏ rực sông ngô rờn vảng đục,
Xanh lè bãi lúa đượm mồ hôi.
Ô là thánh-tích muôn năm cũ,
Ai hiểu chăng chưa tớ hiểu rồi !

Quan tiền

Có chết chi đâu bốn chữ khôn,
Xa gần ai cũng bầm răng quan ;
Ở đời tròn cạnh thôi xong việc,
Hết kiếp vuông lòng mới tỏ gan ;
Già trẻ tưng-bừng tay đón rước,
Nghèo hèn hớn hở miệng kêu van.
Ư rồi anh cũng như em quách,
Dái vẫn phen này với thế gian !

Con cóc

Cái dấu bôi vôi sợi chỉ chẳng,
Cậu trời đâu thẻ chỉ ồn nhảng ;
Nuốt loài kiến bọ chưa cam lưỡi,
Khởi truyện mưa mù đã nghiến răng ;
Ngoài mặt đen sì dơ bãi cỏ,
Trong lòng bạc phếch nhớp đi trăng ;
À thân nông-nóc nguyên xưa nhỉ,
Những lúc quài đuôi nhớ đấy chăng.

Cái lá bùa

Hoa-tiên ai dọc, bút ai chua,
Sinh sản ra em bùa hỡi bùa ;
Ngang dọc thuộc lầu tay ấn-quyết,
Ít nhiều quen lũa tiếng na-mô ;
Giả tôn trẻ phục đâu là chẳng,
Quỉ khiếp ma kinh chớ nghĩ đùa.
Cái kiếp uy-linh là thế đó,
Ngôi cao riêng dán tịt chi mà !

Cái gối

Trót đã đem thân đứng đỡ đầu,
Sao cho yên giấc cả năm châu ;
Khinh-bào gấm đượm trăng soi cuộn,
Túy-mộng canh khuya gió thổi lâu ;
Gót bướm đã quen đường phấn-đại,
Lưng kẻ chi lạ xóm sang giàu ;
Đời là thế nhỉ duyên là thế,
Nương-tựa thây ai khéo sở-cầu.

NHÀN-VÂN ĐÌNH

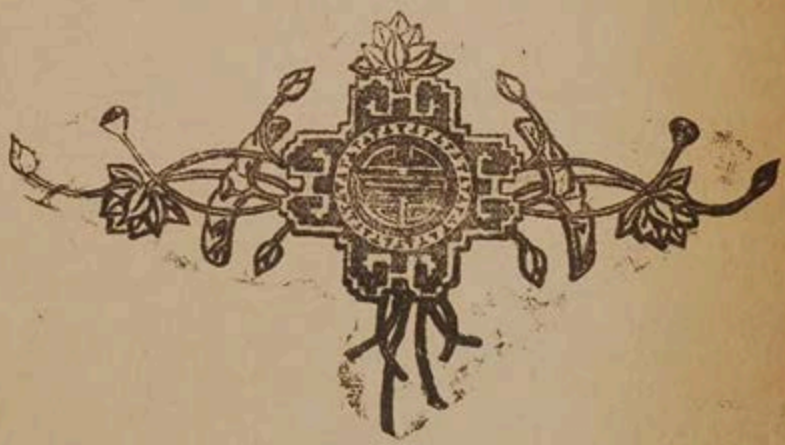

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thời-cục nước Tàu. — *Thời-cục Trung-hoa ngày nay mỗi lúc một khác, không biết đâu mà đoán trước được. Mới độ trước đây đã có một lần Phùng Ngọc-Tường sắp động binh đánh Tưởng Giới-Thạch, sau lại điều-đình xong. Phùng chỉ đợi Tưởng gửi đủ số bạc đã hứa để phát lương cho quân Phùng, thì Phùng sẽ xuất-dương. Nào ngờ đâu lần-lữa mãi đến ngày nay lại có tin Phùng dương sắp đặt để đánh Tưởng. Quân Phùng đã họp cả ở con đường Lũng-hải có hơn mười vạn quân, định sai người đến liên-minh với quân Đường Sinh-Trí để sẽ do phía đông thì kéo vào Tây-lỗ, phía nam thì kéo xuống Vũ-Hán.*

Ở Quảng-tây lại còn phái Quế-châu ngày nọ là lũ Lý Minh-Thụy, Dương Đằng-Huy, Lã Hoán-Viêm dương cùng hội-nghị hợp mưu để đánh đổ Tưởng, định trước lấy Quảng-đông, rồi hợp-binh mà đánh lên miền Bắc.

Ở Hồ-nam lại có Trương Phát-Khuê là chưởng-binh sư-đoàn thứ tư khởi-nghịch ở Nghi-xương, đem bản-bộ binh-mã tiến đánh Nhạc-châu, rồi định kéo thẳng tới Quảng-đông, quyết dụng binh-lực để giải-tán chính-phủ Nam-kinh, cho là chính-phủ ấy lập không đúng luật.

Xem thế thì nội-cục nước Tàu lại gây sự phân-tranh, mà thế-lực Tưởng cũng có phần nguy-ngập.

Các báo Tàu có nói rằng : Cuộc nội-loạn của Trung-hoa ngày nay mà lợi hại nhất chỉ tại Đường Sinh-Trí mà thôi.

Bởi binh của Đường Sinh-Trí đương đóng theo dọc đường Lũng-hải, nếu Đường chịu giúp Tưởng, thì Tưởng tự có thể cự nổi quân của Phùng Ngọc-Tường ; vì bằng Đường lại giúp Phùng và Trương Phát-Khuê, thì ba đạo binh ba mặt hợp lại giáp-công mà đánh lấy Vũ-Hán, thế-tất Vũ-Hán không sao cự nổi. Vũ-Hán đã mất rồi thì cục-diện Trung-hoa sẽ đổi thay nhiều lắm.

Song cứ như tin gần đây thì Tưởng Giới-Thạch đã hạ-lệnh cho mấy đạo quân đóng ở Quảng-đông phải lập-tức kéo đến Giang-tây để ngăn-ngừa binh Qui-châu ; mấy đạo binh của Tưởng cũng sẽ kéo đến đóng ở Quảng-châu để phòng giữ.

Hiện ở Quảng-tây Lã Hoán-Viêm, Dương Đằng-Huy, Hoàng Quỳnh đều đã phục-tùng Chính-phủ Trung-ương, còn bộ quân Lý Minh-Thụy không đầy vạn người, thế-lực rất yếu. Hiện quân của Lã có một vạn bảy tám nghìn người, quân Quảng-đông kéo sang cũng có hơn ba vạn người, và quân Trung-ương xuống giúp cũng có hơn vạn người, vậy việc loạn ở Quảng-tây quyết không thành vấn-đề. Còn như Du Tác-Bá, Lý Minh-Thụy mong Trương Phát-Khuê kéo đến Quảng-tây, nhưng hiện nay quân Trương đã bị quân Hồ-nam đón đánh mấy trận rất kịch-liệt, thế-lực không còn gì nữa. Chắc rằng không ngoại hai-mươi ngày bọn Trương, Du, Lý phải hoàn-toàn tiêu-diệt cả.

Lã Hoán-Viêm có điện đến Chính-phủ Trung-ương báo-cáo quân trung-ương đã đến Ngô-châu, các nhân-viên

trong các cơ-quan tài-chính đều theo Du, Lý bỏ chạy cả, không có ai chủ-trì, xin mau mau phái viên tiếp nhận. Chính phủ đã hạ-lệnh cho Tổng Tử-Văn phái viên đến Quảng-tây tiếp nhận các cơ-quan tài-chính.

Chính-phủ Trung-ương đã cử Lã Hoán-Viêm làm chủ-tịch chính-phủ Quảng-tây, và cấp cho 50 vạn đồng để làm quân-phí đánh đuổi quân Du Tác-Bá và Lý Minh-Thụy.

Trần Tế-Đường là tổng-chỉ-huy quân Quảng-đông đã tuyên-bố tội-trạng Du Tác-Bá là chủ-tịch Quảng-tây và Lý Minh-Thụy là sư-trưởng thông-đồng với phái phản-động và hưởng-ứng với Trương Phát-Khuê để chống lại chính-phủ Trung-ương. Trần đã đem quân đến Tây-giang để giúp sức Lã Hoán-Viêm đánh dẹp quân Du, Lý.

Hiện quân Du, Lý đã tan chạy đến Ngô-châu.

Trần lại quyết trừ-tuyệt phái phản-động ở Nam-ninh, vì ở đó trừ Du, Lý ra, còn các yếu-nhân về tả-phái như bọn Trần Công-Bác, Hoàng Minh-Nhất, ở trong xui giục, nên không trừ-tuyệt, thì có ngày bọn ấy lại nổi lên.

Lưu Văn-Đảo có điện cho Hà Thành-Tuấn rằng hiện quân Trương Phát-Khuê đã tan chạy ra các nơi ở gần Giới-đình. Trương mà dám làm phản-kháng Chính-phủ Trung-ương như thế là vì chính-phủ muốn khiển-tán sư-đoàn thứ tư, Trương vì muốn giữ địa-vị, nên mới sinh sự ra thế.

Tin ở Trường-sa rằng Trương đã tuyên-bố từ chức, bộ quân giao cho Lý Hán-Hồn thống-suất, Lý đã đầu hàng Chính-phủ, như thế thì việc Hồ-nam giải-quyết cũng không khó gì nữa.

Duy hiện nay thì còn cánh quân Tây-Bắc của Phùng đã phản-động. Cứ như tin Thượng-hải rằng : Phùng Ngọc-Tường đã do đệ-nhị-giới đại-hội tức là cuộc hội do phái cải-tổ lập nên, cử làm tổng-tư-lệnh đạo quân thứ nhất và đạo quân thứ hai. Phùng đã chia quân làm tám tung-đội chia đường tiến đánh Nam-kinh.

Các yếu-nhân về phái Phùng là bọn Lộc Chung-Lân, Lưu-Ký, hiện đang cung chức ở Nam-kinh, vì được tin quân Phùng đã phản-động ở miền Tây-Bắc, đều bỏ chức trốn đi cả. Chính-phủ đã hạ lệnh cách chức và sức cho các cơ-quan trong ngoài phải mật nã.

Chính-phủ Quốc-dân lại hạ lệnh bắt những người trọng-yếu về tả-phái là Trần Công-Bác, Vương Văn-Siêu, Trần Thụ-Nhân, tất cả là hơn hai-mươi người.

Tờ Đại-công-báo ở Thiên-tân mới rồi có phát-biểu bức thông-điện của quân Phùng kể tội Tưởng Giới-Thạch, nội-dung có sáu điều như sau :

1o Tưởng Giới-Thạch làm hại nước nhà, để đến nỗi cả nước trăm việc đang làm đều phải bỏ cả ; chính-phủ cách-mệnh Trung-quốc đã ở dưới quyền thống-trị của đảng quốc-dân, thì đảng quốc-dân nên phải làm đại-biểu cho dân-chúng cả nước, nhưng Tưởng lại một mình giữ lấy chính-quyền, bao-biện hội toàn-quốc đại-biểu lần thứ ba. Tôn Tổng-lý từng nói quốc-gia nên phải là quốc-gia của dân-chúng, mà Tưởng lại lấy quốc-gia làm của riêng mình ;

2o Tưởng dùng người riêng và những người thích-thuộc sung vào các yếu-chức trung-ương để đến nỗi chính-phủ thành ra hủ-bại, lại còn tệ hơn chính-phủ cũ Bắc-kinh ;

3o Nạn-dân các tỉnh tây-bắc có đến hai nghìn vạn người, mà Tưởng không hề có quan-tâm đến, và từ sau khi chấp-chính, lạm phát một sô công-trái là bốn nghìn vạn đồng, quốc-dân không biết

là số công-trái lớn-lao ấy dùng làm những việc gì ;

4º Tưởng đối với hết thảy các vị lãnh-tụ có công-lao trong cuộc cách-mệnh, đều dùng võ-lực để trừ đi, để đến nỗi nạn chiến-tranh cứ lan ra mãi trong mấy tỉnh ;

5º Cái kế-hoạch tài-binh của Tưởng chỉ là tài-binh của người khác, mà thêm thực-lực của quân mình ;

6º Đối với vấn-đề Trung-Đông trước khi việc xảy ra, Tưởng đã không có chuẩn-bị, sau khi việc xảy ra, cuộc đàm-phán đã không có thành-hiệu, lại không thể tuyên chiến với nước Nga, ngồi trông cho các nơi bờ-cõi miền đông-bắc bị quân Nga dày vò.

Cuối cùng bức thông-điện ấy xin Diêm Tích-Sơn, Phùng Ngọc-Tường đứng ra chịu trách-nhiệm lớn-lao ấy, để cứu lấy nước nhà, và nói nên đem bốn mươi vạn đại-quân vì nước trừ gian.

Trong bức thông-điện ấy có 27 người ký tên, lại xin Phùng Ngọc-Tường lập-tức đổi Sơn-tây về Thiểm-tây, nhận chức Tây-bắc quốc-dân-quân tổng-tư-lệnh.

Các tướng khởi-nghịch lại có gửi một bức điện-tín cho khắp mọi nơi, yêu-cầu Tưởng Giới-Thạch phải từ chức, và tuyên-ngôn trong một tháng sẽ tới Bắc-kinh để lập một chính-phủ mới.

Quân Tây-bắc cử bộ-quân Tôn Lương-Thành làm tiên-phong, bước thứ nhất định trước đánh chẹn đường Bình-Hán.

Người ta nói quân của Phùng có thể chống cự được bốn tháng.

Viên sư-trưởng sư-đoàn thứ nhất thuộc bộ-hạ Tôn Lương-Thành là Trịnh Đại-Chương đã bỏ Tôn theo Hàn Phục-Cừ. Hàn trước sau vẫn giữ một lòng phục-tùng Chính-phủ trung-ương. Vì Trịnh bỏ đi, nên Tôn Lương-Thành bị kém thế-lực nhiều.

Quân Phùng Ngọc-Tường hiện chia rẽ nhau thành ra ba phái : một là phái Hàn Phục-Cừ, Thạch Hữu-Tam Dương Hồ Thần, Vạn Tuyền-Tài, Mã Anh, tất cả là năm sư-đoàn, hơn mười vạn người, đã thu-biên làm quân quốc-dân, thuộc thẳng về Chính-phủ trung-ương, do trung-ương cấp lương cho ; hai là phái Tống Triết-Nguyên, Tôn Lương-Thành, Thạch Kính-Đình là quân phản-động, đã do chính-phủ trung-ương hạ lệnh thảo-phạt ; ba là bọn Lưu Ức-Phần, Lương Quan-Anh, Trịnh Tâm-Minh thì giữ thái-độ trung-lập, mong thực-hành việc biến-khiển, mỗi tháng cấp cho toàn-bộ là hai trăm vạn đồng.

Các báo ngoại-quốc có phê bình rằng : Quân Phùng Ngọc-Tường phản-động không phải thuộc về vấn-đề chính-trị, chỉ vì đòi lương mà sinh biến. Hiện Diêm Tích-Sơn đứng giữa điều-đình, số phí-tổn bớt quân về đoàn nhị-tập mỗi tháng chừng 20 vạn bạc, đoàn tam-tập mỗi tháng ước chừng 100 vạn, cứ tháng nào cũng phải đủ, thì giặc chẳng đánh cũng yên.

Các tướng mà trước đây không rõ thái-độ ra sao, thì đã đều tỏ tình trung-thành với chính-phủ trung-ương.

Diêm Tích-Sơn công-bố rằng Diêm vẫn bênh vực Chính-phủ trung-ương.

Diêm rất mong hòa-bình, đối với việc phản-động quân tây-bắc hết sức ngăn-ngừa.

Đảng-bộ tỉnh Sơn-tây có phát-biểu lời tuyên-ngôn thảo-nghịch. Hà Thành-Tuấn, Vương Thụ-Hán, Lưu Trấn-Hoa luôn mấy ngày cùng Diêm hội-đàm,

Diêm có nói rằng mình hết lòng ủng-hộ trung-ương, hết thảy mọi việc đều theo như mệnh-lệnh trung-ương cả.

Tôn Khoa có nói Phùng Ngọc-Tường là tên bợm lừa thứ nhất trên thế-giới, quân Tây-bắc phản-động lần này, thực làm trái với cái tâm-lý của người nước, tất là phải thất-bại.

Thái-nguyên-phủ là tỉnh-lỵ Sơn-tây nay trở nên nơi trung-tâm-điểm về việc chính-trị ở Trung-hoa, đại-biểu các nơi đến đấy điều-đình với Diêm Tích-Sơn, vì thời-cục hiện nay ở trong tay Diêm. Mà cái thái-độ của Diêm thì thiên-hạ chỉ-nghi lắm. Hiện Diêm đương hội-nghị với Phùng Ngọc-Tường ở nhà riêng của Phùng, và có tuyên-bố rằng cuộc hội-nghị bốn năm ngày mới xong, ấy thế mà ở phía bắc tỉnh Hồ-bắc thì vẫn đánh nhau.

Mới đây lại có tin Diêm Tích-Sơn cùng quân ở Sơn-tây, Trương Học-Lương cùng quân Phụng-thiên, Trần Điều-Nguyên cùng quân Sơn đông, lại tuyên-bố giữ thái độ trung-lập trong cuộc chiến-tranh của miền đông-nam với miền tây-bắc.

Trương Học Lương vừa rồi có mời các chủ-tịch ở Đông-tam-tỉnh thương-nghị các việc đối-phó với thời-cục. Trương có nói : Chính-phủ trung-ương không phải chính-phủ riêng của một người, nếu có sai lầm, đã có đương-cục chịu trách-nhiệm, và viện Giám-sát tra-cứu. Bản-nhân mong sao việc bối-rối được sớm liễu-kết, nếu không thì đất Liêu-ninh sẽ xin đứng trung-lập để duy-trì cuộc hòa-bình.

Ở Nhật có tin rằng Tưởng Giới-Thạch và Diêm Tích-Sơn không khéo tuyệt-giao với nhau, vì Diêm Tích-Sơn không trừ quốc-dân-quân, mà lại xin đứng làm trung-gian điều-đình, thế ra coi Chính-phủ trung-ương và các tướng khởi-nghịch bình-đẳng với nhau.

Song Tưởng Giới-Thạch vẫn mong rằng nhờ Diêm Tích-Sơn đứng làm trung-gian, sẽ điều-đình được ổn.

Một cơ-quan ở Bắc-bình có tiếp được tin ở Nam-kinh nói rằng : trung-ương đã chia quân làm ba đạo tiến đánh quân Phùng Ngọc-Tường : đạo đông Vương-Kim-Vượng, Thạch Hữu-Tam, Hồ-Phục-Cừ đốc-suất ba sư-đoàn họp ở Trịnh châu, đạo nam thì quân Lưu Trì họp ở thành Tương-dương phía bắc Hồ-bắc, đạo tây quân Dương Xâm do Tứ-xuyên vào Thiểm-tây, cộng 15 vạn quân, dự định một tháng bình-định hai tỉnh Thiểm-tây Cam-túc.

Lại có tin nói rằng Chính-phủ trung-ương cử hai viên tổng-chỉ-huy trong đạo quân đánh Phùng Ngọc-Tường, một là Dưởng Sinh-Trí, hai là Hà Ứng-Khâm.

Lại có tin rằng đối với việc quân Phùng làm phản lần này, chính-phủ trung-ương đã có dự-bị một cách chắc-chắn, hiện do hai đường Lũng-hải, Bình-Hán tiến quân, hai bộ quân của Dưởng Sinh-Trí và Lưu Trì có chừng mười vạn trở lên, đều là quân tinh-nhuệ hùng-kích cả, có thể thu-thập nổi được mặt tây bắc. Tổng-bộ sẽ đặt ở Hán-khẩu hành-doanh đặt ở Tử-châu ; đến khi cần ra, Tưởng sẽ lên mặt trận đốc-chiến.

Tưởng Giới-Thạch triệu-tập bọn Dưởng Sinh-Trí, Hà Ứng-Khâm, Chu Bội-Đức và Cát Kinh-Ân, Du Phi-Dương họp bàn cái kế-hoạch đánh quân Tây-bắc.

Tưởng Giới-Thạch có phát-biểu bài tuyên-cáo tướng-sĩ cả nước, đại-ý nói rằng : Các tướng bạn nghịch thuộc bộ-hạ Phùng Ngọc-Tường, thêu-dệt nên lời, thông-điện vu-hãm Chính-phủ trung-ương, quấy-rối cuộc hòa-bình, phá-hoại nền thống-nhất, ngăn-trở việc biên-khiển, việc đó mà chúng nó

làm, thì đảng ta không còn nên nói đến cách-mệnh nữa, tội chúng nó như thế mà không đánh thì Trung-quốc không mong được trị-an nữa. Các tướng-sĩ vì phải làm cho xong cuộc cách-mệnh, vì phải ủng-hộ Chính-phủ trung ương, vì phải bảo-toàn sự sinh-tồn của quân-đội cách-mệnh và nhân-cách của quân-nhân cách mệnh, kịp nên cùng cái tập-đoàn quân phản cách-mệnh ấy quyết-chiến, người Hán và quân giặc không thể cùng đứng, quân cách-mệnh và quân phản-cách-mệnh không thể cùng còn, nên cùng khan phấn-khởi, cùng đức cùng lòng, trừ tuyệt cái gốc rễ thế-lực của phái phản-động, làm xong cái thiên-chức của quân-nhân cách-mệnh.

Tưởng Giới-Thạch lại có triệu-tập các giáo-quan và học-sinh trường quân-quan chừng vài vạn người, mở cuộc diễn-thuyết huấn-thị, lời nói tỏ ra ý rất đau-đớn. Đại-ý nói hiện nay phái cải-tổ muốn đánh đổ chính-phủ hiện-thời, ngay cho phái ấy lấy được chính-quyền, chẳng như thời-đại phái Vũ-Hán, về nền chính-trị thực-tế, ta chắc cũng không thể làm gì được, chẳng qua chỉ thêm khổ cho dân mà thôi. Hiện nay chính-phủ quốc-dân đối trong ra tay kiến-thiết, đối ngoài hết sức phế-ước, đã dần dần có thành-tích đáng xét, nếu đối với chính-phủ hiện-thời mà có ý không bằng lòng, xin cứ cắt đầu ta trước.

Tưởng diễn-thuyết đến hơn một giờ đồng-hồ, vài vạn người nghe đều cảm-động.

Trung Nga giao-thiệp.— *Việc Trung-Nga xung-đột ở đường Trung-đông đã mấy tháng nay, mà nay vẫn còn lôi-thôi lắm, chưa giải-quyết xong.*

Nào Tàu thì nói Nga trái với điều-ước phi-chiến, Nga thì đổ cho Tàu giúp đảng Bạch-Nga, ai thực ai hư, bộ quốc-tế điều-tra đã rõ cả.

Xét cái ý người Nga thì muốn trước lấy vũ-lực cướp lại đường Trung-đông, nếu đường Trung-đông mà mất, thì Hải-Sâm-Uy cũng nguy, nên thế nào Nga cũng quyết không chịu nhả cái miếng ngon ấy.

Về phương-diện Trung-hoa, nếu đường Trung-đông mất thì Mãn-châu không còn, vậy chẳng lẽ chịu bó tay để cho đất Đông-tam-tỉnh đầm đuối về người Nga hay sao ?

Còn Nhật-bản thì sợ đường Đông-thiết-lộ, nếu Tàu thu về của Nga được, mai sau đường Nam-mãn, Tàu sẽ thu về của Nhật được, nên bề ngoài vẫn nói là đứng trung-lập, mà bề trong kết ngầm mật-ước với Nga, nên lúc thì vận thêm binh sang, lúc thì cản không cho quân Tàu đi nhờ qua đất, chỉ lăm-le chực thu cái lợi ngư-ông.

Có người nói : Việc Trung Nga xung-đột ngày nay tức là cái ngòi dẫn lửa cho cuộc thế-giới chiến-tranh đó.

Cứ như tin-tức ở Liêu-ninh, vấn-đề đường Trung-đông, người Nga lấy việc bảo chướng quyền-lợi làm tiêu-bảng, theo như hai bản hiệp-định Trung-Nga, Phụng-Nga năm 1924 nhận đường Trung-đông làm vấn-đề địa-phương, yêu-cầu Trương Học-Lương ở Cáp-nhĩ-tân hay ở Thẩm-dương mở cuộc Trung Nga hội-nghị dự-bị, chia ra làm hai cấp, do Đông-tam-tỉnh trù-nghĩ phương-pháp, rồi cả hai bên trình báo với chính-phủ trung-ương xét lại rồi cho chấp-hành. Trương Học-Lương nhân lập-tức triệu-tập các yếu-nhân ngoại-giao là Thẩm Thụy-Lân, Thái Vận-Thăng, Chung Tập-Ngũ mở cuộc hội-nghị đối Nga ở Thẩm-dương nghiên-cứu phương-pháp giải-quyết. Bộ ngoại-giao Nam-kinh có đặc-phái

viên Á-châu tư-trưởng là Chu Long-Quang đến Liêu-ninh tham-dự cuộc hội-nghị ấy.

Sứ-quán Bắc-bình có tiếp được tin ở Berlin nói rằng hai phương Trung-Nga đã tỏ ý tạm đình việc động-lác về quân-sự, chính-phủ Đức đứng giữa, điều-đình hai phương đều giữ quốc-giới, không được vượt cõi quấy rối.

Song gần đây lại có tin đích-xác rằng việc chiến-tranh ở mặt Mãn-châu-lý mấy ngày hôm nay lại kịch-liệt hơn. Mọi việc hành-động của Nga bây giờ, chỉ cốt chia rẽ Phụng-thiên và Nam-kinh.

Chính-phủ có tiếp được tin của Hạ Duy-Tùng là công-sứ ở Phần-lan báo rằng quân Nga ở một giải bờ-cõi đã từ năm vạn tăng đến tám vạn, các Hoa-kiều bị cưỡng bách phục-dịch trong quân-đội Nga đãi-ngộ rất tàn-nhẫn.

Có tin người ngoài nói rằng nước Nhật đối với vấn-đề Trung-Nga lần này hai ba lần tuyên-bố là giữ trung-lập, nhưng cứ như tin ở Hải-xâm-ni thường bảo là người Nhật tiếp-tế lương-thực và các vật ngay-hiểm dùng về việc quân cho nước Nga, đều chở qua Đại-liên cả. Xét ra Lữ-thuận và Đại-liên vốn là lãnh-thổ của Trung-quốc, từ sau khi Nhật-Nga chiến-tranh, đổi nhường cho Nhật-bản. Ngày nay người Nga đã cùng Trung-quốc tuyệt-giao, chính-phủ Trung-quốc nên ra tay thu-hồi Lữ-thuận và Đại-liên trước kia do người Nga cướp mất, nay lấy lại ở tay người Nga, cùng người Nhật không có quan-hệ gì. Đó lại là một cách chẹn bớt một đường về việc quân, cũng là cách trực-tiếp gián-tiếp làm bớt nạn chiến-tranh, để duy-trì cuộc hòa-bình ở Đông-Á. Trong quốc-tế đều mong-mỏi chính phủ Trung-quốc dùng cái thủ đoạn cương-quyết để thu-hồi Lữ-thuận, Đại-liên.

Việc loạn ở Palestine. — Đất Palestine trước thuộc đế quốc Thổ-nhĩ-kỳ, nhân cuộc Âu-chiến, nước Thổ bị thất-bại, đế-quốc bị phân-liệt, đất này giao cho Anh bảo-hộ, theo lối « ủy-nhiệm » (mandat) của Hội Vạn-quốc đặt ra. Anh sở-dĩ can-thiệp là vì đất tiếp-cận với vận-hà Suez, rất có quan-hệ cho đường giao-thông của đế-quốc Anh.

Xứ Palestine nguyên xưa là chốn tổ của giống Do-thái (Juifs) mà ngày nay phần nhiều do người Ả-rập (Arabes) ở. Người Do-thái từ khi phân-tán đi ở khắp các nơi, thành một dân-tộc không có nước. Nhưng vốn có tài kinh-tế, khéo lý-tài, ở đâu cũng làm nên giàu-có. Bắt đầu từ năm 1880, trong bọn tri-thức có những người như Moïse Hess, Dr Pinsker, Théodore Herzl, Max Nordau, Mamorek, Zangwill, Weisemann, đứng lên cổ-động xin với Vạn-quốc cho một cõi đất để thu-thập lấy người Do-thái ở các nơi về cả đấy mà khôi-phục cho thành một nước Do-thái mới. Trước đã định xin thực dân ở đông-bộ Phi-châu, rồi lại định ở nam-bộ Mĩ-châu. Kịp đến sau cuộc Âu-chiến, nước Thổ bị thua, các Do-dân trong thế-giới đều chú-mục cả vào đất Palestine là nơi chốn tổ cũ. Nước Anh muốn lợi-dụng cái phong-trào đó cũng công-nhiên hứa cho người Do-thái về mà phục-hồi quốc-thổ. Nhưng mưu đó chẳng qua là một cái mộng hoang-đường, không thể nào thực-hành cho được: gây dựng ra một nước, không phải là một việc sớm trưa có thể làm được, dẫu đất đến ở không có dân-cư nữa còn khó thay, huống là đất đây đã có người ở rồi. Số dân Ả rập ở Palestine có tới ngót 70 vạn người. Còn người Do-thái, vừa người đã ở đấy từ trước, vừa người mới đến ở về sau, chỉ được có trên dưới 10 vạn người. Mà cũng

chỉ thế thôi, chứ không mong hơn nữa, vì Do-thái ở các nơi xem ra cũng không đậm theo lời cổ-động của các nhà lãnh-tụ mà thiên-cư về ở nơi đất cũ, biết rằng việc đó thiên-nan vạn-nan, không thể nào làm cho trọn được.

Nhưng hiện nay tuy người Do-thái là phần ít mà là phần có tư-sản, có thế lực, có liên-lạc với cả thế-giới, người Anh cầm quyền ở Palestine *vẫn có ý vi-nể hơn là người bản-dân Ả-rập, các địa-vị trọng-yếu đều cho người Do-thái chiếm cả. Người Ả-rập thấy người Do-thái đến ở đã lấy làm căm-tức, vì vốn xưa nay không ưa gì giống ấy, nay lại thấy chính-phủ Anh biệt-đãi, bèn nổi lên sát-hại các Do-thái, tàn-phá của-cải, giết tróc người ta, làm dữ quá, khiến cho cả thế-giới phải chú-mục. Mà chính-phủ Anh thì quân-đội hư-háo, ngay lúc đầu không đủ sức mà đối-phó lại, hiện phải cầu cứu-viện ở mẫu-quốc. Việc này thế nào rồi cũng phải dẹp yên, nhưng đảng lao-động mới lên cầm quyền ở nước Anh mà đã phải dụng đến võ-lực để dẹp loạn ở thuộc-địa, thì điều đó cũng là một điều khó nghĩ cho Nội-các Anh vậy.*

Nội-các Briand nước Pháp đổ — *Mới có tin nội-các* Briand *bị đổ ngày 23 tháng 10. Ngay từ khi Nội-các mới lập-thành mấy tháng trước, vẫn đã biết rằng không được bền. Chỉ vì có hội-nghị* La Haye, *cần phải có người quen việc và có thanh-giá trong vạn-quốc để chủ-trương việc ngoại-giao cho nước Pháp, nên khi thủ-tướng* Poincaré *từ chức, ngoại-tướng* Briand *liền lên kế, vẫn giữ y-nguyên cả tòa Nội-các cũ, nghị-viện cũng bằng lòng như thế, cho là để đối-phó với một cái tình-trạng cần-cấp nhất-thời mà thôi. Cho nên hội-nghị* La Haye *xong rồi, hội-nghị hội Vạn-quốc ở* Genève *cũng vừa giải-tán, thời xem ra Nghị-viện với Nội-các đã có ý muốn xung-đột nhau rồi. Sau chỉ nhân có một việc nhỏ mọn (Nội-các xin hoãn lại một việc mà Nghị-viện muốn chất-vấn), đến quyết-liệt, phần đông Nghị-viện bỏ vé bất-tín-nhiệm (số vé chênh nhau có vài chục), Nội-các phải từ chức. Nguyên ở Nghị-viện không có đảng nào là chiếm phần hơn cả, khiến cho Nội các có thể căn-cứ cho vững bền được. Vì ưng cái chính-sách chấn-chỉnh tài-chính của thủ-tướng* Poincaré, *nên mấy đảng hiệp nhau lại để tả-đản cho thủ-tướng, nhưng đó là vì một người, chứ không phải vì một đảng nào, nên người ấy lui về rồi thì các đảng rời-rạc cả. Theo lệ thường, quan Giám-quốc đã cậy ông* Daladier, *lãnh-tụ đảng Cấp-tiến* (Radical) *là đảng có nhiều người hơn ở Nghị-viện, lập Nội-các mới. Nhưng một mình đảng Cấp-tiến cũng không đủ thế-lực mà cầm quyền được, tất phải một là đề-huề với các đảng ôn-hòa, hai là kết-liên với đảng xã-hội. Song xem ra cái khuynh-hướng dưới mạnh hơn, duy không biết đảng xã-hội có thuận hay không. Hiện nay hai bên còn đương điều-đình. Có người nói nếu điều-đình không xong thì có lẽ đến phải giải-tán Nghị-viện và mở cuộc tổng-tuyển-cử mới.*

Việc trong nước

Hội-nghị tài-chính kinh-tế của người Pháp ở Bắc-kỳ. — Theo sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 4 tháng 11 năm 1926, ở các xứ Bảo-hộ như Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-miên, có đặt ra một hội-nghị tài-chính kinh-tế cho người Tây, để đối với viện dân-biểu của người bản-xứ, vì ở các xứ ấy phần dân Pháp xưa nay chưa có đại-biểu để tham-dự các việc công, chỉ trừ ở

Nam-kỳ là thuộc-địa thì dân Pháp cùng dân Nam đều có người thay mặt ở một hội-nghị chung là hội-đồng quản-hạt. Vậy năm nay ở ba xứ Cao-miên, Trung-kỳ, Bắc-kỳ, đều lần lượt bầu hội-nghị tài-chính kinh-tế cho người Tây, và trong khoảng tháng chín tháng mười, sau khi họp hội-nghị dân-biểu người bản-xứ, ở Nam-vang, ở Huế, ở Hà-nội đều lần-lượt họp hội-nghị kinh-tế người Tây. Hội-nghị kinh-tế Bắc-kỳ là họp sau cùng cả.

Buổi khai-hội là ngày thứ ba mồng 8 tháng 10, quan Thống-sứ Bắc-kỳ Robin chủ-tọa kỳ khai-mạc, có đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng, tường-thuật về tình-hình kinh-tế tài-chính Bắc-kỳ.

Trên đầu nói về chức-vụ Hội-nghị mới, là một cơ-quan tư-vấn, của người dân Pháp ở Bắc-kỳ trực-tiếp bầu lên, để giúp chính-phủ Bảo-hộ bàn-bạc các việc công-ích, đối với cuộc sinh-hoạt chung trong bản-xứ có quan-hệ nhiều lắm, và có thể có ảnh-hưởng sâu-xa vậy.

Đoạn rồi kể đến *tình-hình nông-nghiệp trong khoảng 1928 - 1929* — Nông-nghiệp xứ Bắc-kỳ từ mùa hạ năm 1928 đến mùa hạ năm 1929 đại-khái kết-quả được như-ý. Mùa-màng thóc gạo đều được phong-đăng cả, duy có trận bão ngày 30 tháng 7 vừa rồi, ở các hạt duyên-hải, mùa tháng 10 này bị hại nhiều, thóc gạo tích-trữ được từ trước, nay mai phải đem ra dùng hết, mới khỏi được cái nạn đói kém. — Còn các ngô đậu thì thu-hoạch cũng được bình-thường. Những món giống để cung-cấp về việc công-nghệ như thầu-dầu, lạc, thuốc-lá, cũng được như thường, song xem ra không có vẻ tấn-tới hơn trước. Bông thì thu-hoạch kém hẳn mọi năm; nhưng cây sơn thì từ trước đến nay chỉ giống ở một tỉnh Phú-thọ, bây giờ giống lan sang cả Yên-bái Tuyên-quang. Các sở giống cà-phê bị trận bão thiệt-hại nhiều lắm, và hiện cũng không khuếch-trương ra được mấy. Còn các rừng, thì hiện nay chưa thi-hành cái lệ kiểm-lâm mới, chính-phủ vẫn còn theo cái chính-sách cấy rừng lại và đặt ra các khu rừng cấm, hiện nay diện-tích tổng-cộng đã tới 34 vạn 3 nghìn mẫu tây.

Thứ nói đến nghề khai mỏ. — Nghề khai mỏ ở Bắc-kỳ phát-đạt một cách mau-chóng lạ. Tự năm ngoái đến giờ, sự hoạt-động của các nhà thám mỏ lại càng phấn-phát lắm. Trong khoảng 6 tháng đầu năm 1929 số giấy phép cho thám mỏ phát ra tới 2306, đối với cả năm 1928 chỉ có 2245 mà thôi. Hiện đã thấy nhiều công-ti mới lập lên, phần nhiều là chú-ý về các mỏ thiếc về miền Cao-bằng, và mỏ than ở phía bắc miền Đông-triều. Các mỏ Bắc-kỳ trong năm 1928, số sản-xuất trị giá được hơn 17.250.000 đồng, so với số năm 1923 thì là gấp đôi và so với tổng-số cả cõi Đông-dương thì là 9 phần 10 vậy.

Thứ nói đến vấn-đề nhân-công. — Nhân vì kinh-tế phát-đạt, nên vấn-đề nhân-công lại càng quan-trọng và càng nên chú-ý lắm. Chính-phủ mới thống-kê một lần đầu số các thợ-thuyền làm công ở các sở khai-khẩn, sở buôn-bán và sở công-nghệ Bắc-kỳ, thì ước cả thảy được 9 vạn người; trong số đó có chừng 12.000 thợ chuyên-môn. Trong một năm, cũng có lúc số thợ tăng lên đến 13 vạn người, vì các sở mỏ thường có khi phải tạm-thời mộ thêm người làm lên. — Còn xét đến tiền công thợ, thì thấy đại-khái ở Bắc-kỳ, cái suất-số trung-bình cũng không kém gì các xứ khác trong cõi Đông-dương, mà nghiệm ra lại có ý mỗi ngày một tăng thêm lên. Nhân vì số thợ-thuyền mỗi ngày

một nhiều lên như thế, nên chính-phủ đã phải trù-tính các phương-pháp để bảo-hộ cho nhân-công, chính-phủ vẫn coi việc đó làm một việc nghĩa-vụ cần-cấp.

Quan Thống sứ ROBIN nhận xét về vấn-đề xuất-cảng nhân-công về Nam-kỳ Cao-miên cùng ra các thuộc-địa Pháp ở Thái-bình-dương, ngài kể rõ cái chức-vụ của Chính-phủ Bảo-hộ trong việc này, không có trực-tiếp can-thiệp đến việc mộ phu, chỉ kiểm-sát giám-đốc, để khiến cho mọi người được tự-do ứng-mộ, và trong cái thời-hạn ứng-mộ, giữ-gìn bênh-vực cho kẻ lao-công khỏi phải thiệt thòi. Quan Thống-sứ lại nói rằng việc xuất-cảng nhân-công cứ như trong giới-hạn bây giờ thì không có ngăn-trở gì đến việc mở-mang kinh-tế trong bản-xứ cả, không những thế, mà lại có thể giúp để giải-quyết một cái vấn-đề khốn-nạn ở xứ này là vấn-đề dân-mãn, hiện ở mấy tỉnh Trung-châu, cái mật-số người dân mỗi cây-lô-mét vuông cày cấy được có tới bảy trăm người, thật là không lấy đâu mà đủ ăn cho được.

Thứ nói đến việc thông-thương giao-dịch. — Thương-nghiệp ở Bắc-kỳ cũng được tấn-tới như nông-nghiệp và công-nghệ. Trong khoảng từ tháng 7 năm 1928 đến tháng 7 năm 1929, số nhập-cảng tính ra được hơn 185.700 tấn, trị-giá được hơn 1.152 triệu quan tiền tây. Còn số xuất-cảng được hơn 1.566.000 tấn, trị-giá là 547 triệu quan tiền tây. Cứ cái số giao-dịch một cửa Hải-phòng đã hơn 991.000 tấn, sánh với các thương cảng nước Pháp thì đứng vào bậc thứ sáu.

Thứ nói đến việc đạo-lộ giao-thông và việc phụ-trúc đê-bối. — Chính-phủ Bắc-kỳ, nhờ được sổ dự-toán chung Đông-Pháp giúp cho, nên đã sửa-sang được các đường thuộc-địa, và những đường nào xe-cộ đi nhiều, nhất là các xe ô-tô chở chung mỗi ngày một tăng thêm lên mãi, thì đã cho đổ nhựa cả. Lại cầu-cống cũng đặt ra thêm nhiều, có ba cái lớn nhất để nối liền các đường giao-thông lớn. — Lại cũng nhờ sổ dự-toán chung Đông-Pháp giúp cho mà Chính-phủ Bắc-kỳ đã thi-hành được một phần lớn cái chương-trình sửa-sang và phụ-trúc các đê-bối Bắc-kỳ. Trong khoảng ba năm, kể cho đến tháng tám năm 1929, số đê đắp thêm lên được ngót 21 triệu thước đứng, mà bề dài thì tổng-cộng được 9 trăm cây-lô-mét. Cái công-trình vĩ-đại đó để giữ cho dân trung-châu khỏi phải cái nạn ngập-lụt, làm cho hoàn-thành cả, còn phải đến 12 hay 15 triệu bạc nữa. Nhân đây cũng nên nhớ rằng cái lụt năm 1926 hại có tới trên dưới 20 triệu đồng.

Thứ nói đến tình-hình tài-chính. — Quan Thống-sứ ROBIN kể qua về cái chương-trình dẫn-thủy nhập-điền và đặt đèn điện ở các nơi thành-phố, rồi sau cùng nói đến tình-hình tài-chính của chính-phủ Bắc-kỳ. Ngài nói rằng tình-hình này thật có vẻ bi-quan vì tài-sản của Bắc-kỳ với các khoản chi-tiêu hai bên chênh nhau xa quá, điều đó là tại cái chế-độ tài-chính Đông-dương khiến nên như thế, theo chế-độ ấy thì về phần sổ dự-toán Bắc-kỳ chỉ được hưởng-dụng các thuế trực-tiếp mà thôi, còn những thuế gián-tiếp thì sổ dự-toán chung Đông-Pháp thu mất cả, mà chính-phủ Bắc-kỳ không những phải chịu các khoản kinh-phí về việc cai-trị trong bản-xứ mà lại phải chịu các khoản kinh-phí về việc xã-hội, như việc giáo-dục, việc y-tế, chỉ có mỗi ngày một tăng lên chứ không thể giảm đi vậy.

Tuy sổ dự-toán chung có trợ-cấp cho Bắc-kỳ về năm 1930 một khoản 4 737.000 đồng, nhưng mà số ấy cũng chưa đủ, thành ra các khoản chi-tiêu

phải giảm bớt đi nhiều lắm, đến năm sau có lẽ còn thiếu nhiều. Tình-hình nguy-cấp như thế, muốn bổ-cứu cho được, duy chỉ có một cách, là sửa đổi lại cái chế-độ tài-chính Đông-Pháp cho được thích-hợp hơn, nhưng việc này là quan-hệ đến thể-thống toàn-cục Đông-Pháp, phải chính-phủ Pháp mới có thể quyết-định được.

Kết-luận bài diễn-thuyết, quan Thống-sứ ROBIN ngợi-khen cái công-nghiệp của các nhà thực-dân Pháp ở xứ này, nào là chủ đồn-điền, chủ công-nghệ, chủ thương-cục, nào là các tay kỹ-sư đốc-công, thật đã xuất-tài xuất-lực làm cho xứ này được thịnh-vượng.

— Khi quan Thống-sứ diễn-thuyết xong, thì hội-nghị họp lại để bầu tòa trị-sự. Được trúng cử : Nghị-trưởng, ông PAQUIN, là nhà buôn bán, làm Phó-hội-trưởng Hội Thương-mại và phó Đốc-lý thành-phố Hải-phòng; Phó-nghị-trưởng, ông LESTERLIN, là quan cai-trị ; hưu-trí, thư-ký ông BOUSSARD là người làm công sở buôn.

Hội-nghị lại cử ba người đại-biểu lên đại-hội-nghị tài-chính kinh-tế Đông-Pháp. Được trúng cử : ông y-sĩ FOREST, ông trạng-sư BONA, và ông MARCHAND, là chủ sở máy sợi Nam-định.

— Đại-hội-nghị tài-chính kinh-tế Đông-Pháp cũng đã họp ở Hà-nội ngày 22 tháng 10, gồm cả đại-biểu Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-miên, Ai-lao, kỳ sau bản-chí sẽ thuật tường.

Sách mới

Bản-quán tiếp được mấy cuốn sách mới xuất-bản của Nhật-nam thư-quán, 117 Hàng Gai, Hà-nội, xin vui lòng giới-thiệu :

1o — *Thể-thao Tàu* số 3. Sơn-NHÂN thuật. 104 trang, giá 0p.50.

2o — *Lê Đại-Hành* (Lịch-sử tiểu-thuyết). NGUYỄN TỬ-SIÊU soạn. 56 trang, giá 0p. 35

3o — *Sách thuốc kinh nghiệm*. NGUYỄN-AN-NHÂN soạn. 74 trang giá 0p 50.

4o — *Hải-đường hồn* (Nghĩa-hiệp tiểu thuyết). DẬT-CÔNG dịch thuật. 52 trang, giá 0p.30.

5o — *Đinh Tiên-Hoàng* (Lịch sử tiểu-thuyết). NGUYỄN TỬ-SIÊU soạn, 82 trang, giá 0p. 45

Nam-Phong Tùng-thư

MỚI XUẤT-BẢN:

— *Khảo về tiểu-thuyết*, giả 4 hào.

XUẤT-BẢN TRƯỚC :

1o *Văn-minh luận* 4 hào; 2.) *Ba tháng ở Paris*, 4 hào ; — 3.) *Văn-học nước Pháp*, 4 hào ; — 4.) *Chính-trị nước Pháp-quyền* I, 4 hào ; *quyển* II, 5 hào ; — 5.) *Triết-học đạo Khổng*, 5 hào.

ĐƯƠNG IN :

Lịch-sử thế-giới.